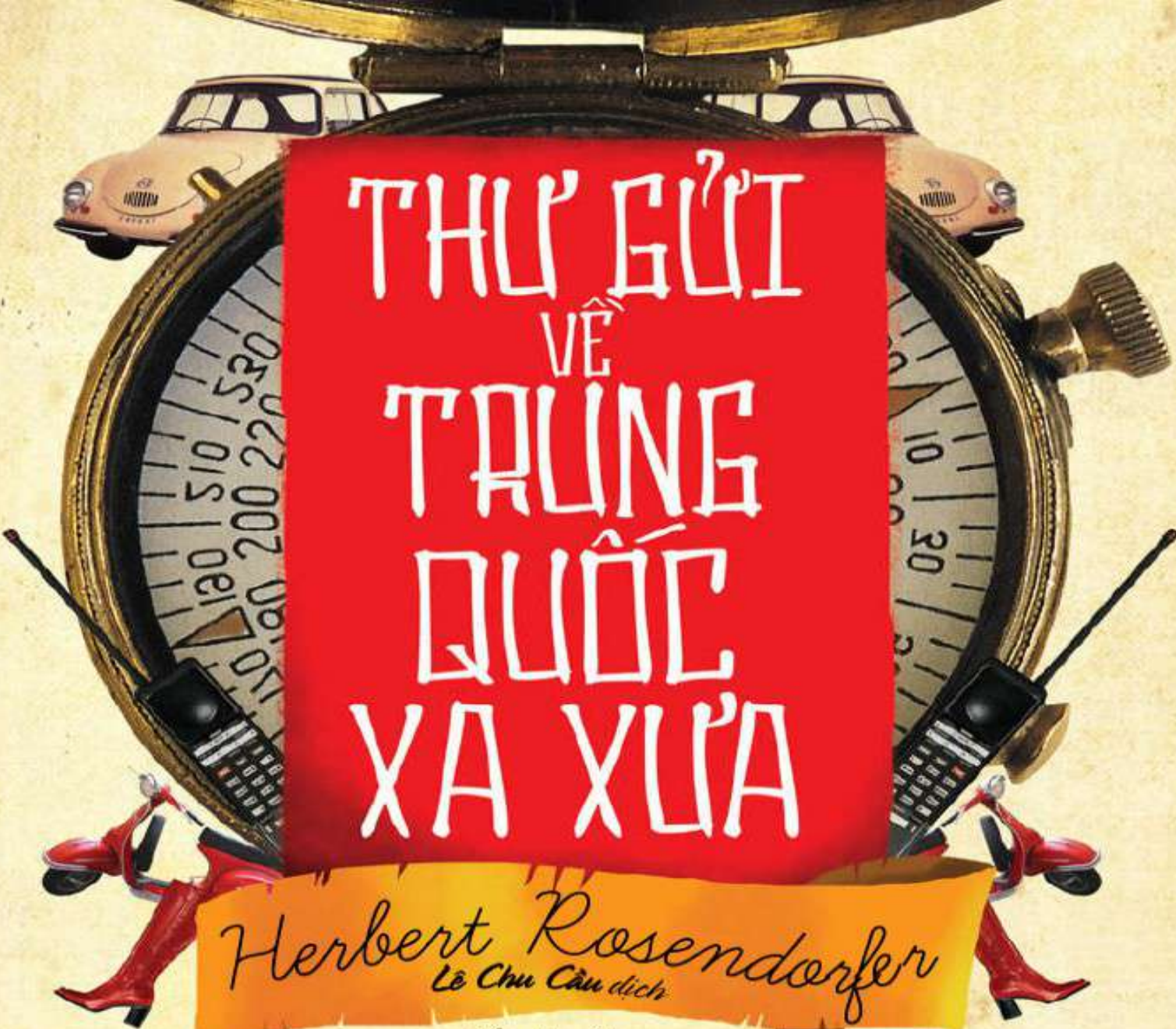




THƯ GỬI VỀ TRUNG QUỐC XA XƯA

Herbert Rosendorfer
Lê Chu Cầu dịch

tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



Herbert Rosendorfer

THƯ GỬI
VỀ
TRUNG
QUỐC
XA XƯA

Lê Chu Cầu dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

epub©vctvegroup

08-12-2017

Lời người dịch

Nguyên tác “*Thư gửi về Trung Quốc xa xưa*” của Herbert Rosendorfer xuất bản lần đầu tiên năm 1983 và được tác giả chỉnh sửa năm 1991 (ấn bản thứ 15).

Năm 2008, nghĩa là chỉ trong vòng hai mươi lăm năm, tác phẩm này đã được tái bản tới lần thứ 37! Một con số rất ấn tượng và đầy thuyết phục!

Nhưng sao không phải “xa xăm” mà “xa xưa”?

Tất nhiên có xa xăm, vì những bức thư này được viết ở Đức và gửi về Trung Quốc. Song “xa xưa” chính vì Cao Đài – một quan tứ phẩm đầu thời Tống (thế kỷ 10) ở Trung Hoa – do hiếu kỳ đã dùng “la bàn-thời gian” du hành một nghìn năm vào tương lai và nơi đáp xuống không phải đế đô Khai Phong như đã tính toán mà là thành phố *Min-chen* ở Đức.

Vì phải chờ tám tháng sau mới tới ngày có thể đáp “la bàn-thời gian” trở về cố hương, Cao Đài buộc phải sống ở Đức và đã viết thư kể cho bạn là Di Ngô về chuyến phiêu lưu cùng nhận xét của mình về con người, phong tục, cuộc sống, lịch sử, chính trị, tôn giáo và văn học của “*bọn mũi lõ*” vào cuối thế kỷ 20.

Tất nhiên Cao Đài không phát âm được chính xác tên người, đất nước, đồ vật trong tiếng Đức nên người dịch mạn phép chua thêm, trong ngoặc, cách phát âm để độc giả nào xa lạ với ngôn ngữ này có thể cảm nhận dễ dàng hơn nét trào lộng của một tác phẩm ý nhị.

Và, vì Cao Đài không thể biết được những thuật ngữ hiện đại của chúng ta như đĩa hát, máy truyền hình (hay TV), giáo hoàng... nên đã sáng tạo ra những từ lạ tai và ngộ nghĩnh như... bạn đọc sẽ thấy.

Cuối cùng, để có thể chuyển được phần nào không khí cổ văn trong ba mươi bảy bức thư của Cao Đài, người dịch mạnh dạn dùng một số từ học lóm từ truyện kiếm hiệp Trung Hoa: đệ, huynh, tại hạ, túc hạ, tiểu nhị, tửu bảo... chỗ nào không thích hợp, rất mong được bạn đọc thể tất.

Tháng 11 năm 2013

Lê Chu Cầu

Lưu ý của tác giả

Những ngày tháng, theo lịch cổ Trung Quốc, trong các thư của viên quan Cao Đài gửi người bạn Di Ngô đã được chuyển sang lịch Âu châu.

Trong phong cách viết thư của người Trung Quốc xưa, những thể thức chào hỏi cuối thư hết sức phức tạp và cầu kỳ nên đã được đơn giản hóa và chỉ dịch theo nghĩa. Trong thư gốc, Cao Đài gọi bạn bằng tên húy và ký bằng tên hiệu, thỉnh thoảng bằng húy danh, song để giản tiện tất cả được thay bằng tên họ.

Thư thứ nhất

(Thứ Tư, 10 tháng Bảy)

Hiền huynh Di Ngô quý mến,

Tương lai là một vực thẳm. Nếu lại phải du hành kiểu này một lần nữa, đệ sẽ vái dài xin kiếu. Sự hỗn mang đen tối nhất cũng không thể nào so sánh nổi với những gì đang chờ đợi nơi giống đáng thương hại của chúng ta. Đệ sẽ quay về tức khắc, nếu được. Đệ cảm thấy bị văng vào một cõi xa lạ lạnh khôn xiết kể. (Tuy ở đây – nơi đệ đáp xuống – cũng đang mùa hè). Hôm nay đệ chỉ viết chừng này thôi: xét về mặt du hành khác thường của mình thì đệ đã đến nơi khá an toàn. Đệ tạm nguệch ngoạc vội mấy dòng này vào mẩu giấy và để vào địa điểm liên lạc mà chúng ta đã giao hẹn. Đệ hy vọng huynh tìm thấy nó.

Thân ái chào huynh.

Cao Đài

Thư thứ hai

(Thứ Bảy, 13 tháng Bảy)

Hiền huynh Di Ngô quý mến,

Tương lai là một vực thẳm. Đệ tin rằng ba ngày trước đã viết cho huynh câu này trên mẫu giấy đặt vào điểm liên lạc; hy vọng huynh tìm thấy nó và không phải lo lắng gì cho đệ. Những gì đệ đang trải qua ở đây khác hẳn những gì hai ta quen thuộc, khiến đệ hoàn toàn không biết nên bắt đầu việc tường thuật như thế nào. Ở đây – đúng ra đệ không được dùng từ “ở đây”, mà phải là “giờ đây”. Nhưng ngay cả từ “giờ đây” cũng xa lạ khôn tả, đến nỗi đệ khó tin nổi rằng “đây” chính là nơi huynh đang sống – gần cách với đệ đúng một nghìn năm. Bây giờ đệ hiểu rằng một nghìn năm là khoảng thời gian mà trí tuệ con người không thể hình dung nổi. Tất nhiên huynh có thể đếm – một, hai, ba... tới một nghìn – và rồi cố hình dung mỗi năm có bao dòng họ suy tàn, bao hoàng đế, bao triều đại đổi thay, bao vì sao chuyển dịch... Nhưng đệ xin được thừa với huynh: một nghìn năm nhiều hơn là quãng thời gian trôi qua. Một nghìn năm là một ngọn núi thời gian khổng lồ, khiến những con chim táo bạo nhất trong trí tưởng tượng của chúng ta cũng không tài nào vượt qua nổi.

Một nghìn năm không phải là “giờ đây” và “hồi đó”. Một nghìn năm là “ở đây” và “ở đó”. Đệ sẽ chọn khái niệm “ở đây”.

Đệ rất sung sướng lại có thể tìm thấy điểm liên lạc để gửi thư cho huynh. Được thế là nhờ có một người đàn ông đã và còn đang giúp đỡ đệ rất nhiều. Đệ sẽ kể thêm về ông ta trong bức thư tới. Không có sự giúp đỡ của con người xa lạ này hẳn đệ sẽ không tìm ra điểm liên lạc, vì kinh đô Khai Phong^[1] của chúng ta đã thay đổi hoàn toàn, khiến đệ nghĩ rằng đây hẳn phải

là một nơi khác. Có lẽ vì con sông đã đổi dòng; bây giờ dường như nó chảy về hướng Bắc. Khai Phong giờ đã lớn khôn trưởng và ồn ào không chịu nổi. Theo như đệ thấy thì chẳng còn chút dấu tích nào của các dinh thự mà ta tưởng đã được xây dựng cho vạn đời sau, còn nhà bình thường thì khỏi nói. Ngay cả những ngọn đồi cũng đã biến đâu mất hết, chỗ nào cũng bằng phẳng, còn nhà cửa lại cao vọt hơn cây cối và lởm chởm như những ngọn núi. Nếu có thấy hân huynh cũng sẽ hoàn toàn không nhận ra được gì đâu. Đệ chịu không hình dung nổi sao mọi thứ lại như thế được. Đệ dám chắc lũ cháu chắt mọi rợ của chúng ta – có thể nói chúng là lũ đốn mạt, đã biến thành thô lỗ – đã san bằng những ngọn đồi ấy. Dường như ngay cả bầu trời của chúng ta cũng đã rút đến một thế giới xa hơn, hầu thoát ra khỏi làn hơi nước mù mịt và muội khói thường trực. Khác nào đệ không chỉ đã chuyển dịch về thời gian mà còn cả nơi chốn nữa.

Đệ đang ngồi trên một tảng đá viết bức thư này. Chung quanh đệ rất ồn ào nhưng chưa đến nỗi nào; cách đây một, hai lý^[2] còn khủng khiếp hơn nhiều. Có lẽ tảng đá này không xa nhà thủy tạ, nơi một nghìn năm và ba ngày trước đệ đã ôm huynh từ già. Chẳng còn thấy bóng dáng nó đâu nữa, chỉ thấy ở đó một dãy nhà xấu xí. Đệ cũng không tìm thấy cả khối đá mà chúng ta đã cho thợ đóng lút trong hoa viên và hy vọng sau một nghìn năm nó sẽ vẫn tồn tại. May mà đệ không buộc phải cần đến những thoi bạc hai ta đã cất giấu trong những hốc khối đá ấy. Năm mươi thoi bạc đệ mang theo hân sẽ đủ để chi dùng. Ngoài ra đệ còn năm chiếc chén vàng chạm trổ mỹ miều dự trữ, phòng khi cấp bách.

Đệ ao ước có thể trở về ngay tức thì nếu được, nhưng đành phải chờ đến thời điểm mà hai ta đã tính toán, nghĩa là còn những tám tháng nữa. Tính hiếu kỳ đã đưa đệ tới với tương lai vô phước và ồn ào này. Hãy cầu nguyện cho đệ trở về mạnh khỏe. Đệ gửi lời thăm đến Tiểu Siêu mà đệ yêu quý nhất, sau huynh.

Cao Đài

Thư thứ ba

(Thứ Tư, 17 tháng Bảy)

Hiền huynh Di Ngô yêu quý,

Đúng thế, đệ đã gặp trong vực thăm này, trong vũng xoáy đen ngòm này của tương lai một *con người*. Không, đệ thấy cần phải công bình với lũ cháu chắt của chúng ta: đệ đã gặp được những *hai* con người và đệ không loại trừ rằng người thứ hai sẽ trở thành bằng hữu của đệ, dù rằng đệ rất dè dặt với từ này – như chính huynh cũng biết. Tuy khi nói ông Shi-shmi^[3] (tên người thứ hai) này cũng găm giữ, nhưng đệ cảm thấy ông ta không đến nỗi xa cách đệ 100000 lý như những người khác, mà chỉ 99999 lý thôi. Ngoài hai người này ra, đệ cảm thấy những người khác đều như những con cua khổng lồ trắng bệch, không giống huynh và đệ hay những kẻ cùng nòi giống với chúng ta. Tất nhiên ông Shi-shmi còn lâu mới hiểu được đệ, nhưng đã giúp đệ hiểu được thế giới xa xôi này của *ông ta*.

Đệ quen ông Shi-shmi trong một tình huống khá rắc rối và tiếc thay cả đau đớn nữa. Rồi huynh sẽ thấy chỉ trong vùn vụt có mấy ngày “trên đường đi” mà đệ đã phải trải qua những chuyện gì. Đệ đang viết thư này trên bàn của ông Shi-shmi, trong nhà ông. Ông hiện đi vắng. Thật may điểm liên lạc không xa đây. Bí lắm thì đệ cũng có thể tự tìm đến đó được.

Trước khi đệ lên đường, chúng ta đã trò chuyện nhiều về cuộc hành trình không phải không nguy hiểm của đệ. Di Ngô quý mến, huynh là người duy nhất biết về chuyến đi này. Hẳn huynh còn nhớ đệ đã coi lời chỉ bảo sáng suốt của Mạnh Tử vĩ đại “Phàm mình muốn quan sát thì không được để chính mình bị quan sát” như một trong những nguyên tắc quan trọng nhất cho dự tính của đệ. Vì thế, như chính huynh thấy, đệ đã chọn cho cuộc hành

trình của mình một bộ y phục hết sức ít lộ liễu, đệ cũng không mang cấp hiệu nào của một vị quan tứ phẩm, thậm chí không cả kim khánh, biểu trưng của Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “*Nhị thập cửu đài tiên nham bích*”^[4] mà đúng ra đệ có bốn phận phải đeo. Đệ không muốn gây chú ý, không muốn bị quan sát. Nhưng mọi lời dặn dò sáng suốt không chỉ riêng của Mạnh Tử, mà của cả quyển “*Kinh Lễ*” đều chẳng giúp đệ được gì trong cái tương lai điên rồ này. Thứ y phục đệ mặc mà chúng ta cho là không lộ liễu, ở đây hóa ra lại hết sức khác lạ, gây chú ý chẳng kém nếu đệ mang xiêm y phụ nữ hay ăn mặc diêm dúa như con chó trong cung cấm.

Chuyến đi thật suôn sẻ và diễn ra chỉ trong nháy mắt, bỏ công chúng ta đã nhiều lần thí nghiệm. Sau khi đệ ôm huynh từ già trên chiếc cầu nhỏ bắc qua “*Kênh Chuông Xanh*”, địa điểm thuận lợi nhất theo sự chọn lựa và tính toán của chúng ta và khởi động mọi việc cần thiết, đệ thấy như được một lực vô hình nâng bổng, đồng thời bị xoay tít như lọt vào một cơn lốc. Vừa mới còn thấy chiếc áo thụng đỏ của huynh lóe sáng, đệ đã rơi ngay vào trong bóng đêm. Chớp mắt sau, đệ, dĩ nhiên có hơi choáng váng, đã lại ngồi trên chính cây cầu bắc qua “*Kênh Chuông Xanh*” ấy. Nhưng mọi thứ đều khác trước; những tòa nhà, những bức tường, những tảng đá mà đệ vừa mới trông thấy giờ đây không còn nữa. Tiếng ồn ào khủng khiếp ập vào đệ. Đệ ngồi bệt xuống đất bên cạnh cái túi du hành mà đệ khư khư giữ chặt. Đệ nhìn cây cối xung quanh, cũng đang là mùa hè như một nghìn năm trước. Một mặt trời xa lạ chiếu trên thế giới này, một thế giới khác thường, lạ hoắc, khiến thoát tiên đệ chẳng hiểu gì hết. Đệ ngồi đấy, khư khư ôm cái túi du hành và nếu có thể được thì đệ sẽ quay trở về tức khắc. Nhưng huynh biết rằng không thể được. Ý nghĩ đầu tiên của đệ là Tiểu Siêu có nhớ đệ chẳng? Đệ sẽ phải đợi cho đến lúc lại được âu yếm nó. Nó phải chờ thôi.

Chiếc cầu – nơi đệ bừng tỉnh hoặc đã tới – khác hẳn chiếc cầu nơi đệ chia tay huynh. Tuy nó vẫn bắc qua “*Kênh Chuông Xanh*”, nhưng không còn bằng gỗ nữa mà bằng đá, dẻo rất thô và hẳn đã được lắp ráp khá cầu thả. Mọi thứ “ở đây” đều cầu thả. Đệ nghĩ: phúc đức sao sau một nghìn năm vẫn còn chiếc cầu tại chính chỗ cũ. Vì sau khi chiếc cầu gỗ cũ mục ruỗng hoặc

gây đổ vì lý do nào đấy, lũ cháu chắt của chúng ta có thể dựng chiếc cầu mới xích lên hoặc dịch xuống chút ít lắm chứ, và nếu thế thì đệ sẽ rơi tõm xuống nước mất; tuy chẳng có gì nguy hiểm vì “Kênh Chuông Xanh” không còn sâu như nghìn năm trước, song hết sức bẩn thỉu. Hầu như mọi thứ ở đây đều vô cùng bẩn thỉu. Bẩn thỉu và ồn ào thống trị cuộc sống ở đây. Bẩn thỉu và ồn ào là vực thẳm mà tương lai của chúng ta đang hướng tới.

Trong một nghìn năm ấy lũ cháu chắt của chúng ta cũng đã bạt mất ngọn đồi phía tây con kênh, vì nhìn đâu đệ cũng đều thấy phẳng lỳ, như đã kể với huynh trong thư trước.

Đệ gắng đứng lên – hoàn toàn choáng váng – đặt túi du hành xuống và nhìn quanh. Theo kế hoạch được hai ta soạn thảo thật tuyệt vời cho những bước đầu của đệ trong tương lai (đệ có thể thừa ngay với huynh: nó đã tỏ ra hoàn toàn không khả thi) thì trước hết đệ phải đến nhà thủy tạ trong khu vườn của huynh và tìm tảng đá hai ta đã cho đóng sâu ngay bên cổng. Đệ mới đi được một đoạn ngắn thì từ nơi mà ngày trước – với huynh là “bây giờ” – vốn là dinh cơ của phu nhân Mã Vương, quả phụ của quan giám sát săn bắn hoàng gia, huynh chớ giật mình nhé, một gã khổng lồ đang đi ngược lại, áo quần màu xám ngoét trông rất khôi hài – điều này đệ cũng sẽ đề cập đến sau – da mặt y màu nâu vô cùng bệnh hoạn, song đáng chú ý nhất là một cái mũi khổng lồ, lớn không tưởng tượng nổi. Đệ có cảm tưởng cái mũi chiếm hết nửa phần thân thể y. Nhưng ánh mắt y, theo đệ thấy, không phải không thân mật. Y định qua cầu, nhưng đã đứng khựng lại khi nhìn thấy đệ. Đệ vẫn chưa đoán đúng được nét biểu lộ trên gương mặt của lũ cháu chắt chúng ta. (Chúng khác chúng ta đến nỗi đệ tự hỏi có thật là chúng đấy chẳng? Có thật chúng là cháu chắt của chúng ta chẳng?) Đệ cố gắng tìm cách phân biệt mặt mũi chúng. Song thiên nan vạn nan, vì chúng trông giống nhau và đều mũi lõ như nhau. Nhưng đệ tin có thể nhận thấy được rằng gã (hay đó là một mụ? Đệ chịu không phân biệt nổi giới tính của chúng) khổng lồ nọ, con người đầu tiên đệ trông thấy sau chuyến viễn du vượt qua một nghìn năm, không có vẻ gì hăm dọa. Có lẽ y cũng sững sốt khi thấy hình

dáng đệ, không khác gì đệ sửng sốt khi thấy hình dáng y. Đệ ôm chặt chiếc túi du hành, tiến lại gần y, cúi chào và hỏi:

“Thưa nam hoặc nữ ngoại nhân cao cả! Kẻ tiểu nhân vô tích sự này là quan tứ phẩm Cao Đài, Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” xin bày tỏ lòng kính trọng đến ngài cùng tổ tiên ngài”. Đệ nghĩ, biết đâu chính mình lại là một trong những tổ tiên của y. “Ngài có thể cho biết phải chăng ngày trước đằng sau bức tường kia là nhà thủy tạ của quan Di Ngô, bằng hữu của tại hạ?”

Gã khổng lồ hần chẳng hiểu điều đệ vừa huyền thuyên. Y nói gì đấy bằng thứ tiếng đệ hoàn toàn không hiểu, nghĩa là y gầm gừ bằng giọng ồm ồm, khiến tí nữa đệ ngã lộn cổ qua thành cầu và hần đệ sẽ bỏ chạy tức khắc, nếu lúc ấy không có thêm nhiều gã khổng lồ nữa xúm lại, trường trường nhìn đệ. Đệ quá đổi tuyệt vọng. Nếu được thì đệ đã chạy trốn ngay về với quá khứ – nghĩa là về với hiện tại của huynh và đệ. Nhưng không được. Đệ phải kiên trì. Thế cũng tốt thôi, vì đó là mục đích chuyển đi của đệ mà. Thành thử đệ ôm chặt túi du hành, đảo mắt dò hỏi xem có ai trong lũ chúng hiểu được ngôn ngữ của chúng ta – của con người không.

Chẳng có ai.

Chỉ cần nghĩ rằng chúng ta có thể đọc dễ dàng những sách cổ hàng hai nghìn năm vì ngôn ngữ từ thời tối cổ truyền đến thời chúng ta không thay đổi bao nhiêu, đệ phải kinh ngạc khi thấy tiếng nói của chúng ta sau một nghìn năm lại quá biến đổi đến nỗi đệ chẳng hiểu được một từ nào. Chẳng lẽ lũ khổng lồ nói thứ tiếng gầm gừ này không phải cháu chắt của chúng ta ư? Bọn rợ Hồ phương Bắc đã vượt qua được Trường Thành rồi ư? Chúng đã tràn ngập đất nước ta và làm cỏ dân ta rồi ư? Có lẽ không đúng, vì rợ phương Bắc tuy khỏe và dẻo dai hơn, nhưng nhỏ nhắn hơn chúng ta. Ấy, có thể rồi đệ sẽ lần mò giải đáp nghi vấn này.

Tạm thời đệ đã bập bẹ được vài ba từ của ngôn ngữ tương lai – cả chuyện này đệ cũng sẽ kể sau. Thứ tiếng này cực khó.

Bọn khổng lồ mũi lõ đang bu quanh đệ (huynh hãy yên tâm: chúng không phải khổng lồ thật đâu, mà mọi người “ở đây” đều cao lớn hơn chúng ta xưa nay quen thấy) tranh nhau hét lớn. Nếu mơ thấy cảnh này, hẳn huynh sẽ nghĩ đã lọt vào giữa một bày quỷ sứ đang lớn tiếng cãi vã. Hẳn chúng đang nói về đệ. Thấy chúng gầm to như thế (lúc ấy đệ chưa biết ở đây người ta luôn gầm gào) nên đệ sợ chỉ lát nữa sẽ xảy ra một trận ẩu đả. Vì thế đệ liền nhân một lúc thuận lợi lén ra và rời khỏi cây cầu. Một con đường toàn bằng đá chạy dọc bờ kênh, qua chỗ mà huynh nhận thư của đệ, nơi huynh nhìn thấy bờ tường ngoài cùng của trại ngựa hoàng gia. Vừa định băng qua đường thì đệ gặp phải một chuyện hết sức khủng khiếp.

Nhưng mà – hãy thứ lỗi cho đệ đã nhảy từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác rồi lộn trở lại, song thật khó sắp xếp ấn tượng theo thứ tự, vì đệ gặp quá nhiều chuyện xảy đến dồn dập trong mấy ngày này – bọn người trên cầu đã không ẩu đả. Chúng ít khi đánh lộn, kể cả đám đẳng cấp hèn mọn. Tất nhiên có thể chúng không đánh nhau trước bàn dân thiên hạ, mà ở nhà. Đệ mới chỉ có thể diễn tả được quá ít bằng thứ ngôn ngữ ở đây nên không hỏi ông Shi-shmi về chuyện này được. Chúng không ẩu đả, nhưng chúng gầm gừ. Chúng luôn luôn gầm gừ, tất cả bọn chúng. Điều này chẳng nói lên được gì. Dĩ nhiên ta phải chiều cố rằng chúng không thể nói nhỏ nhẹ bình thường trong tiếng ồn ào thường trực ở đây, nếu không sẽ chẳng ai hiểu ai nói gì.

Di Ngô thân mến, huynh có thể nào hình dung một cuộc sống thường xuyên phải hét cả ngày lẫn đêm để át tiếng ồn? Huynh không hình dung nổi đâu. Tương lai, Di Ngô thân mến ơi, là một vực thẳm. Nhưng đệ vẫn còn sống.

Đã tới lúc đem thư này tới điểm liên lạc rồi. Cho nên hôm nay đệ kết thúc ở đây. Đệ ôm hạo băng hữu Di Ngô.

Bạn của huynh, Cao Đài

Thư thứ tư

(Thứ Bảy, 20 tháng Bảy)

Bạn vô cùng quý mến,

Ba ngày qua đã có bao chuyện mới, chuyện bất ngờ, chuyện lạ và chuyện không giải thích được ập tới với đệ! Nhưng đệ xin kể tiếp những sự kiện xảy ra ngay sau khi đệ đặt chân tới chốn này.

Con đường đá mà đệ vừa nói và định băng qua ấy thuộc loại có hai hàng cây xấu xí mọc trên hai thảm cỏ èo uột dọc hai bên phải và trái. Những viên đá cũng chỉ được nện cầu thả vào lòng đất nên đường hơi mấp mô. Chỉ cần Thiên tử ngự giá trên con đường ấy một lần thôi thì hần quan thượng thư lục lộ sẽ mất đầu tức khắc.

Đệ vô ý vừa dõm băng qua con lộ thì nghe một tiếng hú rền rĩ, tiếng nghiêng trên đường và tiếng lọc xọc xọc tới (trong thế giới của chúng ta không có tiếng gì để so sánh). Đồng thời một con vật to lớn – đệ chợt nghĩ hay đó là một con quỷ phun ra lửa – ào ào phóng tới nhanh hơn mọi tia chớp, nhanh khủng khiếp, khiến đệ không kịp nhìn thấy đó là con hay vật gì. Nay đệ đã biết qua loa rồi: chúng không phải quỷ, nhưng tối thiểu cũng nguy hiểm như lũ quỷ sứ đối với kẻ mê tín – nhưng lúc ấy tất nhiên đệ hoàn toàn chưa được chuẩn bị. Đệ vừa qua được nửa đường thì con vật phì phò nọ trông thấy đệ, đệ nghĩ thế. Tất cả diễn ra trong chưa đầy một chớp mắt. Hóa ra con quỷ này không nhắm vào đệ, vì nó bật lên một tiếng hú kinh khiếp hơn nữa và tìm cách tránh. Đệ cũng muốn né tránh nên đã nhảy vài bước trở lại cây cầu. Nhưng giống như một con heo rừng đang phóng trong cơn giận dữ tột cùng, con vật (to gấp mười con heo rừng) không thể nhanh chóng chuyển hướng được. Nó vẫn tiếp tục hú, bật ra một tiếng nổ inh tai (mà ta

chỉ có thể tạo ra được khi đốt cùng một lúc toàn bộ kho pháo của Đức Hoàng đế trong buổi lễ đón mừng năm mới), con quỷ chồm lên một thân cây theo như đệ thấy. Rồi đệ ngã nhào xuống đường, bất tỉnh.

Khi tỉnh lại, đệ thấy một đám mũi lõ đông hơn nữa xúm lại, trông gã nào cũng giống gã nào. Tuy đệ được đặt nằm lên một chiếc ghế gỗ dài giữa hàng cây, nhưng hầu như chẳng ai ngó ngang đến đệ. Chúng bu quanh cái cây mà con quỷ chạy nhanh và to gấp mười heo rừng kia vừa leo lên. Không: không phải nó leo lên cây mà khi hơi nhồm người lên đệ thấy nó đã ngoạm chặt vào đấy. Nay đệ biết đó không phải quỷ kiếc gì, cũng chẳng phải heo rừng lớn tựa con rồng, mà đó là một chiếc thiết xa. Nhà ông Shi-shmi ở gần chiếc cầu nọ và từ hôm đó đến nay đệ đã nhiều lần đi qua chỗ này. Đệ e cái cây ấy sẽ chết mất thôi.

Ở đây số lượng những chiếc xe bằng sắt có bốn bánh như thế nhiều đến độ cực kỳ nguy hiểm, nó không cần ngựa kéo mà vẫn chạy nhanh hơn ngựa rất nhiều. Thông thường trong mỗi thiết xa này có một gã mũi lõ ngồi vận một bánh xe bên trong để cố điều khiển nó. Chúng chạy nhanh đến nỗi huynh chưa kịp thấy chúng xuất hiện phía bên phải thì chúng đã mất dạng ở phía bên trái rồi. Không ai có thể đi bộ trên những con đường đá này, số thiết xa nhiều thế đấy. Chúng phóng ào ào hỗn loạn cả ngang lẫn dọc và đệ tự hỏi chúng làm thế nào mà không thường xuyên húc vào nhau. Có lẽ chúng có một phương tiện để đẩy nhau ra như nam châm. Chim sẻ cũng bay từng đàn loạn xạ quanh cây cối, thế mà đệ chưa từng chứng kiến hai con cụng đầu vào nhau. Đệ hình dung như thế đấy về những chiếc xe bằng sắt. Nhưng đệ sẽ dò hỏi chuyện này mới được. Ngoài ra người ở đây gọi những thiết xa ấy là ô-tô. Đó là một trong những từ đầu tiên của thứ ngôn ngữ ồn ào này mà đệ đã học được.

Ngay cả khi không thấy chiếc ô-tô nào cũng chẳng ai dám đặt chân xuống đường. Những vật quỷ quái này nhanh đến nỗi người nhanh nhẹn nhất cũng không đủ thời gian để nhảy tránh qua bên. Cho nên ở hai bên đường người ta đã làm những con đường nhỏ cao hơn đôi chút để bộ hành có thể đi tương đối an toàn trên đó. Trên những con đường nhỏ để đi bộ này người ta cũng

chen chúc và gây huyên náo. Ngược với đường cho thiết xa, đường đi bộ rất hẹp. Đệ suy ra rằng ngồi trong ô-tô là những kẻ cai trị thành phố và hân cả nước này, còn những người đi bộ chỉ là dân quèn.

Nhưng trở lại thứ tự những sự kiện đã xảy ra vào ngày đầu tiên: đệ cố gắng đứng lên. Khi đệ nhận ra nội vụ với chiếc ô-tô ngoạm chặt vào cây, đệ cũng thấy một số chiếc ô-tô như thế bị ghì chặt bên lề đường. Đệ muốn đứng dậy bỏ đi vì nghĩ ngay rằng biết đâu người ta chẳng đổ lỗi cho đệ, kẻ đã gây chú ý tuy vô hại về chiếc thiết xa nọ – giờ đây nó đứng ì ở đó và bốc khói – bị cái cây làm cho ngừng chạy và có thể cái cây đã bị hư hại. Nhưng hai gã khổng lồ áo quần giống nhau màu xanh lục dính quá nhiều cúc bạc đã chú ý tới đệ, như đệ cũng đã thấy chúng, và túm chặt đệ tức thì. Chắc chắn đây là bọn sai nha của đức Hoàng thượng. Nghe giọng điệu chúng gầm gừ – tất nhiên đệ không hiểu chữ nào – là đệ thấy quen thuộc ngay. Đây là điều đầu tiên giống với thế giới đệ thân quen, khiến đệ cảm thấy đầm ấm như ở nhà, cho dù bị chúng túm chặt đau đớn mấy chẳng nữa.

Đệ nói với bọn sai nha: “Thưa các ngài sai nha tôn kính của đức Hoàng thượng! Kẻ hèn mọn như nhược đồng thời vô hại này là quan tứ phẩm Cao Đài, Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích”, phu quân của hai cháu gái của vương phi rục rỡ thứ tư Trang Phủ chẳng may mới vừa tạ thế, người vốn rất được Thiên tử minh quân vô song sủng ái. Xin các ngài mở lượng bao dung và lòng nhân ái hải hà mà kẻ hèn này không xứng đáng được hưởng, thả ngay kẻ hèn này, kéo người bằng hữu của kẻ hèn mọn khôn tả này là quan Pha Cung đầy quyền thế và vô cùng được kính nể (mà kẻ hèn đạo đức như nhược này đồng thời có vinh dự không thể giải thích nổi: được là anh em họ của ngài), bậc thống lĩnh sáng như vầng dương của các sai nha có thể sẽ gây cho các ngài nhiều rắc rối nghiêm trọng mà các ngài chớ nên coi thường, chưa biết chừng các ngài có thể sẽ không còn những cái đầu mỹ miều gần như vô song để đội chiếc mũ màu cánh rừng khi chớm vào xuân của đức Hoàng thượng”. Trong lúc hoang mang đệ quên khuấy – khi đầu óc mất tinh táo thì thói quen vốn chiếm thượng phong mà – rằng người anh em họ Pha Cung “ở đây” đã chết ngòm gần một nghìn năm

rồi và một viên quan khác đang nắm quyền sinh sát trên bọn sai nha và có lẽ đối với y cái tên Pha Cung chẳng nói lên điều gì nữa cả.

Nhưng tất nhiên đẳng nào bọn sai nha cũng không hiểu đệ nói gì. Một gã vẫn găm gù, còn đệ chỉ một mực lắc đầu cho đến khi chúng hiểu rằng không thể trò chuyện gì được với đệ.

Bọn sai nha mũ xanh còn nói gì đấy với nhau một lúc nữa và đệ thấy khuôn mặt bè bè không biểu cảm của chúng lộ vẻ bất lực. Rồi chúng thô bạo lôi đệ tới một chiếc ô-tô đậu gần đấy. Hẳn chúng vô tình thô bạo thôi vì có lẽ bọn sai nha khổng lồ này bí kếp. Bàn tay chúng to như tàu lá dừa và vụng về như ván thùng. Chúng ấn đệ vào một chiếc thiết xa. Quá sợ hãi, đệ áp chặt túi du hành vào người.

Di Ngô thân mến, huynh cần hiểu rằng tất cả những gì này giờ đệ kể đây hết trang này qua trang khác thật sự diễn ra chỉ trong một phần tư giờ, có lẽ ngắn hơn nữa. Những ấn tượng lạ lùng mà đệ cảm nhận được không khác gì một dòng sông âm âm chảy xiết và đệ chỉ nhớ vài ấn tượng rời rạc. Chắc hẳn đệ đã bỏ sót những mối liên hệ quan trọng của những ngày đầu này trong sự hiện hữu của đệ “ở đây”. Nhưng trong tình huống này mấy ai đủ điềm tĩnh giữ nổi đầu óc sáng suốt và có khả năng tiếp thu.

Đệ thấy chống cự lại việc mình bị bắt là vô nghĩa. Đệ hy vọng rằng đức công bình của Hoàng thượng không đến nỗi suy tàn như phong tục “ở đây” nói chung và như thế đệ tự nhủ chẳng có gì để phải sợ. Đệ vô tội mà, và chẳng mục đích chuyển đi của đệ là quan sát. Chúng ta biết trước rằng chuyển đi này rất mạo hiểm, song mới chân ướt chân ráo đến đây đã bị đối xử như tội phạm là điều đệ không ngờ. Nhưng đệ đã quyết định coi đây là kinh nghiệm trong chuyến du hành của đệ vào tương lai.

Chiếc thiết xa, hẳn là xe công vụ của bọn sai nha, chật khùng khiếp, cứ như trong một chiếc kiệu thô sơ. Nhưng dẫu sao cũng có ghế nệm êm ái. Một tên sai nha màu xanh lục ngồi cạnh đệ, tên kia ngồi phía trước, nơi có chiếc bánh lái. Trong xe hơi hám ghê người và khi nó bắt đầu nổ âm âm và loạch xoạch chạy thì đệ lại bất tỉnh. Sau lần ấy đệ đã nhiều lần ngồi ô-tô như

thế, người ta quen dần với mọi thứ mà. Tuy không còn ngất đi vì vận tốc khủng khiếp của nó nữa, nhưng đệ vẫn chưa dám mở mắt khi xe chạy. Khi những ngôi nhà và cây cối bên ngoài vụt qua với tốc độ không còn là của con người bình thường, thì khả năng ghi nhận ấn tượng của đệ như thế bị một cái giũa thật to bào qua giũa lại. Cho nên đệ không loại trừ rằng mọi cảm xúc tinh tế của bọn người “ở đây” bị chiếc giũa to này của tốc độ bào mất sạch. Có lẽ vì vậy mà chúng mới thô kệch như thế.

Hai tên sai nha áp giải đệ đến một tòa nhà rất to và thật tối tăm. Ở đó có nhiều sai nha khác nữa. Dường như trên thế gian này có những điều vẫn tồn tại dù qua hàng nghìn năm. Hồi ba mươi hai tuổi, có lần đệ là thành viên một ủy ban của triều đình đi thanh tra những ngục thất ở Hải Châu, lúc đó đệ mới là quan thất phẩm thôi.

Theo đệ thì điểm đặc trưng tại các nhà giam ấy dường như là một mùi ôi khét nào đấy. Đệ nhận ra mùi này trong tòa nhà đệ vừa bị đưa vào và qua đó đệ biết đấy là một nhà tù. Nghĩ là có những đặc điểm nào đấy của những vật nào đấy tồn tại qua hàng nghìn năm. Hiển nhiên đó không phải là những đặc điểm hay ho nhất cũng như của những vật tốt đẹp nhất.

Trong nhà tù, hẳn cũng là bản doanh của bọn sai nha, đệ bị điệu tới trước một viên quan. Trước đó một tên sai nha đã giật chiếc túi du hành của đệ và lục soát. Khi đệ bị giải qua những lối đi dài, tăm tối, hôi hám thì một sai nha xách chiếc túi nọ của đệ theo; hiển nhiên không phải vì lịch sự.

Đệ chẳng muốn thử chào hỏi viên thượng quan sai nha làm gì. Đệ nín thinh và luôn chỉ hơi khom lưng mỗi khi y nói gì đấy bằng thứ ngôn ngữ ồm ồm, cấm cản như chó sủa của lũ cháu chắt vô phúc của chúng ta. Gương mặt y lộ rõ vẻ bất lực. Đệ phải ngồi trên một chiếc ghế gỗ dài bẩn thỉu. Chiếc túi du hành – hiển nhiên nó vô hại – được chúng đặt cạnh đệ. Vô số sai nha làm như tình cờ đến đấy để chòng chọc nhìn đệ. Đệ phải phì cười dù đang trong hoàn cảnh bị sỉ nhục. Song đệ cũng lúng túng chứ.

Lát sau viên thượng quan nọ quay lại với một gã khác không mang sắc phục sai nha. Gã này – song đệ tin đó là một mục đàn bà – cũng thử trò

chuyện với đệ. Tuy biết mục là người thông dịch, nhưng đệ cũng không hiểu thứ ngôn ngữ của mục thông dịch này nốt. Đệ chẳng thấy sự khác biệt nào giữa những âm tiết của chúng và của mục thông dịch khi nói với đệ. Chúng lần lượt đưa tới khoảng mười thông dịch viên. Mới đầu đệ mơ hồ hy vọng trong đám ấy có được một người hiểu tiếng nói của chúng ta, nhưng đệ nhanh chóng chôn vùi hy vọng này – viên thượng quan sai nha dường như cũng thế.

Đệ không thể cho biết chính xác những chuyện này đã kéo dài bao lâu. Nhưng sau khi bốn viên thông dịch đã hoài công thử với đệ, một viên sai nha hạ đẳng bưng tới cho đệ – chắc chắn là với hảo ý – một cái khay giập bằng sắt; nhìn kỹ một lúc đệ cho rằng trong đó có vài thứ có thể ăn được. Y giúi vào tay đệ một dụng cụ – đến nay đệ đã làm quen với những dụng cụ như thế và sẽ kể sau – cũng giập từ sắt, tên nó là *gan-bal*^[5]. Hiển nhiên ở đây chúng không cảm thức ăn bằng tay mà dùng những *gan-bal* này đưa vào miệng. Vì kích động và cảm thấy khủng khiếp đệ chẳng đói tí nào, lại còn ghê tởm thứ bột lổn nhổn màu xám nhạt (giống cơm của chúng ta thế nào được!) cùng vài miếng đen đen, nhìn gần mới biết là thịt và trên cùng là một lớp màu đỏ, sền sệt. Đệ nhủ thầm: mình du hành vào tương lai không phải để kinh tởm, mà để thu thập kinh nghiệm và quan sát. Thành thử đệ đã ăn chút bột. Chủ yếu nó có vị muối và rất nóng. Nay đệ biết được rằng bọn người “ở đây” – ngay cả những kẻ học thức – nghiện ăn nóng phỏng lưỡi gần như mọi thứ. Chính vì thế chúng phải dùng *gan-bal*. Nếu ăn bằng tay như ta vẫn quen, chúng sẽ phỏng ngón tay. Món thịt dai như quai guốc và cũng nóng.

Đệ ăn tí chút, rồi sau khi tin rằng đã thu thập đủ kinh nghiệm về chuyện ăn uống, đệ khom lưng một phần tám – chỉ một phần tám thôi, vì phẩm trật của viên thượng quan sai nha này hiển nhiên thua kém đệ xa – đưa trả cái đĩa giập bằng sắt và cái *gan-bal*. Khi đệ ra hiệu rằng đệ khát, chúng đem cho đệ một bình thủy tinh với một chất lỏng kinh tởm màu trắng mà giờ đây đệ biết đó không gì khác hơn sữa bò. Đúng thế: sữa của bò. Đệ xây xẩm mặt mày khi vừa mới ngửi, ngỡ ngay rằng chúng định đầu độc đệ. Tên sai nha

mũi lỗ lắc đầu lấy lại bình sữa, đem tới một bình với $\frac{1}{4}$ sheng^[6] nước. Đệ uống. Nước ngon.

Khi viên thông dịch thứ mười đến, đệ cảm thấy như thể mặt trời lại mọc sau một đêm đen tối giông tố bão bùng: viên thông dịch này có khuôn mặt của con người. Tuy y vẫn cao lớn hơn đệ, song không đến mức khổng lồ như hết thầy bọn kia. Nhưng đệ đã thất vọng nào nê: cả y cũng không hiểu được đệ. Đệ cho rằng y là người vùng Nam đảo^[7]. Chẳng lẽ diện mạo con người ở đó lại không đôi khác quá đôi như ở kinh đô bất hạnh của chúng ta? Hoặc đệ đang ở đâu khác chứ không phải kinh đô Khai Phong? Có thể đệ sẽ có cơ hội tìm hiểu điều này. Nhưng ngôn ngữ đã biến đổi đến mức không hiểu được nhau. Cả những chữ đệ viết ra y cũng không đọc được.

Trong khi đó trời đã về chiều. Người ta nhốt đệ – đúng vậy đấy, Di Ngô trung hậu yêu quý ời – người ta đã nhốt bạn của huynh, Cao Đài này, quan tứ phẩm kiêm Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” trong một phòng giam, điều này không làm đệ kích động nữa. Nhưng trước đó đệ phải chịu để chúng tiến hành một vài thủ tục có lẽ là lễ nghi. Chẳng hạn đệ phải nhúng các ngón tay vào mực đen rồi sờ lên một tờ giấy. Có lẽ để trừ tà, ếm quỷ. Rồi đệ vào trong một căn phòng có một tên sai nha sử dụng một cái máy khó hiểu phát ra tia chớp nho nhỏ. Đệ phải ngồi trên một chiếc ghế đầu để sẵn, một lần nhìn thẳng, một lần nhìn sang trái, một lần nhìn sang phải. Mỗi lần như thế ánh chớp lại lóe lên trong cái hộp nọ, nhưng đệ không hề hấn gì hết. Có lẽ đó là ma thuật để chúng tẩy trần. Để phòng hờ, đệ khom hai phần ba người, tất cả ba lần, trước cái hộp chớp chớp ấy. Khi chúng đã mê tín như thế, đệ nghĩ, thì mình nên tỏ ra kính trọng sự mê tín của chúng chứ. Phòng giam rất thiếu tiện nghi, vừa lạnh vừa bẩn vừa hôi hám. Tuy nhiên đệ vẫn ngả lưng trên một chiếc giường gỗ, đắp chiếc chăn thô màu nâu. Đệ thiếp đi – nhưng trước đó đệ đã thở dài nghĩ đến huynh, hảo bằng hữu của đệ, đến Tiểu Siêu dễ thương yêu quý (nó thường hay ngủ chung giường với đệ), đến chiếc gối lụa màu xanh ở nhà và tấm chăn màu nghệ che chở những giấc mơ của đệ. Đệ đã qua đêm đầu tiên nơi thời gian xa xôi này trong ngục tù như thế đấy. Ấu đó cũng là một kinh

nghiệm. Có lẽ đó là sự hạ nhục tồi tệ nhất mà đệ đã gặp phải trong chuyến du hành này. Nhưng việc đệ phải nếm mùi nhục nhã ngay từ đầu có thể lại là may. Đệ không đánh mất hy vọng rằng mình có thể sẽ có được những kinh nghiệm hay ho và hữu ích, tuy đôi khi cũng đã hoài nghi trong cái hố sương mù về tương lai. Hố sương mù – đúng vậy. Tuy thời tiết tốt, nhưng đệ cảm thấy như đi qua màn sương xám xịt. Sẽ có lúc nào nó tan không?

Đệ đã viết suốt buổi sáng rồi. Ông Shi-shmi vừa bước vào cửa. Ông ra hiệu cho đệ đi theo. Có lẽ bọn đệ đi để nuốt vào bụng cái mà ở đây chúng hiểu là bữa ăn thực. Sau đó đệ sẽ tới điểm liên lạc – đúng giờ rồi – và đặt thư này vào đó, gửi về Trung Quốc một nghìn năm trước. Có thể hôm nay đệ nhận được thư của huynh.

Đệ nghĩ tới quá khứ tươi đẹp của hai ta và tới huynh, Di Ngô quý mến nhất của đệ.

Cao Đài

Thư thứ năm

(Thứ Ba, 23 tháng Bảy)

Hiền huynh Di Ngô quý mến,

Đệ lại đang ngồi trong một căn phòng tại nhà ông Shi-shmi; đúng ra không phải là nhà, nhưng đệ sẽ giải thích sau. Ba ngày đã trôi qua kể từ bức thư chót của đệ. Tạm thời đệ ở nhà ông Shi-shmi. Cầu Trời phù hộ ông vì ông là một con người – tuy ông trông không giống như thế. Đệ càng ngày càng hiểu ông hơn. Ông dành cho đệ một căn phòng. Tuy nó nhỏ xíu như lều một gã ăn xin, nhưng đệ đã cảm thấy gần như ở nhà mình rồi, trước hết vì ở đây đệ được mặc thứ y phục quen thuộc của ta, trong khi hể đi ra ngoài là đệ cứ phải lang thang trong một lớp da lòng thùng như ruột heo kinh tởm màu xám mà bọn chúng gọi là *an-tsu*^[9]. Bộ *an-tsu* làm khổ đệ này gồm lắm thứ rắc rối. Người ta mặc vài ba thứ như ruột heo màu trắng, hai ruột heo màu đen ở hai bàn chân, rồi một chiếc quần xám, rồi một áo khoác mỏng với vô số cúc. Áo khoác này (gọi là *hem-hem*^[10] – song có thể đệ không hiểu đúng) người ta nhét trong quần. Cái cổ của chiếc áo khoác mỏng vốn đã gây khó chịu lại được thít chặt bằng cách buộc quanh nó một dải vải mà công dụng thật mơ hồ.

Dải vải này phải đeo lòng thòng ở độ dài nhất định. Nhiều người đàn ông mang dải vải này và đệ phải thừa nhận rằng chỉ nhờ nhìn vào đó mà đệ nhận ra được – tạm thời – rằng người đeo nó là đàn ông, vì phụ nữ không đeo^[10] những dải vải ấy. Chúng có màu sắc khác nhau. Dải vải ông Shi-shmi đưa cho đệ màu đỏ, còn ông đeo một cái màu xanh. Thắt dải vải này là việc cực kỳ phức tạp. Đệ vẫn chưa làm được và ông Shi-shmi luôn phải giúp. Vì đệ hoàn toàn không rõ chức năng của những dải vải này nên đệ cho rằng đó là dấu hiệu của phẩm trật. Đệ mong rằng dải vải màu đỏ tương ứng phần nào

phẩm trật quan tứ phẩm và Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” của đệ. Phải chăng dải vải màu xanh ông Shi-shmi thắt quanh cổ chứng tỏ một thứ bậc thấp hơn? Đệ rối trí vì không biết về thứ bậc nên không thể có cách cư xử đúng mực. Đệ chưa đủ rành ngôn ngữ ở đây nên chưa thể hỏi về những chuyện phức tạp như thế. Đệ rất muốn biết, tuy đệ không tin rằng phẩm trật của ông Shi-shmi cao hơn của đệ và ông khom lưng đáp lễ đệ đúng y như cách đệ khom lưng chào ông. Đệ hy vọng phẩm trật của ông không quá thấp hơn đệ.

Nhưng đệ nghĩ rằng ông đã giúp đệ rất nhiều, đã hữu ích cho đệ đến thế, không có ông đệ sẽ chẳng biết ắt giáp gì nên cho dù nếu ông chỉ là một viên chức mang hàm thập bát phẩm và đã thi trượt kỳ thi hương thứ bảy và kỳ cuối, đệ vẫn yêu quý và kính trọng ông. Trong hoàn cảnh hiện giờ của đệ thì đệ thiên về ý nghĩ rằng phẩm trật và thi hương, thi hội không phải là tiêu chuẩn quan trọng nhất để đánh giá con người.

Nhưng đệ còn lâu mới tả xong bộ *an-tsu*. Người ta còn mặc một áo khoác dày hơn bên ngoài cái quần, áo khoác mỏng cùng dải vải chỉ phẩm trật nọ. Người ta xỏ hai bàn chân vào những cái hộp nhỏ bằng da cứng kinh khủng, lại còn thắt dây khiến không thể nào bước nổi. Bên ngoài mọi thứ ấy, thỉnh thoảng vào những chiều tối lạnh lạnh – mà mùa hè ở đây là thế – người ta choàng thêm một chiếc áo cũng màu xám dài hơn đôi chút. Đóng bộ hết tất cả những thứ ấy vào, người ta chẳng khác gì một đứa bé quấn tã, không cựa cựa nổi. Hai bàn tay thọc vào ống tay áo thụng như cách chúng ta quen thuộc là hoàn toàn không thể. Ở đây người ta thọc tay vào rất nhiều những cái túi trên quần áo ở những chỗ không ngờ nhất. Nhiều hơn nữa, có thể nói nhiều đến mức khôì hài là số cúc của bộ *an-tsu*. Một loạt cúc nhỏ nằm ngay chỗ che hạ bộ, vì thế đệ cho rằng mọi chuyện mê tín này là một thứ ma thuật liên quan đến sự phồn thực.

Đệ lang thang ngoài đường phố như thế đấy. Đành vậy, vì đệ chủ tâm quan sát nên không muốn thường xuyên là đối tượng gây ngạc nhiên về mọi mặt. Đệ chỉ mặc *an-tsu* thôi cũng đã đủ gây chú ý rồi.

Nhưng trước khi tiếp tục trình bày những trải nghiệm trong ngày đầu tiên ở đây, đệ cảm ơn về bức thư tuy ngắn song đậm đà thân ái của huynh. Đệ tìm thấy nó nguyên vẹn ở điểm liên lạc, tuy nhiên không thấy những thoi bạc kèm theo như huynh cho biết. Dường như chỉ những tờ giấy đặc biệt vượt thời gian của chúng ta mới phóng qua nổi một nghìn năm mà không hư hao thối. Thành ra huynh hãy hoãn việc gửi mấy thoi bạc đến tương lai nhé... (thật ngộ nghĩnh khi đệ dùng từ “tương lai” gửi về quá khứ xa xôi đến thế)... mà đệ cũng hoàn toàn không cần tới. Đệ mới chỉ dùng một trong năm mươi thoi đệ mang theo. Ông Shi-shmi đã đổi ra tiền ở đây. (Đệ hoàn toàn tin tưởng ông ấy). Ông đã sắm cho đệ một bộ an-tsu cùng bao nhiêu thứ khác nữa và cho biết – nếu đệ hiểu đúng những cử chỉ của ông – còn thừa nhiều tiền. Thứ đệ cần trong thời gian sắp tới là giấy vượt thời gian, vì thư của đệ gửi huynh khá dài mà lượng giấy dự trữ gần cạn rồi. Vậy lần tới huynh nhớ gửi kèm cho đệ một tệp giấy trắng nhé.

Ngoài ra đệ rất vui vì Tiểu Siêu yêu quý của đệ mạnh khỏe. Nó nhớ đệ khiến đệ mát lòng mát dạ. Đệ cũng nhớ nó. Nếu như được thì đệ đã mang nó theo trong chuyến du hành; nhưng để nó ở nhà thì tốt hơn. Thế giới “ở đây” không thích hợp với tâm hồn nhạy cảm của nó.

Nhưng bây giờ đệ tường trình tiếp nhé: đệ thức dậy khi một tên sai nha mặt mũi cau có nhưng không nham hiểm mở cửa phòng giam, đem cho đệ món điểm tâm trên một cái khay có thể nói là dị hợm, phi nghệ thuật. Sau khi đệ nếm một chút cái khối màu nâu thẫm hắc được nướng cầu thả từ loại bột mặn khiếp (đệ thận trọng không đụng tới thứ chất lỏng kèm theo rất nóng và có mùi hết sức lạ lùng), tên sai nha kia quay lại, vấy đệ bằng chùm chìa khóa. Đệ vượt áo sống chinh tề rồi đi theo y. Y dẫn đệ qua những hành lang dài, ồn ào và bẩn thỉu; mùi hôi hám khiến những người như chúng ta không thể dừng lại lâu, còn bọn ở đây lại chẳng thấy phiền hà gì. Chỉ việc này thôi cũng có thể tổn nguyên một bức thư mới nói hết được. Chính ông Shi-shmi dường như cũng chưa từng biết gì về sự phát minh ra cây nhang.

Người ta dẫn đệ vào một căn phòng lớn hơn đôi chút. Một *người*, phải, một *người* ngồi trong đó, tuy y cũng mang gương mặt – nếu ta có thể nói thế

được – của những con cua khổng lồ ở đây. Đôi mắt y không giống mắt bọn khổng lồ khác. Đệ đoán ngay – và hẳn là đúng – rằng đây là một viên phán quan cao cấp hơn. Mới đầu có vẻ y cũng bối rối trước diện mạo của đệ. Đệ biết làm sao được: giả thử có một người thời nhà Thương^[1] đến với chúng ta, đệ muốn nói là trong thời của chúng ta, thời được Thiên tử, đức Hoàng đế quang vinh và ân đức trị vì, thì đối với chúng ta người ấy cũng lạ lùng và độc đáo không kém một vị khách chẳng hạn từ Tây vực xa xôi, nơi nói thứ ngôn ngữ hơi khác và có những tập tục kỳ quái. Ở đây đệ cũng lạ kỳ như một con thú hiếm – không: như một hòn đá độc đáo. *Chúng ta* biết rõ tên những hoàng đế và những thi sĩ thời quá khứ xa xôi nhất của chúng ta. Bọn ở đây ngày nay chẳng biết gì hết về chúng ta. Đệ có cảm tưởng chúng không những mù tịt về những hoàng đế cùng những thi sĩ nọ, mà còn hoàn toàn không biết rằng chúng có một quá khứ. Đệ không hiểu nổi làm sao mà trong một nghìn năm qua lại nảy sinh một hố ngăn cách tai hại đến thế giữa cháu chắt của chúng ta và chúng ta, tổ tiên của chúng. Song có thể bọn này thật sự thuộc giống người khác, những kẻ đã xâm nhập, xâm lược, xua đuổi và tiêu diệt con cháu chúng ta. Hoặc giả hai ta đã tính toán sai khi chuẩn bị chuyển đi này của đệ? Phải chăng thay vì một nghìn năm, đệ đã du hành một vạn năm vào tương lai? Nếu thế thì có thể sáng tỏ một số điều.

Bọn người không có quá khứ này hạnh phúc hay bất hạnh hơn chúng ta, đệ còn phải tìm hiểu. Tất nhiên việc biết về quá khứ cũng có thể là một gánh nặng. Đệ chỉ không hiểu nổi rằng có thể có một chủng tộc thần nhiên sống đến ngày hôm nay mà không hề ý thức về danh tính của tổ tiên.

Viên phán quan hay viên chức của triều đình nọ cũng đã thử trò chuyện với đệ, tất nhiên hoài công. Đệ chỉ vào mình vài lần và khom lưng ba phần tám thôi – vì đệ đoán phẩm trật viên quan này nhất định thua đệ – và nói: “Cao Đài”. Thật chậm rãi và rõ ràng: “Cao Đài”. Y hiểu, mỉm cười và viết tên đệ vào một tờ giấy để trước mặt (Chúng viết một thứ chữ hoàn toàn không hiểu nổi, nức cười là theo dòng ngang, từ trái sang phải). Sau đó y cho dẫn đệ trở lại phòng giam khiến đệ thất vọng vô biên. Mặc dù vậy, cho đến lúc ấy tâm trạng của đệ thiên về sự tò mò nhiều hơn. Nhưng khi tên sai

nha lẫn nữa khóa cánh cửa sau lưng đệ, đệ trở nên tuyệt vọng. Hẳn là không ai cô đơn như đệ: bị tống ra xa khỏi thế giới của mình cả nghìn năm, bất lực trong sự hỗn loạn của việc không thông hiểu. Đệ có còn tìm ra được địa điểm liên lạc với huynh nữa không? Không, chắc chắn không nếu không được trợ giúp. Ngay cả chiếc ô-tô đã chở đệ đi bao xa đệ cũng chẳng biết nữa... Ai nói được với đệ rằng không phải một nghìn lý? Đệ bất tỉnh trong lúc xe chạy mà. Ngày đó trong phòng giam đệ tưởng đã vĩnh viễn mất điểm liên lạc, mất sợi dây liên hệ duy nhất của đệ với quê hương nghìn năm xa cách. Vâng, còn những tám tháng nữa – nhưng trong tám tháng ấy bằng cách nào đệ có thể tìm lại được cây cầu nhỏ kia trong sự hỗn loạn này, khi mọi trợ giúp bị cắt đứt, trong một thế giới huyền ảo của những con cua mũi lỗ khổng lồ, trong một thế giới không ai hiểu đệ? Đệ tuyệt vọng. Đệ đã tưởng tượng mình – ngay cả khi được thả khỏi nhà tù – lạc bước qua thế giới vô trật tự này, hoài công tìm cây cầu ấy... lỡ làng thời điểm quay về... và thế là đệ bị tống vào cái thế giới mờ mịt này, đứt khoát bị cắt lìa khỏi quê hương mà không cứu vãn được, cắt lìa khỏi tất cả, khỏi huynh, khỏi lũ con của đệ, khỏi Tiểu Siêu yêu quý của đệ... tất cả đã chết từ nghìn năm và – xin lỗi huynh – đã rửa nát, thậm chí sự tưởng nhớ cũng tàn phai.

Đệ ngồi trong phòng giam, đầu óc rối bời, như ngồi trên một chiếc cầu không lan can bên trên một vực thẳm, nghĩ tới một bài thơ của Liễu Tôn Nguyên vĩ đại mà hẳn bọn chúng ở đây cũng không còn biết nữa:

“Khi nào về Bắc, hồi Xuân

Thì xin nhớ ghé đất Tần xa xôi,

Đem vào vườn cũ giùm tôi

Giấc mơ tôi được ở nơi quê nhà.”

Nhưng có gì mà trái tim người không chịu đựng nổi. Đệ ngủ hai tiếng, cũng có thể ba, rồi cửa phòng giam vụt mở và đệ sửng sốt thấy viên phán quan nọ bước vào, kẻ mà đệ đã nhận thấy ở y, trong mức độ nào đấy, một con người. Y vẫn nhớ tên đệ và gọi: “*Hel*^[12] Cao Đài!” “Hel” ở đây là tiếng xưng hô lễ phép. Vì thế đệ lại khom lưng ba phần tám và nói: “Ôi, *Hel* phán

quan được trời gửi xuống, kẻ sâu bọ hèn hạ này xin tri ân về tiếng xưng hô thân mật của ngài. Xin trời ban phước cho tổ tiên ngài, mà có thể tại hạ là một trong số tổ tiên đó”. Tất nhiên y không hiểu, nhưng có thể đoán được ý nghĩa câu nói của đệ, nên đã vỗ nhẹ vai đệ ba lần. Có lẽ đó là một nghi thức tẩy uế. Đệ khom lưng và y chỉ tay vào chiếc cửa mở. Đệ hiểu mình được tự do.

Bức thư hôm nay có bấy nhiêu thôi. Cuộc phiêu lưu thật sự của đệ, đệ cảm thấy thế, bây giờ mới bắt đầu. Ông Shi-shmi đứng chờ bên cạnh từ lúc đệ viết bài thơ trên. Ông biết hôm nay đệ lại muốn đem thư đến điểm liên lạc. Ông Shi-shmi rất ý tứ và đệ tin rằng ông đoán được tâm trạng của đệ.

Cho tới giờ đệ chưa hề đi ra ngoài một mình. Luôn có ông Shi-shmi đi cùng, vì đệ vẫn còn luôn sợ ô-tô, mà từ đây tới cây cầu xa những ba lý. Nhưng đệ không đi lạc nữa rồi. Đệ không lo lắng về chuyện quay về.

Chào huynh, Di Ngô vô vàn thân ái; hãy mau viết cho đệ một bức thư dài hơn.

Cao Đài

Thư thứ sáu

(Chủ nhật, 28 tháng Bảy)

Hảo bằng hữu,

Đệ hoàn toàn không ân hận đã thực hiện chuyến đi này, mặc dù đệ luôn mong nhớ những buổi mạn đàm với huynh vào lúc hoàng hôn, khi thì trong vườn của huynh, lúc trong vườn của đệ và những cử chỉ âu yếm khôn tả của con Tiểu Siêu yêu quý duy nhất của đệ. Đệ thành tâm cảm ơn về bức thư rất cô đọng, có thể nói vô cùng văn hoa, của huynh. Tuy nhiên đệ tha thiết muốn biết người thiếp Phàn Pha, nàng mang thai khi đệ ra đi, đã khai hoa nở nhụy chưa trong những ngày qua, con ngựa non đen đã khỏe lại chưa và nhạc mẫu thứ tư của đệ, bà Tả Chương ngày đệ đi đang hấp hối, còn sống không. Chính thất của đệ đã hết mụn nhọt chưa? Huynh cũng chỉ viết rất sơ sài về con Tiểu Siêu... dấu sao qua thư của huynh đệ cũng biết nó vẫn khỏe.

Đệ không ân hận nữa về chuyến đi vượt thời gian này. Thậm chí đệ còn gần như nghĩ rằng nó thật tuyệt vời, khác với những ý nghĩ u buồn trong những ngày đầu. Đệ đang tận hưởng một tuổi xuân mới. Những gì một thanh niên trải nghiệm qua quãng đời hai mươi năm, đó là biểu hiện của thế giới đối với y, thì nó đã mở ra ở đây với đệ trong một khoảng thời gian ngắn hơn bội phần, mà lại trong sự tỉnh táo cao độ và đệ coi đó là điều hoàn toàn tự nhiên. Đệ nhìn mọi chuyện như một đứa trẻ kinh ngạc, nhưng đệ *biết* mình đang kinh ngạc. Thật tuyệt vời... đệ cảm thấy thế, tuy trời mưa rỉ rả suốt từ hôm kia. Hôm nay ông Shi-shmi và đệ dậy sớm, đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Ông buồn thiu, bảo “*shai-ve-ta*”^[13], hẳn có nghĩa là “mưa dai khiếp”.

Lũ cháu chặt vô cảm của chúng ta – trừ những người có học thức và nhạy cảm như ông Shi-shmi – chẳng thấy phiền lòng vì “*shai-ve-ta*”. Chúng cứ

việc giương dù lên và lang thang trong mưa. Những chiếc ô-tô, dĩ nhiên mưa không lọt vào được vì xung quanh toàn bằng sắt, vẫn phóng ào ào như thường và khi chạy qua vũng nước, chúng làm nước bắn tung tóe như vòi rồng. Chẳng ai phản đối, vì ngồi trong những chiếc xe ấy hẳn phải là những kẻ quyền cao chức trọng. Cái dù dường như là thành quả duy nhất của thời chúng ta đã truyền được đến đời lũ cháu chắt. Qua chiếc dù ta phân biệt được dễ dàng đàn ông với phụ nữ; vì phụ nữ mang dù đủ thứ màu sắc khác nhau, còn dù của đàn ông chỉ một màu đen. Tại sao lại thế, cũng như màu sắc dù của phụ nữ có phải là biểu tượng cho đẳng cấp chẳng thì dĩ nhiên đệ không rõ. Phải chăng người vợ hoặc người thiếp mang dù có cùng màu với dải vải (nay đệ đã biết dải vải này tên là “*kwei-te*”^[14]) của người chồng? Dù của ông Shi-shmi dĩ nhiên màu đen, ông không có vợ.

Sáng nay, lần đầu tiên đệ ra khỏi nhà một mình. Ông Shi-shmi cho rằng (bây giờ bọn đệ hiểu nhau kha khá rồi) đã đến lúc đệ nên như thế. Ông bảo đệ đi tới một ngôi nhà khác, ở đấy có một cửa tiệm. (Đệ tin rằng chủ tiệm là phụ nữ, nhưng không dám chắc vì đệ không thấy người này cầm dù). Như mọi khi, ông Shi-shmi phải giúp đệ đóng bộ an-tsu vì đệ vẫn còn lẫn lộn thứ tự từng thứ một. Có lần đệ thử tự mặc lấy và đã mặc chiếc “hem-hem” ra ngoài áo khoác và xỏ hai chiếc ruột heo co giãn màu đen vào hai hộp da nhỏ có dây buộc thay vì xỏ vào hai bàn chân. Thấy thế, ông Shi-shmi ôm bụng cười ngặt nghẽo. Đấy, đệ phải học mọi thứ như đứa trẻ con.

Nghĩa là sáng nay đệ mặc bộ an-tsu dưới sự giám sát của ông Shi-shmi, cầm dù – vì đệ đã có một cái, tất nhiên màu đen – và rời khỏi nhà. Cửa hàng và ngôi nhà nọ thì đệ biết rồi, vì bọn đệ luôn đi qua đó mỗi khi tới điểm liên lạc. Chỉ phải băng qua một con đường đá thô. Đệ chờ ở lề đường, chăm chú nhìn và nghe ngóng, cho đến khi thấy không chiếc ô-tô khốn kiếp nào chạy tới đệ mới chạy vụt qua. May mắn tới được bên kia, đệ vào cửa hàng và nói câu mà ông Shi-shmi đã rót vào tai đệ. Trong tiếng Hoa, câu này có nghĩa: “Nửa sheng đầu, vui lòng” (“*Li-ti*”^[15] nghĩa là nửa sheng). Nói như thế là quá ngắn gọn (như các bức thư của huynh vậy) và bất lịch sự. Huynh và đệ tất nhiên sẽ nói thế này: “Thưa nữ chủ nhân vô song, vàng dương của khu phố,

xin bà rửa lòng hạ cổ ban cho kẻ tiểu nhân hèn hạ này nửa sheng dầu thơm tựa mặt ong của bà, nếu bà không dùng nó vào việc nào khác tốt hơn và chứng tỏ lòng tốt của bà bằng cách nhận đồng tiền nhỏ nhoi, bẩn thỉu này; dĩ nhiên nó vô cùng không tương xứng với món hàng vô giá của bà, nhất là khi một kẻ rất mực tầm thường như tại hạ dám thốt ra lời yêu cầu ngông cuồng này.” Nhưng một câu như thế trong thứ ngôn ngữ ở đây tất nhiên đệ không thuộc nổi.

Đệ bật ra tùm tùm câu nói ngắn gọn đã được ông Shi-shmi rót vào tai đệ, người bán hàng quả thật đã đưa cho đệ nửa sheng dầu và đệ đặt những đồng tiền ông Shi-shmi đưa lên quầy. Đệ rất tự hào. Tuy người chủ tiệm chòng chọc nhìn đệ như nhìn một con bọ hung lạ hoắc, nhưng bây giờ đệ đã quen rồi. Chủ tiệm găm gào gì đấy với theo mà đệ không hiểu: có lẽ một lời chào. Đệ khom lưng một phần bảy chào lại. Khi đệ đi ra, chủ tiệm theo đến cửa và lại găm gào. Đệ giương dù, nhìn lên trời làm hiệu và nói: “shai-ve-ta!” Thành công mỹ mãn. Chủ tiệm gật đầu cười, hẳn đã hiểu đệ hoàn toàn.

Đệ quay về nhà. Đệ rất tự hào về thành quả của mình và đi hoàn toàn thoải mái, tự tin trên con đường phụ giữa mọi bộ hành, như thế đệ là một người trong bọn chúng. Chợt đệ rú lên, tí nữa đánh rơi chai dầu, vì đệ thấy một hiện tượng hẳn là khác thường nhất mà đệ từng chứng kiến ở đây cho đến nay. Đệ không diễn tả nổi về nó cho ông Shi-shmi – đệ chưa diễn đạt được những điều phức tạp – thành ra đệ không biết nó tên gì. Có vẻ đó là một hiện tượng hiếm hoi, tuy không gây sợ hãi cho những người ở đây. Đó là cảnh một người ngồi trên một chiếc xe hai bánh. Nhưng bánh xe không kề cạnh nhau như ở xe kéo mà cái trước, cái sau. Người lái ngồi trên bánh sau, thế mà nó quay được.

Chính xác như thế nào thì đệ không thể nhận ra. Theo sự suy xét của con người thì chiếc xe kéo này phải lật nhào tức khắc, thế nhưng nó không lật nhào, thậm chí nó chạy nữa cơ, tuy người trên bánh xe – đệ ngờ rằng y là một nhà làm xiếc – hoàn toàn không ngồi yên mà guồng thật nguy hiểm. Chiếc xe hai bánh tuy chậm hơn ô-tô nhiều, nhưng nhanh hơn người chạy. Đệ nhìn theo chiếc xe làm xiếc nọ thật lâu rồi mới quay về nhà ông Shi-

shmi. Ông đứng đợi ở cửa, nghĩa là ông quả thật hơi lo không rõ đệ có may mắn trở về chăng.

Giờ đệ sẽ tiếp tục kể về những phiêu lưu khác trong ngày thứ hai của đệ nơi thế giới xa lạ này.

Viên phán quan thân thiện và nhân đạo không chỉ trả tự do cho đệ, mà trước hết còn dẫn đệ tới ô-tô của ông sau khi đã lo để đệ nhận lại túi du hành. (Đệ nhìn ngay vào túi: cả chiếc la bàn-thời gian lẫn các thoi bạc và tập giấy vượt thời gian vẫn còn nguyên. Dẫu sao bọn sai nha này dường như chân thật). Bọn đệ đi – thỉnh thoảng đệ lại bất tỉnh trong lúc xe chạy – tới nhà viên phán quan. Đệ không loại trừ rằng ông ta, dẫu sao cũng là một kẻ có học thức trong khuôn khổ của sự mọi rợ thống trị ở đây, đoán được gì đấy về phẩm trật của đệ. Đệ không còn là tù nhân nữa, rõ ràng thế, mà là khách của ông ta. Nếu huynh nghĩ rằng nhà viên phán quan hẳn rất giống nhà các quan lớn của chúng ta thì huynh nhầm to. Cứ cho rằng phẩm trật của viên phán quan thân thiện này ngang cỡ Trang Vương, cháu họ của đệ. Nó mới chấp chững trên hoạn lộ và mang hàm cửu phẩm thoi, thế mà đã có, nếu đệ không nhầm, một chính thất, ba thứ thất, sáu hầu thiếp và có lẽ hai mươi hoặc ba mươi nô tì và một dinh thự tuy khiêm tốn, nhưng xinh xắn. Còn viên quan này chỉ có duy nhất một vợ, không nàng thiếp nào, nô bộc tuyệt nhiên không có. (Ông Shi-shmi, như đã nói, không có cả chính thất lẫn hầu thiếp. Lạ lùng thật. Mà ông nào phải tên ăn mày hoặc thầy tu hay bợm nhậu cho cam). Ngôi nhà của viên phán quan tuy bằng đá nhưng rất thô kệch. Vâng, quan niệm thế nào là một ngôi nhà đẹp cũng biến đổi với nền văn hóa. Nhưng quan niệm thế nào là *nhỏ* cũng đổi thay thì đệ hoàn toàn không tin. Hẳn ta nghĩ rằng nhà của bọn khổng lồ ở đây to lớn hơn của ta, tương ứng với thân thể của chúng. Sai bét. Đó chỉ là những hang hốc. Nhà viên phán quan nói chung chỉ bằng nửa cái nhà thủy tạ mà đệ luôn muốn nói rộng, vì những con hồng tước của đệ đã cảm thấy quá chật chội. Nhưng chê bai cũng chẳng ích gì: đệ phải mừng đã tìm được chỗ che thân. Đệ ở nhà viên phán quan hai ngày.

Bức thư ngắn ngủi đầu tiên (đệ viết đôi ba dòng trên chiếc cầu nọ ngay khi vừa “tới nơi”, trước khi trông thấy gã khổng lồ đầu tiên và những cuộc phiêu lưu của đệ bắt đầu) đệ bỏ ngay vào điểm liên lạc. Bây giờ đệ muốn kể chi tiết. Câu hỏi đặt ra là bằng cách nào đệ có thể tìm lại được cây cầu trên “Kênh Chuông Xanh”. Đệ biết rõ rằng chỉ viên phán quan mới có thể đưa đệ tới đó, thành thử muốn hay không đệ cũng sẽ phải chịu để được chở đi bằng ô-tô. Nhưng giải thích cho viên phán quan bằng cách nào? Đệ chưa nói nổi một từ của thứ tiếng ở đây. Thành thử đệ đã cố gắng hết sức diễn màn kịch câm “Hai sai nha bắt giữ quan Cao Đài tôn kính.” Đệ làm điệu bộ diễn tả “Ô-tô nhảy lên một thân cây tại một chiếc cầu.” Đệ lắc lư như chiếc chuông treo ở khung cửa, chỉ vào cây dù màu xanh da trời của bà vợ viên phán quan, rồi nằm xoài trên sàn nhà vung vẩy chân tay... Hoặc đệ không có tài diễn kịch câm, hoặc con kênh này giờ đây không gọi là “Kênh Chuông Xanh” nữa mà đã mang tên khác, nên viên phán quan chẳng hiểu gì hết. Chỉ sau khi đệ diễn lại thật chậm và rõ ràng hai màn kịch câm kia, ông ta mới loáng thoáng vỡ lẽ. Bọn đệ lên ô-tô của ông ta, rồi khi thấy đệ lộ vẻ mừng rỡ lúc thấy lại con kênh cùng cây cầu, viên phán quan mới rõ đệ muốn gì.

Lúc đệ ngồi trên tảng đá nọ, lấy tờ giấy vượt thời gian từ túi du hành và bắt đầu lúi húi viết cho huynh, viên phán quan dĩ nhiên hết sức tò mò muốn biết đệ làm gì ở đây. Ông ta không ngớt đi quanh đệ và nhìn đệ một cách rất bất lịch sự. Phong tục ở đây rất lỗ mãng, đệ đã nói rồi. Nhưng vì ông ta không đọc được đệ viết gì, nên đệ bất chấp. Song trước khi đệ đặt bức thư vào điểm liên lạc và nó sẽ biến mất như có bàn tay phù thủy lấy đi – viên phán quan không hiểu nổi sự kiện này và có thể sẽ đâm ra hãi sợ nếu chứng kiến – đệ làm hiệu yêu cầu ông ta tránh ra xa. Lần này ông ta hiểu nhanh hơn và đủ lịch thiệp để đáp ứng yêu cầu của đệ. Chứ bình thường thì dân chúng ở *Min-chen*^[16] này (thủ phủ của họ) tương đối thiếu lịch thiệp và ý tứ. Ông Shi-shmi, mà đệ ngày một thêm trọng thị, là trường hợp ngoại lệ.

Ông Shi-shmi là một người bạn của viên phán quan. Chiều ngày thứ ba ông đến nhà viên phán quan rồi đưa đệ về nhà ông. Hẳn hai người này đã

thỏa thuận rằng từ đó đệ ở nhà ông Shi-shmi. Nhìn chung, đó quả là may mắn lớn cho đệ.

Ông Shi-shmi, như đệ đã viết, không có vợ lẫn thiếp, không có cả đầy tớ và nhà riêng. Ông ở cùng vô số người khác trong một ngôi nhà cao đến chóng mặt, gồm nhiều căn nhà nhỏ chồng lên nhau và nằm cạnh nhau. Ngôi nhà này thường ồn ào như cái chợ. Để đến những căn hộ riêng lẻ ấy người ta dùng một cầu thang chính lúc nào cũng bẩn thỉu hoặc một cái xe nhỏ độc đáo chạy thẳng đứng, theo mệnh lệnh của một cái nút. (Đệ chưa biết sử dụng cái xe này – nó gọi là *li-lit*¹¹⁷. Ông Shi-shmi làm được). Nhà ông Shi-shmi chỉ có sáu phòng, ba cái rất hẹp. Trong một phòng... chuyện này đệ sẽ kể sau, giữa đệ và ông Shi-shmi có một sự kiện khó ăn khó nói về căn phòng ấy. Ông Shi-shmi cho đệ dùng một trong những căn phòng lớn hơn. Từ đây có thể nhìn xuống con đường đá qua một cửa sổ lắp toàn bằng kính, nhưng chỉ trông thấy những ngôi nhà tương tự khác, cao hoặc thấp hơn và vài cái cây. Đệ ít khi nhìn ra ngoài, vì hễ nhìn là chóng mặt. Một may mắn nữa, lớn khôn xiết kể là nhà ông Shi-shmi cách điểm liên lạc trên cây cầu chỉ khoảng hai lý rưỡi. Chẳng bao lâu nữa đệ sẽ có thể tự đi đến đó và trở về mà không cần có ông Shi-shmi giúp. Có thể đệ sẽ thử ngay lần tới.

Vẫn luôn còn mưa. “Sai-vê-ta”. Người bạn xa xôi trung thành và nhẫn nhục của huynh chào huynh.

Cao Đài Đệ nghĩ đến con Tiểu Siêu với lòng nhớ nhung tha thiết.

Thư thứ bảy

(Thứ Tư, 31 tháng Bảy)

Di Ngô yêu quý,

Bức thư của huynh, cuối cùng huynh đã viết được kha khá dài, như lời chào từ quê hương nghìn năm xa cách đã đem tới cho đệ vô vàn hạnh phúc. Những hàng chữ thân yêu, nhất là những nét chữ quen thuộc của huynh đã khiến đệ ấm lòng khôn xiết, cho dù ở đây mỗi ngày, phải nói là mỗi giờ, đệ đã cảm thấy quen thuộc hơn, gần như ở nhà vậy.

Huynh đừng tiếp tục bận tâm đến chuyện mù thứ thất của đệ (con cá sấu ngu đần ấy!) thường xuyên gấu ó với mấy nàng hầu của đệ. Mù luôn thế đấy. Hề đám vợ con đệ ướm hỏi đệ đang ở đâu, huynh cứ bảo là điều này chẳng liên quan gì đến họ. Việc con ngựa non mãi vẫn chưa bình phục khiến đệ lo lắng. Có lẽ nên mời thú y sĩ Mã Khương từ nước Đại Uyển. Ông ta được coi là tài giỏi nhất. Đừng ngại tốn kém. Tệp giấy vượt thời gian cũng đã đến nơi nguyên vẹn. Chính thất của đệ nên trị mụn nhọt với dầu hạt dẻ. Việc bà nhạc mẫu thứ tư của đệ còn sống khiến đệ rất mừng.

Hơn một tuần nay ông Shi-shmi đã nỗ lực đều đặn dạy đệ học tiếng đến nơi đến chốn. Hào tâm của ông thật đáng ca ngợi; gặp được ông trong cái thế giới hỗn loạn này là điều may mắn khôn lường. Tuy đối với đệ và cho cuộc sống xa vời của đệ sau khi may mắn trở về được với quê hương nghìn năm xa cách – đệ hy vọng thế – việc thấu đáo thứ ngôn ngữ mọi rợ của tương lai xa vời này hoàn toàn vớ vẩn, nếu không nói là vô ích, song dĩ nhiên đệ vẫn hiểu rằng học thứ tiếng này trong hoàn cảnh trước mắt của đệ là điều quan trọng bậc nhất, để hiểu biết chuyện gì xảy ra ở đây chứ không chỉ nhìn thế giới này với đôi mắt lòa của một con cá ngu đần, câm và lười

biếng nhớn nhợ, không bận tâm đến chuyện gì khác hơn là sống sót. Mỗi ngày hai giờ được dành cho việc học ngôn ngữ, một giờ vào buổi sáng, một vào chiều tối. Ông Shi-shmi tỏ ra cố gắng vô cùng và kiên nhẫn tột độ. Đệ tự an ủi rằng qua đó ông cũng có lợi, vì khi dạy ông bắt buộc cũng phải học ngôn ngữ của chúng ta, nghĩa là có qua có lại.

Ông bắt đầu với những khái niệm rất đơn giản. Lúc ấy vào buổi chiều ngày đệ viết bức thư thứ ba cho huynh. Bằng cử chỉ ông ra hiệu cho đệ vào ngồi trong căn phòng lớn nhất căn hộ. (Đệ đoán đó là thư phòng của ông. Thịnh thoảng đệ thấy ông ngồi tại một chiếc bàn gỗ và viết từ trái qua phải). Đệ nhận ngay ra mục đích: ông Shi-shmi đi tới đi lui vài lần, chỉ vào mình và nói: “*tôi đi*”. Rồi ông bảo đệ đi và nói: “*anh đi*”. Đệ lặp lại từng từ một, rồi nói những từ tương ứng trong ngôn ngữ của chúng ta và ông lặp lại. Rồi ông nắm cánh tay đệ, cùng đệ đi vài bước và nói: “*chúng ta đi*”; rồi ông chỉ ra ngoài cửa sổ – đệ bám chặt ông và cố không chóng mặt – vào một bộ hành: “*hắn đi*” vân vân. Bọn đệ mò mẫm học như thế từ những thứ thật đơn giản. Đệ không cần kể chi tiết làm gì. Ông Shi-shmi chỉ vào những vật khác nhau rồi nói tên chúng, đệ lặp lại. Đệ cố viết những từ này bằng chữ của chúng ta và ôn nhẩm giữa hai giờ học. Ông Shi-shmi cũng dạy đệ chữ viết ở đây (đệ chỉ cho ông chữ viết của chúng ta). Tất cả đều rất khó, vì đệ thấy rằng hệ thống ngôn ngữ ở đây khác hoàn toàn của chúng ta. Đệ không thể hình dung nổi rằng nó thoát thai từ ngôn ngữ của chúng ta. Hắn là trong một nghìn năm mà đệ vọt qua ấy đã có những bộ tộc lạ tràn ngập vương quốc và chiếm mất chỗ của con cháu chúng ta. Hay là tuy chúng ta không tính toán sai về thời gian, nhưng sai về địa điểm? Nếu đệ tiến bộ về ngôn ngữ nhanh như bây giờ, chẳng bao lâu nữa đệ sẽ có thể hỏi ông Shi-shmi về điều này. Những khái niệm trừu tượng tương đối đơn giản đệ cũng nắm được rồi: “sáng, tối, lạnh, ấm” vân vân. Rõ ràng càng học thì ngôn ngữ càng dễ dàng và kết quả cao hơn.

Ông Shi-shmi cũng tiến bộ tương tự trong việc học ngôn ngữ của chúng ta, dù nó hoàn toàn xa lạ đối với ông về hệ thống chữ viết. Nhưng ông cũng nỗ lực và rất quan tâm. Ông được lợi nhiều hơn chứ, vì trong khi đệ chẳng

làm gì được với thứ ngôn ngữ lạ lùng này khi đã trở về cố hương thì ông lại có thể đọc những kinh thư chúng ta để lại cho đời sau, nếu chúng tồn tại được với thời gian và tình cờ một quyển nào đấy lọt vào tay ông.

Hôm qua ông Shi-shmi hỏi có phải đệ già lắm rồi không. Đệ xác nhận. Ông mỉm cười bảo ông đoán thế qua thoi bạc đệ đưa hồi mới đến. Thoi bạc đã nghìn năm tuổi. Đệ đã kể rồi: ông ấy đoán được chuyện này đấy.

Về “sáng và tối” cũng có nhiều điều để nói. Trong chuyện này thật khó tin rằng không có trò ảo thuật. Ở đây họ không có nến. Khi trời tối, các căn phòng sáng lên nhờ những diễn biến mà tạm thời đệ hoàn toàn không hiểu. Người ta nhấn vào một cái nút nhỏ màu trắng gắn đâu đó trên tường, thế là cùng lúc ánh sáng phùng lên – không phải ở cái nút ấy, mà đâu đó trong phòng. Sáng hơn trăm ngọn nến. Không chỉ ông Shi-shmi khôn ngoan và viên phán quan mới biết cách, mà *mọi người*: bọn sai nha trong nhà giam, người bán dầu trong cửa hàng, những người khác sống trong tòa nhà này. Thậm chí đệ cũng đã biết. Sau vài lần ngần ngại vì sợ, mấy ngày trước đệ đã thử – kết quả mỹ mãn và hoàn toàn không nguy hiểm. Thế nghĩa là không phải do ảo thuật, ngoại trừ điều này: không có ảo thuật nào cả, vì với mọi hiện tượng đều có lời giải thích tự nhiên, như Trang Tử đáng kính đã khẳng định. Ánh sáng phát ra từ những chiếc đèn lồng hình thù khác nhau, cái bằng thủy tinh, cái bằng giấy, có cái bằng vải, thậm chí bằng gỗ. Ngay cả trên đường phố cũng có những đèn lồng bằng thủy tinh treo trên những cây sào cao – hàng trăm cây. Thành ra ở đây người ta hoàn toàn không biết thế nào là tối thật sự, cũng như họ không biết yên tĩnh nghĩa là gì. Người ta tắt những chiếc đèn lồng này cũng bằng cách ấn nút. Lại có những đèn lồng nhỏ, nút bấm không gắn trên tường mà vào một sợi dây lủng lẳng dưới ngọn đèn. Cạnh giường đệ có một cái như thế. Đôi khi đệ đã có cảm giác như một người dân ở đây: chiều tối lên giường rồi kéo sợi dây gắn nút của chiếc đèn lồng nơi giường ngủ và thế là trời tối – thật ra không tối hẳn, vì những chiếc đèn lồng treo ở đường sáng suốt đêm, rọi qua khung cửa sổ khổng lồ bằng kính kể cả khi đã kéo màn cửa. Mới đầu đệ thật khó ngủ, nhưng nay đã quen dần.

Chúng ta có học thức, sống trong thời đại khai sáng là điều may mắn. Một kẻ ít học trong thời chúng ta, hoặc của những thế kỷ trước, mà được đi du lịch vào tương lai xa xôi này sẽ cảm thấy xung quanh toàn ma với quỷ và mọi thứ không khác trò ảo thuật. Nhưng mà chúng ta biết đã từ lâu, chỉ không nói công khai vì những lý do tôn giáo và chính trị nào đấy thôi, rằng làm gì có quá nhiều quỷ như quần chúng nghĩ và phần lớn những điều dường như là ảo thuật lại có nguyên nhân tự nhiên như đã nói. Theo đệ thấy thì dường như những người sống ở đây trong một nghìn năm qua đã nghiên cứu một cách có hệ thống những nguyên nhân tự nhiên này và sử dụng chúng. Nếu đúng vậy thì đó quả là một thành tích đáng kể của bọn mọi rợ này và vì thế ta cũng nên khoan dung với chúng ở một số điểm. Khoan dung cả với sự ồn ào và bẩn thỉu ư? Đệ chưa rõ.

Đệ biết chúng vẫn còn và luôn tin vào quỷ, nhưng là loại quỷ khác, ẩn sâu sau những sự vật. Ngay cả ông Shi-shmi cũng tin, vì đệ thấy ông thường xuyên cúng kiếng bằng một vật hiến tế nho nhỏ. Vật hiến tế là những cuộn nhỏ màu trắng mà ông ngậm vào mồm và – huynh chớ giật mình – đốt... như người diễn trò nuốt lửa. Nhưng những cuộn nhỏ này không cháy bùng, chỉ âm ỉ thôi, bốc khói và khá hôi. Tuy đã quan sát thật kỹ đệ vẫn không nhận ra ý nghĩa trong những cuộn nhỏ âm ỉ cháy này. (Những cuộn nhỏ này tên là “Tối và sáng”^[18] – có thể đó là tên con quỷ). Nhất định đó phải là một hành động sùng bái. Ngoài ra ông Shi-shmi cũng tỏ ra có kỹ xảo đến mức nguy hiểm và gần như khổ hạnh trong việc cúng tế. Ông ngậm cuộn nhỏ này trong miệng cho đến khi nó chỉ còn bằng đốt ngón tay út của đệ mới thôi. Lúc ấy dường như phép phù thủy (một thần chú?) mà ông khá tin tưởng đã hết thiêng, nên mẫu còn lại bị ông chênh mảng quăng đi. Đệ quan sát thấy cứ khoảng mỗi nửa giờ ông Shi-shmi lại cúng một cuộn như thế. Ông không bao giờ quên. Ông luôn mang theo trong người một gói con đựng những cuộn nhỏ ấy và ông trữ sẵn khá nhiều trong căn hộ.

Đệ hỏi vì sao ông lại làm chuyện hiến tế này. Ông luống cuống thấy rõ. Hẳn ông xấu hổ vì chuyện mê tín của mình. Tuy ông cười, nhưng câu hỏi của đệ đã khiến ông khá lúng túng. “Chính tôi cũng không biết”, ông đáp.

Và ông mời đệ cùng làm chuyện cúng tế đó. Là người đã thoát khỏi sự mê tín, dĩ nhiên đệ từ chối. “Như thế tốt hơn”, ông Shi-shmi nói. Có những lúc – đệ chưa quan sát được khoảng cách chính xác – ông Shi-shmi cúng tế lớn hơn. Các cuộn hiến tế lúc ấy lớn và dài hơn, không trắng mà nâu, âm i cháy được đến nửa giờ và thơm phức. Ông tặng phần cúng tế cho con quỷ “Tối và sáng” hay cho con quỷ nào khác uy lực hơn thì đệ chưa tìm ra được.

Sự mê tín của ông Shi-shmi dường như phổ biến rộng rãi, vì đệ thường thấy tại cầu thang chính, thậm chí trên đường phố, nhiều người vừa đi vừa đốt vật hiến tế. Đệ đã nhiều lần thấy trên vệ đường hình những cái đầu khổng lồ rất thiếu thẩm mỹ: một người mặt sạm nắng, nhe răng trắng ớn đe dọa, tay cầm hoặc ngậm một cuộn nhỏ màu mè rất đậm dùng để đốt hiến tế, còn những cái đầu hoặc hình thù thường to choán đầy bức hình. Đệ chắc chắn mình không nhầm khi cho rằng đây là những chỗ để tưởng niệm những con quỷ nợ. Mới đầu đệ còn khom lưng ba phần tám trước mỗi tấm biển này, không phải vì đệ coi trọng lũ quỷ ấy hay sợ hàm răng đe dọa của chúng, nhưng là người đã thoát khỏi mê tín nên đệ muốn tỏ lòng kính trọng sự thờ phụng xa lạ. Nhưng vì đệ chưa hề thấy tên khổng lồ nào ở đây từng mặc niệm trước một tấm biển thờ quỷ như thế nên bây giờ đệ không còn khom lưng nữa. Đệ không muốn sùng kính lũ quỷ của họ hơn chính họ.

Đệ cũng phải kể một chuyện đã khiến đệ bối rối. Hai ta – Di Ngô vô cùng thân quý và đệ – từ lâu là bạn tâm giao, nên đệ thấy chẳng cần phải giấu giếm huynh câu chuyện bất nhĩ này. Hãn huynh đoán được đệ sẽ viết về chuyện gì – nhưng nói cho cùng thì chuyến du khảo tuy bí mật của đệ vào thời đại xa xôi này nhằm phục vụ khoa học, và để phục vụ khoa học, nhất là phục vụ sự nhận thức thì ta không được phép giấu giếm. Cơ thể yếu ớt và tuyệt đối không hoàn thiện của chúng ta có những chức năng nào đấy đáng ghét cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Đệ không cần phải nói thêm. Trong nhà giam có một cái thùng mà mục đích của nó thật rõ ràng. Mấy ngày liền đệ bị táo bón hành hạ, bệnh cũ ấy mà – hẳn là do kích động, nên chẳng lúc nào đệ phải giải quyết nhu cầu lớn cả. Còn với nhu cầu nhỏ hơn thì đệ giải quyết trong những lúc đi tới điểm liên lạc hoặc những dịp tương tự. Nhưng ở

đây, trong căn hộ thoải mái của ông Shi-shmi, khi ruột của đệ sức nhớ tới nhiệm vụ của nó thì thú thật đệ đứng trước một vấn đề phải nói là hết sức cấp bách...

Đệ chưa hề quan sát thấy ông Shi-shmi giải quyết chuyện này^[19] như thế nào và ở đâu. Khi bị ruột hối thúc, đệ đang ở nhà một mình. Đệ tuyệt vọng chạy quanh khắp căn hộ – càng lúc càng khổ sở hơn vì quá mót. Đệ không tìm thấy cái chậu nào có vẻ thích hợp cho chuyện ấy. Thế là đệ liền đi tới kết luận rằng ở đây thiên hạ giải quyết những chuyện đáng ghét này bên ngoài căn hộ. Đệ chạy bay tới cầu thang chính. Dĩ nhiên chẳng còn thì giờ mặc bộ an-tsu nữa. Vị phu nhân tài giỏi và có lẽ có địa vị cao^[20] lại đang có mặt ở cầu thang (sở dĩ đệ biết được đấy là một phụ nữ vì đã nhiều lần thấy bà cầm dù màu đỏ) – bà có quyền hành gì đấy ở đây, thậm chí có thể là chủ ngôi nhà này, vì đệ thường thấy bà quỳ nơi cầu thang chính, làm những cử chỉ cầu khẩn rất trang trọng, đồng thời dùng giẻ xoa dầu lên cầu thang; bà cũng ăn to nói lớn hơn mọi người trong nhà và lũ trẻ rất sợ. Bà sững sốt nhìn đệ, vì đệ chỉ mặc y phục bình thường chứ không đóng bộ an-tsu. Để ra vẻ bình thường, đệ ít nhất cũng đã cầm theo cái dù. Đệ chạy lên cầu thang. Tận trên cùng, đệ biết, không có ai ở cả. Tới nơi, đệ căng dù tại một góc rồi ngồi khuất phía sau...

Từ đó trở đi đệ thường xuyên làm như vậy. Đệ nghĩ làm thế là đúng. Tuy ông Shi-shmi lộ rõ vẻ ngạc nhiên, khi thỉnh thoảng thấy đệ cầm dù – cả khi trời không mưa – chạy ra khỏi căn hộ, nhưng lúc ấy khả năng hiểu nhau của đôi bên chưa được tốt đẹp như bây giờ để đệ có thể giải thích với ông – hoặc ông giải thích với đệ – về một chuyện mà người ta không dùng từ thô tục, nhưng lựa lời sao cho lịch sự.

Nhưng một ngày nọ, khi đệ vừa mới ngồi khuất sau chiếc dù, phu nhân này thành linh xuất hiện.

Bà kêu la inh ỏi.

Bà chạy ngay xuống gặp ông Shi-shmi và cũng lớn tiếng kêu than rất lâu với ông. Đệ lại phải hết sức chân thành thán phục ông. Ông đã bênh vực đệ.

Trong lúc vị phu nhân này kêu than không khác hổ rống báo gầm, như tiếng sấm động đến nứt cả mặt đất, trong lúc tay bà chỉ lên trên và muốn kéo ông Shi-shmi lên đó, ông – có đủ lý do để tức giận đệ – đã vẫy tay ra hiệu cho đệ lén sau lưng ông vào trong nhà. Vị phu nhân này mù quáng trước cơn thịnh nộ nên đã không nhìn thấy. Sau đó, ông Shi-shmi đưa cho bà một bức thư màu xanh nho nhỏ, tiếng kêu ca của bà liền nhỏ bớt, nhưng liến thoắng hơn. Phải thêm một bức thư như vậy nữa bà mới thôi ta thán và rút lên trên.

Ông Shi-shmi đóng cửa lại. Đệ phải thú nhận rằng đệ biết mình có lỗi như một cậu học trò đã làm điều sai trái nhưng không rõ đó là lỗi gì. Nhưng ông Shi-shmi mỉm cười khiến đệ ấm lòng làm sao. Ông dẫn đệ tới cái phòng nhỏ nhất trong căn hộ (đến lúc đó đệ vẫn không rõ phòng này dùng vào việc gì) và chỉ cho đệ một kiểu nguồn nước chứa trong chậu sứ. Ông vào bếp lấy một vốc vỏ táo mà ông ăn trước đó không lâu, ném vào nguồn nước. Rồi ông giật một sợi dây xích nhỏ: một tiếng ào thật to vang lên khiến đệ giật thót mình và một dòng nước mạnh cuốn đi những vỏ táo kia.

Đây – thế là đệ biết cách người ta giải quyết những thứ thỉnh thoảng gây nặng bụng rồi. Điều đệ chưa rõ là: nguồn nước này trôi đi đâu? Nó chảy xuống dưới, rõ rồi. Đệ đã nghiên cứu mọi thứ kỹ càng... theo như ta có thể xét đoán thì nước và mọi thứ nó cuốn theo phải chảy xuống căn hộ bên dưới. Chẳng bao lâu nữa đệ sẽ đủ khả năng hỏi ông Shi-shmi về điều này. Nhà cửa của người ở đây, từ những vật trang trọng nhất đến những vật tầm thường nhất, đều kỳ lạ và khác thường. Dù sao đi nữa: chỉ khi ta chịu thích nghi với chúng, ta mới có thể làm sáng tỏ ý nghĩa và bí mật của chúng.

Nhưng đệ luôn cố tránh mặt phu nhân nọ. May mà đệ nhận ra được bà, phân biệt được bà với những người khác, vì bà quá mập khiến hai cánh tay cứ thông như vây cá.

Đã đến lúc đệ phải ra điểm liên lạc rồi. Hôm nay là lần đầu tiên đệ ra đó một mình. Đệ không còn sợ sệt gì nữa. Vậy nên đệ chấm dứt bức thư này và chào huynh.

Cao Đài

Thư thứ tám

(Thứ Bảy, 3 tháng Tám)

Di Ngô lão bằng hữu quý mến,

Ba ngày đã qua. Ngày nào đệ cũng tới điểm liên lạc – bây giờ đệ luôn tới đó một mình, chuyện này gần như là đương nhiên rồi – nhưng không thấy thư nào của huynh. Biết huynh bận, có thể huynh bị chứng bệnh thống phong phiền toái làm tình làm tội, song đệ vẫn vô cùng tiếc không được tin gì về tình hình ở nhà. Đệ mong rằng lời chú thích nhỏ mọn này không làm huynh quá động lòng trắc ẩn để phải viết thư cho đệ, dù huynh chưa thật hứng thú. Còn nếu huynh hứng thú, thì xin đừng nén lòng mà hãy nhớ rằng người bạn trung thành của huynh đang thèm khát được biết tin, nhất là con Tiểu Siêu nhỏ bé yêu quý của đệ có khỏe không và nó có nhận cái mũi xinh xinh – nếu có thể nói thế được – khi huynh chuyển tới nó lời thăm hỏi của đệ. Đáng tiếc nó không biết viết, nhưng nó có thể nhúng một trong những móng chân mềm mại vào mực rồi in lên giấy – đệ sẽ có được một lời chào của nó.

Bạn yêu quý nhất ơi, đệ vẫn khỏe. Đệ đi lại, như huynh thấy qua việc đệ một mình từ nhà ông Shi-shmi tới điểm liên lạc, hoàn toàn tự do trong cái thế giới mà đệ càng ngày càng thấy nó lỗ bịch hơn là lạ lẫm. Thịnh thoảng đệ cũng đi dạo. Chẳng hạn mới đây đệ đã đi dọc “Kênh Chuông Xanh” tới dinh vị vua khả kính quá cố của Min-chen rồi theo bên kia kênh trở về. Hôm ấy là một ngày hè ấm áp tuyệt vời. Vô số người đi lại. Một số lững thững đẩy con cái – chúng thường rất to mồm – trong những chiếc xe nhỏ. Nhiều thủy cầm bơi lội trên kênh, đệ biết vài loại, chẳng hạn thiên nga trắng và vịt tía. Đệ thấy như đó là lời chào từ quê hương nghìn năm xa cách.

Dường như ông vua khả kính quá cố của Min-chen có vấn đề gì đấy. Đệ không hiểu hết lời ông Shi-shmi giải thích. Vị vua cuối cùng từng ngự trong dinh này tên Lu-ving và là người thứ ba mang vương hiệu ấy^[21]. Đáng ngạc nhiên là họ không còn thói quen tìm cho mỗi vị vua một vương hiệu riêng như chúng ta. Hai vua khác tên là Ma-ksi-mai-lan^[22]. Vua Lu-ving thứ ba dường như, nếu đệ hiểu đúng điều ông Shi-shmi nói, bị truất phế. Do ai? Điều này đệ không rõ. Vua Lu-ving thứ ba và cuối cùng này mập khiếp (ông Shi-shmi cho đệ xem hình). Ông Shi-shmi kể một giai thoại: Vua mập đến nỗi không tự leo lên lưng ngựa được. Nghe nói phía sau dinh có một bệ máy, một loại cáp tời dùng để nâng vị vua mập này lên lưng ngựa. Nghe đâu có lần ngài còn đang lơ lửng trong lúc dây thả ngài xuống yên, con ngựa đột nhiên quay ngược đầu khiến vua ngồi nghịch hướng. Vua kêu than, nhưng bọn hầu cận ngủ quên không nhận thấy (hoặc do chúng có ác ý), thế là vua cưỡi ngựa ngược chạy nước kiệu qua cổng, làm trò cười cho cả thiên hạ.

Đó có phải là lý do để truất phế vua? Rồi có vua mới không, có một triều đại mới thay triều đại của các vua Lu-ving và Ma-ksi-mai-lan không, đệ không rõ. Ông Shi-shmi – nhân dịp này đã cho đệ biết ngoài tên Shi-shmi, ông còn được gọi là Ma-ksi-mai-lan nữa – đã trả lời tránh né: có và không.

Dẫu sao đệ cũng thấy đáng chú ý rằng ngay cả một người có học thức như ông Shi-shmi đã thất kính thế nào khi nói về một vị vua, cho dù đã bị truất phế và xua đuổi. Sự kiện thần dân to gan mang tên một vị vua, hơn nữa đã quá cố, chứng tỏ họ không mấy tôn kính bậc cai trị. Cho nên đệ không thể và càng không thể hình dung rằng những kẻ đang sống ở đây là cháu chắt của chúng ta. Đằng sau chuyện này hẳn còn điều gì khác nữa. Vua Lu-ving thứ hai, cũng theo lời kể vô cùng phạm thượng của ông Shi-shmi, bị điên và đã tự trầm mình trong một cái hồ^[23].

Trên vua có hoàng đế không và ngài ngự ở đâu thì đệ chưa biết được. Nhưng mọi thứ đệ sẽ hỏi vào lúc thích hợp, khi đệ hiểu khá đủ thứ ngôn ngữ ở đây.

Đúng ra hôm nay đệ muốn kể với huynh về chuyện tiền. Chuyện này cũng kỳ lạ như việc “trút bầu tâm sự” vào một nguồn nước ở trong căn phòng có chiếc chậu sứ. Ở đây thiên hạ tuy cũng có tiền kẽm, nhưng chúng vô giá trị. Chúng làm bằng một hợp kim bạc rất kém chất lượng, hoặc bằng đồng hay sắt. Phương tiện thanh toán trong thực tế là những mảnh giấy. Hẳn huynh còn nhớ hai bức thư màu xanh – lúc ấy đệ nghĩ thế – ông Shi-shmi đã đưa cho phu nhân nọ khi bà phàn nàn về đệ. Đó không phải là thư, mà tiền, tiền dưới dạng giấy, giống như loại trước đây ít lâu vào thời “Ngũ Đại”^[24], người ta đã thử đưa vào nước ta nhưng thất bại. Có tờ xanh lục, nâu và xanh da trời. Đơn vị tiền gọi là – đệ chịu không phát âm nổi – đồng Ma-l-ch^[25]. Ông Shi-shmi kiếm đâu ra các tờ Ma-l-ch thì đệ không rõ. Ông luôn có tờ mới. Không phải ông tự làm, ông bảo thế.

Hôm qua là lần đầu tiên đệ làm quen với những tờ Ma-l-ch khác thường này. Bọn đệ đi xa lắm – bọn đệ nghĩ là ông Shi-shmi và đệ. Huynh nên biết rằng ở đây ngoài những chiếc ô-tô còn có một loại nhà bằng sắt chạy được. Điều nguy hiểm ở những ngôi nhà sắt di động này (ông Shi-shmi gọi là *Ta-mam*^[26], nhưng chúng còn nhiều tên gọi khác nữa mà đệ không nhớ nổi) không phải tốc độ ghê gớm như ở ô-tô, mà là việc lên và xuống. Những ngôi nhà sắt di động Ta-mam này có cửa sổ không mở ra được và những cửa lên xuống tự động đóng mở bằng sự vận hành đầy bí hiểm. Một người chưa hết hẳn mê tín bằng đệ có thể sẽ không nghĩ đến gì khác hơn là trò ảo thuật. Có điều dường như chủ nhân của những ngôi nhà sắt này không thật sự làm chủ được sự vận hành nọ. Đệ có cảm tưởng những cửa ấy đóng hoặc mở như chúng muốn, chứ không theo ý của những người khách trong ngôi nhà. Hơn nữa mọi chuyện diễn ra nhanh đến chóng mặt. Trên đường có những điểm nhất định – nếu đệ hiểu đúng lời ông Shi-shmi – dường như để chiếc Ta-mam chạy tới và ngừng lại. Bọn đệ chờ ở đấy. Trời mưa như nhiều ngày qua. Một lúc sau quả thật con quái vật lặc lè chạy tới. Ông Shi-shmi nắm tay đệ, đẩy lên bậc thang hẹp. Bị làn hơi nước cùng không khí ẩm và hơi hám hắt vào mặt, đệ hoảng hốt len ngược trở ra theo bản năng, nhưng ông Shi-shmi kêu “Hấp là...” và lại đẩy đệ tới trước. Đệ mới vừa ngã lặn vào trong

nhà thì cổng đã đóng ập lại. Người trong nhà cười ầm. Ông Shi-shmi bị chẹt ở cổng. Đệ điếng hồn lo cho sinh mạng ông, nhưng ông không hề hấn gì. Mới đầu đệ nghĩ ông sẽ bị cái cổng nọ chẹt đến nát người.

Nội thất ngôi nhà sắt Ta-mam nghèo nàn và bẩn thỉu. Nó không chia thành phòng. Cả ngôi nhà là một phòng duy nhất có những chiếc ghế dài kê sát vách. Đệ hỏi ông Shi-shmi ai là chủ ngôi nhà Ta-mam để đệ chào, nhưng ông Shi-shmi bảo không cần. Rồi trong lúc đi, ông giải thích cho đệ những mối quan hệ. Chiếc Ta-mam không phải ngôi nhà mà là một loại “xe ngựa” công cộng của vị quan có tấm lòng hào hiệp tràn đầy tựa mặt trời; ông cai trị Min-chen và đã cho dân chúng sử dụng.

Bên trong Ta-mam sáng mờ mờ. Người đứng chen chúc, nồng nặc mùi mồ hôi lẫn mùi nước mưa. Thỉnh thoảng ngôi nhà sắt này lại dừng, khiến chủ khách liên tục bị lắc qua đẩy lại, cứ như động đất thường trực vậy. Đệ có cảm tưởng trong chuyện này người ta đã suy nghĩ không rất ráo. Cứ mỗi lần chiếc Ta-mam ngừng lại là cả đám người chen ra, đồng thời cả đám người khác chen vào. Chẳng ai khom lưng chào hỏi. Sự lễ độ, một lần nữa đệ thấy, đã biến mất hẳn. Bây giờ đệ gần như chắc chắn hoàn toàn rằng bọn mũi lõ không ngớt đi quanh này, ngồi trong ô-tô phóng điên cuồng này, ngồi trong ngôi nhà sắt Ta-mam chạy tới chạy lui này *không phải* là cháu chắt chúng ta. Điều gì khiến chúng không ngớt đi lại thì đệ hoàn toàn không rõ. Đệ không nhận thấy một lý do nào. Đệ ngờ rằng chính bọn mũi lõ cũng không biết luôn.

Di Ngô thân mến, thế này nhé: thỉnh thoảng chính huynh cũng đi lại chứ. Có ngày huynh rời dinh thự của mình, đến thư khố để chiêm nghiệm một bản văn của Mạnh Tử thần thánh; ngày khác huynh ngồi kiệu đến bộ kiến Long nhan; có thể ba ngày sau huynh cùng quý trưởng nam tới Văn miếu hoặc nơi nào tương tự. Cũng có thể thỉnh thoảng huynh đi dạo bên ngoài khu vườn của mình. Đây, đây là nếp sống của một vị quan. Bọn dân đen dĩ nhiên phải đi lại thường hơn. Phụ nữ phải ra chợ mua bán, người bán sơn phải đi gặp khách để giao hàng vân vân. Nhưng ở đây mọi người không ngừng chạy, hết ngang lại dọc, kể cả khi trời tối mà chẳng có mục đích và ý

nghĩa rõ ràng, chỉ vì – đệ không thể phỏng đoán khác – họ thích chạy dọc chạy ngang. Đệ để ý thấy chỉ vào những giờ khuya khoắt mới lắng đôi chút. Ai vẫn còn hơi mê tín chứ chưa được như chúng ta, hẳn sẽ nghĩ là thiên hạ bị quỷ ám.

Để việc chạy hỗn loạn này được dễ dàng hơn, hoặc để tạo ra khả năng chạy hỗn loạn hơn nữa, thiên hạ đã sáng chế ra những ngôi nhà sắt Ta-mam di động, tuy không nhanh bằng ô-tô, nhưng vẫn lẹ hơn người chạy nhiều.

Sau một lúc, ông Shi-shmi giành được hai chỗ trên một chiếc ghế dài và bọn đệ ngồi xuống. Vì đệ đã nhiều lần được ngồi ô-tô phóng nhanh, nhất là đã quan sát cuộc sống hoạt động vùn vụt ở đây (bây giờ), đệ không thấy khó chịu trong ngôi nhà Ta-mam nữa. Thế là sau khi đã cùng ông Shi-shmi tìm được chỗ ngồi trên ghế dài, đệ ngả người ra sau, bất chấp tiếng ồn và mùi hôi, định thọc hai tay vào ống tay áo, nhưng một lần nữa lại nhận ra không thể làm được với thứ y phục vớ vẩn ở đây, liền đặt hai tay lên đầu gối và nhìn ra ngoài qua một trong những cửa sổ to, để thấy một thành phố lớn không hình dung nổi – không thể nói khác được, Di Ngô yêu quý ạ – kéo ngang qua.

Trước đây đệ cứ nghĩ vùng xung quanh Hoàng cung xưa cùng những đường sá và nhà cửa dọc “Kênh Chuông Xanh”, nơi ông Shi-shmi ở, là trung tâm thành phố Min-chen. Đệ nhầm to. Đó chỉ là một vùng ngoại ô tốt ngoài xa thôi. Càng đến gần trung tâm thật sự của Min-chen, nhà cửa càng cao hơn. Nhà nào cũng bằng đá, đường phố cũng vậy. Hoàn toàn không có cây cối. Những tòa nhà khổng lồ mặt ngoài lấp toàn kính lấp lóa sừng sững trông đe dọa như những núi đá, những chiếc ô-tô giận dữ phóng ào ào trên đường phố, những ngôi nhà sắt Ta-mam di động (cứ như thể những tòa nhà bằng đá to tựa quỷ sứ kia còn chưa đủ) đầy rẫy trong trung tâm thành phố, chạy ầm ầm ngang dọc và ta lấy làm lạ rằng tất cả len qua nhau nguyên vẹn. Tiếng còi, tiếng rít, tiếng hụ to khôn tả xiết làm rối loạn mọi cảm thụ bình thường của giác quan. Đệ cảm thấy như mọi thứ ập xuống đệ trong một cơn giông bằng đá và sắt thép. Thật là một sự hỗn loạn đen tối.

May mà người bạn của đệ, ông Shi-shmi, vẫn hoàn toàn bình thản và thờ ơ ngồi đấy, ông không chỉ lãnh đạm mà thậm chí còn chán ngán nhìn ra chốn địa ngục xám và đen này, chính điều ấy đã khiến đệ yên tâm.

Di Ngô quý mến, huynh biết rằng đế đô cao quý của chúng ta là thành phố lớn nhất vương quốc. Nếu đệ nói với huynh rằng có lẽ phải ngồi trên nhà xe Ta-mam chạy bảy lần đường kính kinh đô Khai Phong của chúng ta mới vào tới trung tâm Min-chen – về mọi hướng khác cũng tương tự, ông Shi-shmi bảo với đệ thế – hẳn huynh sẽ không tin, huynh sẽ không thể hiểu nổi rằng có một thành phố lớn nhường ấy, nhưng đúng vậy đấy. So với thành phố đồ sộ quá mức này thì đế đô vĩ đại cao quý của chúng ta tựa như một nơi hẻo lánh bình yên nên thơ ở một chốn hiền hòa... Không thể gọi Min-chen là thành phố được nữa, mà là sự kết tụ chồng chất lên nhau của những thành phố lớn khủng khiếp, một thành phố gồm nhiều thành phố, một quả cầu âm ỉ bằng đá và sắt thép.

Thành phố này không chút huy hoàng. Chúng ta cứ luôn nghĩ rằng một thành phố lớn phải toát ra sự lộng lẫy, rằng những người sống ở một thành phố lớn như Khai Phong, Hàng Châu, Phúc Châu hoặc Quảng Châu sẽ hấp thụ được đôi chút hào nhoáng của nó rồi tỏa ra trở lại, rằng nhờ thành phố lớn mà vẻ huy hoàng và sự vinh quang của Thiên tử đầy ân đức gia tăng bội phần, để rồi vẻ huy hoàng của Hoàng đế tỏa trở lại trên thành phố cùng con người ở đấy... sẽ chẳng hề có những điều này trong tương lai của chúng ta – nghĩa là trong hiện tại đệ đang sống. Trong tương lai ấy của chúng ta thì thành phố càng phát triển, nó chắc chắn càng trở nên bẩn thỉu và xám xịt. Đệ có cảm tưởng ở đây thiên hạ đã mất cái nhìn bao quát về cái thành phố gồm nhiều thành phố chồng chất của họ, rằng theo đúng nghĩa nó đã phát triển vượt quá đầu họ. Ở đây đã từ lâu thiên hạ không còn kiểm soát được rác rưởi và tiếng ồn ào. Rác rưởi và tiếng ồn ào mạnh hơn họ. Đệ tự hỏi ở đây còn cơ quan nào như ủy ban hành chính thành phố không. Nếu còn, thì sự lãnh đạo đã vượt khỏi tay nó từ lâu rồi và viên quan đứng đầu thành phố hẳn chỉ ngồi rít trong khuê phòng các thê thiếp của y hoặc y bận nuôi chó. Có lẽ đó cũng là một lý do khiến không còn ông vua nào nữa? Đệ đã hiểu nhầm

ông Shi-shmi chẳng? Phải chăng ông vua Lu-ving, người thứ ba mang vương hiệu này, không bị truất phế mà đã tự nguyện rời bỏ chốn địa ngục này rút về một nơi yên tĩnh hơn, phó mặc cái địa ngục bằng đá và thép đã trở nên bất trị này cho chính nó và cho sự sụp đổ tất yếu sẽ xảy ra lúc nào đấy? Hay hoàn toàn chẳng còn một nơi nào yên tĩnh hơn? Phải chăng những thành phố hết sức khác biệt xưa kia của vương quốc đã phát triển sát lại với nhau, để rồi trở thành một thành phố chẳng chít duy nhất bao trùm khắp vương quốc? Một điều tưởng tượng khiến đệ kinh hoàng. Đệ mừng vì trong thời gian ngắn nữa thôi sẽ lại được trở về thời hiện tại xứng đáng với con người hơn của chúng ta. Tương lai quả là một vực thẳm.

Trong một thuyết của những người thuộc phái Mặc Tử bảo rằng tận thế là do bầu trời dần dần xích lại quả đất và một ngày nào đấy sẽ gần tới mức các tinh tú quẹt phải mặt đất, làm tóe lửa thiêu rụi tất cả. Một thuyết khác của Gia Châu bảo rằng thế giới tuy vĩnh hằng, nhưng con người sẽ luôn trong suốt hơn, cuối cùng tan thành không khí và tiếp đó loài kiến sẽ làm chủ trái đất... lại có thuyết cho rằng khi đến lúc, mặt trời sẽ rơi xuống biển, nước biển sẽ sôi khiến quả đất và các sinh vật bị nấu chín, trừ loài kỳ nhông... rồi ý kiến của Lâm Phu tử quá cổ mà ông nội đệ từng quen biết nữa. Lâm Phu tử tính toán rằng các ngôi sao cọ vào khối thiên thạch màu xanh khiến bột đá mịn rơi xuống đất và một ngày nào đấy tất cả sẽ chết ngạt... chẳng thuyết nào đúng cả, Di Ngô quý mến ạ, mà thế này cơ: đá cùng sắt thép tự hoạt động^[27] và thành vòm che mặt đất, chúng ôm nhau – tạo ra ồn ào và rác rưởi – cho đến khi chúng chết ngạt thì thế giới cũng tận luôn. Theo như đệ thấy bây giờ thì rõ ràng thế đấy. Đệ nghĩ rằng chuyện này – kể từ “bây giờ” – sẽ chẳng phải đợi lâu nữa đâu. Nơi quê hương xa cách về thời gian của chúng ta, dẫu sao chúng ta vẫn còn một nghìn năm nữa.

Trở lại với chuyến dã ngoại của đệ cùng ông Shi-shmi; chưa kể gì hết mà bức thư thứ tám này của đệ đã đầy một bó rồi.

Bọn đệ rời ngôi nhà sắt di động tại nơi mà theo lời ông Shi-shmi giải thích mới thật sự là trung tâm của thành phố xa xăm khổng lồ này. Nơi đây tiếng ồn của bọn mũi lõ, nếu có thể nói thế được, còn khủng khiếp hơn. Hơi

nước bốc lên từ những lỗ hũng trong lòng đất. Bọn đệ băng qua vài đường phố rồi vào một cửa hàng đứng tách biệt, tường lắp toàn kính. Trước đó, do ông Shi-shmi yêu cầu, đệ đưa ông thoi bạc thứ hai trong số năm mươi thoi từ quỹ du hành của đệ. Trên xe ông đã giải thích cho đệ vài điều liên quan đến ý định của ông, nhưng đệ không hiểu hết, phần vì tiếng ầm ầm ngôi nhà sắt gây ra và tiếng gầm gừ vang dội của những người khách khác trong ngôi nhà này, phần khác vì tiến trình mà đệ cần quan sát quá phức tạp.

Lúc bước vào cửa hàng đệ ngỡ đó là một phòng đổi tiền. Từ lâu rồi đệ không còn lắc đầu quảy quảy nữa trước cách xử sự xiết bao vô nghĩa của bọn mũi lõ ở đây. Bọn lái buôn trưng bày hàng ở ô cửa sổ. Thật vô liêm sỉ. Chúng trưng bày hàng nơi cửa sổ để mỗi người, đúng là mỗi người, đi qua đều trông thấy được. Khác nào chúng trở ngón tay vào món hàng chúng bán buôn. Được thôi – đệ bỏ thói quen lắc đầu rồi. Việc một gã đồ tể bày, tạm gọi thế, những tảng thịt sống trên đường phố hay một người thợ may trải các tấm vải của họ trước mọi cặp mắt còn có thể chấp nhận, nhưng việc chủ nhân một phòng đổi tiền bày tiền ở cửa sổ thì chỉ có thể cắt nghĩa bởi chứng ngu si dần độn mà thiên hạ ở đây mắc phải trong vòng ba mươi thế hệ cách biệt họ với chúng ta. Nhưng theo đệ nhận thấy thì đây không phải là phòng đổi tiền. Thành ra đệ vẫn chưa thật hiểu. Ông Shi-shmi thương lượng với một gã mũi lõ – y chẳng những không có đuôi sam mà chẳng còn sợi tóc nào. Rồi ông Shi-shmi lôi thoi bạc của đệ ra cho gã mũi lõ xem. Tí nữa thì gã té ngửa. Gã đập hai tay lên đầu, miệng lúng ba lúng búng bật ra những tiếng ồm ồm. Tất nhiên, Di Ngô thân mến, quan sát kỹ hơn gã thấy trước mắt một thoi bạc mới tinh, chưa ai đụng tới, mang ngự ấn, theo gã là thoi bạc cổ nghìn năm. Dĩ nhiên loại này hiếm có ở đây. Nhưng đệ không dám tin ở mắt mình khi ông Shi-shmi đưa thoi bạc, rồi nhận được hai tờ tiền giấy màu nâu với tám tờ màu xanh da trời và ông đưa liền cho đệ. Ở bọn mũi lõ tật xấu dùng tiền giấy (nó không thành công ở đất nước chúng ta, như đã biết) không chỉ ăn sâu, không chỉ phổ biến mà gần như chúng chỉ thanh toán bằng cách đó. Tiền kẽm hầu như không có hoặc giá trị rất nhỏ. Điều này đệ đã kể rồi. Tiền giấy ở đây làm bằng loại giấy rất thô và hiệu lực vô hạn định. Hoặc lòng tin của bọn mũi lõ vào viên thượng thư tài chính của chúng lớn

đến mức gần trở thành ngu muội hoặc thế giới này sở dĩ bất thụ chính vì không ai sẵn sàng dọn sạch để rồi chỉ được trả công bằng giấy. Trên những tờ tiền giấy này có in hình. Mới đầu đệ tưởng đó là hình những cái đầu của thượng thư và các viên quan tài chính. Song không phải. Đệ cho rằng các ông này khôn ngoan nên mới không cho in hình của họ, để không ai có thể nhận ra được họ! Ngoài ra – chuyện này đệ đã thấy nơi ông Shi-shmi – ai cũng có thể tự làm tiền giấy được. Lần ấy, khi đi mua an-tsu cho đệ, ông rút từ túi một tờ giấy, viết nguệch ngoạc vài chữ lên đó và người bán hàng đã nhận tờ giấy nợ như tiền. Việc này rất bình thường ở đây, nhưng một nền kinh tế quốc dân hoạt động như thế nào trong trường hợp ấy, đó vẫn là điều bí ẩn đối với đệ. Có thể nó sẽ đình đốn như ở ta thời Ngũ Đại.

Đệ đưa lại ông Shi-shmi những tờ tiền giấy, nhưng ông bảo không, đó là của đệ và nhét vào túi đệ. Đệ muốn thử xem có thật dùng tiền giấy mua hàng được không. Ông Shi-shmi cười. Bọn đệ lại đi qua vài đường phố và đệ đứng như bị thôi miên trước khung cửa sổ to của một cửa hàng thật đồ sộ. Đệ thấy trong đó trưng bày một vật rất lạ lùng mà chịu không biết là gì. Đệ ra hiệu cho ông Shi-shmi rằng muốn thử mua vật ấy bằng mấy tờ tiền giấy.

Ông Shi-shmi ôm bụng cười nhân hậu. Ông không cười nhạo đệ, mà cười ý tưởng theo ông là lạ lùng của đệ khi muốn mua vật ấy. Ông Shi-shmi thử giải thích nhiều lần cho đệ – ông luôn bị ngắt quãng vì phì cười – về công dụng của nó. Nhưng đệ không hiểu. Vì đệ khẳng khẳng giữ quyết định của mình nên ông không còn cách nào hơn là cùng đệ vào cửa hàng đó.

Trong đấy thiên hạ xô đẩy nhau khôn kể xiết. Cả đám mũi lõ nhắm mắt chen tới lẩn lui dọc các lối đi, không màng đến lịch sự. Huynh còn nhớ lần nước mình bị lụt nặng – vào năm phò tể tướng Dương Chí từ trần ấy – dân chúng sống bên sông đã chen lấn chạy lên những khu cao hơn để lánh nạn, cùng lúc vùng trên của thành phố xảy ra trận hỏa tai khủng khiếp – ơ, đệ nói với ai thế nhỉ: hồi đó huynh là đệ nhất cứu hỏa quan mà – khiến dân chúng trên đó cố chạy xuống vùng dưới sông và tại những nơi dòng người khốn khổ gặp nhau trên đường đã diễn ra một cảnh xô đẩy, chen lấn chưa từng thấy trước đó cũng như sau này hoặc được ghi chép trong biên niên; từ đó

thế giới không hề chứng kiến một đám đông ầm ĩ nào sánh nổi với đám đông trong cửa hàng này ở Min-chen, nơi đệ đã lọt vào chỉ vì tò mò. Với lại Di Ngô bằng hữu nên nhớ rằng trong vụ chen lấn kinh khiếp do trận thủy tai và hỏa hoạn gây ra vào năm phò tể tướng Dương Chí từ trần thì những kẻ chen lấn có kích thước của con người, còn bọn ở đây là lũ khổng lồ mũi lõ mà tiếng gầm gào ồm ồm thô lỗ của chúng tràn ngập căn phòng, dù nó mênh mông. Đệ ngỡ – nói gọn – đang ở trong địa ngục. Song vẫn kiên quyết giữ ý định, vì đệ tự nhủ: cuối cùng thì đệ và chuyến du hành của đệ nhằm phục vụ khoa học. Nhà nghiên cứu, khi đứng trước vấn đề nhận thức, không được phép sợ hãi để không dám bước vào, dù nơi đó là địa ngục.

Tất nhiên huynh không nên quên rằng đệ có một người hướng đạo gan dạ – ông Shi-shmi trung thành và tận tụy – ông đứng chắn trước mặt đệ, nắm tay đệ và không nao núng tách đám mũi lõ đang chen lấn ngược chiều, cho đến khi bọn đệ tới được khu bán thứ hàng đệ muốn mua.

Vật này khá to, tên là *shao-bo*^[28], phần màu xanh lơ, phần màu vàng. Chất liệu thì đệ không rõ: nó đàn hồi và nhám. Thứ *shao-bo* này có hai hình dạng khác nhau: một dạng tương tự chiếc áo măng-tô khổng lồ may dính lại nhiều lần hoặc một cái lều. Nhờ một cái bơm được thiết kế hợp lý, người bán hàng bơm không khí vào *shao-bo* khiến nó phình ra dạng khác, thành cái vành hình tròn. Có thật đệ muốn mua cái *shao-bo* này không? ông Shi-shmi cười hỏi. Không, thật ra đệ không muốn gì hơn là thoát ra khỏi tình trạng tuyệt vọng này từ lâu. Nhưng đệ cảm thấy sẽ là bất lịch sự đối với người bán hàng, nếu từ chối mua sau khi hãn đã bơm *shao-bo* chỉ để đệ xem – cho dù hãn chẳng là gì khác hơn một con buôn. Nên đệ đã chìa ra vài tờ tiền; y như rằng: gã lái buôn khom gập lưng rồi còn khom thêm một lần bảy phần tám nữa (đệ chú ý kỹ mà) nhận tiền. Lẽ ra gã lái buôn này phải bị chém đầu tức khắc, vì chênh lệch phẩm trật giữa đệ và hãn đòi hỏi hãn ít nhất phải khấu đầu đầy đủ và hai lần khom lưng ba phần tư, ấy là đệ thương tình cho rằng cả cửa hàng này là của hãn. Còn nếu hãn chỉ là một đầy tớ của chủ nhân cửa hàng, thì hãn phải nhặt tiền từ dưới đất cơ... thế đấy. Nhưng đệ đến đây

không phải để được tôn trọng phẩm trật của mình. Đệ đến đây để nghiên cứu về tương lai của chúng ta.

Sau khi gã bán hàng rút cái nút con ra khỏi *shao-bo*, hơi xì ra như thể tiếng còi nghe rộn người. *Shao-bo* liền rúm ró lại. Gã bán hàng cuộn và gói nó lại bằng giấy.

Di Ngô vô cùng quý mến, qua việc đệ viết bức thư này thì đương nhiên huynh hiểu rằng đệ bình yên về đến nhà cùng với cái *shao-bo*. Cái bơm hợp lý nọ cũng được gói kèm, nhưng không phải do đệ nghĩ tới, mà nhờ ông Shi-shmi chu đáo. Đệ học cách sử dụng. Người ta bơm bằng chân. Giờ đây cái *shao-bo* được để cạnh giường, phòng căng màu xanh lơ và vàng, choán gần hết căn phòng. Cái *shao-bo* dùng được vào việc gì, ông Shi-shmi không giải thích nổi. Ông ra hiệu mai đây có dịp ông sẽ chỉ cho đệ. Có vẻ nó không phải là một vật dùng để thờ cúng.

Thư đã dài. Đến lúc đệ ra điểm liên lạc gấp. Nếu đệ có tài vẽ, đệ sẽ gửi kèm một bức phác họa *shao-bo*. Nhưng như huynh biết đệ chẳng hề có được tài ấy. Thay vào đó, có thể bài thơ mà đệ nghĩ ra khi quan sát nó minh họa được chăng:

Ngắm shao-bo xanh vàng
Shao-bo xanh vàng.
Khí nóng mùa hè làm đầy mi.
Còn hơi thở nào khác làm đầy tâm hồn ta
Mọi khi vào tháng Tám.
Tương lai chẳng biết chút gì
Về đời hạnh. ^[29]
Chào huynh

Người bạn xa xôi, Cao Đài

Thư thứ chín

(Thứ Hai, 12 tháng Tám)

Di Ngô xa xôi quý mến,

Hôm nay trăng khuyết, chỉ còn một phần tư giống như hôm đệ đến đây. Đã nhiều ngày trôi qua kể từ lần cuối đệ viết cho huynh. Mong huynh không vì thế mà lo lắng. Đệ khỏe – tương thích với hoàn cảnh. Đã hết mưa rả rích. Nhưng mùa hè thật sự là gì thì dường như bọn mũi lõ ở đây không hề được hưởng, nên trời mới nắng có hai ngày mà chúng đã vội vàng nằm phơi lỏa lỏa trên bãi cỏ trước mắt bàn dân thiên hạ. Thật hết sức trơ trẽn. Chuyện này đệ sẽ kể sau.

Đệ lại vẫn không biết nên bắt đầu thế nào và với chuyện gì.

Quá nhiều chuyện mới, quá nhiều chuyện lạ và chúng vẫn còn nữa. Mặt trăng hẳn sẽ phải tròn khuyết thêm nhiều lần cho đến khi đệ cảm thấy không còn chuyện gì mới lạ nữa.

Hẳn huynh sẽ nói – sau khi đọc bức thư dài của đệ, bức thứ tám (dài hơn mọi bức thư của huynh gộp lại cho đến nay) – chuyện tiền giấy nào có gì mới lạ.

Đúng. Ông cha chúng ta còn nhớ dưới thời “Ngũ Đại” khốn khổ đã tràn lan cái trò tiền giấy càn quấy này rồi. Nên Đức Thái Tổ, thiên tử chí tôn, đấng sáng lập nhà Đại Tống – cầu mong nó muôn năm trường trị – tiên vương nổi danh của đương kim Hoàng đế ta, vừa lên cầm quyền đã đình chỉ ngay tiền giấy cùng nhiều thứ khác.

Chuyện này đã khiến đệ có một vài suy nghĩ: chúng ta có nên phổ biến những nhận thức đệ mang về từ chuyến du hành cùng những gì – phần quan

trọng nhất – đệ tiết lộ với huynh trong bức thư này, để người *đương thời* với *chúng ta* có thể tham khảo?

Liệu lão thượng thư tài chính Quan Đại Phương sáu ngón chân, kẻ mà chẳng nào đệ cũng coi là một tên ngu ngốc khai man, sẽ không tức khắc suy luận từ những tường thuật của đệ rằng trong tương lai xa vời tiền giấy sẽ vẫn đóng một vai trò quyết định trong việc giao dịch thanh toán? và – đệ nói với tất cả tấm lòng tôn kính – liệu Đấng chí tôn (vốn rành rẽ việc nuôi chó kiểng Bắc Kinh và lại càng rành rẽ chuyện ban ơn mưa móc tuyệt vời cho các quý phi, nhưng hầu như mù tịt những chuyện tài chính) sẽ không lập tức đòi sử dụng lại tiền giấy ở đất nước ta? Và rồi sau vài năm – chỉ cần hai vụ mùa thất bát – nước ta sẽ lạm phát thảm hại?

Liệu có tốt hơn không nếu chúng ta giữ những nhận thức này cho riêng mình, dù chỉ vì cực chẳng đã? Có thể huynh sẽ phản đối, rằng chúng ta có nhiệm vụ ít nhất cũng phải tâu lên Hoàng thượng chí tôn về chuyển đi của đệ, phải dâng lên ngài một tờ sớ tóm tắt cô đọng những điều chính yếu, phù hợp với khả năng hiểu biết đơn giản về văn học của ngài. Nhưng ngay cả chuyện này đệ cũng đắn đo. Đệ vừa viết tới chỗ: “nhà Đại Tổng – cầu mong nó muôn năm trường trị...” thì cây bút lông của đệ khựng lại, nhưng đệ vẫn viết với điều kiện sau đó, tức là chỗ này đây – sẽ thừa thêm một lời: hoàn toàn không có chuyện triều đại Tổng vô cùng xứng đáng này sẽ muôn năm trường trị. Ở đây, nơi mà tương lai *chỉ* cách ta có một nghìn năm thôi – “chỉ” so với muôn năm – chẳng ai nói đến triều đại Tổng nữa, ngay cả một người học cao hiểu rộng như ông Shi-shmi (bản thân là một thầy đồ như ông cho đệ biết) cũng không biết tí gì về húy danh của các hoàng đế chúng ta. Dường như ở đây không còn hoàng đế nào nữa, huống hồ triều đại Tổng. Chẳng lẽ chúng ta nên trình điều này trong tờ sớ dâng lên Thiên tử ư? Còn nếu chúng ta lờ đi thì đó sẽ là điều đầu tiên Đấng chí tôn cật vấn. Rồi sao? Câu trả lời sẽ khiến mỗi chúng ta mất một cái đầu, mà mỗi chúng ta chỉ có được một.

Thành ra đệ thiên về giấu nhẹm hoàn toàn chuyển du hành này. Có lẽ thiên hạ không biết gì hết về tương lai của họ lại hay hơn.

Nhưng chính câu hỏi về tương lai triều đại Tống quang vinh của chúng ta đã khiến đệ nghĩ đến vài vấn đề kích động mà lời giải đáp có thể giải thích được cá biệt những điều phi lý mà đệ thường xuyên gặp phải ở đây. Ông Shi-shmi bảo Wi-wel-ba^[30] là triều đại cuối cùng ở đây, và Hoàng đế cuối cùng chính là vua Lu-vĩnh thứ ba mập ú đệ đã nhiều lần nói đến. Ông Shi-shmi chẳng biết gì hết về nhà Đại Tống. Khi trò chuyện bọn đệ có đề cập tới địa lý và đệ phải kinh ngạc vì ông Shi-shmi bảo đại dương không ở phía Đông, mà phía Tây. Sao được nhỉ? Biển đã di chuyển rồi ư? Đệ thuật lại dưới dạng văn tắt về buổi trò chuyện này:

Ông Shi-shmi: Không đâu, Cao Đài thân mến ạ, biển ở phía Tây, tận phía Tây.

Đệ : Nhưng Shi-shmi quý mến, vậy sông chảy đi đâu? Lên núi chẳng? Nay nước chảy ngược lên cao à?

Ông Shi-shmi: (cười) Chảy về hướng Đông là con sông lớn tên Tô-nao^[31]. Dĩ nhiên nó chảy ra biển, nhưng một biển rất nhỏ^[32]. Còn sông I-sal^[33], Min-chen nằm trên bờ sông này, chảy vòng vèo rồi đổ vào sông Tô-nao. Nhưng đại dương ở phía Tây, hướng mặt trời lặn. Tin tôi đi, hỡi Cao Đài thông thái và tôn kính, chính tôi đã chu du các nước mà.

Đệ : Hm.

Đến đây thì điều đệ từ lâu âm thầm hoài nghi đã trở thành chắc chắn. Số là khoảng mười ngày trước, có lẽ đó là hôm đệ với ông Shi-shmi vào phố và mua cái *shao-bo*. Ít ngày sau đệ phát hiện trong căn hộ của ông Shi-shmi một điều khiến đệ bị kích động. Chẳng là đệ được ông Shi-shmi cho phép dùng mọi đồ vật trong nhà ông. Ông bảo ông không có điều gì giấu giếm đệ. Đệ đã làm như được cho phép, không phải vì tò mò chuyện cá nhân mà do khao khát tri thức. Đệ cần nói trước là bọn mũi lõ còn biết cả nghệ thuật in sách. Chúng in thứ chữ lạ lùng của chúng lên cả hai mặt giấy, nhưng là loại rất dày và thô. Thành ra sách của chúng nặng như chì, nhất là khi đóng bìa cứng.

Trong một số quyển, dĩ nhiên đệ chưa đọc được rành mạch, có hình, nên đệ thường thích lục trong các kệ – ông có khoảng nghìn quyển – tìm loại sách này để xem những khi đệ buồn chán và ông Shi-shmi vắng nhà. Những hình này không nằm trên đầu mà rải rác khắp bài văn. Một quyển tên là “Quyển sách về hai thằng bé ngỗ nghịch” có nhiều hình ảnh; hai đứa bé này tên Ma’ch và Mo-lix^[34], bắt trộm gà của một góa phụ. Ông Shi-shmi thấy quyển này vui nhộn, còn đệ cho nội dung của nó là đáng phàn nàn về luân lý. Nhưng nhờ quyển này – đệ không rõ sao ông Shi-shmi lại chọn chính nó để dạy đệ – đệ đã học và đọc được thứ chữ ở đây. Nó viết theo thể thơ, nhưng thi luật khác hẳn của chúng ta. Đệ đã đọc được vài câu rồi. Nó đại khái như sau:

“Bậc quân tử phàn nàn,

Rằng người ta không thể tránh khỏi biết

Những ví dụ xấu xa,

Chẳng hạn hành động ác độc của hai thằng bé

Tên là Ma’ch và Mo-lix.

Thay vì nghe lời dạy bảo sáng suốt của người lớn

Chúng lại nhạo báng những bậc khả kính ấy...”

Tác giả bài thơ về hai thằng bé hư hỏng này tên là Vivem-bu^[35], nhưng đệ muốn kể với huynh về một quyển khác hẳn. Huynh không đoán nổi đâu. Nó rơi vào tay đệ – theo đúng nghĩa – vì khi đệ rút quyển bên cạnh thì nó tuột ra, rơi xuống và đệ kịp chụp lấy; lúc nó rơi vào tay đệ, đệ thấy như được tình cảm ấm áp – khác nào sau một tuần mưa trời lại nắng – ôm ấp, không khác đang ở quê nhà. Huynh tưởng tượng xem: trên bìa quyển sách (mà tí nữa đệ đã thất kính quăng xuống đất, dù không cố ý) lóe lên, đúng thế, lóe lên những nét văn tự thân yêu của chúng ta, dù chúng in màu đen. Hai nét thôi và đó không gì khác hơn là những nét của từ “Kinh Dịch” thần thánh. Huynh không nhầm đâu: quyển “Kinh Dịch” tôn quý của chúng ta đấy. Đó là một bản dịch sang ngôn ngữ ở đây. Những nét chữ nọ của chúng ta được

in trên bìa để trang trí. Nghĩa là thế giới nơi đây chưa phải đã mất? Nghĩa là vẫn còn một sợi dây, dù mỏng và sờn, nối liền bọn mũi lõ với chúng ta, với thế giới của chúng ta và với những gì chúng ta cho là đúng?

Ngay khi nghe tiếng chân ông Shi-shmi về, đệ đã chỉ ông xem quyển sách. Phải, đệ thú nhận đã kích động đến nỗi chạy ào tới ông, chìa quyển sách ra, dù ông chưa kịp cởi áo măng-tô ướt đầm và hai cái hộp con bằng da cho bàn chân (*su-hê*^[36]) cũng sũng nước. Ông mỉm cười, cởi áo măng-tô và cất dù. Ông dẫn đệ – tay đệ vẫn nắm chặt quyển “Kinh Dịch” thần thánh – vào thư phòng, đồng thời cũng là phòng sinh hoạt chung của bọn đệ, rồi ông đốt một trong những cuộn hiến tế nhỏ và nói ông không ngạc nhiên rằng đệ biết quyển này. Suốt thời gian qua ông quên khuấy nó ở trong sổ sách của ông, bằng không ông đã cho đệ xem sớm hơn nhiều.

Buổi mạn đàm tiếp đó kéo dài đến quá nửa đêm – may mà đệ đã hiểu kha khá ngôn ngữ của ông, nên có thể tự theo được những diễn đạt phức tạp; ông Shi-shmi ngược lại đã bỏ không học ngôn ngữ của chúng ta qua đệ, ông bảo nó quá khó, có lẽ không thích hợp với ông... đệ có thể hiểu được, vì ông sẽ chẳng đời nào đến với thế giới chúng ta thì ông cần gì biết ngôn ngữ của chúng ta. Bọn đệ không ăn uống gì; riêng ông Shi-shmi đốt vô số vật hiến tế, cuối buổi mạn đàm thậm chí thêm vài cái lớn màu nâu mà ông chỉ dùng trong những ngày lễ. (Đệ vẫn quen gọi đó là vật hiến tế, dù gần đây đệ biết đó không phải một hành động thờ cúng, mà là một kiểu “hút - uống” theo thói quen rất phổ biến ở bọn mũi lõ, chẳng đóng góp gì vào việc giúp không khí được trong sạch hơn. Nhưng tên gọi “vật hiến tế” đệ thấy có vẻ thích hợp, vì bọn mũi lõ nghiện thói quen này như thể bám vào những nghi lễ thiêng liêng. Tuy nhiên đệ phải thú nhận đã thấy thích những vật hiến tế này rồi, song chỉ những thứ thơm tho màu nâu thôi).

Đệ không thể kể lại trình tự buổi mạn đàm, vì sẽ đầy cả một quyển sách. Đệ phải nói trước rằng, vì không thể tránh được nữa nên đệ đã tiết lộ với ông Shi-shmi – đến lúc ấy ông chưa biết gì hết về lai lịch đệ – về chuyến đi vượt thời gian của đệ. Ông bảo sẽ không tin nếu đệ không ngồi bằng xương bằng thịt trước mặt ông và không trưng ra được bằng chứng – đó chính là

những thoi bạc rất cổ đối với ông và thế giới của ông. Triết lý của ông, ông nói, không phải một học thuyết phổ biến, chỉ là quan điểm riêng của ông về thế giới mà ông đã tiếp thu được trong những năm tháng của cuộc đời, triết lý ấy cho phép ông coi *mọi chuyện* đều có thể. Ông ôm đệ và bảo hẳn ở đây đệ rất cô đơn và thế giới, nghĩa là thế giới của ông, dường như lạnh lùng và vô tình đối với đệ. Ông hỏi đệ có cảm tưởng thế giới này của ông đang làm mọi chuyện để đào thải đệ, viên quan Cao Đài già khú đế, như một cơ thể lạ không thích hợp? Có, đệ đáp, đệ có cảm tưởng ấy. Ông ôm đệ lần nữa, bảo ông rất mừng vì ít nhất đã có thể cho đệ được một chỗ trú ngụ an toàn trong căn hộ của ông. Rồi đệ ôm ông, cảm ơn và nói rằng ông chớ nên lo lắng thái quá. Một người như đệ, vốn gắn chặt suy nghĩ theo quỹ đạo những lời giáo huấn của đức Khổng Phu tử chí tôn, sẽ làm chủ được tình cảm, cũng như tính hiếu kỳ, nỗi khát khao hiểu biết sẽ át được sự lo lắng của mình.

Sau khi đã nhiều lần cam kết sẵn sàng hết lòng trợ giúp đệ, ông nhìn đệ thật lâu và nói: đệ đừng giận, trước hết ông phải tiêu hóa điều tiết lộ về lai lịch của đệ đã, vì tạm thời ông còn hơi coi đệ như một bóng ma. Đệ cười, khom lưng hai lần (bình thường đệ chỉ làm thế trước một phó tế tướng hoặc một cung phi) và nói: điều này quá rõ, vì ngược lại cả thế giới của ông cũng là một bóng ma đối với đệ.

Nhưng thật ra kết quả cơ bản của cuộc mạn đàm này là: đệ hiện hoàn toàn không ở đế đô Khai Phong của chúng ta, cũng không hề ở Trung Quốc và nó xác nhận tuyệt đối điều phỏng đoán đệ đã nêu ra nhiều lần. *Min-chen* không ở và chưa từng ở Trung Quốc, mà ở nơi khác. Đệ hiện không đứng trên vùng đất huynh đang đứng, Di Ngô thân mến ạ. Thời gian và không gian đã đảo lộn hết cả. Đệ hiện sống tại một vùng khác của thế giới. Quê hương của chúng ta không chỉ đã biến mất từ lâu mà còn xa lắc xa lơ đối với ông Shi-shmi và đồng bào ông cùng những người đương thời. Họ gọi đất nước chúng ta, vương quốc Trung Hoa tôn kính, là Chi-na. Từ đâu có tên gọi này, cũng như Trung Quốc còn không, đệ vẫn chưa rõ. Đệ hỏi ông Shi-shmi có muốn cùng đi đến đó không. Ông cười rằng xa quá, vả lại có nhiều khó khăn không vượt qua được. Đệ hỏi đất nước của ông, cái vương quốc với thủ phủ

là Min-chen, tên gì? Ông bảo nó tên là Ba Yan^[37], còn lâu mới lớn và lâu đời bằng vương quốc Trung Hoa tôn kính.

Đệ sẽ còn biết thêm những gì nữa trong thế giới xa lạ này, hử Di Ngô yêu quý hơn tất cả? Nhưng, như đã nói, lòng khát khao tri thức của đệ lớn hơn nỗi lo lắng và sợ hãi. Ngoài ra đệ cũng đã kể với ông Shi-shmi về huynh. Ông nhờ đệ chuyển lời chào.

*Nhưng hơn tất cả là lời chào của Cao Đài, người bạn nay trở thành xa
gặp đôi của huynh.*

Thư thứ mười

(Thứ Hai, 19 tháng Tám)

Di Ngô quý mến,

Nhìn chung đệ không buồn phiền gì nhiều nữa khi được biết thêm rằng nay đệ không chỉ xa cách quê hương một nghìn năm, mà còn nhiều nghìn lý (ông Shi-shmi đã tính ra bao nhiêu nghìn lý, nhưng rất tiếc đệ quên rồi – con số nào có ý nghĩa gì), duy có một điều khiến đệ không vui: phải xa con Tiểu Siêu mắt xanh. Phải chăng huynh muốn an ủi đệ, khi kể rằng huynh thấy nó chỉ ngồi buồn thiu trên trường kỷ trong căn phòng có tấm màn hoa hương mộc, chẳng làm gì hết ngoài việc dăm dăm nhìn ra ngoài cửa sổ, thỉnh thoảng – như huynh viết – thân thể đẹp vô song của nó mới động đậy, ấy là khi ngoài trời một con chim đậu xuống cành cây? Đệ có nên thấy được an ủi vì nó buồn rầu? Có chứ – đệ rất ích kỷ, nên điều ấy đã an ủi đệ. Huynh hãy kể nhiều nữa về nó và bảo nó rằng đệ thương nó như một người đàn ông ở tuổi đệ có thể yêu thương: không phải nông nổi mù quáng, mà với sự am hiểu về vẻ đẹp. Tình yêu với sự am hiểu, điều này ta chỉ có thể cảm nhận ở một sinh vật như Tiểu Siêu – còn với hầu hết các thể thiếp của đệ thì đó chỉ là ham muốn và hứng tình (ấy là may lắm); không, tình yêu thật sự xứng đáng chỉ có thể có được đối với một sinh vật như Tiểu Siêu. Hãy viết cho đệ rằng nó buồn rầu, đúng, nó cần phải buồn thiu, phải khóc vì nhớ đệ, bởi đó cũng thuộc về tình yêu. Ngoài điều này ra, đệ rất rõ rằng khi nó buồn rầu nằm cuộn trên trường kỷ, co duỗi những cái chân óng ánh trong vẻ duyên dáng vô song, thì tuy buồn rầu nó vẫn biết rằng nó đẹp biết bao.

Mọi chuyện khác huynh cứ để tiến triển bình thường. Việc nhạc phụ thứ nhất của đệ, ông Quang Mã đáng kính khét tiếng bủn xỉn, cuối cùng bị đột quỵ chỉ khiến đệ buồn rầu vừa phải. Hãy nhẫn giúp như thế với Quang

Thanh chính thất của đệ và đệ rất tiếc không thể có mặt tại tang lễ: đệ không thể bỏ dở chuyến du hành vô cùng quan trọng này. Nếu đến nay chữa mụn nhọt bằng dầu hạt dẻ vẫn không công hiệu, chính thất của đệ nên thoa với mỡ heo sữa vừa mới mổ – càng nóng càng tốt.

Không, đệ không bất hạnh khi biết mình đang không ở Trung Quốc mà tại một đất nước xa tít tắp tên là Ba Yan mà hai ta đều sẽ chẳng hề biết về sự hiện hữu của nó, nếu chúng ta không vì hiếu kỳ nảy ra ý định cho chuyến đi này của đệ. Ngược lại: từ khi mọi chuyện được sáng tỏ giữa đệ và ông Shi-shmi hết sức quý mến (đệ đã chuyển lời chào của huynh đến ông – dù hai bên không quen biết) cũng như đệ biết mình đang ở đâu thì việc thu thập tri thức dễ dàng hơn nhiều. Ông Shi-shmi cũng có thể giải thích khiến đệ dễ hiểu hơn một số điều, vì ông hình dung được những gì đệ không rõ. Trước hết về những vấn đề cơ bản. (Bây giờ chiều tối nào bọn đệ cũng ngồi với nhau. Đệ cũng đốt “tế vật”, song chỉ những cái lớn màu nâu thôi. Theo ý đệ thì những cái kia, nhỏ hơn màu trắng, hôi rình). Chiều tối nào đệ cũng cật vấn ông Shi-shmi cho đến khi ông cười bảo: đệ đã vặn hỏi ông quá nhiều. Đệ tiến bộ thật nhanh trong việc hiểu ngôn ngữ ở đây nhờ được sự tò mò chấp cánh. Trước tiên đệ muốn biết những điều cơ bản. Ông Shi-shmi cho rằng trái đất có hình quả cầu – ông bảo điều này là phổ biến – và những đất đai, biển cả được sắp xếp cạnh nhau trên mặt quả cầu ấy. Trung Quốc của chúng ta, mà ông gọi là Chi-na, ở trên một nửa quả cầu, nước Ba Yan và nhiều nước khác (ông kể ra một tràng tên rồi rậm) ở trên nửa kia. Ông không tán thành điều đệ phản bác rằng thế thì người ta sẽ tuột khỏi quả cầu. Ông bảo ở giữa quả cầu này là một khối có hấp lực tự nhiên, lực này như những sợi chỉ vô hình giữ chặt người và vật, cây cỏ và sỏi đá cùng hết thảy mọi vật khác. Ông lý luận: mọi vật chúng ta không giữ chặt đều rơi xuống đất. Còn chẳng có gì rơi lên không khí – có, khói đệ phả ra từ món tế vật màu nâu hảo hạng của đệ (đệ có tế vật đặc biệt tên là Da-ving-do^[38] ông Shi-shmi mua giúp trong phố; nó rất đắt, nhưng đệ dám mua nhờ sẵn có những thoi bạc), khói của nó “rơi” lên, đúng vậy, nhưng đệ cũng rõ đó chỉ có vẻ “rơi lên” thôi. Vì chốc lát sau những hạt cơ bản tạo ra khói sẽ lại rơi cả xuống đất.

Với mọi vật bay lên cũng đều như thế: chim, mây, rồng. Nghĩa là không thể gạt phăng lập luận của ông Shi-shmi được.

Điều phản bác khác của đệ rằng nếu trái đất hình quả cầu thì người ta phải cảm nhận được chứ, trong khi nhìn bằng mắt thì rõ ràng quả đất phẳng cũng bị ông Shi-shmi bác bỏ. Ông bảo sở dĩ ta tưởng thế, vì quả địa cầu quá to mà con người quá nhỏ. Đệ cần hình dung một con rận cảm thấy gì khi nó bò trên một quả bầu thật to (hóa ra vẫn còn bầu bí, cả rận nữa!). Nó ngỡ nó bò thẳng, nhưng trong thực tế nó bò tròn quanh quả bầu. Biết đâu con rận cũng cho rằng quả bầu phẳng, ông Shi-shmi bảo thế. Không thể phủ nhận điều này, nhất là khi nghĩ thêm rằng con rận so với quả bầu vẫn lớn gấp nhiều nghìn lần con người so với trái đất. Ngoài ra, ông Shi-shmi lý luận, ở biển ta có thể cảm nhận được quả đất hình cầu. Ông giải thích rằng khi một con rận gặp một con rận thứ hai bò tới từ mặt kia quả bầu, nó hẳn phải có cảm tưởng con thứ hai trôi khỏi đường chân trời. Với những con tàu trên biển cũng như thế và Di Ngô thân mến ơi, đúng vậy, như chính đệ đã thường thấy khi tháp tùng ông anh rể kính mến, đô đốc Từ Phát Chung, thị sát các hạm đội hoàng gia tại các thành phố cảng.

Chỉ để giải thích cho đệ mà ông Shi-shmi đã mua về một quả địa cầu mẫu ở dạng thu nhỏ, rất màu mè. Ta có thể đặt nó xuống và xoay được. Đây là một quả cầu dán địa đồ các nước. Kích động lắm. Ông Shi-shmi chỉ cho đệ quê hương của hai ta, Trung Quốc (tất nhiên nó không ở giữa, vì mặt cầu làm gì có điểm giữa) và quê hương Ba Yan của ông. Một điểm bé tí tẹo đánh dấu đế đô Khai Phong tôn quý. Một điểm cũng tí tẹo cho thấy vị trí thành phố Min-chen.

Nhưng đệ đã đến Min-chen như thế nào? Về điểm này ông Shi-shmi cũng có giải đáp. Ông bảo không chỉ quả địa cầu mẫu này mới xoay được, mà quả địa cầu thật cũng không ngừng quay quanh trục của chính nó. Chuyển động này cũng quá lớn^[39] khiến ta không nhận thấy. Khi một cái cây phát triển, ta cũng không nhận thấy sự phát triển này – dù đó vốn là một chuyển động. Ông bảo thật ra còn phức tạp hơn cơ, nhưng đệ hãy tạm hình dung thế này: quả đất quay quanh trục của chính nó đồng thời nó xoay quanh mặt trời, mặt

trời lớn hơn ta tưởng nhiều, song chỉ vì nó ở quá xa nên ta thấy nhỏ thôi. Mỗi ngày quả đất quay quanh nó một vòng và quay quanh mặt trời trong một năm. Rắc rối quá. Đệ hỏi đó có phải triết lý riêng của ông sau nhiều năm chiêm nghiệm không? Không, ông bảo đấy là quan điểm phổ biến về hình dạng thế giới và đã được đảm bảo qua nhiều sự kiện.

Đệ không chờ đợi huynh tin hoặc hiểu những điều này chỉ qua vài dòng ngắn ngủi. Đệ cũng chẳng khác gì hơn. Đệ xa lạ với hình ảnh thế giới mênh mông và lạnh nhạt này. Đệ muốn thấy quê hương chúng ta là đất nước Trung Quốc vững vàng, không quay lòng vòng và định sẽ giữ nguyên ý kiến này sau khi trở về; nhưng tất nhiên đệ không nói với ông Shi-shmi, e làm ông mất lòng.

Và đây là sự giải thích đệ đã từ Khai Phong đến Min-chen như thế nào: ông Shi-shmi cho rằng khi tính toán chúng ta không lưu ý tới việc quả đất tự quay quanh trục của nó và quanh mặt trời, vì chúng ta không biết những điều đó và trong một nghìn năm ấy (mà đệ vượt qua trong một nháy mắt nhờ chiếc la bàn-thời gian tuyệt vời của chúng ta) – với đệ chỉ là một nháy mắt, với quả địa cầu là một nghìn năm – quả đất đã quay quanh mặt trời một nghìn lần và 365000 lần quanh trục của nó. Vì thế nên điểm đến của đệ bị xê dịch. Không thể phủ nhận rằng đệ đã bị thuyết phục thế nào đấy. Nhưng rồi đệ lập tức hốt hoảng: chuyến trở về của đệ rồi sẽ ra sao? Ông Shi-shmi trấn an: chuyến trở về của đệ, ông nói, sẽ diễn ra ngược hẳn với chuyến đến – rõ ràng quá – và sự nhầm lẫn của chúng ta sẽ tự điều chỉnh bằng cách quay ngược lại. “Thì ông thấy đấy”, ông Shi-shmi nói, “thư ông gửi cho người bạn xa cách cả nghìn năm vẫn đến nơi”. Đúng vậy, như chúng ta thấy. Tuy nhiên những chuyện này khiến đệ càng cảm thấy mình giống một diễn viên xiếc đi dây-thời gian. Đôi khi đệ trải qua những cơn ác mộng. Chúng rắc rối và ám ảnh đệ. Nhiều lần đệ mơ thấy thay vì quay về cố hương của nghìn năm trước, đệ lại nhầm lẫn đi tiếp vào tương lai. Trong mơ không có giấy mực để ghi chép những chuyện mộng mơ vớ vẩn, nhưng đệ ngẫm nghĩ tiếp: nếu cái tương lai đệ đang trải nghiệm ở đây là một vực thẳm của sự suy đồi thì nghìn năm tiếp theo sẽ đưa đến hỗn loạn khủng khiếp nào?

Vì có một điều, Di Ngô yêu quý ạ, mà đệ đã rõ và cả huynh lẫn đệ đều không biết và không hình dung được: thế giới thay đổi. Bọn người ở đây gọi đó là *tiến bộ*. Cái từ “tiến bộ” này đã tự phơi bày bản chất – đệ dịch đúng từng chữ đấy. *Tiến bộ*, bước tiến, nghĩa là cái bước dẫn ta rời ra xa^[40]. Ta có thể cho rằng từ này hàm ý tiếc nuối vì ta phải rời xa khỏi môi trường quen thuộc, có thể là thân thích của ta. Nhưng không: chúng – bọn mũi lõ ở đây – cho rằng sự tiến bộ của chúng là đáng ao ước, thậm chí đức hạnh.

Huynh không hiểu nổi những điều này, đệ biết. Huynh không thể hiểu nổi. Thế này nhé: kiến mãi là kiến, voi mãi là voi. Chúng ta biết những mô tả về con kiến từ thời đại nhà Thương xưa xưa, chúng ta biết lũ kiến – lũ tại trời – bò lổm ngổm trong nhà và đệ biết lũ kiến sống trong thế giới này của bọn mũi lõ. (Vẫn còn kiến đấy, ít thôi, chúng làm tổ ở đâu được trong cái nơi toàn đá này. Nhưng vẫn còn. Đệ thấy chúng trong ngự uyển của cựu vương xứ Ba Yan). Kiến mãi là kiến. Điều này cũng đúng với voi và ngựa. Cái cây là cái cây. À, loài chó ở đây trông khác hẳn lũ chó Bắc Kinh của chúng ta, nhưng trong mắt đệ thì chó chỉ nường chả là nhất. (Ngoài ra: ở đây thiên hạ không ăn thịt chó, còn thì xơi tất, chẳng hạn chúng chén cả bò đực. Nhưng chuyện này để một lần khác. Đệ nói thêm bấy nhiêu thôi: sau khi trở về thì điều đệ yêu cầu đầu tiên là nường cho đệ một bộ gan chó Bắc Kinh. Ở đây đệ thiếu món này).

Điều này nghĩa là thiên nhiên không thay đổi hoặc rất chậm chạp. Con người cũng không thay đổi và chúng ta – đệ muốn nói huynh với đệ – sống trong triều đại Tống quang vinh, xin trời phù hộ cho nó, chúng ta được đọc sách của đức thánh Khổng, tuy ngài sống trước chúng ta một nghìn rưỡi năm và nếu đệ có thể du hành ngược thời gian, đệ sẽ đến thăm bậc thánh nhân ấy trên ngọn đồi triết học của ngài và nếu được ngài ra ơn dạy bảo thì một kẻ hèn mọn hơn con sâu cái kiến như đệ vẫn sẽ hiểu điều ngài nói.

Ở đây không thế. Ở Min-chen hoặc gần đấy cũng có những bậc hiền giả sống và dạy học. Họ đã trước tác và để lại nhiều điều dạy bảo thông tuệ. Một người, một bậc thầy được đặc biệt coi trọng ở Min-chen tên là She-ling^[41], nghe khá quen thuộc với chúng ta. Sự quen thuộc này chỉ ngẫu nhiên

thôi. Thầy She-ling không phải người Trung Quốc ta. She-ling tử – theo cách tính ở đây – sống cách nay mới một trăm năm mươi năm, mà theo lời ông Shi-shmi thì người ta đã phải khó khăn lắm mới hiểu được điều ông ấy viết! Sở dĩ thế, ông Shi-shmi nói, vì She-ling tử này viết ra những tư tưởng cực kỳ rối rắm, khiến có kẻ ngờ rằng đôi khi Sheling tử không hiểu ngay chính triết lý của mình. Chà, đệ tất nhiên không thể phán đoán. Một bậc thầy khác, Kan tử^[42], ông Shi-shmi kể rằng sống trước đây hai trăm năm. Thế mà nay chỉ những chuyên gia mới hiểu nổi ông. Ba trăm năm trước có một bậc thầy hết sức được trọng thị tên Lei-mi tử^[43]. Nay hầu như những chuyên gia mới đọc nổi ông, mà cũng chỉ thông qua bản dịch. Vân vân. Một nghìn năm trăm năm trước có bậc thầy nào tư duy và dạy học không? đệ hỏi ông Shi-shmi. Có chứ, ông đáp, chẳng hạn thầy Ao-gao-tin^[44], được một bộ phận dân chúng kính như thần thánh – tương tự đức Khổng phu tử của ta. “Về trạng thái thần thánh” hoặc “Về thiên đình” (đệ dịch nôm na) là tác phẩm chính của ông. Nhưng ngôn ngữ ấy đã tuyệt rồi và chẳng còn ai đọc loại văn này nữa.

Huynh thấy đấy: họ tiến bộ. Họ tiến đi đâu? Đệ ngờ rằng họ không biết. Dẫu sao, đệ thấy dường như họ đang rời xa khỏi chính họ.

Tất nhiên chúng ta cũng biết thời gian không dừng lại. Trẻ con sinh ra, lớn lên, già đi rồi chết, thế hệ này nhường chỗ cho thế hệ kia. Hoàng đế nối ngôi hoàng đế, triều đại tiếp nối triều đại. Một ngôi nhà sụp đổ, ngôi nhà mới được dựng lên. Cây trong vườn phát triển. Con chim hót trong vườn có thể không phải là con chim năm ngoái, nhưng vẫn hót cùng điệu, giống như sóng Hoàng Hà vĩnh cửu (vĩnh cửu ư? giờ đây đệ hoài nghi điều này!) vẫn luôn lăn tăn như thế. Đó là những con sóng khác, đó là tiếng hót của những con chim khác, nhưng về cơ bản chúng vẫn như nhau. Nếu ta nghĩ dòng chảy của Hoàng Hà như một vòng khép kín thì mọi khác biệt đều đổ vào tính liên tục: những con sóng lăn tăn ra biển, bốc hơi ở đấy, bay lên thành mây, mưa từ mây rơi xuống thấm đẫm những tảng đá rong rêu ở Cam Túc, những nguồn nước lại nảy sinh từ đó, đổ vào Hoàng Hà. Một chu trình liên tục, bất di bất dịch, kể cả khi Hoàng Hà thỉnh thoảng lại đổi dòng.

Một chu trình miên viễn. Chúng ta cho rằng điều này cũng đúng cho con người và chính thể của họ. Con người thế hệ sau tuy không giống hoàn toàn thế hệ trước, nhưng tương tự, không mấy khác những con sóng của Hoàng Hà vĩnh cửu. Một ngôi nhà sụp, ngôi nhà mới dựng lên. Dù chủ nhà cho lắp thêm hay bớt đi một khung cửa sổ thì về cơ bản nó vẫn là một ngôi nhà. Hoàng đế trị vì, bậc trí giả suy nghĩ (đôi khi hoàng đế cũng suy nghĩ). Có gì cần thay đổi? Chúng ta nghĩ thế. Thịnh thoàng có một cuộc cách mạng, tốt thôi. Lúa gạo hoặc đồng thau đắt hoặc rẻ hơn, đã có lúc một viên thượng thư tài chính ngu si thử đưa tiền giấy vào sử dụng... rồi tiền giấy lại biến mất. Luôn mấy năm liền các mệnh phụ phu nhân chỉ mang bím tóc màu trái đào và mọi người khác bắt chước, đột nhiên bím tóc màu trái đào bị xem là ghê tởm và mọi người đeo màu trái mận. Nhưng rồi nó cũng biến đi. Tất cả chỉ là tiểu tiết. Đã bao giờ chúng ta có nhu cầu, thậm chí hình dung được rằng điều gì đây có thể thay đổi về cơ bản?

Bọn mũi lõ ở đây có đấy. Tuy thế giới quan của chúng hình quả cầu và chúng thấy quả đất chuyển động theo hình tròn, nhưng chúng không thấy một chu trình mà chỉ thấy con đường thẳng ngu ngốc. Đệ có cảm tưởng đối với chúng đường đời của loài người chạy theo đường thẳng tắp và chúng không ngớt lo lắng rằng nó sẽ dẫn tới đâu. Những nhà tư tưởng của bọn mũi lõ chia làm hai phe: một phe bảo rằng con đường này dẫn đến tương lai vàng son, xán lạn (ông Shi-shmi bảo rằng những người này dựa vào lời dạy của một bậc thầy tên Ma-'ch – việc trùng hay giống tên thẳng bé ngo nghịch Ma'ch trong bài thơ nọ tuy chỉ là ngẫu nhiên, nhưng đệ nghĩ tự nó đã bộc lộ rồi – cũng như các đồ đệ của ông là Jing-il và Le-ning^[45]); phe khác thấy con đường đưa thẳng tới vực thẳm (lý thuyết của họ, ông Shi-shmi nói, dựa vào hai bậc thầy tên Sho-Peng-kao và Ni-tử^[46]). Huynh đoán xem theo đệ thì ai có lý. Nhưng đó chỉ là chuyện phụ.

Bọn mũi lõ không biết sự tuần hoàn. Bọn mũi lõ ngoan cố tin rằng hết thảy liên tục thay đổi và ngay cả những người có lý trí nhất cũng khẳng khái rằng thay đổi nghĩa là tốt hơn. Đã bao giờ thế giới chứng kiến một sự mê tín như vậy chưa? Nếu thế thì chỉ cần ứng dụng định luật toán học thần

thánh bất di bất dịch này: tung một đồng tiền kẽm lên trời, khi rơi xuống thì mặt sấp, mặt ngửa đều chiếm khả năng 1:1. Khi đệ thay đổi gì đấy – hoặc trong cuộc sống riêng hoặc trong thể chế – thì khả năng điều mới tốt hơn hay dở hơn điều cũ là 1:1. Ta cứ nghĩ kẻ ngu nhất cũng hiểu điều này. Bọn mũi lõ không thể. Chúng khẳng khẳng điều mới tất yếu tốt hơn điều cũ.

Tiến-bộ... chúng tiến ra xa, tiến xa khỏi hết thảy. Chúng tiến xa khỏi chính chúng. Tại sao? đệ tự hỏi. Hẳn vì chúng không thích hiện trạng của mình. Tại sao chúng không thích? Hẳn vì chúng cảm thấy khó chịu – đúng thế thật. Nhưng tiến xa khỏi mình thì đúng là vớ vẩn. Chúng chỉ thay đổi môi trường xung quanh chứ không phải chính mình. Và đây là điều đệ cho là cốt lõi: bọn mũi lõ vừa không đủ sức vừa không muốn tự hoàn thiện (tuy như đệ thấy, chúng được làm quen với quyển “Kinh Dịch” tôn quý!), chúng thích thử nghiệm với thế giới của chúng hơn. Ông Shi-shmi – tuy chưa hết thứ mê tín nọ – đã phải thừa nhận khi đệ trình bày suy nghĩ này.

Nghĩa là bọn mũi lõ tiếp tục tiến bộ và ta chỉ có thể kinh hoàng khi nghĩ đến một nghìn năm sau chúng sẽ tiến tới đâu. Có lẽ cơn ác mộng của đệ về chuyện này còn quá nhẹ nhàng. Đệ không loại trừ rằng chưa đầy một nghìn năm nữa chúng đã biến quả cầu này nát thành tro bụi. Chúng ngu xuẩn hơn cả khỉ mà một số loài mũi cũng to. Đệ chấm dứt thư này ở đây. Đệ phải ra điểm liên lạc. Sắp tới giờ phải gửi bức thư vượt thời gian này cho huynh rồi.

Chào huynh, người bạn xa xăm, huynh hôn con Tiểu Siêu giùm đệ nhé. Chiều nay bọn đệ – ông Shi-shmi và đệ – được mời dùng bữa tối tại nhà một nàng gần gũi ông Shi-shmi. Ôm huynh trong tình huynh đệ.

Cao Đài

Thư thứ mười một

(Thứ Ba, 20 tháng Tám)

Di Ngô quý mến,

Hắn huynh ngạc nhiên vì hôm nay đệ lại viết một thư nữa cho huynh. Đệ hy vọng huynh không đợi mấy ngày nữa mới lại ra điểm liên lạc (vì không nghĩ đệ lại sớm gửi thư mới đến thế) khiến biết đâu thư này phải chịu dầm mưa lâu – song tất nhiên không chắc nơi huynh cũng mưa như ở đây. Nhưng huynh đã hứa mỗi ngày đều tản bộ qua điểm liên lạc và đệ rất mong huynh giữ lời – hơn là hứa ít nhất mỗi năm ngày lại viết cho đệ. Đệ ở cái thế giới xa xôi này đã gần bốn mươi ngày mà mới chỉ nhận được bốn thư của huynh. Không phải đệ trách móc đâu. Đệ biết huynh phải giành nhiều thì giờ cho việc công, nhất là lại còn giúp đệ gánh vác trọng trách Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” trong thời gian đệ vắng nhà; tấm lòng thân ái này của huynh thật không thể nào đền đáp. Đệ rất rõ họ, những thi sĩ vô cùng đáng kính đều mang vòng hoa, các hội viên của Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” vô kỷ luật đến mức khiến đôi khi ta muốn – đệ mượn một cách diễn đạt của ông Shi-shmi và dịch theo nghĩa đen – cứ để họ y nguyên thế mà đóng lút vào đất để họ tỉnh người. Từ ngày đệ đi vắng đến nay họ đã bầu được thành viên thứ hai mươi chín bị khuyết chưa hay lũ thi sĩ quý sứ cong đuôi ấy vẫn chưa nhất trí? Tuy nhiên huynh hãy cứ viết cho đệ, thường xuyên như có thể. Và nhớ luôn cho đệ biết con Tiểu Siêu yêu quý của đệ làm gì nhé.

Lý do khiến mới hôm nay mà đệ đã lại viết cho huynh chính là vì đệ lo lắng không rõ giữa đệ với ông Shi-shmi có chuyện phiền toái bất ngờ gì chẳng. Tuy đệ đã có thể tự đi lại khá dễ dàng trong thế giới này, song đệ vẫn lấy làm tiếc nếu xảy ra bất hòa, vì qua những gì đệ kể chi tiết về ông hắn

huynh cũng biết đệ cảm thấy thật sự quý mến ông, không kém quý mến huynh, Di Ngô thân mến ạ; hai là thật đáng tiếc khi trong cái thế giới ngu ngốc này đệ không còn được một người hiểu biết hiếm có như ông Shi-shmi truyền kiến thức cho nữa.

Chuyện này liên quan đến buổi thăm viếng đệ đã viết cho huynh hôm qua.

Cho tới nay, như huynh thấy qua thư, đệ hầu như chỉ toàn trò chuyện với ông Shi-shmi thôi. Thịnh thoảng (dạo gần đây thường xuyên hơn) đệ đi mua sắm, trò chuyện với lũ mũi lỗ trong các cửa hàng – đệ cũng muốn biết về lối sống và ý nghĩ của chúng, đôi khi đệ trao đổi vài lời trong khoang cầu thang với vị phu nhân đầy quyền lực; bà dường như đã tha thứ hoặc thậm chí quên câu chuyện đáng tiếc về vụ đệ “tháo dạ” không đúng chỗ. Đệ luôn rất lễ độ khi trông thấy bà, mà đệ gặp bà thường xuyên vì bà thường đứng tại một trong những khoảng trống của cầu thang chính, mặc bộ áo đầm hoa, chống tay lên cây chổi, hẳn đó là biểu tượng cho chức vụ của bà (cây chổi chẳng có ý nghĩa cụ thể nào, vì đệ chưa từng thấy bà quét nhà). “Ô, bông hoa cao quý của tòa nhà”, đệ chào bà – đệ đã rèn thứ ngôn ngữ của bọn mũi lỗ Ba Yan này rồi, “ô đóa thu hải đường thơm tho với khuôn mặt tựa vàng trắng, Cao Đài hèn mọn tựa giun sán này kính cẩn chào và chúc bà một sáng mùa hè ngọt như mật” hoặc những lời tương tự. Mới đầu bà tỏ ra lạnh nhạt, nhưng từ lúc đệ – theo lời ông Shi-shmi khuyên – khom lưng hai phần ba, trao tặng bà một bức thư tiền giấy màu xanh, bà tức thì là hiện thân của sự thân mật.

Song tất nhiên tất cả những quan hệ này chỉ ngăn ngui thôi. Những điều thật cần biết đệ phải hỏi ông Shi-shmi, nhưng mới đây ông bảo dần dần phải nghĩ đến chuyện giới thiệu đệ với những người khác để đệ mở rộng tầm mắt. Việc đệ kể sơ hôm qua rằng được một nàng mời đến chơi là cơ hội đầu tiên.

Nàng tên Pao-leng^[47] và ở tại một khu phố xa. Bọn đệ – ông Shi-shmi và đệ – thuê một cái ô-tô giống như ở ta thuê kiệu và phu khiêng và lái đến đó vào buổi chiều. Mất nửa tiếng đi xe. Nàng ở trong một tòa nhà tương tự nhà ông Shi-shmi. Nhưng căn hộ của nàng rộng rãi hơn của bọn đệ (Đệ xin phép gọi là “của bọn đệ” cho đơn giản, chắc chắn ông Shi-shmi đồng ý).

Nhưng mọi chuyện đều rất phức tạp và huynh không thể hiểu ngay được đâu. Đàn bà con gái của bọn mũi lõ được đối xử khác hẳn kiểu chúng ta quen xưa nay, cũng khác hẳn lời dạy của đức thánh Khổng. Nghe kỳ quái, song ở đây phụ nữ đi lại trong nhà, trên đường phố, giữa chốn đông người cứ y như đàn ông. Đó là một nguyên do tại sao lúc đầu đệ khó phân biệt đàn ông với phụ nữ. Nhưng bây giờ đệ học được rồi (ngay cả không có dù). Một là không phải mọi đàn ông đều cạo râu nhẵn nhụi như ông Shi-shmi. Khối người để râu như phong tục của ta. Nhưng cả ở những kẻ râu ria nhẵn nhụi, nhìn kỹ ta vẫn nhận ra cọng râu đã cạo, vì giống mũi lõ rất lông lá. (Khác chẳng là chúng thường hay hỏi, có lẽ vì nhiều người cứ đầu trần chạy nhong. Ở đây thường xuyên mưa thì tóc của chúng sẽ bị mục thối, đệ nghĩ thế đấy. Nhưng chúng chẳng thấy phiền hà gì). Đệ nhận ra phụ nữ trước hết ở chỗ họ thiếu râu, thứ hai là ngực họ cứ ưỡn thẳng ra trước. Ngược với phụ nữ chúng ta và quan niệm về vẻ đẹp ở ta, ngực phụ nữ ở đây đúng là cả một núi thịt và họ chú ý để nó tròn trịa và chia làm hai rõ rệt dưới làn áo. Ngực nàng Pao-leng cũng khá to, nàng mặc bộ đầm cụt tay sặc sỡ sáng bóng hình dợn sóng và có lần khi nàng cúi xuống cạnh đệ, qua nách áo đệ quan sát được toàn bộ ngực nàng, to bằng ngực sáu nàng thiếp của đệ gộp lại. Vâng, ta có thể sẽ quen dần với những thứ như thế và khi quen rồi có thể ta thấy thế là đẹp. Ngực nàng Pao-leng tròn trịa và phơn phớt màu vàng kim. Chiếc áo đầm mỏng tanh họa tiết hình sóng. Khi nàng đứng giữa đệ và luồng sáng, đệ thấy rõ hết cả thân thể nàng, tuy vậy nàng không phải là kỹ nữ hạng sang, như ông Shi-shmi quả quyết với đệ, mà thuộc giới thượng lưu và có tiếng tăm.

Ông Shi-shmi bảo rằng nàng Pao-leng không có chồng. Phụ nữ ở thế giới này không cần có chồng mới có được tiếng tăm, tuy như ông Shi-shmi nói, họ cũng muốn có chồng nổi danh để được thêm danh tiếng. Cơ bản là mỗi người đàn ông và mỗi người phụ nữ đều có thể cưới nhiều lần, nhưng không được cùng lúc mà lần lượt. Hết sức bất tiện.

Lạ lùng là: ngược với phong tục chúng ta, phụ nữ ở đây có thể lấy chồng nhiều lần. Nàng Pao-leng có hai đời chồng và ly dị ông thứ nhì chưa lâu. Chỉ cần một phán quan tuyên bố chuyện ly dị này là xong. Ông Shi-shmi bảo

một ngày nào đấy ông, hoặc tốt hơn, viên phán quan bạn ông mà đệ đã quen vào ngày thứ hai, sẽ cắt nghĩa cho đệ về những chuyện pháp lý này. Còn chính ông chỉ hiểu rất ít thôi.

Hiện giờ nàng Pao-leng sống một mình. Ai ăn nằm với nàng? Nàng còn trẻ và đẹp – thậm chí theo quan niệm của chúng ta. Thể dịch trong cơ thể nàng phải được thỏa mãn cách nào đấy chứ nhỉ? Điều này đệ vẫn chưa rõ. Với lại ở đây không có hầu thiếp chính thức, ông Shi-shmi nói. Kỳ quái thật và đệ chịu không hiểu thứ phong tục lộn xộn này. Một mặt đàn ông và phụ nữ – chính mắt đệ thấy vào một trong những ngày nắng hiếm hoi – công khai nằm tổng ngồng trên bãi cỏ bên bờ sông^[48], thậm chí không ngần ngại nhảy xuống nước; đệ nói cho huynh biết: ở đây đàn ông để củ giống lũng lảng thoải mái, còn phụ nữ ưỡn những bộ ngực to như núi lên trời và thản nhiên nằm đến nỗi người ta thấy được cả thung lũng hoan lạc – mặt khác, ông Shi-shmi nói, không thể có chuyện đàn ông chính thức có nàng hầu, nếu có thì người ấy cũng sẽ giữ kín.

Ông Shi-shmi chưa từng có vợ. Ông bí mật có một hay nhiều nàng hầu hay không, đệ không rõ. Đệ không muốn hỏi. Có thể một ngày nào đấy tự ông cho đệ biết – hoặc giả là... và bây giờ đệ đi vào vấn đề đã khiến đệ lo ngại rằng giữa ông ấy và đệ có thể có bất hòa... hoặc giả nàng Pao-leng nọ là thiếp của ông.

Nàng Pao-leng đã chuẩn bị xong bữa ăn tối. Nàng thân mật chào bọn đệ. Trước đó ông Shi-shmi đã cho nàng biết đệ là ai, dĩ nhiên ông giấu lai lịch thật của đệ, chỉ bảo rằng đệ từ Trung Quốc qua thăm, nghiên cứu ở đây (đúng thế thật) và ở nhà ông (cũng đúng luôn). Sau đó có thêm một ông khách nữa mà đệ không nhớ tên vì quá phức tạp.

Nàng Pao-leng tự nấu bữa ăn. Điều này không có gì kỳ lạ ở đây. Ông Shi-shmi nói phụ nữ mũi lõ đều tự nấu. Chỉ ít, rất ít người có đầu bếp. Lạ lùng thật. Việc thế giới này hầu như hoàn toàn không có người giúp việc (đệ đã viết trong một thư trước) đã khiến đệ để ý ngay từ đầu. Sao lại không có đây tớ khi mà trên đường phố nhiều người đi rong như thế, nhiều gấp ba lần, đệ

nói vớ vẩn gì thế nhỉ, gấp mười lần trong những thành phố đông dân cư nhất nước ta? Đệ chỉ có thể giải thích thế này: trong tiến trình của thói nghiện thay đổi bằng mọi giá, bọn đầy tớ đã trở thành ông bà chủ hết. Nhưng cái gì làm nên ông bà chủ nếu không phải quyền lực họ có trên bọn gia nhân, trên bọn đầu bếp, đầy tớ, chạy giấy, nữ tỳ, nô bộc, tay sai? Thử hỏi chủ nhân không có người giúp việc có còn là chủ nhân nữa không?

Nếu ai cũng muốn thành chủ nhân thì bọn chúng nhảm to rồi. Tất cả bọn chúng không phải đã từ gia nhân trở thành ông bà chủ, mà vẫn là gia nhân, chỉ không có chủ thôi.

Cả ông Shi-shmi cũng không có đầy tớ.

Nàng Pao-leng cũng tự bưng mọi món ăn ra. Món ăn ở xứ này thật đáng suy ngẫm. Thịt chó bị coi là không ăn được, thậm chí kinh tởm. Trong khi đó bọn mũi lõ ăn thịt bò đực lẫn bò cái, uống sữa bò – đệ muốn ói mỗi khi thấy – và ăn những thành phẩm ở dạng đặc làm từ sữa. Những thành phẩm này gọi là *bu-ta* và *kai-sê*^[49]. Bu-ta màu vàng, chẳng mùi vị gì sất (bọn họ phết bu-ta lên bánh mì); kai-sê cũng màu vàng, nặng mùi như bàn chân không rửa. Thứ ghê tởm nhất chế biến từ sữa là một khối màu trắng hơi đặc sặc mùi chính phẩm tên là *yo-kou*^[50]. Ông Shi-shmi dùng điểm tâm với món này và đã mời đệ, ông bảo nó rất bổ. Đệ không thể hình dung nổi một món có thể gọi là bổ được khi nó khiến người bình thường như đệ cảm thấy buồn nôn.

Ngoài ra dường như bọn mũi lõ thấy kinh tởm trước chính món ăn của chúng. Điều này đệ đã kể ngay thư đầu, liên quan đến thứ dụng cụ ăn uống tên là gan-bal, một thứ que tõe thành bốn mũi nhọn ở đầu mà bọn chúng dùng để ghim từng miếng thịt nhỏ sau khi cắt từ tảng thịt bằng những chiếc cưa con^[51]. Ngoài ra còn có một thứ khí cụ đầu tõe như cái gáo tí tẹo. Trong những món bọn chúng dùng nó để xúc có món yo-kou nọ. Thò tay vào món ăn bị coi là hết sức thô lậu.

Đệ đã huấn luyện ông Shi-shmi tới mức ông chỉ còn nấu những món đệ quen thuộc: thịt heo, gà, vịt, cá. Những thứ này đều có ở đây, nhưng bọn mũi

lỗ chuộng thịt bò. Phải chăng đó là lý do khiến bọn họ thô lỗ mà không hay? Đệ cho rằng ông Shi-shmi đã kể cho nàng Pao-leng về thói quen ăn uống của đệ, vì đệ không tin thực đơn tối hôm ấy chỉ là ngẫu nhiên: trước nhất là món cá hồi cắt mỏng vắt chanh. May mà món này ăn nguội, vì bình thường bọn mũi lỗ thích ăn nóng phồng lưỡi. Gặp nóng thì vị giác tê liệt ngay tức thì, đâu còn phân biệt những khác biệt tinh tế được nữa. Rồi đến xa-lát, rồi một miếng thịt heo, nhưng cắt thành lát đặt trên đĩa. Ở đây cũng có cơm, nhưng chẳng mấy giống cơm của chúng ta. Món ăn đêm^[52] chủ yếu là một loại củ vàng vàng, ông Shi-shmi bảo xuất xứ từ một đất nước mà người cùng thời với đệ không hề biết, vì chưa từng có ai đến đó^[53].

Tuy nhiên – đệ sửng sốt – một trong những thành tựu về ẩm thực của chúng ta không chỉ tồn tại hàng trăm năm, mà còn từ Trung Quốc “xa xôi” của chúng ta (bọn mũi lỗ gọi là Chi-na) tới tận Min-chen: món mì sợi. Ông Shi-shmi chỉ cho đệ con đường của sợi mì trên quả cầu mẫu của ông: một nhà du hành đã từ một thành phố ở phía Nam Minchen tên là Veng-de-di^[54] đến nước ta bảy trăm năm trước thời ông Shi-shmi, nghĩa là ba trăm năm sau thời chúng ta (chuyến đi của ông ta cực khổ vô vàn so với chuyến đi của đệ). Ông ta tên là Ma-ho-po-lo^[55], được Thiên tử thời đó sủng ái, trở thành Tổng đốc tỉnh Nam Chiang. Một ngày nọ nhớ nhà, ông trở về Veng-de-di, mang theo kiến thức của chúng ta về cách làm mì sợi. Nghệ thuật này lan truyền từ Veng-de-di. Song dù nếu không phải thế, ông Shi-shmi nói, Veng-de-di vẫn là một thành phố nổi tiếng. Thành ra nhờ có Ma-ho-po-lo còn chưa sinh vào thời chúng ta mà đệ được ăn ở nhà nàng Pao-leng món mì sợi, tất nhiên dày và thô hơn mì của ta. Với lại – huynh chớ nói với ai – đấng hoàng đế đã sủng ái Ma-ho-po-lo không còn thuộc Tổng triều nữa^[56].

Cuối bữa ăn, nàng Pao-leng, xinh đẹp trong chiếc áo đầm sáng loáng hơi lộ lộ hình dợn sóng, dọn lên một món ăn ngọt. Huynh nên biết rằng bọn mũi lỗ phân biệt rạch ròi giữa món ngọt và chua. Họ không bao giờ trộn lẫn. Đệ thấy dường như họ chuộng ngọt hơn, vì cuối bữa ăn luôn luôn có món này.

Nàng Pao-leng dọn món này chắc chắn vì hảo ý, nhưng đệ không ăn nổi. Ông Shi-shmi và ông có cái tên rất phức tạp kia không ngớt trầm trồ “À” với

“Ồ”, ăn lấy ăn để món màu nâu sẫm trông như cháo sệt. Đệ thọc ngón tay vào để nếm thử và thấy ngay rằng món cháo sệt này có sữa bò. Đệ khom một lần rướn người trước nàng Pao-leng, khước từ.

Nói thêm là việc thọc ngón tay vào món ăn để nếm bị coi là thô lỗ – giống nhiều điều khác mà chúng ta coi là bình thường. Cũng như việc ợ hoặc đánh rắm sau bữa ăn để tỏ rằng bữa ăn ngon thì ở đây dứt khoát bị coi là bất lịch sự. Mặt khác, một mỹ nhân và sau này đệ được biết thêm, rất học thức như nàng Pao-leng lại không ngần ngại mặc chiếc áo đầm hơi lồ lộ, cụt ngùn và chặt căng khiến mỗi cử động đều phơi bày một phần nào đấy của thân thể, điều mà ở ta một ả kỹ nữ thập thành cũng phải đỏ bừng mặt. Sau đó, khi mọi người ngồi tại chiếc bàn thấp bên cạnh bàn ăn, nàng vắt chân như đàn ông và đệ thậm chí trông thấy cả cái nồn nường của nàng, nếu đệ không nhầm. Xin lỗi đệ đã kể những điều này. Nhưng dẫu sao đệ vắng nhà cũng đã lâu, vàng trắng đã hai lần đổi, và từ đấy – như huynh có thể đoán được – đệ chưa được nhìn gần một người đàn bà nào, huống hồ rờ rẫm. Thế là hết sức có hại cho sức khỏe ở vào tuổi đệ. Đệ mới chỉ kém mắt thôi, chứ chưa mấy may giảm sức lực.

Ở bọn mũi lõ cũng thế, thậm chí tệ hơn, không thể khác được. Bọn mũi lõ đều mắt kém, thường ngay từ lúc còn thơ. Để cân bằng, họ phát minh ra một loại gọng sắt móc vào hai vành tai – huynh đừng cười, ở đây họ coi chuyện này hoàn toàn đương nhiên – họ dùng nó để giữ những tấm kính được mài giữa đeo trước mắt. Có lần đệ đã chú ý đến điều này khi đi dạo trong hoa viên của cựu hoàng: khoảng một phần ba bọn mũi lõ mang gọng kính. Nó được giữ trước mắt chỉ nhờ cái mũi to. Đệ tự hỏi: phải chăng thiên nhiên đã cho bọn người ở đây cái mũi to để gián tiếp cân bằng thị lực yếu kém của họ?

Ông Shi-shmi cũng đeo một gọng kính như thế, cả nàng Pao-leng nữa; ngoài ra thì nàng rất đẹp, như đã nói. Đệ ngắm nàng thật lâu. Suốt buổi nàng không gỡ kính ra. Đệ thắc mắc: khi ăn nằm, nàng có bỏ kính ra không? Dĩ nhiên đệ không hỏi. Trong cái thế giới kỳ quặc này ta thường phải nén hỏi những điều mà theo ta là hoàn toàn bình thường.

Nhưng vì hồi này đệ kể về món ăn, có thể huynh muốn hỏi về thức uống. Đệ chỉ muốn trả lời: không gì phân biệt thế giới của bọn mũi lõ với của chúng ta bằng thói quen về chuyện uống. Trong khi chúng ta hài lòng với nước, trà và rượu trắng – nếu ta gọi đó là thức giải khát theo nghĩa hẹp, ở đây có vô số thức uống khác nhau. Trước nhất người ta tránh uống nước lã vì bị coi là bằng chứng của nghèo nàn, tuy nước ở đây rất ngon và trong, và mỗi nhà, mỗi căn hộ, thậm chí gần như mỗi căn phòng đều có một nguồn nước hết sức dễ sử dụng (không kể nguồn nước trong bồn sứ nọ, nhờ nó mà chất thải của cơ thể được tống đi). Ở nhà – ý đệ nói là ở căn hộ của ông Shi-shmi – đệ luôn uống nước lã khi khát. Bây giờ ông Shi-shmi quen với chuyện này rồi, chứ lúc đầu ông luôn tròn mắt nhìn đệ và lắc đầu bảo rằng sao người ta có thể uống nước lã được.

Có trà đấy, nhưng tất nhiên họ đã làm hỏng nó vì họ thêm vào trà đủ thứ, thậm chí đôi khi cả sữa. Ông Shi-shmi mua trà về và cho đệ được nấu theo kiểu của đệ. Nhưng ông không thấy ngon. Bọn mũi lõ uống sữa mọi lúc, mọi nơi. Đệ thấy dường như đó là một tật xấu không trừ bỏ được của bọn mũi lõ. Đệ không thể cho rằng thế là tốt cho sức khỏe; và đệ có thể hình dung rằng tính hung dữ của bọn mũi lõ, thể hiện qua phong cách (không diễn tả được) của họ, qua phong tục trái ngược và nhất là trong giọng nói trầm thô lỗ và ồm ồm của họ, là do lạm dụng sữa bò làm thức uống phổ biến. Có thể mắt họ kém cũng vì thế. Huynh thử hình dung: thứ vắt từ bầu sữa nổi gân bệu, thứ do con vật bắn thiêu đến thế sản sinh ra mà người ta đưa lên miệng, lại còn uống vào bụng nữa. Mới chỉ viết ra thôi mà đệ đã lợm giọng rồi.

Một thức uống khác màu nâu thẫm, gần như đen và nóng: *kafei*^[57]. Giống như trà, dùng nóng, quây đường thật ngọt, uống khá ngon và làm tỉnh táo, miễn đừng đổ sữa bò vào làm nhơ bẩn – phần lớn bọn mũi lõ làm thế. Ngoài ra còn vô số thứ thức uống làm từ trái cây. Chúng gồm hai loại: làm chénh choáng và không làm chénh choáng. Trong loại làm chénh choáng có hai thứ bọn mũi lõ ưa chuộng (bên cạnh sữa bò): vang làm từ nho – uống không tẻ; có loại đỏ hơi thẫm và loại xanh vàng nhạt – và một thứ thức uống kinh tởm có bọt và chủ yếu dùng trong dịp hội hè của dân chúng. Ông Shi-shmi bảo

nó đặc biệt phổ biến ở Ba Yan; người ta uống nó vào mọi dịp, nhất là trong những khu vườn đặc biệt^[58], thực khách thường vừa uống vừa hát những bài “tụng ca” được sáng tác riêng cho những dịp ấy. Thức uống này có hai tên gọi tùy theo loại bình đựng: *masa* hoặc *hal-bal*^[59]. Thỉnh thoảng ông Shi-shmi cũng uống một hal-bal vào chiều tối. Đệ đã thử, chẳng ngon lành gì. Đệ ngạc nhiên khi không thấy ai có thói quen đổ sữa bò vào vang hay ma-sa hoặc hal-bal.

Một thức uống khác rất bí ẩn, ông Shi-shmi nói nó cũng đến từ cái đất nước xa xôi thời chúng ta chưa ai biết tới, quê hương của thứ củ bột màu vàng vàng dùng làm món ăn đệm mà đệ đã kể ở trên. Thức uống này tên là *ko-kao-la-koa*^[60] hoặc đại khái thế. Màu nó cũng nâu thẫm nhưng uống lạnh. Ông Shi-shmi bảo rằng người chế tạo ra thứ ko-kao-la-koa này giữ bí mật thành phần pha chế, khiến đến nay vẫn chưa ai biết nó gồm những gì. (Dẫu sao nó không có sữa bò, đệ đã điều tra). Vài năm trước, ông Shi-shmi nói có người viết trong sách rằng ko-kao-la-koa làm từ thịt chó khô nghiền nhỏ. Thế là đệ lại uống thử lần nữa, nhưng vẫn không thấy ngon.

Trong bữa ăn ở nhà nàng Pao-leng đệ đã uống vang. Có loại vang sủi bọt nữa và người ta gọi nó là *Mo-te Shang-dong*^[61]. Đệ khá thích loại này. Song phải cẩn thận; nó nhẹ như nước lã, nhưng làm say đấy. Sau bữa ăn nàng Pao-leng mở liên tiếp hai chai Mo-te Shang-dong. Tối đây đệ xin quay lại với mối lo ngại đệ đã viết đầu bức thư. Đệ không chắc chắn lắm: đồng ý là đệ có uống thứ rượu ngon lành này nhiều hơn khi đệ còn hoàn toàn tỉnh táo, đệ cũng có cân nhắc đến chuyện nàng Pao-leng là người phụ nữ xinh đẹp đầu tiên đệ được thấy sau gần hai mùa trăng, cũng có thể những thể dịch trong người đệ không được thỏa mãn kể từ ngày đó – một điều hết sức tự nhiên – đã ảnh hưởng đến giác quan đệ, khiến chúng cảm nhận sự vật mạnh mẽ hơn bình thường. Thực tế là nàng Pao-leng mặc chiếc áo đầm dợn sóng sáng lóa mà đệ đã nhiều lần đề cập đến và mặc dù nó che thân thể nàng, nhưng lại làm lộ ra một cách hết sức hấp dẫn hơn cả che giấu. Thực tế nữa là nàng Pao-leng – hôm ấy là một buổi chiều hè rất ấm, gần như nóng nực, buổi

chiều đẹp đầu tiên sau trận mưa dài nhiều ngày – không mặc váy lót và dưới chiếc áo đầm, như đệ có thể nheo mắt đôi chút quan sát, chẳng có gì nữa cả.

Tại Mo-te Shang-dong hay vì những thể dịch không được thỏa mãn của đệ mà đệ còn nghĩ: nàng Pao-leng chẳng những không cự tuyệt việc đệ ngắm nhìn kỹ thân thể nàng, vì nàng không thể không nhận thấy, mà còn đáp lại với thiện cảm? Nàng đôi ba lần ngồi xuống, sao cho đệ có dịp quan sát – theo đúng nghĩa của từ này – kỹ càng và thoải mái hơn. Đôi ba lần nàng nhìn đệ trong lúc trò chuyện và – như thế nàng đoán được đệ nghĩ gì – bỏ kính ra... cho đệ thấy nàng sẽ làm gì khi ăn nằm chẳng? Đệ thú nhận tối ấy đệ ngủ không yên. Ngược với thói quen, đệ đã thức giấc nhiều lần, mờ hồ đâm dĩa và trong lúc nửa tỉnh nửa mơ ấy chiếc áo đầm sặc sỡ dợn sóng cứ lắc lư trước mắt đệ với tất cả những gì nó che đậy hoặc chính ra không che đậy.

Nhưng dĩ nhiên ở đó còn người đàn ông với cái tên quá dài khiến đệ không nhớ nổi và ông Shi-shmi nữa. Đệ không tin rằng ông Shi-shmi và người đàn ông kia không để ý đến chiếc áo đầm của nàng Pao-leng và những gì nó cho thấy. Đệ thậm chí sợ rằng ông Shi-shmi đã đoán được dăm ba ý nghĩ của đệ – điều này quá rõ. Ông hối hận đã đưa đệ đi cùng chẳng? Ông chờ đợi ở đệ nếp nghĩ của một nhà sư chẳng? Nếu thế thì hoặc ông khờ dại hoặc trước đó chưa từng ngắm nhìn kỹ nàng Pao-leng. Ngắm nhìn một người cỡ như nàng Pao-leng – chính vì nàng không phải kỹ nữ – mà giữ được nếp nghĩ của kẻ thanh tu thì chỉ có thể là thái giám hoặc già tám mươi tuổi; song ngay cả điều này đệ cũng hoài nghi. Trên đường về, cũng với một chiếc ô-tô thuê, ông Shi-shmi không nói với đệ lời nào. Ấy, có thể đệ nhìn mọi chuyện quá rắc rối. Có thể ông Shi-shmi chỉ mệt thôi, vì cũng đã uống quá nhiều Mo-te Shang-dong. Sáng sớm nay ông đi khỏi mà không gặp đệ. Nhưng ông vẫn thường hay thế.

Ở nàng Pao-leng còn chuyện này nữa: nàng có một con mèo cái. Nó là thứ thuần chủng và giống mèo ở nước chúng ta. Nó rất gần gũi với đệ và chiều hôm ấy nằm meo meo trong lòng đệ đâu chừng bốn năm lần. Chẳng cần phải nói với huynh rằng đệ đã nhớ con Tiểu Siêu xa xôi của đệ biết mấy.

Nhưng đệ nên làm gì đây? Phải thú nhận rằng nếu chiều hôm qua là lần cuối cùng được gặp nàng Pao-leng thì đệ rất bứt rứt (chỉ bứt rứt thôi ư?) Mặt khác đệ du hành tới thế giới xa xăm này đâu phải để phiêu lưu về tình dục, mà để thu thập nhận thức. Chắc, chiều nay khi ông Shi-shmi về đệ sẽ xem thế nào, qua thái độ của ông đệ có thể biết đã làm ông phật lòng chẳng và nếu có thì ông đã nguôi giận chưa. Mọi chuyện sẽ tùy thuộc vào đấy. Rốt cuộc thì đối với đệ ông ấy quan trọng hơn một người phụ nữ, cho dù nàng mặc áo đầm dợn sóng.

Với đệ thì huynh, hảo bằng hữu ời, là quan trọng nhất.

Gửi đến huynh lời chào của người bạn phương xa.

Cao Đài

Thư thứ mười hai

(Thứ Hai, 26 tháng Tám)

Di Ngô quý mến,

Từ khi đệ biết mình hiện không ở Trung Quốc và vì tính toán sai nên đã tới một đất nước xa xôi thì đệ thấy nhiều điều sáng tỏ hơn. Chẳng hạn dù có muốn thì chính bọn mũi lõ cũng không thể bạt sạch những ngọn đồi quanh đế đô tôn quý và san bằng cả nước của chúng ta được. Ông Shi-shmi (mà đệ đã có thể trò chuyện khá lưu loát không kém trò chuyện bằng ngôn ngữ của chúng ta; trong việc đọc đệ cũng tiến bộ ghê gớm) chưa từng tới Trung Quốc – mà ông gọi là Chi-na (người khác gọi là Si-na) – và không biết ngày nay ở đây như thế nào. Nhưng ông có tin tức về nó. Mỗi ngày ông Shi-shmi nhận được một tờ báo giao tận nhà. Trong tờ báo này mấy ngày trước có một phóng sự về tình hình hiện nay ở Trung Quốc. Có cả hình ảnh (trang trí rất đẹp). Qua đó đệ rất ít hy vọng rằng ở Chi-na vẫn đề khác ở đây. Song ít nhất mũi của bọn cháu chắt chúng ta ở đó không lõ. Không lõ. Theo lời ông Shi-shmi thì cả những ngọn đồi quanh kinh đô Khai Phong tôn kính (kinh đô mới hiện nay tên là Bắc Kinh) cũng không bị bạt đi và nước Hoàng Hà vẫn chảy về hướng Đông như nghìn năm trước.

Ông Shi-shmi nói không thể đi tới đó vì những lý do chính trị, chưa kể chuyến đi rất lâu dài và hết sức tốn kém. Nhưng đó không phải là điểm quyết định. Đệ tiết lộ điều này để huynh rõ: ông Shi-shmi không giàu có gì, ông ăn lương của một học viện – nó chỉ hơi hơi giống Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” thôi – nên thu nhập mỗi năm chỉ suýt soát số tiền đệ bán năm thoi bạc. Ông sống không tệ, nhưng để làm một chuyến du hành sang Trung Quốc thì không dễ dàng. Với tất cả thận trọng để ông không cảm tưởng rằng đệ tự thị hơn ông vì năm mươi thoi bạc – cho

dù đệ cao hơn hẳn ông về phẩm trật, điều này hai ta biết với nhau thôi – đệ đã nhờ ông tính xem bốn mươi tám thoi bạc còn lại được bao nhiêu tiền ở đây. Ông tính ra một món tiền khổng lồ, thừa cho một chuyến đi Trung Quốc, thậm chí đủ để mời ông cùng đi. Sau khi từ chối lấy lệ cho lịch sự, ông Shi-shmi nhận lời, bù lại ông có thể đền đáp bằng cách tiếp tục cho đệ ở nhờ.

Đệ thận trọng thăm dò phản ứng của ông đối với một đề nghị khác: có nên mời nàng Pao-leng cùng đi không. (Số tiền kia vẫn thừa cho chuyện này). Ông Shi-shmi không thay đổi nét mặt. Ông bảo đệ phải tự hỏi nàng thôi. Nhưng ông thật tâm nghĩ gì, dĩ nhiên đệ không thể đọc được trên gương mặt ông.

Song tất cả những điều này chỉ là thứ yếu, vì khó khăn nhất là tình hình chính trị ở Trung Quốc và thực tế là dù muốn người ta cũng không thể dễ dàng đi từ đây đến đó.

Sẽ rất khó để huynh hiểu điều này. Đệ đã chăm chú nghe ông Shi-shmi nhiều buổi tối. Ông là nhà sử học và đã giải thích cặn kẽ cho đệ nguyên do nào đã đưa tới tình hình chính trị không thuận lợi này ở Trung Quốc (đệ đã kể điều này cho huynh chưa? Từ đó đến nay đệ đã viết quá nhiều bức thư dài – hẳn là gấp mười lần huynh viết cho đệ đấy, bạn yêu quý ạ – khiến đệ không còn nhớ chi tiết điều gì đã kể, điều gì chưa). Đệ sẽ cố gắng tóm gọn phần nào những điều ông Shi-shmi đã kể trong nhiều buổi tối – rất liên tục và rút ra từ sự hiểu biết đầy đủ của ông.

Lại một lần nữa đệ không biết nên bắt đầu từ đâu. Đệ bắt đầu với cách tính niên lịch của bọn mũi lõ vậy. Khoảng một nghìn năm trước thời chúng ta (tức là gần hai nghìn năm trước thời ở đây), nghĩa là khoảng cuối triều đại Tiền Hán và – nếu đệ tính đúng – không lâu trước thời gian tên Vương Mãng soán ngôi thì nhà tiên tri^[62], người mà bọn mũi lõ tin như ông thánh đã ra đời. Cách tính niên biểu của chúng bắt đầu với sự ra đời của nhà tiên tri này. Ông Shi-shmi cũng cho đệ biết nhiều điều về ông này – theo cách nào

đấy ông ta giống Đức Thánh nơi đời hạnh của chúng ta, nhưng đệ sẽ kể chuyện này trong một bức thư riêng.

Khoảng cùng thời nhà tiên tri này ra đời, ở một thành phố lớn xa Min-chen về phía Nam, bên kia rừng núi^[63], có một hoàng đế trị vì, người mà ông Shi-shmi coi và kính trọng như đấng đã thành lập nên thứ thể chế tồn tại mãi tới gần thời của ông hiện nay. Hoàng đế này tên là Hao-go-shu^[64] và thành phố nọ tên là Lô^[65]. Thành phố này hiện nay vẫn còn và vẫn tên là Lô, song người dân ở đấy gọi nó là Lôma. Một rừng núi cao – đúng ra là ba dãy núi – ngăn cách Ba Yan với đất nước của thành Lô, đất nước này cũng ở cạnh biển. Ở đấy ấm và ít mưa hơn đây. (Thời tiết tốt như hôm bọn đệ đến nhà nàng Pao-leng – nó đã cho phép nàng mặc chiếc váy dợn sóng sắc sỡ vô song khiến nhìn thấy được thân thể cũng vô song không kém của nàng – chỉ là tạm thời thôi. Ông Shi-shmi gọi thời tiết đẹp đột ngột này là *Tsi-wi-shen-cho*^[66]. Bốn ngày nay trời lại mưa. Những cành cây hạt dẻ trước nhà oằn trong gió. Chim chóc lặng câm. Shai-ve-ta.) Đệ hỏi ông Shi-shmi tại sao bọn mũi lõ (dĩ nhiên đệ không dùng kiểu diễn đạt này trước mặt ông) lại định cư ở cái vùng Shai-ve-ta này mà không tại đất nước có thành Lô?

À, tại vì xưa kia đế quốc Lô của hoàng đế Hao-go-shu, hay đúng hơn của những người kế vị ông, đã gặp phải một vấn đề khiến nó bị chấn động. Để làm sáng tỏ, ông phải nói dông dài về thời trước nữa – giống như đệ hiện đang làm đây. Tầm quan trọng của hoàng đế Hao-go-shu nằm ở chỗ ngài đã kiến lập đế quốc lâu dài đầu tiên. Trước ngài tuy đã từng có những đế quốc khác lớn hơn, nhưng không tồn tại lâu. Nói chung nó giống hoàn cảnh nước ta trước thời Tần Thủy Hoàng hoặc trước nữa: một loạt thành quốc ít nhiều quan trọng hình thành quanh trung tâm một thành phố lớn; chúng cạnh tranh với nhau, tuy thỉnh thoảng hòa hiếu, nhưng phần lớn tranh giành quyền bá chủ. Thành phố Lô, mới đầu không đáng kể, nhưng rồi nhờ năng lực và sức mạnh luân lý của người dân đã dần dần giành được vai trò thống trị; mới đầu nó lần lượt thôn tính những thành phố lân cận, rồi tới những thành phố xa hơn, cuối cùng khi Hao-go-shu nắm quyền, ngài hợp nhất tất cả vùng đất thời bấy giờ của bọn mũi lõ thành một vương quốc, vương quốc Lô. Tầm

quan trọng của hoàng đế Hao-go-shu – theo đệ thì dường như việc nghiên cứu về cuộc đời và vai trò của Hao-go-shu là lĩnh vực đặc biệt của ông Shi-shmi – không phải với tư cách tướng chỉ huy tác chiến, anh hùng và tổng thống lĩnh quân đội, mà là người gìn giữ hòa bình. Ông Shi-shmi nói cá nhân ngài là một người mộc mạc và khô khan nên các nhà sử học không thích nghiên cứu, vì việc chăm lo giữ gìn trật tự không hấp dẫn bằng hành động của những kẻ làm mọi chuyện loạn lên (hệt như ở ta). Hoàng đế Hao-go-shu đã thống nhất đế quốc, xây dựng hệ thống hành chính, ban bố luật lệ công bằng, điều chỉnh hệ thống tiền tệ và buôn bán, tiêu trừ bọn cướp và hải tặc – hoàn toàn giống Tần Thủy Hoàng của chúng ta – và xây dựng một biên giới vững chắc chống lại bọn rợ phương Bắc – cũng như Tần Thủy Hoàng.

Tất cả những chuyện này xảy ra, như đã nói là vào thời ở ta tên soán ngôi Vương Mãng lật đổ nhà Tiên Hán. Thành ra hồi đó và sau đấy một thời gian dài có hai đế quốc, đế quốc Trung Hoa cao quý của chúng ta và đế quốc Lô-m của bọn mũi lõ mà không đế quốc nào biết đến sự hiện hữu của đế quốc kia trong suốt nhiều thế kỷ. Đệ mới hỏi cái gì ở giữa hai đế quốc này? Ông Shi-shmi bảo ở giữa hai đế quốc này là núi, biển và những vùng đất hồi đó hiểm trở, dân cư thưa thớt của những tộc người kém văn minh, nghĩa là chẳng có gì hết thảy.

Vâng, nhưng tiếp tục thế nào? Hoàng đế Hao-go-shu đã sáng lập nên một kiểu tương tự như triều đại, nếu ta không quan niệm quá hẹp về khái niệm triều đại, kéo dài tới gần thời đại của ông Shi-shmi. Quốc huy của đế quốc coi như do Hao-go-shu dựng nên là một con chim ưng (sau đổi thành chim ưng hai đầu), với quan niệm không lay chuyển là quyền lực của hoàng đế do được trời ban. Điều đó – về cốt lõi – là cột trụ của quyền lực. Thân phụ ông Shi-shmi còn sinh ra dưới sự trị vì của hoàng đế cuối cùng theo truyền thống này, đến thời ông không còn nữa. Nói thêm: đệ không mấy thông cảm khi ông Shi-shmi tỏ ra rất bất kính lúc nói tới vị hoàng đế cuối cùng, đế hiệu Wi-li^[67], mà ông gọi là hoàng đế ngu xuẩn. Chính vì sự ngu xuẩn của ông ta, theo lời ông Shi-shmi, mà đế chế đã suy vong – song, ông bổ sung rằng công bằng mà nói thì chẳng qua thời gian đế quốc suy vong đã chín muồi.

Ngay cả một minh quân có lẽ cũng chỉ có thể kéo dài sự suy vong này thêm một thế hệ là cùng.

Nhưng hãy trở lại với đế quốc của hoàng đế Hao-go-shu: nó tồn tại dưới thể chế nguyên thủy được năm trăm năm, tuy chỉ sau ba trăm năm – nghĩa là cùng khoảng thời gian nhà Đông Tấn ở ta – đế quốc có hai hoàng đế tranh nhau quyền bính, một bên Đông và một bên Tây^[68]. Người nào cũng tự cho mình mới thật là chân mạng hoàng đế; chẳng khác ở ta chút nào.

Nhưng vào quãng thời gian đế quốc Lô-m chia hai – sau đó dẫn tới một chuyển biến theo đệ là không lành mạnh trong lịch sử bốn mũi lõ, đến nay vẫn chưa kết thúc – từ phương Bắc, tức là từ những xứ sở có mưa, những bộ tộc da trắng, tóc màu nhạt, hoàn toàn xa lạ với người dân thành Lô-m, đã kéo tới đây vì họ cũng muốn dự phần trong cuộc sống tại những nước có nắng ấm, điều không ai có thể trách cứ. Đệ không muốn kể chi tiết làm gì, mà thật ra chính đệ cũng không nhớ nổi trong vô vàn điều ông Shi-shmi đã giải thích cho đệ. (Ông còn dùng cả những bản đồ, những hệ phả và những diễn tả bằng hình ảnh để thuyết minh. Trong số những hình ảnh ấy ông cho đệ xem một bức hình pho bản của hoàng đế Hao-go-shu, nghĩa là hình vẽ từ hình, đúng hơn: hình của một pho tượng. Ngay hoàng đế Hao-go-shu đã rành rành mũi lõ rồi). Đệ không đi vào chi tiết. Khi các bộ tộc da trắng phương Bắc đổ về Lô-m, đế chế phía Tây cực kỳ lộn xộn rồi suy vong, đế chế phía Đông cũng tàn lụi rồi trở thành nạn nhân trước cuộc tấn công vũ bão của một bộ tộc^[69] mà ông Shi-shmi bảo rằng chúng ta có biết, vì chúng thân thuộc với những bộ tộc man rợ phía Tây Bắc xâm lược chúng ta vào cùng thời đó. Tộc người da trắng phương Bắc tái lập đế chế Tây Lô-m – dưới dạng thức thay đổi – vào khoảng giữa triều đại Đường (chính xác hơn: khoảng thời hoàng đế Huệ Tông trị vì). Các lãnh chúa trên danh nghĩa vẫn suy tôn hoàng đế, nhưng càng ngày càng trở nên độc lập và dựng biên cương phân định ranh giới lãnh thổ của mình. Do đó ở đây, phía Bắc ba rặng núi, có một vương quốc hùng mạnh, ở phía Tây là một vương quốc khác nữa, một vương quốc khác trên một hòn đảo ở biển phía Tây^[70], nhiều vương quốc ở phía Bắc, vân vân. Rồi các vương quốc này càng ngày càng xa cách nhau về ngôn ngữ và

phong tục; họ không có một lịch sử thống nhất đúng nghĩa, tuy có thể nói những tư tưởng về nhà nước của Hao-go-shu vĩ đại vẫn tiếp tục phát triển và tác động dưới nhiều dạng khác nhau.

Đệ đã suy nghĩ khá lâu rằng nên hiểu thế nào về sự khác biệt lịch sử giữa vương quốc chúng ta và lịch sử vùng này của thế giới. Có lẽ huynh nên hình dung thế này: lịch sử Trung Quốc tôn quý của chúng ta có thể so sánh với vận mệnh một gia đình lớn, phân thành nhiều chi mà các thành viên tuy thường cãi cọ lâu dài nhưng vẫn cư ngụ trong một ngôi nhà rộng rãi, thông thoáng, cùng nói một thứ tiếng và không bao giờ quên – dù có nhiều cay đắng – rằng họ cùng thuộc về một gia đình. Còn lịch sử thế giới ở đây giống cuộc sống trong một lữ quán: mỗi ông khách ngụ riêng biệt trong một căn phòng, tất cả chỉ liên hệ với nhau một cách ngẫu nhiên, không ai biết người khác đến từ đâu, không ai hiểu người khác và ai cũng chỉ tìm cách trục lợi.

Theo đệ thấy thì rõ ràng sự phát triển lịch sử như thế này của bọn mũi lõ – đệ chắc chắn đó là do thiên bẩm của chúng – khiến chúng không thành công về văn hóa. Còn việc chúng không ngừng đam mê thay đổi là nguyên nhân hay hậu quả của sự phát triển này thì đệ không dám nói. Song đệ không hoài nghi rằng tình trạng văn hóa mọi rợ hiện nay của chúng là hậu quả của đường lối hướng nội nhỏ nhen mà dường như chúng vẫn thực hiện cho đến ngày nay.

Nhưng rồi sao nữa? Khoảng năm trăm năm trước – nghĩa là năm trăm năm sau thời đại chúng ta và năm trăm năm trước thời đệ đang sống ở đây – lại có sự chuyển biến trong lịch sử bọn mũi lõ. Một người đàn ông^[71] ướng ngạnh từ một vương quốc phía Nam đã căng buồm đi về hướng Tây và phát hiện rằng ngoài Trung Quốc và những đất nước ở đây của bọn mũi lõ, còn một miền đất khổng lồ mà tới lúc đó chưa ai biết đến. Người ta gọi vùng đất trải dài qua nhiều đại dương từ Bắc xuống Nam này là Am-mei-ca và số dân bản xứ ít ỏi ở đây đã bị bọn mũi lõ tiêu diệt trong thời gian ngắn. Ông Shi-shmi báo đến nay ông vẫn vô cùng xấu hổ về cách bọn mũi lõ xử sự thời bấy giờ. Ông đọc cho đệ nghe những tường thuật thời bấy giờ về điều mà bọn mũi lõ gọi hoa mỹ là “chinh phục và khai phá thuộc địa”. Đệ phải nói với

huynh: đúng là nhạo báng. Chúng ta, con dân Trung Quốc, dĩ nhiên chẳng phải thánh nhân đức hạnh và khi đọc lại những gì các hoàng đế và nguyên soái ngày xưa gây ra cho những tộc dân bên kia Trường Thành ta cũng rợn tóc gáy. Nhưng những chuyện này chẳng thấm thía gì so với hành động của bọn mũi lõ đối với thổ dân Am-me-ca. Nếu trời cao công bình thì bọn mũi lõ không thể hạnh phúc được và dường như điều này quả đã không đem lại cho chúng hạnh phúc.

Sau khi thổ dân Am-me-ca bị tiêu diệt, con cháu bọn mũi lõ ở đây liền di dân tới đó. Đất đai hoặc khí hậu ở đây dường như vô cùng tốt cho sự phồn thực, nên bọn mũi lõ sinh sôi nảy nở như cỏ và bây giờ, theo lời ông Shi-shmi, chỉ sau năm trăm năm số mũi lõ ở Am-me-ca nhiều hơn tại cố hương của chúng. Ông Shi-shmi đã có nhiều dịp sang Am-me-ca quan sát. Ông bảo: do đất nước ấy rộng lớn và khả năng để phát huy tài năng là vô cùng tận nên những nét đặc trưng của bọn mũi lõ phát triển đặc biệt mạnh ở Am-me-ca, đó chính là tiến bộ – tiến xa khỏi mình. Sự to lớn, ồn ào và hôi hám ở Min-chen đã khiến đệ sợ hãi, song chẳng thấm thía gì với sự to lớn, ồn ào và hôi hám ở Am-me-ca. Ở đó có những tòa nhà cao đến nỗi xứng đáng được gọi là “Chọc trời”. Chúng cụm lại chẳng chịt trông kinh hãi không tưởng tượng nổi. Giữa những tòa nhà này – không khác những hẻm núi – tiếng ồn rầm rập cả đêm lẫn ngày. Cuộc sống – nếu có thể gọi đó là đời sống – sôi sục có thể nói từ tầng dưới tới tầng trên, rồi tầng trên nữa, chồng chồng lớp lớp; ai bị đày đọa phải sống bên dưới sẽ chẳng bao giờ được thấy bầu trời, còn ai sống trên cao cũng chỉ thấy bóng dáng như hơi nước của bầu trời. Những thành phố cuộn vào nhau như những con rắn khổng lồ hóa thạch thì vô số. Ngày nay giới cầm quyền không kiểm soát chúng được nữa, ở đó chỉ còn bạo lực và khủng bố. Ông Shi-shmi bảo đệ nên mừng vì chỉ tới với thế giới này tại Min-chen, chứ không phải một trong những thành phố nọ ở Am-me-ca.

Tất nhiên sự phát triển của vương quốc nọ bên kia đại dương không thể không ảnh hưởng đến lịch sử các nước ở đây. Ông Shi-shmi bảo rằng trong một thời gian dài người ta ngồi ỳ trong những căn phòng chật cứng của

vương quốc Lô-mi già nua suy tàn, coi Am-me-i-ca chỉ là thuộc địa, xem thường việc nó nỗ lực vươn lên thành cường quốc. Nhưng khoảng bảy mươi năm trước ở đây, tại “Cực thế giới” này (như cách ông Shi-shmi gọi quê hương của bọn mũi lõ) lại nổ ra chiến tranh^[72], phần nào do hoàng đế Wi-li ngu xuẩn nọ gây ra. Cuộc chiến tranh này nhằm mục đích gì? Để hỏi. Thật ra không một ai biết rõ tại sao, giống như người ta không hiểu tại sao phụ nữ và trẻ con hay cãi cọ lẫn nhau. Đúng ra chẳng vì chuyện gì cả, nhưng đã khiến hàng triệu người chết. Các quốc gia và vương quốc đã đua nhau chế ra những cỗ máy giết người như rạ, ngày một thêm tàn bạo. Có những cỗ máy đủ nghiền nát cả trăm hoặc nghìn lính đối phương một lúc. Cuộc chiến kéo dài bốn năm, sau đó chẳng còn tên mũi lõ nào sống sót mà không què chân, cụt tay hoặc mất một mắt. Sau đó tới cuộc chiến tranh thứ hai do một nguy hoàng đế^[73] gây ra, y độc ác đến nỗi ông Shi-shmi muốn đối xử với y theo cách tệ hại nhất mà một nhà sử học có được: ông cự tuyệt không nhớ tên y. Thuở nhỏ ông Shi-shmi đã sống qua cuộc chiến tranh thứ hai này. Ông kể nhiều chuyện tàn bạo mà đệ không muốn thuật lại ở đây. Di Ngô thân mến, huynh biết chiến tranh mà, đệ cũng thế. Trong một nghìn năm qua chúng chẳng đổi khác gì, nguyên nhân ở đây cũng giống ở ta thôi: do bọn ngu xuẩn nhiều thêm hoặc những kẻ cầm quyền ngu ngốc thêm.

Một bên tham gia cuộc chiến này khi lâm vào thế kẹt và có nguy cơ sẽ thua, đã cầu cứu Tổng lãnh chúa Am-me-i-ca. Lính Am-me-i-ca tức khắc đến (bằng tàu vượt đại dương), với binh lực mới quyết định cuộc chiến tranh – và ở lại. Bao giờ chả thế. Những chuyện như thế này chúng ta cũng đã biết cả...

Ông Shi-shmi bảo họ không ở lại theo nghĩa những người di dân thời bấy giờ quay trở lại “Cực thế giới”. Họ chỉ để lại sứ thần, toàn quyền và thương nhân; họ đã thuộc địa hóa “Cực thế giới” và bây giờ – trước khi người ta kịp hiểu – “Cực thế giới” chẳng là gì khác hơn một thuộc địa của Am-me-i-ca hùng mạnh. Về điều này, ông nói, những người có suy nghĩ ở Ba-Yan và mọi xứ khác đều rõ cả... có điều người ta không thích thừa nhận bị lệ thuộc

nên trả thù lại bằng cách bám vào truyền thống và cho rằng “Cựu thế giới” tài giỏi hơn.

Nó không khác thái độ của một quý tộc sa sút đối với một kẻ giàu mới nổi mà ông ta phải gả con gái để khỏi chết đói. Trước mặt thì họ trò chuyện với kẻ giàu mới này như người ngang hàng, nhưng với nhau thì họ vẫn cao ngạo như xưa. Và kẻ giàu mới lại ngây thơ lóa mắt trước vẻ vinh quang bám đầy bụi của một cái vỏ rỗng tuếch.

Nhưng tất cả những điều này, ông Shi-shmi nói, chỉ là một mặt thôi. Còn một mặt khác: đó là có một vương quốc nữa vì thế giới đã phân chia (quả đất bị chia ở giữa như một quả táo, chỉ có điều không rõ ràng như ở một quả táo thôi). Vương quốc này nằm phía Đông của “Cựu thế giới” – nhưng không ngăn cách bởi biển – tuy cũng khá lâu đời, lâu đời hơn Am-meica, nhưng cũng chỉ mới thành cường quốc được hai thế hệ thôi. Đó là một quá trình hết sức phức tạp và ở nước Am-meica phía Tây người ta không ngốt vỏ trán sao họ lại có thể vấp hết sai lầm này tới sai lầm khác, không ngăn chặn vương quốc của bọn Lu-sen^[74], để chúng trở thành cường quốc. Ba mươi năm trước^[75] còn có thể ngăn chặn, chứ bây giờ không được nữa rồi. Bây giờ hai vương quốc Am-meica và Lu-sen thù địch nhau và trang bị tận răng. Nước nào cũng muốn tấn công nước kia càng sớm càng tốt, nhưng không dám, vì không đoán được thực lực đối phương. Thành ra hai gã khổng lồ này đứng nhe răng dọa nhau, thỉnh thoảng đá ống chân nhau, nhưng không quá mạnh và nhất là luôn phải cảnh giác không được quay lưng lại, kéo bị đối phương nhân cơ hội choảng vỡ sọ. Song choảng vỡ sọ chưa phải nghiêm trọng. Bọn mũi lõ có những vũ khí nguy hiểm hơn nhiều. Cung tên đã được thay bằng những roi lửa tầm xa có khả năng xuyên thủng ngay cả những kẻ ở xa. Những roi lửa này to như voi, gắn trên ô-tô bọc thép, quật một cái có thể nghiền nát cả một dãy nhà ở xa. Đội ơn Trời là đệ không phải chứng kiến và trải qua những chuyện này, mà được ông Shi-shmi cho xem một quyển sách hình vẽ cuộc chiến tranh vừa qua và giải thích những chi tiết kinh hoàng ấy. Thế mà so với loại roi lửa hiện tại thì những vũ khí sử dụng trong cuộc chiến tranh này chỉ đáng là đồ chơi thôi đấy.

Nhưng gần cuối cuộc chiến tranh, tính từ thời điểm đệ viết đây là khoảng bốn mươi năm trước, người ta đã nghĩ ra một điều hết sức kinh tởm. Để giải thích cho huynh, một lần nữa đệ phải dông dài. Huynh tưởng tượng nhé: ta cắt một thanh gỗ làm đôi, rồi vứt một nửa đi. Thế là còn một thanh gỗ dài bằng nửa lúc đầu. Bây giờ lại cắt nữa thì đương nhiên chỉ còn thanh gỗ dài bằng một phần tư. Cứ tiếp tục cắt thì thanh gỗ sẽ càng ngắn thêm. Huynh có thể chia mãi trong ý tưởng, nhưng trên thực tế sẽ tới một lúc thanh gỗ chỉ còn bằng một phần vạn cái tai con chấy và người ta chỉ có thể chia thêm một lần nữa thôi – lúc ấy sẽ có một tiếng nổ khủng khiếp. Tại sao? Về chuyện này bọn mũi lõ có nhiều lý thuyết viết thành những pho sách dày cộm. Ông Shi-shmi, không phải chuyên gia trong lĩnh vực này, đã thử giải thích cho đệ những gì đệ vừa thuật lại ngắn gọn cho huynh. Nếu khi trở về cố hương nghìn năm xa cách của chúng ta mà đệ còn nhớ được những giải thích này thì đệ sẽ thuật lại cho huynh vào vài buổi chiều hè. Hôm nay huynh hãy tạm hài lòng rằng nó như thế đấy.

Nhưng chia nhỏ một thanh gỗ (hoặc một hòn đá hay một chậu nước) cho đến khi nó nổ vang rền để được gì chứ? Theo suy nghĩ của chúng ta, của huynh, của đệ thì chẳng được gì hết thấy. Trong mắt bọn mũi lõ lại không thế. Chúng nghĩ ngay rằng với tiếng nổ gây ra khi chia nhỏ một phần vạn cái tai con chấy thì chúng có thể thiết kế một quả bom cực kỳ đáng sợ. Và cuối cùng người ta đã ném những quả bom như thế hằn vì tò mò xem điều gì sẽ xảy ra. Sự tò mò này đã khiến hàng nghìn người chết trong nháy mắt, hai thành phố^[76] bị san bằng. Không còn được một xác người, chỉ có những núi tro dị hình dị dạng. Ông Shi-shmi cũng cho đệ xem những hình ảnh này.

Có thể ta liền nghĩ rằng bọn mũi lõ sẽ kinh sợ, không dám tò mò kiểu này nữa. Nhầm to. Chúng còn chế những quả bom tinh vi hơn dựa trên phương pháp tách chia vừa nói. Ngày nay chúng có thể tiêu diệt nhiều quốc gia trong một cái phẩy tay và hất hết nước biển lên đất liền. Chúng không, hay chưa thử đó thôi.

Bọn tướng tá của hai cường quốc lăm lăm dùi cui và nhe những cái răng như thế ra với nhau. Khi nghĩ đến quân sự thì người ta không coi lý trí là

phẩm chất hàng đầu, thành ra huynh có thể lường được cái thế giới ở đây phải giữ thăng bằng trên một sợi dây mong manh cỡ nào phía trên một vực thẳm.

Đệ đập tay lên bàn – rất là bất lịch sự, nhưng không phải nhắm vào ông Shi-shmi – và nói với ông: chẳng lẽ không thể tước thứ vũ khí đáng sợ này khỏi bọn tướng tá sao? Chẳng lẽ những người có suy nghĩ không đứng cả lên hô lớn: bây giờ phải chấm dứt... Ái chà, ông Shi-shmi nói, không đâu – điều này chỉ có thể được khi hai bên, đám tướng tá của Am-mei-ca và Lu-sen rút dùi cui đi cùng lúc. Nhưng ai cũng nói: mi quăng trước đi. Và ai cũng đáp: ha ha, ngay khi ta quăng dùi cui thì mi đập vỡ sọ ta thay vì cùng rút như thỏa thuận. Bên này nói: không, mi quăng dùi cui trước. Bên kia đáp: ha ha...

Ông Shi-shmi nói từ nhiều năm nay, các thượng thư và tướng lĩnh hai nước họp hội nghị để không ngớt cãi nhai màn đối thoại này. Song dầu sao, ông nói tiếp, bao lâu họ còn đối thoại thì họ không đánh nhau.

Dĩ nhiên huynh đã hỏi từ lâu: thế còn Trung Quốc hùng mạnh đời đời? Nó ở đâu trong hệ thống chính trị của thế giới một nghìn năm sau chúng ta? Hãy nhẫn nại. Di Ngô yêu quý, đệ lại phải dài dòng mới làm huynh hiểu được.

Việc hai vương quốc chia nhau mọi quyền lực hiện hữu và làm ra vẻ hòa bình với nhau – bao lâu chưa biết ai mạnh hơn ai – song chỉ rình khi có ưu thế là tức khắc tấn công đối phương, chuyện này thì chúng ta biết rõ trong sử sách nước ta rồi. Là người nghiên cứu nhiều năm nên huynh rành rẽ hơn đệ trong lĩnh vực này, hãn huynh có thể nêu ra năm thời kỳ như thế làm ví dụ.

Điều mới ở đây là: không phải hai triều đại khác nhau đấu tranh giành ưu thế, không phải hai tôn giáo khác nhau hiện thân qua hai vương quốc Am-mei-ca và Lu-sen, song hai nhân sinh quan khác nhau về hạnh phúc trần thế của người dân, mà như đệ hiểu – theo quan niệm của những kẻ cai trị thì điều này trực tiếp liên quan đến vấn đề dùng phương cách nào làm giàu quốc khố nhất. Một cách – quốc sách của vương quốc Am-mei-ca – bảo rằng cứ để mọi người được làm điều họ muốn, kể cả kẻ ngu xuẩn nhất. Ai làm ăn

giỏi sẽ thắng, giống con heo sữa khỏe nhất giành được chỗ bú tốt nhất. Chính quyền quan sát tất cả và chờ cho những kẻ mạnh nhất lộ diện để rồi khen thưởng họ. Bọn người tài giỏi này cảm thấy nổi trội, được Nhà nước che chở; họ đóng thuế, tuy miễn cưỡng, vì hiểu rằng địa vị họ có được là nhờ Nhà nước.

Nghe ông Shi-shmi giải thích về quốc sách này đệ phản bác ngay: thế thì vương quốc này trở thành Nhà nước của bọn tiểu và phú thương là điều không thể tránh khỏi. Chẳng phải bọn con buôn ở đây giữ vai trò đáng kể ư? Đúng thế, ông Shi-shmi nói. Theo ông thì bọn thương gia giữ vai trò đáng kể ở vương quốc Am-me-ca và có uy tín hơn mọi quan chức và triết gia. Liệu như thế có tốt không? Ông Shi-shmi chỉ nhún vai.

Cách kia – quốc sách của vương quốc Lu-sen – cho rằng dân chúng, chủ yếu bọn tầng lớp thấp, quá ngu ngốc nên không thấy được điều gì lợi, điều gì không (đệ thấy có lý). Vì thế Nhà nước ở đây sắp xếp mọi chuyện từng ly từng tí và không ai được phép làm điều mình muốn. Chuyện đương nhiên nảy sinh là sẽ phải lập nên một bộ máy quản lý khổng lồ, vì mọi việc lẽ ra tự động diễn ra nếu để mọi người làm điều họ muốn, nay phải ra chỉ thị. Nghĩa là phải có một bộ quyết định việc sông phải chảy theo dòng. Ở đây đệ cũng phản bác: thế nghĩa là ở đây nửa số dân là viên chức để theo dõi nửa số dân kia làm gì ư? Đúng thế đấy, ông Shi-shmi đáp. Và tiền thuế mà bọn người bị canh chừng phải đóng chỉ đủ trả lương cho các viên chức? đệ hỏi. Đại khái thế, ông Shi-shmi đáp, tuy theo nguồn tin đáng tin cậy thì chính quyền Lu-sen cũng có được đôi chút dư thừa. Có thể trong thời gian qua họ đã cải thiện hệ thống này và chỉ cần hai viên chức canh chừng ba công nhân thôi. Tuy nhiên đến ngày hôm nay, so với sự thịnh vượng của vương quốc Am-me-ca thì họ không bằng. Đệ xen vào: nhất là hễ ở đâu mọi việc do viên chức Nhà nước điều chỉnh thì ở đó tham nhũng phát triển? Đúng thế, ông Shi-shmi đáp.

Tại cả hai vương quốc này không có triều đại nào trị vì, cũng không có hoàng đế, nghĩa là không có ai là con Trời và cầm quyền nhờ thiên mệnh. Ông Shi-shmi bảo ở đây hoàng đế cùng vua chúa đã bị bãi bỏ, thay bằng

một loại thượng khanh người trần mắt thịt, không có quyền đòi hỏi được sùng bái như thần thánh. Tước hiệu thượng khanh này không cha truyền con nối. Dường như điều này rất quan trọng đối với bọn mũi lõ. Trong nhiều năm chế độ này hiện hữu, chưa từng có chuyện con trai một thượng khanh cũng thành một thượng khanh. Họ tránh điều này. Để cho rằng bọn mũi lõ sợ sẽ hình thành một triều đại của các thượng khanh và rồi sẽ lại có hoàng đế. Khi bọn mũi lõ sợ sệt né tránh chuyện cha truyền con nối chức thượng khanh thì dường như chúng lại thầm khao khát một hoàng đế chân mạng thiên tử. Để thông cảm điều này. Một chính quyền không được thiên mệnh ư? Ở đất nước chúng ta chẳng ai hình dung nổi điều này. Để tin chắc rằng hệ thống chính quyền của ta hợp tự nhiên và lòng người hơn cũng như ít tổn kém hơn.

Viên thượng khanh của Am-mei-ca do dân chúng nước này bầu lên cứ bốn năm một lần. Mỗi người dân được phát một mảnh giấy để viết tên người mình cho là xứng đáng làm thượng khanh. Đã bao giờ thế giới nghe nói tới chuyện thế này chưa? Đúng, Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” của đệ cũng bầu ra chức Hội trưởng trong số các hội viên, họ cũng viết tên lên mảnh giấy... nhưng hội chỉ có hai mươi chín thành viên thôi. Ở Am-mei-ca có triệu triệu dân, hẳn đông gấp ba mươi lần số dân Trung Quốc vào thời chúng ta. Thử hỏi một người có thể quen biết được bao nhiêu người? Tính cả gia đình, bạn bè, đồng nghiệp – cùng lắm quen được hai trăm người. Vậy phải chăng không ai có thể nói được trong triệu triệu người ấy người nào xứng đáng nhất? Vậy chẳng lẽ ở đây mỗi người chọn chính mình ư (như lần bầu kế chót ở Thi nhân hội của đệ)?

Ông Shi-shmi đáp “phải” và “không phải” trước lời phản bác của đệ. Ông bảo vì ở đây có bầu vòng loại. Để hình dung chuyện ấy thế này: giới thương gia, nhóm thế lực nhất bên Am-mei-ca, muốn một người của họ hoặc ít nhất thân cận với đẳng cấp của họ được bầu làm thượng khanh. Họ phái người liên lạc đi khắp nước này, lớn tiếng xưng tên người mà giới thương gia muốn dân chúng bầu và dán hình người ấy khắp mọi nơi.

Thế tại sao giới thương gia không tự bầu ngay ra viên thượng khanh? Tại sao lại phải hỏi những người tầm thường khác? đệ thắc mắc. Vì giới thương gia không bao giờ nhất trí được, ông Shi-shmi đáp. Vì họ có mỗi quan tâm khác nhau nên dĩ nhiên có ứng cử viên khác nhau. Đệ bảo điều này đệ rõ, vì nó cũng giống ở ta thôi: giới bán than thích người ta mặc ít quần áo và mỏng, để bán được nhiều than, còn giới bán len muốn giới bán than làm ăn thất bát, để người ta mặc áo quần dày.

Đại khái thế, ông Shi-shmi nói, cho nên các người liên lạc của giới này ra sức gào, át tiếng người liên lạc của giới khác và dán những hình lớn hơn nữa của ứng viên phe mình, tốt nhất dán đè lên hình đối thủ, đại khái thế... Và phe nào dán hình to nhất thì ứng viên phe đó thắng à? đệ hỏi. Ngoài một số điều không lường trước được nào đấy luôn có thể xảy ra, diễn tiến có thể là như thế, ông Shi-shmi nói.

Trong chế độ này, đệ hỏi, một ứng viên khôn khéo có thể nào leo tới chức thượng khanh không? Ngoại lệ thì có, ông Shi-shmi nói, nhưng bình thường thì chế độ này – họ gọi là “dân làm chủ” (đây là đệ dịch) – chỉ tạo thành công cho những ứng viên thỏa hai điều kiện: họ phải tin tưởng vào uy tín của chính mình và không được có lập trường dứt khoát. Vì thiếu tin tưởng vào uy tín và tầm quan trọng của chính mình thì không ai gào nổi liên tục về giá trị của mình, còn thiếu điều kiện kia, nghĩa là có lập trường dứt khoát, thì sẽ làm phật lòng đa số.

Điều này khiến đệ sáng tỏ tức thì, nhưng như thế chẳng lẽ các thượng khanh là bọn ngu đần và dối trá ư? đệ nói. Vì chỉ kẻ ngu đần mới có thể dai dẳng tin tưởng vào tầm quan trọng của chính mình. Còn người có suy nghĩ thì hoài nghi chính mình trước hết, đúng không? Và người không lập trường sẽ phải liên tục dối trá, dù muốn hay không?

Ông Shi-shmi bảo rằng đệ đã nhận xét gay gắt về các thượng khanh, nhưng không thể phủ nhận rằng đệ đúng.

Ngoài ra không chỉ các thượng khanh, mà mọi tế tướng, thống đốc vân vân đều được bầu theo cách này và không chỉ ở Am-mei-ca, mà ở mọi nước

tiếp thu chế độ này từ Am-meì-ca, nghĩa là nửa thế giới; cả ở Ba Yan.

Thế ở nửa thế giới kia thì như thế nào? Ở đây đơn giản hơn, ông Shi-shmi nói. Ở đây khi viên thượng khanh nắm quyền bính chết đi thì trong cung đình sẽ diễn ra một cuộc đấu đá bằng mọi phương tiện. Nói một cách hình tượng, viên quan này giết viên quan khác, xô y xuống cầu thang, ném y qua cửa sổ, chỉ còn lại kẻ mạnh nhất. Ông ta bước ra ban công và được dân chúng tung hô.

Chế độ này đệ quá rành, đệ nói.

Đúng, ông Shi-shmi bảo ông cũng nghĩ thế. Chỉ có điều chế độ này cũng coi trọng, hầu như còn hơn cả chế độ kia, chuyện được gọi là dân chủ. Chính vì thế mà ở nước Lu-sen người ta luôn phủ nhận và giấu nhẹm diễn tiến thật sự của việc tranh giành quyền bính. Đúng, đệ nói và dẫn một câu của bậc hiền giả đời hạnh: “Cai trị là lừa dối.”

Đệ tiếp tục kéo lạc đề: hai vương quốc Am-meì-ca và Lusen này đều có các nước chư hầu và tại nơi mà hai vùng ảnh hưởng đụng độ nhau người ta đã dựng lên một bức tường^[77] tương tự Trường Thành của chúng ta, nhưng không đẹp bằng, ông Shi-shmi nói. Song cũng có những nước, lớn có nhỏ có, không theo chế độ này hoặc chế độ nọ. Ông Shi-shmi cho biết trong phần lớn trường hợp, cần phải nói rằng những nước ấy *thử* không theo chế độ nào, mà có đường lối riêng độc lập. Song hầu như chẳng nước nào thành công. Hoặc những nước ấy âm thầm – và mâu thuẫn với lý thuyết của chính họ – theo chế độ này hoặc chế độ nọ, hoặc hết ngả theo phe này tới phe kia vì tư lợi, hoặc họ hoàn toàn không đáng kể. Duy nhất, và dĩ nhiên điều này khiến đệ hân hoan, nước Trung Hoa tôn kính của chúng ta – đã từ lâu nó cũng không còn hoàng đế nữa, mà đứng đầu là một thượng khanh – không thuộc về chế độ nào và vì thế, chính ông Shi-shmi nói, sau nhiều năm bị làm nhục và hỗn loạn, đã lại trở thành Trung Quốc. Ở đây ngày nay viên thượng khanh được quyết định theo kiểu Lu-sen, nhưng Trung Quốc và nước Lu-sen bằng hoại thù địch nhau về ý tưởng và dĩ nhiên nước Am-meì-ca hết sức thích chí, nếu không nói là hả hê.

Ông Shi-shmi nói hình ảnh thế giới ngày nay là như thế. Tuy khái quát nhưng không phải không đúng sự thật.

Trung Quốc, kẹt giữa hai khối thù địch Am-meì-ca và Lusen, phải lo giữ kín (vì nền an ninh của mình) để không ai biết ở đây đã thật sự thực hiện, suy nghĩ và hoạch định chuyện gì. Một thái độ rất khôn ngoan. Cho nên các quan chức hiện đang cai trị đất nước này (bọn này mới thật là hậu duệ của chúng ta, chứ không phải bọn mũi lõ) không cho ai vào nước họ nếu thấy người ấy đáng ngờ, mà đệ phải thú nhận rằng đối với bọn quan chức này thì đệ hết sức đáng ngờ. Cho nên sẽ không thể có chuyện đệ tới Trung Hoa ngày nay rồi đấy. Ông Shi-shmi bảo rằng đệ sẽ đau lòng khi thấy ở đây hình ảnh Đức Khổng Tử vĩ đại bị chà đạp như thế nào. Có thật ngày nay ở đó lời giáo huấn của bậc hiền giả đời hạnh bị khinh miệt? Thật, ông Shi-shmi đáp. Đệ lấy ống tay áo che mặt. Hậu duệ của chúng ta tuy không trở thành bọn mũi lõ, nhưng cũng chẳng khôn ngoan gì hơn.

Thành ra đệ ở lại đây, tại Min-chen. Có lợi thế là đệ được ở gần nàng Pao-leng. Đệ đã thận trọng dò xem ý ông Shi-shmi thế nào về chuyện thăm nàng lần nữa. Ông trả lời né tránh. Đệ không muốn thúc ép ông hơn nữa. Việc gì tới sẽ tới. Nếu có cách khiến ông Shi-shmi không mất lòng, đệ sẵn sàng dọn khỏi đây, thuê đầu đây trong thành phố này một căn hộ riêng. Đến nay đệ đã thông thạo ngôn ngữ của người dân Min-chen và quen với phong tục của họ đến mức có thể tự lập được và đệ cho rằng những gì có thể học tại nhà ông Shi-shmi và từ chính ông thì đệ đã học cả rồi – đệ mãi mãi nhớ ơn ông – và đệ chỉ học được điều mới khi thay đổi môi trường.

Cả chuyện này cũng sẽ tới khi nào nó tới. Thư đã dài. Nhưng đây là một bức thư quan trọng. Chào huynh.

Cao Đài

Quan tứ phẩm kiêm Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nam bích”.

Thư thứ mười ba

(Thứ Ba, 3 tháng Chín)

Di Ngô quý mến,

Lại một tuần trăng đã qua. Bắt đầu mùa thu rồi. Sáng ra, khi đệ tản bộ dọc bờ kênh (mới đầu đệ tưởng đó là “Kênh Chuông Xanh”), một làn sương mù mỏng là là trên mặt nước. Đôi khi tĩnh lặng, nghe nước chảy róc rách, ngăm nhìn một con vịt Bắc Kinh bơi lòng vòng thì trong một thoáng giây đệ ngỡ như đang ở nhà.

Ông Shi-shmi vừa yêu cầu đệ một điều khá phiền toái. Trước đó bọn đệ đã có những buổi mạn đàm thật lâu về lĩnh vực mang tính chất nguyên tắc cơ bản và triết học, khác hẳn các đề tài từ trước tới nay. Ông Shi-shmi rất lo lắng cho thế giới, thế giới của ông. Còn *chúng ta* không cần phải lo cho thế giới của *chúng ta*. Chuyển đi của đệ đã cho thấy chúng ta còn có ít nhất một nghìn năm tương lai trước mặt – dù đó chỉ là vực thăm – vì nếu không thì đệ đã bị bắn văng ra khỏi điểm tận cùng của thời gian rồi (may mà trời cao đã rủ lòng thương cản lại. Nói thêm: đây là điều lo lắng duy nhất của đệ trong chuyến đi ngắn ngủi này). Ông Shi-shmi e rằng thế giới của ông không tồn tại được nổi một nghìn năm. Ngay cả một trăm năm thôi ông cũng hoài nghi. Đôi khi, ông nói ông thiên về quan niệm rằng thế giới của ông không tồn tại nổi hai mươi năm nữa.

Về phần mình, sau bao điều đã thấy, đệ tin rằng lo lắng của ông Shi-shmi là không thể bác bỏ và nó không nảy sinh do một luồng hắc khí nào đấy trong cơ thể ông đã hoạt động quá mức. Lo lắng của ông Shi-shmi là chính đáng. Bọn mũi lõ đang hủy hoại thế giới của chúng – chẳng may cũng là thế giới của con cháu chúng ta. Không ai lại cho rằng bọn mũi lõ cố tình làm

thế, chúng đang tiến tới vực thẳm mà không hay. Đám trẻ không muốn nhìn nhận và cố nhắm nghiền mắt lại, còn trong giới người già lại phổ biến niềm hy vọng rằng họ sẽ không phải trải qua kết cuộc đáng sợ này. Toàn bộ sự khốn khổ ấy chẳng qua là do giới cầm quyền quá ích kỷ và về cơ bản không quan tâm mấy đến lợi ích của đất nước bằng tham quyền cố vị. Khi một viên thượng khanh không tái đắc cử thì đó là điều nhục nhã. Bọn thượng khanh, tể tướng, thượng thư chỉ bo bo giữ chặt ghế bằng cả hai tay. Thành ra họ chẳng còn tay nào rảnh cho con thuyền quốc gia mà họ phải lèo lái – cùng lắm thỉnh thoảng mới có người lơ một tay... song cũng chỉ để xòe ra trước một kẻ chi tiền bí mật đối diện.

Một thái độ hoàn toàn không cao thượng. Bọn mũi lõ chưa từng nghe nói tí gì về thuyết vô vi^[78] cao quý. Đệ cũng hiểu nguyên do từ đâu: từ thói đam mê hết mức của bọn mũi lõ muốn thay đổi tất cả mọi thứ vào bất kỳ lúc nào, chúng nhằm lẫn giữa *mới* với *tốt*. *Mới* có thể *tốt* nhưng không nhất thiết. Ở, đệ nói với ai thế nhỉ... với huynh, người tinh thông Đạo Đức Kinh nhất trong toàn cõi Trung Hoa. Bọn mũi lõ luôn bận rộn với việc đổi mới. Chúng gọi thế là tiến bộ, như đệ đã có lần kể với huynh. Thành ra hễ ai trong bọn chúng rút khỏi đời sống công cộng nhằm mục đích chiêm nghiệm, suy tưởng, tự hoàn thiện sẽ đương nhiên bị coi là chẳng làm nên trò trống gì, là kẻ thua cuộc. Một quan niệm cực kỳ ngu xuẩn và nguy hại. Do vậy không thượng thư, thượng khanh hay tể tướng nào dám tự nguyện nhường ghế của mình, bởi sau đó sẽ bị mọi người chỉ trích đàm tiếu.

Ông Shi-shmi nói chuyện tham quyền cố vị còn là vì vấn đề bổng lộc nữa. Sở dĩ thế chính bởi vì bọn mũi lõ đọc quá ít những lời giáo huấn của đức thánh đời hạnh và Đạo Đức Kinh. Thành thử bọn cầm quyền ở đây trở nên bất lực về mặt tâm hồn. Đệ nghĩ thế này: bọn mũi lõ không đáng được hưởng gì khác hơn sự diệt vong thế giới của chúng, nếu đệ không sợ rằng như thế thì nước Trung Hoa yêu quý của chúng ta cũng sẽ bị kéo vào khủng hoảng. Nghe đệ trình bày, ông Shi-shmi bảo ông đồng ý với đệ, rằng đã nhiều người được báo động rồi nhưng nói chung số người biết suy nghĩ còn

quá ít. Cứ đà này cho đến khi những kẻ cầm quyền hoặc đông đảo bọn người ngu xuẩn nhận ra hiểm nguy thì hắn sẽ quá muộn.

Vấn đề chính là bọn mũi lõ quá nhiều. Trong những thế kỷ qua chúng sinh sôi nảy nở đến nỗi nhà cửa và thành phố muốn nứt bung ra. Bây giờ chúng quá đông và phần lớn không có việc làm nghiêm túc. Thành ra chúng ngồi trong những xưởng khổng lồ, sản xuất những thứ mà thật ra chẳng ai cần và Nhà nước phải bù lỗ cho các xưởng, nhưng càng ngày sẽ càng giảm, vì sản phẩm do các nhà máy này sản xuất càng ngày càng ít dùng được, chỉ bỏ đi, cho nên các hãng xưởng lớn làm ăn không có lãi nữa, Nhà nước sẽ càng thu được ít thuế hơn và sẽ thiếu tiền để trợ giúp mọi kẻ kêu cứu. Giới cầm quyền sợ rằng một khi người ta không có gì để làm và để cho vào miệng nữa, do ăn không ngồi rồi sẽ nảy ra những ý nghĩ xằng bậy và bất ngờ đốt ghế họ – những kẻ cầm quyền – đang ngồi và cố sức bám giữ. Chuyện này phức tạp ghê gớm mà một cá nhân khó lòng thấu hiểu được. Đó là một khu rừng rậm – rừng rậm mũi lõ, chính vì chúng quá đông. Ngày nào đi trên đường phố đệ cũng đều chứng kiến điều này.

Ở Ba Yan này tình hình cung ứng còn tốt, ông Shi-shmi nói. Nơi khác, ở những nước nghèo hơn đã xảy ra nạn đói rồi. Bao giờ nạn đói sẽ tràn tới đây chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. Bọn mũi lõ làm gì? Giới cầm quyền làm gì? Chúng không làm gì khác hơn là ngốn gấp đôi, bao lâu còn có để ngốn. Mai đói cũng được, chúng bảo thế. Chúng tiến bộ nghĩa là tiến xa khỏi chính con người chúng, tiến xa khỏi tâm hồn chúng. Chúng không đọc “Kinh Dịch” và “Đạo Đức Kinh”.

Một vấn đề khác là sự bẩn thỉu. Đệ tin đã viết trong một trong những bức thư đầu tiên rằng điều đệ cảm nhận trước hết ở đây là ồn ào và bẩn thỉu. Một sự bẩn thỉu khác hắn ở nước ta. Ở ta, khi gió thổi qua những con đường không lát đá, gió tốc bụi lên. Gặp lúc gió to hay giông bão, bụi sẽ thốc vào nhà. Khi một người quen từ làng quê ra gặp ta, dép hắn sẽ vấy bùn vào tấm thảm chùi chân vốn được chải sạch. Nhiều người không tắm rửa, heo cũng nhơ nhớp khi chúng đắm mình trong phân chuồng. Nhưng tất cả những cái ấy là thứ bẩn thỉu sạch sẽ. Còn sự bẩn thỉu ở đây là do bồ hóng thấm dầu

mỡ, nó phủ lên tất cả, thậm chí lẫn trong không khí. Bọn mũi lõ hoàn toàn không nhận thấy, cả ông Shi-shmi cũng thế, nhưng đệ đến từ một nơi không khí trong lành nên đệ nhận thấy. Mưa cũng có bồ hóng. Có lẽ vì sự bắn thiu phủ lên tất cả và trộn lẫn vào tất cả nên thời tiết ở đây mới xấu đến thế. Trong thời gian gần đây, ông Shi-shmi nói, người ta quan sát thấy cây cối lá hình kim héo tàn hàng loạt. Chúng còi cọc, rủ cành, rụng lá rồi chết. Người ta lớn tiếng kêu gào nhưng chẳng làm gì cả, dù họ cũng đã thấy trước được đến lúc nào thì nguyên cả cánh rừng sẽ biến mất. Sông rạch cũng đầy bồ hóng khiến không còn cá nữa. Chỉ bọn mũi lõ – qua ái lực với bồ hóng từ lúc chúng nằm nôi – tắm sông mà vẫn chẳng sao cả. Chúng vui lấp khắp nơi những chất độc hại chúng tạo ra trong những hăng xưởng lớn, chỉ thuần vì đam mê làm chuyện đấy – có quỷ mới biết tại sao. Nhưng chất độc này dĩ nhiên tìm được lối thoát ra khỏi mặt đất qua rễ cây cỏ. Nhà cầm quyền đối phó thế nào? Họ làm ra các đạo luật cấm phổ biến những tin này.

Chỉ quay ngược về cơ bản mọi chuyện mới khả dĩ ngăn chặn được sự phát triển này. Nhưng chúng thiếu sự sáng suốt, nhất là không diệt được bệnh nghiện tiến bộ. Rồi cái gì đến sẽ đến, chẳng nào cũng quá muộn rồi, ông Shi-shmi nghĩ thế. Còn đệ sẽ quay về quê hương nghìn năm xa cách trong nửa năm nữa, đội ơn trời; hy vọng cho đến lúc ấy thế giới nhiễm độc này vẫn tồn tại. Ông Shi-shmi thở dài nói ước gì ông có thể đi cùng với đệ. Nhưng đâu thể. Ngoài ra, nếu được thì đệ muốn đem theo nàng Pao-leng hơn – dĩ nhiên đệ không cho ông biết điều này.

Nhưng tối hôm qua ông Shi-shmi đã đưa ra một đề nghị khác: đệ có thể cho ông mượn máy móc của đệ chẳng. Ông muốn, nếu được, du hành vài thập niên – chứ không phải một nghìn năm – vào tương lai của ông. Ông biết thế là quá đáng nên đã chần chừ lâu trước khi nêu yêu cầu với đệ, song điều này rất quan trọng đối với ông.

Huynh có thể hiểu ngay rằng đề nghị này không làm đệ hứng thú. Mặt khác đệ hàm ơn ông Shi-shmi hơn mọi người ở thế giới này, nên không nỡ từ chối thẳng. Về lý thuyết thì đệ có thể giúp ông du hành một thời gian ngắn vào tương lai. Nhưng sẽ ra sao nếu lỡ ông làm hư hại máy móc? Nếu

ông không quay về? Lúc ấy đệ sẽ phải đứng chịu trận và ở lại trong cái thế giới nhiễm độc đầy điều ngu xuẩn này, sống qua ngày đoạn tháng hết cuộc đời mình và khi về già lại còn bị cuốn vào cơn lốc diệt vong của chúng. Không, không – nên đệ mới trả lời rằng đệ cần suy nghĩ, đáp ứng đề nghị của ông là điều rất phức tạp. Ông gật đầu. Có thể rồi ông sẽ quên chuyện này.

Đệ chào huynh nhé. Hãy mạnh giỏi và nhớ vuốt ve con Tiểu Siêu đang gừ gừ của đệ. Viết thư cho đệ nhé.

Cao Đài

Thư thứ mười bốn

(Thứ Ba, 10 tháng Chín)

Di Ngô quý mến,

Hôm nay đệ đã trò chuyện với nàng Pao-leng mà không cần phải đến gặp. Huynh ngạc nhiên? Đúng thế, không gặp mà vẫn trò chuyện được. Bọn người ở đây có một thứ máy giống cái hộp con với một cái đĩa có nhiều lỗ^[79], ta thọc ngón tay vào lỗ rồi quay đĩa theo cách nhất định và ta sẽ nghe tiếng nói của người mà ta muốn nghe phát ra từ một vật hao hao giống hình thù một củ cải dị dạng. Chuyện nghe có vẻ thần kỳ và tuyệt diệu, nhưng về cơ bản không phức tạp bằng những tính toán của chúng ta mà nhờ đó đệ đã du hành được vào tương lai. Huynh hãy hình dung rằng họ đặt dưới mặt đất những đường dây bằng đồng, theo lời ông Shi-shmi giải thích, và nhờ những xung lực vô hình mà tiếng của người kia, hay của bất kỳ ai, được truyền đi, miễn người ấy cũng có chiếc máy với củ cải như thế (nó gọi là *te-lei-fong*). Những đường dây đồng này nối mọi nhà với nhau, tới cả những nước khác nữa. Tới cả Trung Quốc à? đệ hỏi. Đúng, ông Shi-shmi nói, tới cả Trung Quốc... nhưng đệ không thể nghe giọng nói của huynh qua củ cải và dây đồng, vì đối với thế giới này thì huynh đã – đệ xin huynh thứ lỗi – chết gần nghìn năm rồi. Cho nên đệ cũng không thể nghe qua chiếc máy hình củ cải này tiếng kêu dễ thương của con Tiểu Siêu yêu quý (vì người ta có thể truyền mọi thứ âm thanh, kể cả tiếng động), mà chỉ có thể nghe tiếng con mèo cái của nàng Pao-leng meo meo phía sau, trong lúc nữ chủ nhân của nó hạ cố trò chuyện với một kẻ không xứng đáng như đệ.

“Tại hạ đây”, đệ nói, “kẻ hèn này là Cao Đài, gia nhân và nô bộc không xứng đáng của quý phu nhân, viên quan bản thủ chỉ đáng bị đập văng khỏi

ngưỡng cửa cao quý của phu nhân.” Đệ khom lưng hai lần rưỡi, cho dù nàng hoàn toàn không thể thấy đệ qua te-lei-fong.

Nàng cười nói: “A, ông khỏe chứ? Ông vẫn còn ở đây à?”

Đệ khom lưng lần nữa và đáp: “Vâng ạ, kẻ hèn này vẫn còn vinh dự được lưu lại cùng dưới một bầu trời với sự hiện diện tôn kính của phu nhân cùng con mèo cao quý và lấy làm sung sướng được nghe giọng nói ngọt như mật ong của phu nhân qua te-lei-fong. Phu nhân cho phép nô tài được hỏi giờ đây phu nhân có đang mặc chiếc áo đầm dọn sóng màu mè sáng chói không ạ?”

Nàng lại cười đáp: “Không. Hiện giờ tôi ăn mặc rất lôi thôi, lấm bết vì vừa thay đất cho mấy chậu hoa”.

“Tại hạ có được phép đặt ra một câu hỏi vô cùng ngạo mạn, dù kẻ hèn này còn lâu mới được quyền ấy, rằng con mèo của phu nhân khỏe hay chẳng?”

“Mỹ tử¹⁸⁰¹, lại đây nào”, nàng Pao-leng nói – Mỹ tử là tên con mèo – “lại đây nói cho bác Cao Đài biết sức khỏe mày thế nào đi”. Lúc ấy con mèo không kêu, nhưng nàng Pao-leng bảo nó đang gừ gừ, đệ nghe thấy chẳng? Đệ chẳng nghe thấy gì cả, nhưng vẫn nói có để nàng khỏi phật lòng. Rồi đệ bảo rằng thời tiết lúc ấy thật dễ chịu. Nàng Pao-leng bảo để ý thấy đệ chuộng rượu Mo-te Shang-dong, khi nào đệ lại có hứng uống một ly Mo-te Shang-dong thì cứ đến thăm nàng. Đệ cáo biệt bằng đủ thứ lời cung kính và khom lưng (tuy như đã nói, nàng không thấy được). Sau đó nàng hỏi bao giờ đệ tới?

Huynh có thể hình dung đệ sửng sốt thế nào về câu hỏi ấy. Nghĩa là huynh sẽ sửng sốt, vì đệ đã khá quen với những tập tục không mấy chính đáng của cái thế giới kỳ quái này, nên không quá ngạc nhiên mà chỉ ngẫm nghĩ thôi. Bọn mũi lõ không bao giờ có mặt tại nơi ta phỏng đoán. Vâng, bọn mình, huynh với đệ, đôi lúc cũng đi đây đi đó chứ (như đệ lúc này đây), nhưng ai cũng biết và nếu ta không qua đời trên đường đi thì lúc nào đấy sẽ quay về và lại có mặt. Ở đây khác hẳn. Bọn mũi lõ liên tục trên đường đi. Đệ thấy điều này qua ông Shi-shmi. Khi ông ở chỗ này, khi lại ở chỗ khác, lúc đi với

ngôi nhà sắt ngược xuôi qua thành phố. Một ngày có hai mươi bốn giờ thì – ngoại trừ buổi tối ngủ – ông ở nhà không quá bốn giờ. Khi đệ hỏi thì ông trả lời là chạy theo công việc. Nghề của ông là nhà giáo kiêm thủ thư trong Viện Sư phạm ở Min-chen. Nghĩa là không bao giờ gặp ông tại nhà. Chẳng gặp tay mũi lỗ nào tại nhà cả, chúng luôn trên đường, chạy tới chạy lui hoặc lái ô-tô hoặc ngồi trong những ngôi nhà sắt, nghĩa là chúng di chuyển không ngừng. Có thể điều này liên quan đến việc lạm dụng sữa bò, song cũng có thể với triết lý của chúng (hay đúng hơn: với sự mê tín của chúng) về sự tiến bộ. Khi muốn thăm ai, ta không thể cứ tự tiện đến căn hộ của người ấy như ta quen nghĩ; cứ tự tiện đến thì ngẫu nhiên lắm mới gặp (vì hoặc người ấy đi du lịch hoặc được tế tướng tiếp kiến, tuy chẳng mấy khi có chuyện này). Không, ta phải hẹn một thời điểm hết sức chính xác, chính vì thế nên người ta mới thiết kế ra thứ máy móc với đường dây đồng và củ cải.

Vì thế bọn mũi lỗ mới có thứ dụng cụ chỉ thời gian nhỏ xíu đeo bằng dây ở cổ tay. Cũng có những dụng cụ to hơn chỉ thời gian đặt ở góc đường như thể pho tượng, hoặc treo trên tường căn hộ như những bức tranh. Chúng không ngừng mó máy những dụng cụ chỉ thời gian này, chỉnh lại, lên giây, để chúng chỉ thời gian thật chính xác.

Mặt trời mọc, mặt trời lặn, chính Ngọ vùn vùn là những mốc quá không chính xác đối với chúng. Việc phân chia thời gian của chúng cực kỳ tinh vi. Như chúng ta, bọn mũi lỗ cũng biết năm, tháng và ngày, nhưng chúng còn biết một thứ ở giữa gọi là tuần lễ, tương đương một phần tư tuần trăng. Chúng chia ngày không chỉ thành giờ mà còn thành một phần sáu mươi của giờ (“phút”) và thậm chí một phần sáu mươi của phút; khoảng thời gian nhỏ xíu này – có lẽ bằng cái đập cánh của con chim sẻ – gọi là “giây”. Các dụng cụ thời gian lớn hay nhỏ cũng đều chỉ hết những cái này. Ông Shi-shmi tặng đệ một cái và đệ đeo ở cổ tay trái. Ông cũng chỉ đệ cách xem thời gian.

Do đó khi đệ muốn thăm ai, hoặc ai muốn thăm đệ, đệ phải cầm lấy củ cải, quay những cái lỗ và hẹn với người ấy: ngày thứ mấy của tuần lễ (mỗi ngày có một tên gọi, xoay vòng khi hết tuần), khi dụng cụ thời gian chỉ bấy nhiêu giờ và bấy nhiêu phút. (Trừ chuyện chúng thừa thãi tính thêm cả bao

nhieu lần con chim sẻ vỗ cánh, phải công bằng nói rằng chúng không làm điều quá vớ vẩn).

Phần chia nhỏ thì bé hơn cái toàn thể, đó là một định luật cũ mèm. Cái toàn thể nguyên vẹn lớn hơn tổng của các phần. Đệ học được ở đây rằng điều này khá đúng với thời gian. Thời gian chia nhỏ trôi qua rất nhanh. Bọn mũi lõ đã chia nhỏ thời gian của chúng không thương tiếc, nên thời gian trả thù bằng cách trôi qua nhanh hết sức có thể. Và bọn mũi lõ luôn ngạc nhiên về điều này. Chúng luôn kêu ca rằng với chúng thì “thời gian có trong tay giống như nước chảy” – theo cách diễn tả của ông khách mà đệ không nhớ tên trong buổi tối ở nhà nàng Pao-leng. Chẳng lẽ không ai trong bọn chúng thấy cần suy ngẫm về điều này ư? Nhận ra mối tương quan nào có khó gì. Đệ đã nhiều lần nhận thấy ở đây người ta dùng câu nói sáo rỗng “... hăn luôn thừa thời giờ” để chê bai. Lúc ấy chẳng lẽ chính bọn mũi lõ không nhận thấy chút gì sao? Nhưng suy ngẫm không phải sở trường của bọn mũi lõ..., cho việc suy ngẫm này “chúng không có thời giờ”.

Ông Shi-shmi đã rất tư lự khi nghe những suy nghĩ này của đệ. Ông cho rằng có thể đệ đúng. (Dĩ nhiên đệ đúng!) “Tại sao”, đệ hỏi ông, “túc hạ không rút kinh nghiệm từ điều này?” Ông bảo chỉ một người thì không thể cưỡng lại việc chia nhỏ thời gian phổ biến, không thể thay đổi được quan điểm của người khác mà chỉ có hại. Vâng, có thể đúng. Ông cứ làm điều ông muốn. Đệ không đến đây để thay đổi thế giới này, mà để tìm hiểu nó và rút ra nhận thức cho thế giới của *chúng ta*.

Thành ra đệ đã hẹn với nàng Pao-leng sẽ đến thăm nàng vào ngày thứ ba tuần lễ sắp tới (nghĩa là một ngày trước tuần trăng đầu của tháng Chín), khi dụng cụ thời gian chỉ mười lăm giờ và ba mươi phút.

Ông Shi-shmi biết chuyện này. Chuyện hiểu lầm của đệ đã được giải quyết, vì chính đệ đã hiểu lầm quan hệ của ông Shi-shmi với nàng Pao-leng. Không có tình ý gì với nàng nên ông không cấm cản những người đàn ông khác đến thăm nàng. Một ngày nọ đệ đã thẳng thắn hỏi ông, ông bảo đệ hỏi thẳng như thế là tốt, vì ông sẽ rất tiếc nếu giữa bọn đệ có hiểu lầm hoặc

thậm chí ghen tuông. Ông Shi-shmi bảo ông chỉ là bạn nàng Pao-leng thôi. Ông không có đòi hỏi gì đối với thân thể nàng. Ông nói thêm, không thể không nhận thấy giọng ông đượm chút cảnh báo, rằng nàng Pao-leng mang tiếng nguy hiểm cho đàn ông. Tuy nàng không phải là kỹ nữ thượng lưu bán thân nuôi miệng, như chính đệ có thể đã thấy, song nàng sống “một cuộc đời phóng túng” mà người khác không nhận ra ngay được chỉ vì nàng am hiểu mọi loại nghệ thuật, văn học cũng như triết học. Như ông đã nghe nói nhiều lần, nàng Pao-leng sành sỏi nhất trong mọi kiểu ái ân, song như đã nói, nàng không lấy tiền. Ông bảo nàng Pao-leng đã có hai đời chồng, nay nàng sống một mình và tự do ăn nằm với những người đàn ông nàng yêu thích.

Dĩ nhiên đệ nghe với lòng quan tâm, song không hoàn toàn tin vào lời cảnh báo của ông Shi-shmi – tất nhiên đệ không nói ra.

Một trong những “bạn trai” mới đây của nàng là một thi sĩ nổi tiếng của thành phố trong một thời gian dài. Nhà thơ này thậm chí đã sáng tác vài bài về nàng Pao-leng. Sau một lúc tìm kiếm ông Shi-shmi lôi ra quyển sách với những bài thơ này và đưa đệ đọc. Đệ không hiểu. Ông Shi-shmi bảo ông cũng không hiểu luôn. Không phải ông mua mà được nàng Pao-leng tặng. Ông đoán rằng tập thơ này bán ế (điều này chúng ta cũng từng biết về những sản phẩm của một số thành viên đáng kính trong Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích”) nên nhà thơ đã để lại cho nàng một số lượng khá lớn. Nếu đệ lại đến thăm nàng, ông Shi-shmi nói, chắc chắn cũng sẽ được tặng một quyển như thế này.

Âu đây cũng là một cách để đem thơ đến với thiên hạ. Có thể khi trở về, đệ sẽ đề nghị điều này với Thi nhân hội tôn kính.

Nói chung đệ thấy điều ông Shi-shmi nói (với giọng cảnh báo) là đáng ngờ. Phải chăng chính ông đã làm thơ về nàng Pao-leng? và nàng đã khước từ những bài thơ ấy? Đệ nghĩ khác hẳn và rất có thể ông Shi-shmi sống tiết chế về mặt tình dục gần như một nhà tu hành, vì suốt hai tháng ở đây đệ chưa hề thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ có một người phụ nữ trong cuộc sống của ông; những người như ông Shi-shmi – dù đệ quý ông tới đâu –

thường có khuynh hướng không muốn người khác được hưởng những gì bản thân họ không được hưởng.

Chuyện này cũng thật kỳ lạ trong thế giới ở đây. Có tốt cho phong tục tập quán không? Đệ không rõ. Ở nước chúng ta thì phụ nữ là thê hoặc thiếp, là mẹ hoặc con gái, là thị tỳ hoặc đầy tớ. Huynh có thể nào hình dung là bạn của một người phụ nữ, giống như huynh là bạn của đệ được chăng? Ở đây khác. Phụ nữ ở đây tự cho mình quyền ăn nói và suy nghĩ như đàn ông, còn bọn đàn ông không chỉ nhắm mắt cho họ làm thế, thậm chí còn chấp nhận nữa cơ – đúng là bọn nhu nhược. (Dĩ nhiên đệ sẽ giấu nhem những suy nghĩ này trong lần trò chuyện với nàng Pao-leng vào tuần lễ tới).

Đệ sẽ một mình tới nhà nàng Pao-leng, không có ông Shi-shmi. Đệ cũng đã nói với ông rồi. Ông bảo nên như thế, một là vì hôm ấy ông lại “không có thời giờ”, hai là ông cho rằng đệ học tự đi lại trong thành phố là tốt. Nhân cơ hội này đệ cho ông biết về ý định sẽ dọn ra khỏi căn hộ của ông và tìm một căn hộ riêng cho thời gian còn lại của đệ ở đây, nếu ông không coi đây là sự xúc phạm, vì đệ nghĩ và cũng nói để ông biết, đệ muốn có được cái nhìn toàn diện hết mức có thể về thế giới này; còn nếu cứ ở đây, thoải mái dưới sự chăm sóc của ông, đệ sẽ bị ràng buộc vào ông, vào thói quen và quan điểm của ông. Không, ông không coi đó là xúc phạm, ông rất hiểu và cho thế là đúng. Nếu là ông, ông cũng sẽ làm như vậy. Tình bạn của bọn đệ không vì thế mà đoạn tuyệt, vả lại càng tốt, vì sắp tới bà mẹ góa bụa của ông sẽ đến thăm ông trong vài tuần như mọi năm (mẹ của ông Shi-shmi sống tại một thành phố khác ở phía Bắc), và bà có thể ở trong căn phòng hiện đang dành cho đệ. Tuy nhiên, ông nắm tay đệ nói thêm, nếu đệ quyết định khác và muốn ở lại với ông cũng vẫn được, vì lúc ấy ông sẽ nhường phòng mình cho mẹ và ông sẽ ngủ tại đi-văng trong phòng khách.

Đệ nói chúng ta sẽ cân nhắc mọi chuyện, nhưng trong thâm tâm đệ đã quyết định sẽ tự lập hơn đôi chút. Như vậy đã sắp đến lúc chấm dứt những ngày đệ lưu lại trong ngôi nhà này. Nhưng trước mắt, mọi suy nghĩ của đệ tập trung vào buổi thăm viếng nàng Pao-leng sắp tới và chúng rất thú vị.

Tuy vậy đệ vẫn không quên con Tiểu Siêu dễ thương và luôn vô cùng yêu quý nó. Nhớ kể cho đệ về nó. Ngoài ra huynh không cần viết nhiều về những chuyện xảy ra trong gia đình đệ. Như thế thư của huynh sẽ ngắn gọn hơn. Khi nào trở về, đệ biết các nhạc mẫu có mặt hơn không và một nàng thiếp có ngứa ngón chân không cũng đâu có muộn. Nếu chính thất của đệ vẫn không khỏi mụn nhọt thì đành chịu vậy.

Đệ ôm bằng hữu thân thiết xa xăm.

Cao Đài

TB: Rất tiếc ông Shi-shmi vẫn chưa quên ý định muốn mượn chiếc “la bàn-thời gian” của chúng ta. Sáng sớm nay ông lại nhắc chuyện ấy.

Thư thứ mười lăm

(Thứ Ba, 17 tháng Chín)

Di Ngô vô cùng quý mến,

Đệ nhận được gần sát nhau hai bức thư của huynh – thật không ngờ, mà thư dài nữa chứ. Cám ơn huynh, đệ rất vui được thấy dấu chân đáng yêu của Tiểu Siêu lan lợi. Đệ không tán thành cho con ngựa giống “Bạch mộng gia nguyệt”^[81] yêu quý của đệ phủ một con ngựa cái của phó tế tướng. Phó tế tướng là một lão ngu xuân thiển cận, lại còn theo đạo Phật nữa. Lão không có chút hiểu biết gì về ngựa và đệ không muốn hạt giống quý báu của con tuấn mã “Bạch mộng” phí hoài trong cái tàu ngựa luộm thuộm của lão. Huynh cố giúp ngăn cản chuyện này nhé. Nếu thấy lão có vẻ bị xúc phạm, huynh hãy thay mặt đệ đề nghị con trai lão – nếu đệ nhớ không nhầm thì hẳn tên là Tuân Phổ và không đến nỗi quá ngu như lão bố – lấy một trong mấy đứa con gái của đệ. Ba hoặc bốn đứa đến tuổi cập kê rồi. Khi trở về, đệ sẽ giải quyết mọi chuyện. Huynh nói giúp với lão như thế.

Đệ rất vui thấy huynh quan tâm, thậm chí tò mò theo dõi cuộc phiêu lưu của đệ đến thế và đệ sẽ không mệt mỏi tiếp tục kể thật chi li mọi chuyện.

Tối hôm qua quả là một giờ khai thị mới đối với đệ. Những giờ phút ấy – nói chính xác: hai giờ rưỡi tất cả – cho đệ thấy nơi thế giới xa xôi này không chỉ có tiếng ồn ào mà còn có âm nhạc nữa. Loại âm nhạc này mới đầu vô cùng xa lạ với đệ, đâu thể mong chờ khác được, nhưng rồi đệ đã nhanh chóng nhập vào được cốt lõi của nó.

Ông Shi-shmi, không phải nhạc sĩ nhà nghề nhưng yêu thích âm nhạc, đã chuẩn bị tinh thần cho đệ trước buổi tối này. Vào những ngày định sẵn ba người bạn sẽ tới nhà ông, họ gặp nhau luân phiên tại nhà mỗi người để chơi

nhạc. Lý do khiến mãi đến nay đệ mới biết thứ âm nhạc mà đệ đang kể là vì bốn người này có thói quen tạm ngừng vào mùa hè để đi nghỉ mát. Cả ông Shi-shmi cũng thường nghỉ hè ở đâu đó khác, thường ở biển phía bên kia ba rặng núi lớn, ông bảo thế, năm nay vì đệ nên ông mới không đi. Đệ xấu hổ khi nghe ông nói thế. Ông liền cắt ngang lời phản đối của đệ, bảo rằng việc giao tiếp với đệ đem lại cho ông nhiều kiến thức và lợi lộc hơn chuyện đi nghỉ và những buổi đàm đạo với đệ đã bù đắp gấp trăm lần cho chuyến đi ông bỏ lỡ năm nay. Tuy vậy đệ vẫn khom lưng (một lần gặp người và thêm hai phần ba nữa) cảm ơn ông hết lời. Bây giờ, vào tháng Chín, ông và ba người bạn lại gặp gỡ đều đặn để chơi nhạc. Tất nhiên đệ nhận lời mời của ông.

Ở đây âm nhạc rất được coi trọng, ít nhất từ phía ông Shi-shmi và các bạn của ông. Chỉ chơi nhạc thôi, chứ không nhảy múa hay ca hát (song ông Shi-shmi bảo cũng có loại nhạc để hát). Ông Shi-shmi nói tứ tấu được giới sành điệu coi là đỉnh cao của âm nhạc. Nó không nhằm phục vụ mục đích gì và nếu có thì cũng chỉ cho chính nó thôi.

Mỗi người trong bộ tứ chỉ chơi một nhạc cụ (với ba người kia đệ được giới thiệu là khách từ Trung Quốc xa xôi; họ không hỏi thêm và cũng không nói gì nhiều), hai người (có ông Shi-shmi) chơi một nhạc cụ bằng gỗ, giống nhị hồ của ta, chỉ khác là bẹt hơn, đáy kín và cần ngắn hơn. Đệ yêu cầu và được giải thích: nhạc cụ này tên là *kei-geh*^[82] hoặc *vi-lo-ling*, nghe cao và trong hơn loại nhạc cụ của một ông khá mập, rậm râu (tên ông là *Te-cho*). Nhạc cụ này trông giống *kei-geh*, chỉ lớn hơn chút xíu, gọi là *va-tsche*^[83] hay *vi-lo-la*. Thêm vào đó là một loại *kei-geh* lớn, âm trầm hơn gọi là *cheng-lo*^[84], do con trai ông *Te-cho*, một chàng trai chưa có râu chơi. Người chơi *kei-geh* và *va-tsche* kẹp nhạc cụ giữa cằm và vai trái, còn *cheng-lo* giữa hai đầu gối, rồi dùng một cây vĩ để kéo như với đàn nhị của ta, nhưng không phải từ dưới mà từ trên. Tay phải họ cầm cây vĩ, tay trái bấm dây thành dài ngắn để chỉnh âm cao thấp – như với đàn nhị vậy.

Ông Shi-shmi cũng cho đệ xem một loại “chữ” riêng cho âm nhạc gồm một loạt những dấu chấm rồi rậm mà dĩ nhiên đệ không giải mã được. Ông

Shi-shmi bảo tuy thế nó đầy ý nghĩa và nếu đệ muốn thì chắc chắn sẽ học được. Đệ bảo tạm thời đệ giới hạn trong việc nghe thôi.

Rồi họ ngồi thành vòng tròn, mắt hướng vào nhau (đệ ngồi xa xa trong một ghế bành ở góc phòng, cố tránh làm phiền họ), trước mặt họ là những cái giá nhỏ bằng sắt, trên để những tờ giấy ghi “chữ” nhạc, rồi họ thản nhiên chỉnh nhạc cụ, chúng ré lên nghe thật kinh hãi. Mới đầu đệ tưởng đó là âm nhạc, nhưng ông Shi-shmi cười giải thích – hẳn ông thấy mặt đệ nhăn nhó – ý nghĩa thật sự của hành động vừa rồi.

Âm nhạc này gợi nhớ đến loại âm nhạc của chúng ta do Tô Đông Pha mang từ các nước Tây vực về: gồm bảy âm chính và năm âm phụ, sự hòa điệu và thanh tao của những âm này nghe thật trang trọng. Đệ thích nhất một tác phẩm gồm nhiều khúc, lúc khoan lúc nhặt của thầy Ve-to-feng^[85] mà ông Shi-shmi bảo sống trước đây khoảng hai trăm năm. Thầy Ve-to-feng để lại nhiều tác phẩm khác nhau; riêng cho “tứ tấu tuyệt vời” (đại loại đệ dịch sang tiếng ta như thế) thầy Ve-to-feng đã viết mười bảy nhạc phẩm. Chúng được đánh số thứ tự; bài chơi tối hôm qua mang số “132”. Nó dựa trên cung “la” – như ông Shi-shmi cho đệ biết – tương tự cung “vũ”^[86] của chúng ta.

Đương nhiên không thể có chuyện đệ hiểu được thứ âm nhạc lạ lẫm về mọi phương diện này ngay từ âm đầu tiên, thành ra đệ ngồi trên chiếc ghế bành trong một góc phòng. Lúc ấy trời tối, mọi ngọn đèn tập trung hết quanh chỗ họ, còn đệ ngồi trong bóng tối nhưng thấy thật hợp ý mình. Phải thú thật: đệ đã thấy trong cái thế giới lạnh lẽo và ồn ào này quá ít điều hay đẹp mà quá nhiều điều ngu xuẩn, vớ vẩn và vô nghĩa, khiến khi thành tâm lắng nghe lòng mình, đệ cũng có khuynh hướng thấy âm nhạc của thế giới này là đáng ghét. Âm nhạc của thầy Ve-to-feng dừng chờ mong tìm thấy nơi đệ mảnh đất màu mỡ để đơm hoa kết quả.

Người chơi đàn vi-lo-ling (sau đó ông Shi-shmi cho đệ biết rằng ông ta chơi nhạc cụ này xuất sắc và sống bằng âm nhạc) được coi như là trưởng nhóm, tức là người chơi “chiếc vi-lo-ling số một” nói theo cách của họ. Ông ta – có cái tên quá dài và chẳng có gì đặc biệt để đệ có thể nhớ được – gật

đầu ra hiệu bắt đầu khi mọi người đã trang trọng kẹp đàn dưới cằm hoặc giữa hai đầu gối và đặt cây vĩ xong xuôi, đệ phải công nhận họ rất trang trọng. Chiếc cheng-lo bắt đầu với những âm trầm từ tốn, những nhạc cụ kia lần lượt nhập vào, đưa khúc nhạc lên cao. Đó là một nhạc điệu giản đơn và rất khẽ khàng. Tiếp theo là khúc chơi nhanh, có lúc mạnh mẽ, song luôn được xen kẽ với những đoạn từ tốn, kiềm chế.

Tuy ngay những âm êm dịu đầu tiên đã làm biến mất thành kiến của đệ đối với âm nhạc của bọn mũi lõ, hay nói hoàn toàn thành thật: tuy những âm êm dịu đầu tiên của thầy Ve-to-feng vĩ đại đã khiến đệ không thể tiếp tục giữ thành kiến của mình, song mới đầu đệ thấy âm nhạc này dường như không toàn bích, như thiếu sót, tùy tiện, không chính xác và dĩ nhiên rối rắm. Nhưng ngay trong khúc đầu – quá ngắn theo quan niệm của chúng ta – đệ đã bị sức quyến rũ của âm lướt này âm lướt nọ lôi cuốn, ngay sau đó đệ nhận ra sự lặp lại của một giai điệu và khi khúc nhạc kết thúc với một âm lướt mới đầu nhẹ nhàng thì thầm, rồi như ngọn gió xuân bằng thủy tinh lấp lánh, đệ đã bị âm nhạc của thầy Ve-to-feng vĩ đại, và có lẽ của bọn mũi lõ nói chung, chinh phục.

Tiếp theo là một khúc nhạc rất nhanh, xen giữa nhiều lần với một giai điệu rất ngọt ngào và cao vút, diễn tả không gì khác hơn tiếng hót của một con chim phù thủy trong một cánh rừng pha lê. Khúc nhạc thứ hai chấm dứt với tiếng hót đầy mê hoặc. Rồi tới một khúc nhạc dài hơn một chút (sau đó ông Shi-shmi bảo rằng không ai chờ đợi đệ hiểu được ngay). Khúc nhạc này có tên “Lời cảm tạ thiêng liêng của một người khỏi bệnh dâng lên thần thánh”, có lẽ là tác phẩm quý báu nhất mà một bậc thầy âm nhạc của bọn mũi lõ từng sáng tác. Nó tương tự một chương mã hóa nào đấy của một quyển Kinh Thánh mà để hiểu nó người ta phải dành cả đời thành kính chiêm nghiệm. Chính ông Shi-shmi đã cùng các bạn tấu khúc này vài chục bận cũng như đã nhiều lần nghe người khác chơi và ông tin rằng nhờ thế đã thấu được đôi chút cốt lõi ý nghĩa của thứ âm nhạc khó hiểu này, chứ không dám khẳng định đã hiểu hết. Thành ra mới nghe lần đầu tiên trong đời khúc

nhạc đặc biệt này mà đệ đã cảm nhận đôi chút về bí mật của “tứ tấu tuyệt vời” là cả một vinh dự.

Khúc nhạc này giống một cuộc leo núi trong sương mù, vất vả leo, lên tới đỉnh khi sương tan, một tiếng chim hót êm dịu, cao quý – không trần tục hóa bởi ca từ – cho ta cảm nhận bầu trời trong sáng và êm ái gần kề, và khúc nhạc kết thúc trong phút suy niệm xuất thần, như một chiếc lá nhẹ chao.

Tiếp theo lại tới một khúc nhạc mạnh mẽ dưới trần thế. Ông Shi-shmi dùng một sơ đồ tự vẽ để giải thích cho đệ (vì đệ chưa hiểu chữ-nhạc của họ!) rằng đúng ra đây là hai khúc nhạc đan vào nhau, khiến đệ cảm thấy như nó diễn tả một đời người chệnh choạng qua mọi bước thăng trầm của số mệnh và sự chuyển dịch của bốn mùa. Khúc nhạc này – và cùng với nó là cả bản nhạc – kết thúc bằng những âm thanh mạnh và to, như tiếng cánh cửa sập lại khi người chiến sĩ từ trong nhà xông ra, đi chiến đấu.

Đệ như bị chết điếng. Đó là một sự mặc khải mà đệ chưa từng được biết đến trong đời và lại càng không chờ đợi nơi thế giới này. Đệ rút vào phòng mình; sau khi ba người bạn của ông Shi-shmi ra về rồi đệ mới ra lại. Chắc hẳn ông Shi-shmi đã nhận thấy sự xúc động của đệ và tỏ ra rất vui. Bọn đệ trò chuyện khá lâu về âm nhạc và đệ đã hỏi rất nhiều. Ông Shi-shmi kể rằng thầy Ve-to-feng vĩ đại – như nhiều người khác – đã sáng tác khúc nhạc này vào cuối đời, có thể xem đó là di chúc về nghệ thuật của ông cho hậu thế, khi ông phải chịu số phận hẩm hiu nhất đối với một nhạc sĩ: ông bị điếc. Phải, ông Shi-shmi nói, biết bao kẻ ngu xuẩn đốt đặc âm nhạc lại có được thánh giác tuyệt vời, còn Ve-to-feng vĩ đại lại bị điếc. Cho nên ông không hề được nghe âm nhạc của chính ông cho tứ tấu và mọi tác phẩm khác ông sáng tác những năm cuối đời. Nhưng ông nghe bằng “tai bên trong”, như cách ông Shi-shmi diễn đạt, có lẽ vì thế nhạc của ông mới mang nét tách rời bênh bồng khỏi gánh nặng trần thế. Do đó khúc tứ tấu tuyệt diệu này không chỉ là âm nhạc, mà thật sự là cái hồn bay lượn tự do của âm nhạc trong sự tinh khiết hoàn toàn của nó. Đệ đồng ý với nhận xét này.

Ông Shi-shmi bảo còn có những bậc thầy vĩ đại khác, hoàn toàn có thể đứng ngang hàng với thầy Ve-to-feng. Tuy đây là quan niệm và ý kiến riêng của ông thôi, nhưng nó cũng trùng hợp với ý kiến của nhiều người bạn âm nhạc khác. Chẳng hạn khoảng một trăm năm trước Ve-to-feng có một bậc thầy đáng kính tên Yo-yang' Se-va-tang' Wa'ch^[87] (tên dài ngoằng), âm nhạc của ông rất được coi trọng. Lúc già, thầy Yo-yang' này bị mù (bình thường các nhạc sĩ không mù^[88]) và vào cuối đời đã đọc cho người con rể chép một thứ âm nhạc mà có lẽ đến nay là cốt lõi nội tại không dò nổi của mọi âm nhạc, và người ta không thật rõ nên chơi nó với những nhạc cụ nào. Đúng ra thứ nhạc này đã gồm những giai điệu của không gian thoát tục và là một loại toán học ngân vang trong tâm hồn. Rồi cùng thời với thầy Ve-to-feng, sớm hơn một chút, có một bậc thầy vĩ đại tên là Mo-tsa^[89]. Ông chết rất trẻ song vẫn để lại rất nhiều tác phẩm; chúng thường bị hiểu lầm vì trong đó là một thế giới ma quỷ ẩn sau lớp mặt nạ quyến rũ. Sau đó có một bậc thầy, cũng chết trẻ, tự coi là học trò của thầy Ve-to-feng, tên là Fa-shu-ve^[90]. Thầy Fa-shu-ve này có một nhạc phẩm cho ngũ tấu tên là “Cá hương” mà ông Shi-shmi đặc biệt thích. Rồi có một bậc thầy vĩ đại khác mà người ta có thể nói rằng ông này bằng cách nào đấy đã hoàn thiện những gì Ve-to-feng bắt đầu. Ông này có bộ râu dài (ông Shi-shmi cho đệ xem hình), vẻ mặt khó dăm dăm, âm nhạc của ông là nhạc thời sau này. Ông Shi-shmi và các bạn trong tứ tấu định lần tới sẽ chơi một nhạc khúc của nhạc sĩ này. Loại nhạc này cay đắng, nghiệt ngã, như hồi tưởng về một thế giới tươi đẹp hơn. Tên ông là Yo-yan' Wa-mas^[91], ở một thành phố miền Bắc và theo ông Shi-shmi, là bậc thầy vĩ đại đáng kính cuối cùng.

“Thế nay không còn nhạc sĩ nữa ư?” đệ hỏi. “Còn chứ”, ông Shi-shmi đáp, “nhưng đây là vấn đề quan niệm”. Đối với một số tác phẩm của những bậc thầy mới, có tác phẩm ông thấy hay, có tác phẩm khác ông bày tỏ sự kính phục trước những nỗ lực của nhạc sĩ, nhưng sau thầy Yo-yan' Wa-mas không ai đạt tới đỉnh cao thật sự nữa.

Buổi trò chuyện chấm dứt như thế. Đệ vào giường nằm và nghĩ tới thầy Ve-to-feng gặp phải định mệnh tàn nhẫn, đã từ đôi tai nội tại thuần khiết

sáng tác khúc nhạc thiên liêng cho tứ tấu tuyệt diệu. Đệ đã khóc.

Đệ yêu cầu ông Shi-shmi rằng lần tới đệ nhất định muốn được nghe. Ông hứa. Ông bảo ông rất vui. Thế giới này cũng có mặt hay của nó. Một hòn đảo của tâm hồn giữa những ồn ào và hôi hám.

Đệ tiếp đi trong hạnh phúc. Ngay giờ đây những thanh âm của thầy Veto-feng vẫn còn bành bồng quanh đệ, những thanh âm mà đệ sẽ không bao giờ quên.

Và đệ chào huynh, Di Ngô quý mến. Ước gì huynh cũng được nghe những âm thanh ấy.

Cao Đài

Thư thứ mười sáu

(Thứ Bảy, 28 tháng Chín)

Di Ngô bằng hữu,

Ông Shi-shmi đã đem lại cho đệ bao nhiêu niềm vui (qua ông và những người bạn của ông mà đệ được dịp làm quen với âm nhạc của thế giới này và thầy Ve-to-feng độc nhất vô nhị) thì ông cũng làm đệ buồn phiền bấy nhiêu, vì ông không quên chuyện mượn chiếc la bàn-thời gian. Ông không ngừng nhắc. Đệ không thể thẳng thừng từ chối, vì ông đã làm cho đệ bao nhiêu điều tốt, ngay từ ngày đầu đệ đến đây. Nay đệ đã có thể gần như tự đi lại được, và cũng đã làm rồi, hầu như không cần đến ông trợ giúp nữa. Qua những lần đệ thoái thác, chắc hẳn ông nhận thấy rằng đệ hoàn toàn không hân hoan về điều ông yêu cầu. Bình thường ông rất tế nhị nên không dấn động đến sự do dự của đệ. Nhưng sáng sớm nay, trong bữa điểm tâm thịnh soạn, ông đã nhắc lại chuyện này. Cần nói thêm rằng không phải ngày nào cũng được ăn điểm tâm thịnh soạn như thế. Có một chu trình nhất định mà theo đó lại tới hai ngày bọn mũi lõ không phải làm việc. Điều này liên quan đến việc phân chia thời gian mà chúng gọi là “tuần lễ”, đệ đã kể với huynh về chuyện này rồi. Hôm nay và mai là hai ngày như thế. Những ngày này ông Shi-shmi thường không rời khỏi nhà. Vào ngày đầu thì các cửa hàng mở cửa ít nhất đến giữa trưa. Vào ngày thứ hai – chúng gọi là “Chúa nhật” hay “ngày của mặt trời” – mọi việc buôn bán đều đình lại. Song không có nghĩa là bọn mũi lõ nghỉ ngơi ngày hôm ấy để quán chiếu và suy ngẫm; không; chính ngày này chúng chạy còn hơn hết, đưa con và dẫn chó vào công viên. Các chú khuyến ở đây thường béo nẫy, nhưng không ai thịt chúng cả; đệ nhớ đã kể cho huynh rồi.

Vào những ngày thế này khi ông Shi-shmi không phải dậy sớm như mọi hôm, ông chuẩn bị bữa điểm tâm khá linh đình. Thịnh thoảng thậm chí bọn đệ còn uống một hai ly Mo-te Shang-dong. Bọn đệ thích buổi điểm tâm kéo dài thế này cùng những cuộc trò chuyện thoải mái trong lúc ấy. Nhưng hôm nay ông lại nhắc chuyện muốn mượn cái la bàn-thời gian và chiếc túi du hành của đệ.

Đệ khom lưng hai phần ba trước ông và nói: “Thưa Shi-shmi tử, bằng hữu vô vàn đáng kính, bậc thầy môn khoa học lịch sử, người có uy quyền trên đám môn sinh đông đúc khôn lường; chúng chăm chỉ và ngoan ngoãn ngồi dưới đôi chân đáng ca ngợi mấy cũng không đủ của túc hạ tại Viện Sư phạm vang danh bốn biển ở Min-chen, nuốt từng lời nói ý nghĩa thâm sâu từ đôi môi tuyệt đẹp của túc hạ; túc hạ là chủ nhân vô cùng hào hiệp của căn hộ tuyệt vời này, là người bạn yêu quý vô vàn, túc hạ hãy cho phép tại hạ, loài sâu bọ bẩn thỉu không xứng đáng và không hiểu nổi những quan hệ cao cấp, được bày tỏ vài dẫn đo, tất nhiên không mấy may hy vọng có thể phản bác những luận điểm cao quý và vững chắc của túc hạ”. Đệ trình bày hết những gì mà hai ta – huynh, Di Ngô quý mến và đệ – hồi đó đã kiểm lại những phản biện đối với phương án của chúng ta: sẽ ra sao nếu nó vượt ra khỏi tận cùng thời gian, hoặc do tính toán sai, hoặc vì tận thế xảy ra sớm hơn chúng ta nghĩ? Lúc ấy biết đâu đệ sẽ đáp xuống một nơi nào đấy hoàn toàn trống rỗng, hoặc biến thành hơi trước khi kịp hiểu chuyện gì xảy ra. Chuyện như thế có thể xảy ra rất nhanh. Nhưng ông Shi-shmi bảo ông rất tò mò về chuyện du hành vượt thời gian, nên sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Đệ bảo: được thôi, thế còn tại hạ? Tại hạ sẽ làm gì khi không còn chiếc túi du hành? Tại hạ sẽ sống kiếp lưu đày ở đây suốt cuộc đời còn lại, mòn mỏi nhớ con Tiểu Siêu và nhất là quê hương. Nếu thế thì về lâu về dài nàng Pao-leng cũng không phải là niềm an ủi. Vấn đề này cũng có thể xảy ra nếu chiếc la bàn-thời gian lỡ bị trục trặc gì đấy (dưới đôi bàn tay cục mịch của ông Shi-shmi, đệ nghĩ nhưng không nói ra).

Đúng, ông đáp, ông biết hết những chuyện này chứ. Nhưng ông hứa sẽ giữ gìn chiếc la bàn như con người của mắt ông. Ngoài ra ông đâu có định

du hành một nghìn năm vào tương lai, mà chỉ hai mươi năm thôi. Nếu chuyển du hành nghìn năm của đệ diễn ra êm thắm, thì chuyển đi chỉ năm mươi năm (ông thần nhiên tăng thêm ba mươi năm chỉ qua hai câu nói) sẽ không xảy ra chuyện gì. Đệ không lòng dạ nào từ chối mãi lời nài nỉ của ông. Đệ nghĩ tới nghĩ lui, cuối cùng hứa sẽ suy nghĩ tới tối hôm nay... nhưng hẳn đệ sẽ không tránh khỏi chấp nhận điều ông yêu cầu. Đệ sẽ không bao giờ thấy nhẹ nhõm – ngoài chuyện đệ quay về vĩnh viễn – cho đến khi ông quay về lại.

Đệ biết, bạn vô vàn thân yêu ạ, bức thư này ngắn hơn như trước nay đệ vẫn viết cho huynh (tuy nó vẫn dài hơn những thư của huynh được viết nắn nót, quá đẹp cho việc nhắn tin tới một người bạn không xứng đáng như đệ), nhưng đệ phải gấp gáp lên. Đệ thừa nhận đã lây tính vội vã của bọn mũi lõ rồi. Nhưng biết làm sao? Một kẻ đơn độc không thể cưỡng lại lớp đá ào ào đổ kéo theo cuộc sống xuống thung lũng. Đệ đang vội, phải đem thư này đến điểm liên lạc, rồi đáp một ngôi nhà bằng thếp đến với nàng Pao-leng, nàng đang chờ đệ.

Thời gian đệ ở nhà ông Shi-shmi sắp kết thúc rồi. Bà quả phụ đáng kính mẹ ông Shi-shmi sẽ đến đây trong vài ngày tới. Đệ sẽ dọn tới một nhà khách công cộng cho khách lạ ở thành phố này, miễn là trả tiền. Nàng Pao-leng hứa sẽ tìm cho đệ một nơi tương xứng, tiện nghi và gần căn hộ của nàng. Hôm nay nàng với đệ sẽ nói về chuyện này, bên cạnh những chuyện khác. Thành ra đệ rất vội. Thân ái chào huynh.

Cao Đài, người bạn xa xôi của huynh.

Thư thứ mười bảy

(Thứ Năm, 3 tháng Mười)

Di Ngô thân mến,

Hôm nay là ngày Rằm thứ ba kể từ khi đệ đặt chân lên thế giới xa xôi này. Ngày đã ngắn hơn, đêm đã lạnh hơn thấy rõ, nhưng thời tiết mùa thu này đẹp và dịu khác thường.

Cám ơn huynh đã năng viết cho đệ trong thời gian gần đây, quả là bất ngờ, cám ơn cả sự thông cảm thăm thiết của huynh thể hiện qua nhiều câu hỏi đậm tình bằng hữu về chuyện đệ quen nàng Pao-leng. Việc lão phó tế tướng khước từ đề nghị của đệ, không tán thành chuyện hôn nhân giữa cậu quý tử của lão, tuy mắt hiếng song vẫn khôi ngô như ánh mặt trời sáng lòe mặt đất, với một trong lũ tề nữ lem luốc, gớm ghiếc của đệ (mà những người cha phẩm trật ngang hàng với đệ khao khát được làm thông gia), một mực khẳng khẳng muốn con ngựa giống quý của đệ phủ con ngựa cái của lão thì quả là vô liêm sỉ, trâng tráo. Lão tưởng tượng vợ vẫn gì thế? Phó tế tướng là cái thá gì? Đã đến lúc đệ phải nghĩ đến tương lai của đám con gái đệ chứ. Chúng đâu trể lại được. Đệ yêu cầu huynh đến gặp và bảo lão đưa cho huynh danh sách lũ ngựa cái của lão cùng với phả hệ chính xác. Hãy cho đệ biết từ danh sách này (cả từ phả hệ nữa, tất nhiên) những con ngựa cái nào huynh thấy xứng đáng với con “Bạch mộng” quý báu của đệ rồi mình sẽ tính tiếp. Nhưng hãy làm cho lão hiểu ngay rằng đệ chỉ sẵn sàng chịu cho ngựa giống của đệ phủ ngựa cái của lão, nếu con trai lão cưới ít nhất *một* trong những con gái của đệ. Không, hãy bảo lão: ít nhất *hai*. Vẫn còn thì giờ để thương lượng xuống một mà.

Đệ hiện ở trong một khách điểm công cộng từ hôm qua. Chúng gọi nơi đây là khách sạn và không đồng thời là nhà chứa hay ít ra đệ chưa nhận thấy. Đệ đang viết cho huynh tại sảnh đường khách sạn mang tên “Bốn Mùa” này. Nàng Pao-leng đã sắp xếp mọi chuyện cho đệ. Nàng cũng cho đệ mượn một trong những cái hòm lạ lùng bằng da hình chữ nhật, gọi là *ko-feng*^[92]; bọn mũi lõ không bao giờ đi du lịch mà thiếu nó cả. Nàng bảo đệ có thể xếp vào chiếc hòm này áo quần kiểu mũi lõ của đệ và tất cả những thứ đệ đã góp nhặt như của riêng ở đây. Ngoài ra nàng nói, nếu đến một nơi sang trọng như khách sạn này mà không có kofeng sẽ bị coi thường. Thứ bậc của khách được đo bằng số ko-feng to hay nhỏ. Nàng Pao-leng đã dùng ô-tô riêng đón đệ tại nhà ông Shi-shmi, tuy nàng bận không tưởng tượng nổi, như nàng nói. Đừng hỏi đệ nàng bận chuyện gì? Đệ không biết. Ngoài chiếc hòm dùng để xếp đồ cho đệ, nàng còn mang theo ba cái khác cũng chứa đồ để khách sạn đối xử phải phép với đệ, chủ nhân của bốn chiếc ko-feng. Từ nay đệ sẽ phải đi xe khá xa để đến điểm liên lạc của chúng ta, nhưng bù lại nhà nàng Pao-leng ở rất gần đây. Nếu sai bước, đệ chỉ cần đi năm trăm bước.

Buổi chia tay với ông Shi-shmi rất là thảm thiết. Bọn đệ quyết định không vì đệ dọn đi mà đứt liên lạc. Bọn đệ hẹn trong một ngày sắp tới ông sẽ dẫn đệ tới dự một phiên tòa. Đệ đã làm quen với đời sống riêng của bọn mũi lõ rồi, bây giờ tới lúc đệ dành cho việc nghiên cứu sinh hoạt cộng đồng. Ngoài ra đệ sẽ đều đặn dự các buổi hòa nhạc của ông Shi-shmi và ba người bạn âm nhạc của ông (ba ngày trước đệ đã tham dự buổi tối hòa nhạc thứ hai – có lẽ còn hưng phấn hơn lần trước), cho nên quan hệ với ông Shi-shmi không bị gián đoạn. Về chuyện ông muốn mượn chiếc la bàn thì hồi đó chiều chiều bọn đệ vẫn trò chuyện với nhau. Đệ đã viết cho huynh rồi: đệ quyết định nhượng bộ điều thúc giục của ông và đệ cũng đã cho ông biết. Ông Shi-shmi cảm ơn hết lời. Ông chỉ muốn đi ngay, nhưng có vấn đề ông quên nghĩ tới, đó là bà quả phụ Shi-shmi, mẹ ông, sắp đến thăm. Con trai bà vắng mặt lúc này là khiếm nhã. Vậy nên ông Shi-shmi miễn cưỡng dời chuyến du hành tới sau chuyến viếng thăm của bà mẹ. Đệ không cần kể với huynh rằng việc

này đã khiến đệ nhẹ cả lòng. Có thể đến ngày đó ông không còn hứng thú nữa. Hiện đệ cất chiếc la bàn ở khách sạn.

Khi nàng Pao-leng đến đón đệ, ông Shi-shmi tỏ ra hơi bối rối vì dĩ nhiên ông không rõ giữa nàng và đệ đã nảy nở mối quan hệ loại nào, song buổi chia tay không vì thế mà thiếu chân thành. Đệ có thể đọc được phần nào ý nghĩ của ông qua nét mặt ông, còn ông không đọc được qua nét mặt đệ (ông đã nhiều lần nói thế), ông rất do dự. Nàng Pao-leng tỏ ra thân mật và thoải mái như nàng vốn thế. Và lại chuyện này đâu liên quan gì đến ông Shi-shmi, cho dù ông là bạn của đệ và đệ hàm ơn ông nhiều.

Đúng, qua nét mặt bọn mũi lõ đệ có thể đọc một phần, thậm chí phần lớn ý nghĩ của chúng, nhưng chúng không thể làm điều ngược lại. Tại sao thế? Đệ đã rất thẳng thắn nói về chuyện này với ông Shi-shmi, ông cho biết trước kia ông quen nhiều người thuộc dân tộc ta, nghĩa là lũ hậu duệ hiện đang sống của chúng ta mà ông bảo rằng bề ngoài rất giống đệ. Cả ở họ ông cũng luôn khó đoán nổi nét mặt. Như đã biết, hết thấy bọn mũi lõ cũng đều thấy thế, và chúng cho rằng nét mặt thường ngày của chúng ta giống như mặt nạ cười cười, nếu không nói là nham nhở, nghĩa là thâm hiểm, vì những phản ứng không thân thiện không được biểu lộ trước qua sự thay đổi nét mặt.

Đệ tự giải thích chuyện này như sau: bọn mũi lõ có nét mặt rất thô. Mũi chúng lõ, mắt tròn thô lỗ, môi dày, cằm nhô ra trước và răng to. Để kiềm chế một khuôn mặt ngáo ộp như thế thì một tâm hồn mạnh nhất cũng không làm nổi. Mỗi cảm xúc của tâm hồn đều chuyển lên khuôn mặt, và vì khuôn mặt thô nên ngay cả cảm xúc cao thượng nhất cũng thể hiện một cách méo mó, thô thiển trên nét mặt (cảm xúc không cao thượng lại càng rõ rệt hơn). Khi vui, bọn mũi lõ nhe răng, ngoác miệng lên trên; khi giận dữ, chúng cũng nhe răng, nhưng miệng xệ xuống hoặc trề môi dưới. Lúc ấy mặt chúng thường đỏ gay rất đáng sợ. Đó chỉ là những ví dụ đơn giản. Với kẻ không am hiểu thì trông đầy đe dọa như huynh có thể hình dung, và đệ đã phải mất nhiều thời gian mới học được sự khác biệt này. Nay đệ không cảm thấy bị đe dọa nữa, nhưng vẫn thường không tránh khỏi thấy như thế là khô hài. Kể cả với nàng Pao-leng.

Ông Shi-shmi xách chiếc hòm da ko-feng đựng đồ của đệ xuống dưới – ông khăng khăng không chịu để đệ xách. Đệ cầm chiếc túi du hành, đệ khom lưng ba phần tư và nói vài lời tăng bốc để từ biệt bà quả phụ mẹ ông Shi-shmi, bà nhe răng cười; trước khi nàng Pao-leng và đệ lên chiếc ô-tô con, đệ ôm ông Shi-shmi, nói một tràng dài cảm ơn về vô số việc tốt ông đã làm cho đệ.

Chiếc ô-tô màu xanh của nàng Pao-leng quá chật – chở bốn cái ko-feng to và túi du hành của đệ – nhưng chạy cũng nhanh, nàng luồn lách rất khéo qua xe cộ hỗn loạn trên đường phố, khiến chỉ một lúc sau đã tới khách sạn. Một gã tiểu nhị mở cửa xe và sừng sốt – đệ nhận thấy ngay trên khuôn mặt thô kệch của gã – khi thấy hai người với bốn ko-feng và một túi du hành có đủ chỗ trong chiếc xe bé xíu.

Ngay sau đó đã xảy ra một chuyện rắc rối. Để giải thích, đệ lại phải dài dòng và nhắc huynh nhớ lại rằng trước đây không lâu đệ đã kể với huynh về chuyện bọn mũi lõ sùng bái giấy đến nỗi nếu gọi thế giới này có nền văn hóa giấy cũng không oan uổng, rõ ràng nhất là qua việc chúng chi trả bằng giấy. Mỗi tay mũi lõ phải có một quyển sổ nhỏ bằng giấy của riêng hẳn, chỉ liên quan đến hẳn và nếu có thể thì luôn mang nó theo trong người, trong đó ghi chú mọi thứ về chủ nhân quyển sổ (chẳng hạn: sinh ra khi nào, ở đâu, cao bao nhiêu... những điều mà ở ta chẳng ai quan tâm), phải gắn cả một tấm ảnh con nữa. Quyển sổ này cực kỳ quan trọng, quan trọng đến nỗi nó dường như tạo nên một nửa con người. Huynh nên hiểu: bọn mũi lõ gồm hai nửa, một nửa là người sống, bằng xương bằng thịt, nửa kia là quyển sổ bằng giấy nọ. Nửa này sẽ chẳng là gì hết nếu thiếu nửa kia. Đệ bảo nàng Pao-leng đệ sẽ thử làm một cái cho đệ theo mẫu quyển sổ của nàng, hẳn không khó. Nàng bảo không được, vì chỉ một cơ quan duy nhất được phép cấp quyển sổ này thôi. Một quyển làm giả chắc chắn sẽ bị phát hiện và đệ sẽ bị coi là một tên cướp hoặc kẻ giết người, hay ít nhất cũng là quân trộm ngày. Được, đệ bảo, thế thì đệ sẽ cùng nàng đến cơ quan đó và đệ sẽ mua một quyển. Cũng không thể, vì để có được, đệ lại cần những giấy tờ khác mà dĩ nhiên đệ không có, vân vân. Phức tạp quá thể. Nàng sẽ thử xin cho đệ một quyển,

nhưng cần thời gian. Nàng phải nhờ bạn bè nào đấy can thiệp (trong số đó có ông khách mà đệ không phát âm nổi tên, cùng có mặt buổi chiều nọ ở nhà nàng với ông Shi-shmi và đệ) vân vân.

Trong khách sạn đệ gặp ngay rắc rối vì không có quyển sổ con này khi viên quản lý khách sạn, một tay mũi lõ rất to béo hói trọc, với vẻ trịnh trọng, trước hết yêu cầu đệ xuất trình quyển sổ. Nàng Pao-leng nói nhiều và liên thoảng với hắn. Đệ không hiểu hết, chỉ biết nàng bảo rằng đệ chẳng may bị mất quyển sổ do một loạt rủi ro. May mà nàng Paoleng quen thủ trưởng của tay quản lý, ông ta được mời đến. Nàng Pao-leng cũng nói với ông thủ trưởng, cam đoan rằng đệ là một người đầy đủ dù thiếu quyển sổ và sự kiện đệ đưa số tiền (những mảnh giấy to màu nâu) bằng giá trị hai thoi bạc ứng trước cho thời gian đệ ở đây đã giải quyết nốt phần thắc mắc còn lại, do đó viên thủ trưởng cùng tay quản lý đồng ý với việc đệ nguệch ngoạc tên “Cao Đài” viết hoa bằng chữ của bọn mũi lõ (đệ học cũng lâu rồi) vào cuối một tờ giấy in chữ nhỏ mà đệ không hiểu nội dung.

Khách sạn “Bốn Mùa” lớn và tráng lệ theo kiểu nhà của bọn mũi lõ – có thể gọi là dinh tế tướng được. Thảm dày và mọi thứ đều được chiếu sáng. Sảnh, hành lang và cầu thang nhiều đến nỗi khiến khách bối rối, chỗ nào cũng có tiểu nhị sẵn sàng giúp đỡ. Nhưng bọn này chỉ mong được tiền nhậm trà thôi. Nàng Pao-leng bảo đệ đừng nên cho nhiều. Đệ hiểu ngay, vì cũng giống ở ta: người thật sự thanh lịch cho ít tiền nhậm trà thôi. Chỉ kẻ khoe khoang mới cho vung vít.

Tuy khách sạn có nhiều cầu thang nhưng bọn mũi lõ quá lười, không chịu dùng. Thành thử có những cái máy đặc biệt được lắp để đỡ phải leo cầu thang. Những cái máy này gồm những phòng nhỏ xíu (trong đó lạ lùng sao luôn gắn vài tấm gương trên tường), chúng chạy giống những ngôi nhà sắt trên đường phố, nhưng không theo chiều ngang mà theo chiều dọc. Bọn đệ vào một cái như thế, một tiểu nhị kéo ko-feng theo. Bọn đệ đi lên lầu hai. Ở đây gã tiểu nhị mở một cái cửa, đặt ko-feng xuống rồi chìa tay ra. Đệ cho gã tiền nhậm trà và gã lùi ngay. Nàng Pao-leng cởi ngay quần áo, bảo mình phải khấn thành chiếc giường chứ (nó rất đẹp và mềm). Nàng cũng gỡ bỏ

khung kính mắt và đệ tận hưởng như xưa nay lạc thú tuyệt vời của tình yêu mà nàng Pao-leng mồi mọc không mệt mỏi. Lần này nàng khiến đệ thích thú với một kiểu tên là “Gió hè”, và đệ sợ rằng nàng sẽ cắn nát chiếc gối – nó của chủ khách sạn, không phải của đệ.

Sau đó đệ bảo tiểu nhị mang đến một chai Mo-te Shang-dong. Lúc gã mang chai rượu vào phòng, nàng Pao-leng che giấu tấm thân ngàn vàng sau màn cửa.

Căn phòng của đệ rất to, to hơn phòng nhà ông Shi-shmi nhiều. Nó có vài phòng phụ và nhiều cửa sổ lớn trông ra đường. Đường phố tấp nập hơn khu vực nhà ông Shi-shmi. Kéo màn cửa ra, đứng sát cửa kính đệ quan sát được bọn mũm lĩ đi lại sinh hoạt. Nhiều ô-tô chạy tới lui. Cả con đường sắt của những ngôi nhà di chuyển cũng chạy qua đường này khiến chúng cũng phải len lỏi giữa đám xe cộ chằng chịt. Bọn mũm lĩ đi chen vào giữa, qua lại ngang dọc và đệ hoàn toàn không thấy một ý nghĩa nào trong chuyện hiếu động của chúng dù đệ quan sát mấy đi nữa. Đôi lúc chiều đến, khi nàng Pao-leng không rảnh và ông Shi-shmi không còn thường ở quanh đệ nữa, đệ cảm thấy nhớ nhà trong cái khách sạn rộng lớn này. Vầng trăng sẽ còn phải đổi thường cho đến khi đệ có thể trở về. Huỳnh đừng quên đến gặp lão phó tế tướng nhé. Người bạn xa xôi thân ái chào huỳnh.

Cao Đài

Thư thứ mười tám

(Chủ nhật, 13 tháng Mười)

Di Ngô thân mến,

Trong một thư trước đệ viết rằng sau khi tìm hiểu đời sống riêng tư của bọn mũi lõ, đã đến lúc đệ cần nghiên cứu đời sống công cộng, đặc biệt Nhà nước của chúng. Chính vì thế đệ đã dọn khỏi căn hộ của ông Shi-shmi và vào khách sạn ở. Đệ đã quen biết được vài người thú vị, nhưng đệ sẽ kể sau. Hôm nay đệ muốn kể cho huynh về thú tiêu khiển công cộng của bọn mũi lõ.

Đệ nhận ra từ lâu rằng cả ông Shi-shmi lẫn nàng Pao-leng đều không phải là thước đo để đánh giá về bọn mũi lõ nói chung. Nàng Pao-leng là một phụ nữ có học vấn cao, còn ông Shi-shmi hẳn chúng ta không ngần ngại coi là một triết gia, bất chấp một vài quan điểm khác lạ; ngoài ra ông còn rành về âm nhạc. Ông Shi-shmi và nàng Pao-leng nổi bật khỏi đám đông mũi lõ, không khác ở ta mấy.

Phần lớn bọn mũi lõ mặt mày thô kệch di chuyển trên đường phố, ánh mắt u sầu. Đệ đã nói rồi: rất dễ đoán nét mặt chúng, hầu hết đều có nét đố kỵ. Phải chăng do chúng thường uống sữa bò? Hoặc cuộc sống hời hả và sự “tiến bộ” liên tục khiến chúng không hài lòng? Và có thể tự chúng không biết điều này?

Đệ cứ tưởng bọn mũi lõ không có trò tiêu khiển công cộng; thế mà có đấy. Xin thưa ngay: những trò này còn đáng sợ hơn sự bất mãn. Đã lâu rồi, trước lúc đệ viết bức thư mới nhất cho huynh, ông Shi-shmi đã dẫn đệ tới một trò giải trí công cộng như thế này. Ông bảo đây là cao điểm trong năm và kéo dài gần nửa tuần trăng. Nó gọi là “Lễ hội trăng Thu”^[93], được tổ chức trên

một bãi cỏ mênh mông hơi xa trung tâm thành phố. Thật không tả nổi, đệ tin rằng chưa bao giờ thấy kinh tởm hơn, tuy nhiên đệ vẫn ở đấy vài giờ.

Ngay từ xa đã thấy bầu trời sáng lòa trên những mái nhà như thể có hỏa hoạn. Càng đến gần, ta càng ngập trong tiếng ồn đinh tai nhức óc. Bình thường đệ đã quen đi lại khá tự do, thế mà đệ vẫn phải bám tay ông Shi-shmi. Cả nghìn chiêng trống và phèng la liên tục phát ra tiếng ồn nhức óc, thế mà gọi là âm nhạc đấy. Người ta chỉ có thể hét to khi trò chuyện. Đệ hét: thầy Ve-to-feng của các vị sẽ nói sao về tiếng ồn này? Thầy ấy điếc mà! ông Shi-shmi hét lại. Bây giờ tại hạ hiểu tại sao thầy ấy điếc! đệ hét.

Mới đầu đệ không nhận ra được gì hết cả. Khi mắt đệ đã quen với ánh chớp nhoang nhoáng phát ra từ vô số ngọn đèn sáng quắc, đệ thấy những chiếc bánh xe khổng lồ quay tít, những ghế xích đu bay bổng bồng vọt trong không khí; bọn mũi lõ ngồi đầy trong đấy chẳng chút nao núng, thật chẳng khác gì tự sát. Đâu đâu cũng hôi rình; hiển nhiên cùng với chuyện giải trí bọn chúng phải giải quyết nhu cầu ở bất cứ chỗ nào khi bị mót, vì phần lớn trò tiêu khiển là uống thật nhiều ma-sa và hal-bal, thành ra cũng phải thải ra thật nhiều.

Dĩ nhiên đệ không chịu ngồi vào một trong những bánh xe hay ghế xích đu này. Nhưng sau khi đã bám chặt tay bạn đi một vòng chừng một tiếng đồng hồ, đệ theo ông Shi-shmi vào một trong những nơi bán nước chính. Đó là những chiếc lều khổng lồ không hình dung nổi, nông nặc hơi người như trong một chuồng thú. Trên một cái bục ở giữa lều, một nhóm nhạc công chơi loại nhạc chát chúa bằng cách thổi những chiếc kèn thật to, chẳng giống nhạc của thầy Ve-to-feng tí nào. Phần lớn khách mặc quần áo màu lục và đội loại mũ rất ngộ nghĩnh^[94]. Những nữ tử bảo béo núc chuyên được huấn luyện – như ông Shi-shmi cho biết – để ôm mười, mười hai vại ma-sa^[95] hoặc hơn nữa, huỳnh huých bước từ bàn này qua bàn khác giao bia cho khách, phải trả tiền ngay. Bọn mũi lõ, thường trang điểm những dấu hiệu kỳ lạ, mũ đeo vòng hoa giấy hoặc một túm lông, vỗ đùi và lớn tiếng kêu vô cớ. Chúng há hốc mồm, đổ bia vào họng ngay sau khi nhận được vại bia. Tiếng nhạc vốn đã át hết mọi thứ tiếng khác rồi, thế mà thỉnh thoảng ban nhạc lại

chơi to hơn nữa một bài hát rất ngắn như sau: Van-tswa-xu-fa^[96]... dường như hết sức được ưa thích, mà ý nghĩa của nó đệ không hiểu rõ. Tiếp theo là ba tiếng trống vang rền. Đó là hiệu lệnh để mọi người bưng vại của mình, đổ vào miệng nhiều nhất có thể. Sau đó họ hò hét, gọi nữ tử bảo mang vại bia mới. Những thùng bia khổng lồ được lăn từ ngoài vào và những gã đàn ông sức vóc như quỷ sứ đeo tạp dề da, bàn tay to như chiếc xẻng thọc thùng những thùng này ở chỗ nhất định, bia sẽ từ chỗ đó tuôn vào vại.

Chẳng mấy chốc đám mũi lõ này say và dĩ nhiên không tránh khỏi chuyện chúng cãi vã với nhau hoặc với các nữ tử bảo, rồi nhanh chóng biến thành ẩu đả và một gã quỷ sứ tay to như chiếc xẻng sẽ tóm cổ kẻ gây chuyện, mặc cho hắn giãy dụa, rồi ném ra khỏi lều. Thường thì hành động này được những tiếng hò hét ít nhiều vui vẻ hòa theo và ngay lập tức ban nhạc lại trỗi lên bài ưa thích Van-tswa-xu-fa... và mọi người ồm ồm hát theo.

Cuộc vui kéo dài như thế đến gần nửa đêm, rồi đèn tắt, không thùng bia nào được lăn vào nữa. Bọn mũi lõ, nếu chưa say mềm và chưa nằm lăn dưới gầm bàn, sẽ nện vại lên bàn đòi uống thêm. Nhưng không ai bán nữa. Giới hữu trách dầu sao cũng đủ sáng suốt khi chỉ cho phép bán bia giới hạn, hẳn vì sợ bọn mũi lõ sẽ đập phá tan hoang thành phố. Các nhạc công cũng cất nhạc khí. Chỉ còn nghe tiếng rống và ợ của đám bợm nhậu. Cuối cùng chúng bò lết về nhà.

Bọn đệ cũng đi về luôn – bước rất thận trọng để khỏi giẫm lên phân hoặc bãi mưa – và đệ như bị mê muội. Thế mà bọn mũi lõ chịu nổi mười bốn ngày đấy. Lúc ấy chúng quên đi hoặc cố gượng xua đuổi nỗi buồn bực. Nhiều người, nếu còn đủ sức và tỉnh táo, tung mũ lên trời, hực lên những tiếng kêu ngắn và chói tai. Nhiều người leo lên ô-tô, lao vào cây và những người khác lấy thế làm khôi hài. Đó là thú tiêu khiển của bọn mũi lõ đấy. Đệ hỏi ông Shi-shmi nó có làm ông hài lòng thật không? Không, ông bảo, nhưng ông đi với đệ vì nghĩ đệ nên xem cho biết. Điều này thì ông có lý.

Một trò tiêu khiển công cộng khác diễn ra vào mùa đông, ông Shi-shmi bảo. Khác “Lễ hội trăng Thu” mà người ta có thể tránh bằng cách không tới

đó, lễ hội mùa đông đa dạng hơn và không ai tránh được. Đệ không thoát khỏi phải dự đâu, ông bảo thế, nhưng không nói rõ hơn.

Bây giờ, khi đệ viết những dòng này thì “Lễ hội trăng Thu” đã qua rồi. Nó đến cũng nhanh mà chấm dứt cũng nhanh. Bọn mũi lõ gờ lều bán bia và giải trí, chờ đi đâu đấy. Còn lại là một bãi cỏ đầy rác rưởi bẩn thỉu. Chúng làm gì với rác rưởi này? đệ không biết. Có lẽ chúng tin rằng chẳng nào trời cũng hầu như luôn mưa và nước mưa trong năm sẽ cuốn đi tất cả cho đến “Lễ hội trăng Thu” lần tới. Theo đệ quan sát thì bọn mũi lõ giải quyết rác rưởi trên đường phố bằng cách cho ô-tô chạy lên trên. Qua đó rác sẽ bị nghiền nát thành bụi và được gió cuốn đi. Vì thế trong không khí thường xuyên có bồ hóng bám đầu mà bọn mũi lõ đã quá quen. Đệ không ngốt ngạc nhiên rằng thú vật và cây cối chịu nổi thứ không khí này. Đệ đã suy nghĩ nhiều về chuyện này và tới hôm kia vẫn không có lời giải. Nhưng hôm kia đệ quen một người hết sức thú vị trong tiền sảnh khách sạn. Huynh hãy hình dung thế này: ở tiền sảnh của khách sạn, đứng ra đó là nhiều sảnh rất tráng lệ trải thảm, ngăn cách nhau bởi cầu thang và hành lang, có đây những chiếc bàn con và ghế bành rất tiện nghi để khách sử dụng và các tiểu nhị tới lui hỏi han thường xuyên về yêu cầu của khách. Đệ thích ngồi ở đây, vì luôn luôn có gì đó để quan sát và vì có nhiều người khác (cả phụ nữ) nữa nên dễ bắt chuyện.

Hôm kia đệ xuống sảnh, không còn chiếc bàn nào trống. Thấy ở một chiếc bàn có một người đàn ông đang ngồi đọc sách (ông ta to cao như hầu hết bọn mũi lõ, râu quai nón rậm rạp màu đen và có vẻ không thuộc loại mũi lõ thô kệch), đệ mới lại gần, khom lưng một phần ba và nói: “Thưa quan râu xồm đáng kính mà cháu chắt nhiều đời sau còn phải ca ngợi tính hiền từ và nhẫn nại, ngài cho phép kẻ vô tích sự này của một dân tộc xa xôi vốc người thấp bé được cùng ngồi đây và làm ô uế bầu không khí quanh chiếc bàn tuyệt vời này chứ ạ?”

Ông râu xồm hơi ngẩng lên, bối rối nhìn rồi nhẹ nhàng nói: “Xin mời”. Ông ta chỉ nói: “Xin mời”. Bọn mũi lõ không quen cách ăn nói lịch thiệp như ta, đệ biết từ lâu rồi. Đệ cũng biết rằng kiểu nói lịch sự của đệ thường bị bọn mũi lõ hiểu sai và coi thường, cho dù đệ đã tóm gọn khiến nó gần như biến

thành xúc phạm, như huynh thấy trong câu đệ vừa kể. Tuy nhiên đệ không bỏ được thói quen lễ độ và cũng không muốn làm thế. Đệ không thể chối bỏ những dấu ấn đã khắc sâu trong tâm hồn đệ do được giáo huấn và qua những lời dạy cơ bản, bất di bất dịch của Khổng học. Thói quen này không thay đổi được thế giới ở đây, dĩ nhiên là thế, nhưng đệ cảm thấy thoải mái hơn khi nói năng lễ độ. Đệ cũng đã bảo nàng Pao-leng như thế khi nàng yêu cầu đệ ít nhất trong lúc ái ân hãy bỏ lối nói năng lễ độ cũng như trầm trồ khen ngợi chỗ này chỗ nọ trên thân thể nàng.

“Xin mời”, ông râu xồm nói và đệ ngồi xuống sau khi đã khom người thêm lần nữa. Khi tiểu nhị tới, đệ gọi một thứ thức uống đệ rất thích trong khách sạn này: một thứ nước màu đỏ thẫm tên là *Kang-pa-li*^[97]. Mới đầu ông râu xồm vẫn tiếp tục đọc, nhưng khi đệ móc từ cái bao da nhỏ (quà chia tay của ông Shi-shmi) một trong những vật hiến tế thơm tho Da-ving-do mà đệ ưa thích ngậm vào miệng rồi châm lửa thì ông ta ngược mắt khỏi sách, hình mũi hít một cách khoan khoái. Đệ rút một điếu Da-ving-do mời ông. Ông nhận, cảm ơn và thế là bọn đệ liền trò chuyện. Sau đó bọn đệ còn uống một chai Mo-te Shang-dong.

Ông này – hiện còn ở khách sạn, đệ vẫn thường gặp – sinh ra ở một thành phố phía Bắc, là một bậc thầy về chăm sóc rừng và hiện đang dạy tại một học viện sư phạm ở đấy, nay ông tới Min-chen để nghiên cứu. Ông bảo đệ chắc chắn không phát âm nổi tên ông và lại càng khó có thể nhớ. Thành ra ông cho đệ biết tục danh của ông cho dễ. Bọn mũi lỗ luôn có ít nhất hai tên: một tên công khai^[98] và một tên, có khi hai, dùng gọi trong vòng gia đình. Tên công khai của ông Shi-shmi là “Shi-shmi”, tên gọi trong vòng gia đình là Ma-ksi-mai-lan; các người bạn âm nhạc gọi ông bằng tên này; nhưng mẹ ông gọi ông là “Ping-tsi”. Tên công khai của bà mẹ cũng là Shi-shmi, tên thân mật là Yo-cha-na^[99], nhưng ông Shi-shmi gọi bà bằng *má*. Nàng Pao-leng có tên thân mật là Ak-ga-ta^[100], ngoài ra không còn tên thân mật nào khác nữa. Đệ gọi nàng là “*Cây hạnh non mùa xuân trong nắng mai*”, nhưng chỉ là thêm thắt thôi.

Ông râu xồm bảo để đơn giản đệ hãy gọi ông bằng tên thân mật Duy-Lân^[101]. Đệ trò chuyện với Duy-Lân tử – ông có quyền được gọi như thế – về bồ hóng trong không khí.

Đó chính là vấn đề, một vấn đề mà bọn mũi lỗ đã không nhận thấy trong một thời gian dài, Duy-Lân tử nói. Về câu hỏi của đệ rằng loài vật và cây cỏ có chịu nổi bồ hóng thường trực trong không khí không, ông chỉ có thể trả lời về phía cây cỏ thôi rằng dứt khoát không; còn về thú vật thì ông không rành. Cây cỏ không chịu nổi, hay đúng hơn không chịu nổi nữa. Thế rồi sao? đệ hỏi. Rất đơn giản, Duy-Lân tử đáp, cây cối sẽ còm côi và héo tàn, cành rũ xuống, chết dần chết mòn rồi đổ; mới đầu là những cây lá hình kim (những cây này đã tới mức đó rồi), sau tới những loại cây lá thường. Nếu có dịp đệ cùng đi với ông ra khỏi thành phố tới một số vùng quê, ông nói, ông sẽ có thể chỉ đệ xem những chỗ lở loét trong rừng càng ngày càng lan rộng trong những năm gần đây. Chẳng bao lâu những chỗ như thế sẽ không đập vào mắt ta như những hòn đảo hay những mảng rừng thưa, mà trong vài năm nữa những chỗ còn lành lặn sẽ trở trụi như những túm lông trong đám ghẻ lở hỗn loạn do bồ hóng gây ra, và cuối cùng mọi cây cối sẽ biến mất.

Ông bảo đệ cần hình dung rằng trong hàng chục năm, phải nói là gần trăm năm, bọn mũi lỗ trong cơn cuồng điên về “tiến bộ” đã khinh suất trút mọi thứ rác rưởi lên rừng rậm, nói chung là lên tự nhiên. “Cây cối không biết kêu cứu”, Duy-Lân tử nói. “Chúng câm lặng phơ phất cành lá thế thôi. Chúng bị dày dọa không thương tiếc. Chúng can đảm cố chống cự. Nay đã đến lúc chúng kiệt sức rồi. Trong ít năm nữa có lẽ không còn rừng nữa.”

“Chà”, đệ nói, “thế người ta đã thực hiện những biện pháp gì rồi?”

“Về cơ bản chẳng có gì hết cả”, Duy-Lân tử nói. “Tôi và những người suy nghĩ như tôi có lên tiếng đấy – đại diện cho cây cối, tạm gọi thế – nhưng bọn người làm ra chất bẩn có thể lực hơn, còn các thượng thư là bạn của chúng.”

“Ra thế”, đệ nói, “tại hạ hiểu. Nghĩa là các thượng thư thối nát?”

“Đúng vậy”, Duy-Lân tử đáp.

“Tại hạ cũng đã nghĩ thế đấy”, đệ nói và nhủ thầm: về điểm này thì thế giới không thay đổi. Các thượng thư thối nát, bài hát cũ mèm. Hẳn là điều xấu luôn tồn tại qua nhiều thế kỷ, giống như nhà cháy nhưng lũ rận vẫn sống sót.

“Đấy, đấy”, Duy-Lân tử nói. “Chỉ còn một niềm hy vọng duy nhất cho rừng thối, đó là các thượng thư thích đi săn. Hầu như mọi thượng thư đều thích săn bắn”. (À há, ngay cả điều này cũng không đổi khác). “Săn bắn được xem là quý phái, là đặc quyền. Một ngày nào đấy”, Duy-Lân tử giơ tay nói, “khi khu rừng để các ngài đến săn cũng còm cõi tới mức không còn hươu nai cho các ngài bắn nữa, họa may lúc đó các ngài mới quan tâm đến việc cứu rừng. Nhưng lúc ấy e quá muộn rồi.”

Đệ thấy rất có cảm tình với Duy-Lân tử.

“Tại hạ biết”, đệ nói, “không còn hoàng đế hay vua chúa nào nữa để thống trách các thượng thư thối nát hay thỉnh thoảng ra lệnh chém đầu một vị...” Duy-Lân tử cười.

“Tại hạ có thể nói với túc hạ thế này”, đệ thêm, “khi một thượng thư thối nát bị chém đầu thì thường gây ra tác dụng thần kỳ. Tuy nó không thay đổi được thế giới, nhưng các thượng thư bớt thối nát được vài năm.”

“Ông nói như thế ông đến từ một thế giới khác vậy”, Duy-Lân tử bảo. Đệ không trả lời, đệ hết sức cố tránh lộ tông tích. Ông Shi-shmi đã biết, nàng Pao-leng cũng thế; tạm thời đệ muốn giới hạn trong hai người này thôi. Và lại đệ chưa biết Duy-Lân tử đủ lâu để có được một kết luận thật sự về ông.

“Không”, ông nói tiếp, “không còn hoàng đế nào để thống trách các thượng thư thối nát nữa và viên thượng thư cuối cùng bị chém đầu... cũng lâu rồi. Đã một trăm năm mươi năm”.

“Quá lâu”, đệ nói.

“Ngoài ra chính hoàng đế cuối cùng này cũng là kẻ ngu xuẩn và kiêu ngạo”.

“Vi-li dần độn”, đệ nói.

“A, ông rành lịch sử nhỉ”, ông nói. “*Hiện nay* chúng tôi có một thể chế chính trị mặc nhận rằng nhân dân là hoàng đế”.

“Thế thì tại hạ có cảm tưởng”, đệ phản bác, “rằng chính thể chế chính trị này kém cỏi, có đúng vậy chăng?”

“Không thể nói vậy được”, Duy-Lân tử nghiêm trang đáp, “thể chế tốt, chỉ con người xấu thôi”.

“Các bậc hiền giả dạy”, đệ nói, “ý tại hạ muốn nói: các bậc hiền giả ngày xưa của tại hạ dạy rằng một thể chế chính trị chỉ thật sự tốt, khi nó giả định nhân dân là xấu xa”.

“Xấu xa hay ngu muội?”

“Các bậc hiền giả ấy dạy rằng đối với thể chế chính trị thì ngu muội cũng như xấu xa thôi”, đệ nói. “Nhưng lời dạy khôn ngoan như thế này là quá cổ xưa cho thế giới của các vị. Các vị chỉ trọng lời dạy khôn ngoan mới mẻ”.

Di Ngô trung hậu ời, đệ xin lỗi vì vừa viết đến đây thì bị đứt đoạn. Có lúc đệ viết vài trang thư này trên phòng, lúc viết dưới đại sảnh của khách sạn. Những gì huynh vừa đọc thì đệ viết dưới sảnh. Duy-Lân tử tới, ngó qua vai đệ – ông vô tư lắm, phải chịu vậy thôi – và cảm thấy thú vị trước nét chữ đẹp nhưng dĩ nhiên hoàn toàn xa lạ với ông. Đệ bảo đệ viết cho người đồng bào ở xa, mà điều này là thật. Ông bảo chiều nay muốn mời đệ tới một phạm điểm có khiêu vũ. Đệ thấy cũng nên biết, nên đã khom lưng nhận lời. Vậy nên đệ chấm dứt thư này ở đây, niêm lại, ngày mai mới đem tới điểm liên lạc. Có thể sẽ có thư của huynh ở đấy. Duy-Lân tử đang chờ dưới kia. Đệ chào huynh.

Bạn của huynh, Cao Đài

Thư thứ mười chín

(Thứ Hai, 14 tháng Mười)

Di Ngô Huỳnh thân mến,

Đệ không rõ nên xếp những gì đệ được biết hôm qua vào loại cuộc sống riêng tư hay công cộng của bọn mũi lõ. Bây giờ đang là buổi sáng và đệ lại ngồi trong tiền sảnh khách sạn. Duy-Lân tử mới xuống lúc này và bọn đệ cùng dùng điểm tâm. Sau đó ông lại lên phòng để nữ tiểu nhị quần cho một tấm gạc lạnh quanh đầu. Ông thân mật, nhưng kiệm lời. Lẽ ra bây giờ ông phải đi dự buổi thuyết trình của một đồng nghiệp, một bậc thầy khác về nghệ thuật trồng rừng. Song ông đã thoái thác và trong vòng bốn giờ nữa không ai được đánh thức ông. Đệ bày tỏ niềm cảm thông sâu sắc với ông và bảo đệ cũng mệt đến nỗi đầu óc rối tung cả.

Tuy nhiên đệ vẫn viết cho huynh bức thư này rồi sẽ đem ra điểm liên lạc cùng với lá thư hôm qua.

Hôm qua bọn đệ ra đi từ đây, từ khách sạn tới một phạm điểm không xa lắm. Đệ là khách của ông, Duy-Lân tử nói, và ông có một bất ngờ lớn dành cho đệ. Trời buổi tối dịu và đẹp, bọn đệ đi bộ và trò chuyện linh tinh. Duy-Lân tử đã hoàn toàn thành công với chuyện bất ngờ ấy, nhưng nó thuộc loại dung tục, khiến đệ có thể sẽ cho rằng ông thô lỗ (kể cả so với sự thô lỗ nói chung của bọn mũi lõ) nếu trước đó đệ không biết về quan điểm đúng đắn và tầm thiết của ông đối với đệ. Và cũng tí nữa thì đã xảy ra tình cảnh cực kỳ khó xử nhưng Duy-Lân tử nào ngờ, vì ông đâu biết lai lịch của đệ.

Số là vừa bước vào phạm điểm đệ đã sững sốt: chẳng phải bên cạnh địa chỉ viết bằng chữ của bọn mũi lõ là chữ của *chúng ta* đấy ư? Đúng thế – đệ đọc và sững sốt – nơi thế giới xa xôi sau cả nghìn năm này rành rành hai chữ

“Đại Gia” quen thuộc với chúng ta. Nét chữ không khác những gì chúng ta xưa nay vẫn quen viết. Duy-Lân tử ranh mãnh cười khi thấy vẻ sừng sốt của đệ. Ông kéo đệ vào trong. Ở kia, chẳng phải ở đấy đang có vài ba người đi lại, tuy họ mặc kiểu mũi lõ nhưng nét mặt không thể chối cãi là người từ Trung Quốc đó ư? Đệ không biết cần phải có thái độ thế nào và tuy cảm thấy ở đấy một thoáng thân thuộc nhưng ý nghĩ đầu tiên của đệ là: bỏ chạy. Đệ cảm thấy đã bị phát giác. Nhưng lại tự nhủ: dẫu sao việc đệ làm, chuyến du hành của đệ tới đây, dù khác thường đến đâu cũng không phải là tội ác và không việc gì sợ bị phát giác, dù sẽ khó xử.

Một trong những tửu bảo năng nổ chạy tới tiếp bọn đệ (vì có khá ít thực khách trong phạm điểm) và dĩ nhiên y cho rằng đã nhận ra ngay đệ là một đồng bào. Đúng, đệ là đồng bào, nhưng không cùng thời. Y nói với đệ, nhưng đệ hiểu rất ít. Thế lại hóa may, y là người vùng Quảng Châu và nói thứ thổ ngữ khó hiểu vùng ấy. Đệ giải thích cho Duy-Lân tử, ông “à há” ra vẻ hiểu.

Thế là thoát nạn và bọn đệ ngồi xuống (những người phục vụ khác, đều là quyền thuộc của gã tửu bảo, dĩ nhiên cũng từ Quảng Châu).

Quán này mô phỏng một ngôi nhà Trung Quốc – không đến nỗi tồi, tuy vài ba chữ trang trí trên tường thật vớ vẩn. Ở một bức tường viết: “Một con thỏ ở Khổng Đức không ăn con bọ dừa”, ở một bức tường khác: “Cây kỳ nham với rượu trắng và thiếu phụ của con tàu cũ”. Đệ không dẫn được nên đã hỏi tửu bảo nghĩa hai câu này – bằng ngôn ngữ của bọn mũi lõ, vì nếu bằng ngôn ngữ của ta thì y hiểu đệ cũng ít như đệ hiểu y. Tửu bảo lúng túng nói như xin lỗi rằng một nhà thư họa mũi lõ đã chép lại từ một quyển sách mà không hiểu nghĩa. Đến nay chưa ai thắc mắc cả và nếu có một tay mũi lõ hỏi thì y sẽ trả lời rằng đấy là lời của Khổng phu tử. Thật láo xược, lẽ ra đệ phải úp cái thổ đưng cơm lên đầu y để trừng phạt, nhưng nể Duy-Lân tử nên đệ lại thôi, vì tính ông vô tư chỉ thấy chuyện này vui là chính.

Huynh hãy hình dung phạm điểm này được trang trí như thế người ta mô phỏng lò mờ thời huy hoàng của chúng ta. Vài hình chạm trổ trên hàng lan

can khiến đệ liên tưởng đến phong cách của chúng ta và một vài bình hoa bày chỗ này chỗ nọ có thể coi như mô phỏng thô thiển các sản phẩm thời Tống nếu không nhìn kỹ. Đệ hy vọng có món chả chó nhưng lại thất vọng, đành ăn gà. Việc nấu nướng – cũng giống món cơm – hơi hơi gọi đệ nhớ đến món ăn của chúng ta; đệ hài lòng và nhẹ nhõm vì các món ăn đều không nấu với sữa bò và những thứ từ sữa. Đường như lũ cháu chắt chúng ta chưa đến nỗi thoái hóa trong việc nấu nướng. Mo-te Shang-dong cũng có. Dầu sao khi rời khỏi quán “Đại Gia” kỳ lạ này, đệ vẫn thấy nhẹ cả người.

Bọn đệ bước ra đường. Đệ đã kể huynh nghe chuyện bọn mũi lõ chia thàng ở đây thành tuần lễ và ý nghĩa luân chuyển của từng ngày trong chu kỳ này. Hôm qua, “Chúa nhật”, là một trong những ngày mọi hàng quán đóng cửa và bọn mũi lõ chạy vớ vẩn trong các công viên. Mãi gần tối cảnh chạy lăng quăng này mới chấm dứt và thành phố trở nên gần như chết. Có gì đấy như bóng dáng của nàng thơ phát phối trong thành phố, nếu lối diễn đạt này không xúc phạm đến nàng thơ cao quý. Tiếng nước giếng lao xao. Nhưng rồi lại nghe tiếng ô-tô, tuy ít xe cộ qua lại nhưng từng tiếng ồn rồi rạc gây phiền toái hết sức.

Chiều hôm qua như thế đấy. Khi Duy-Lân tử và đệ ra đường thì trời đã tối. Trong thành phố này chẳng có vấn đề gì, vì một là đường sá của bọn mũi lõ được chiếu sáng tự động. Tại những chiếc cột cao bằng ngọn cây chúng treo phí phạm đầy những bóng đèn, biến đêm thành ngày rất phi lý, nhưng có điều lợi là ta không vấp ngã. Hai là bọn lái buôn mũi lõ – đệ đã kể rồi – có thói quen chiếu sáng một cách thô bỉ các cửa sổ trưng bày hàng hóa của chúng, ngay cả khi cửa hàng đóng và chẳng ai có thể mua sắm gì. Mãi đệ vẫn chưa hiểu nổi việc bọn lái buôn khoe khoang thành tích qua chuyện trưng bày hàng hóa. Giả thử đệ chưa kinh tởm bọn thương gia do tư tưởng Khổng học thấm vào đầu óc qua giáo dục^[102], thì muện nhất ở Min-chen này đệ cũng sẽ kinh tởm chúng.

“Chà” – đó không phải là một từ trong ngôn ngữ của Trung Hoa đâu, dù nghe có vẻ thế. “Chà”, Duy-Lân tử nói, đại khái có nghĩa: tôi khao khát được biết giờ đây tôi muốn gì. “Chà, mình đi đâu bây giờ?”. Từ chiều cao

khổng lồ của mình, ông nhìn ngược nhìn xuôi rồi quay bộ râu to rậm về khắp mọi hướng. Đệ đề nghị đến thăm nàng Pao-leng và giải thích rằng đệ vừa có niềm vinh dự không đáng được hưởng, đó là được phép sắm cho nàng một bộ áo quần dệt bằng lụa trắng, mỏng tanh, phớt kim tuyến, khiến khi được chiếu sáng thích hợp thì thân thể nàng còn lồ lộ mười phần đẹp hơn trong chiếc áo đầm sặc sỡ dợn sóng. Đệ bày tỏ niềm hy vọng rằng khi được yêu cầu nàng Pao-leng sẽ mặc ngay bộ áo quần đáng trầm trồ này và diễn tả nỗi thú vị mê ly được ngắm nhìn thân thể nàng. Đệ cũng kể về con mèo cái Mỹ tử nữa.

“Ôi dào”, Duy-Lân tử nói, “lúc nào đến chẳng được. Trước hết mình lại đăng kia lặn một cái vào áo vét đã”. Đó là một câu Duy-Lân tử rất hay nói, đại khái có nghĩa: ông định làm một châu giải khát.

Thế là bọn đệ đi băng qua một quảng trường rộng, vào một tửu quán khác rất to và hơi giống mùi căn lều lớn tại “Lễ hội trăng Thu”. Duy-Lân tử nhất định muốn đệ uống một hal-bal, nhưng đệ khom lưng một phần tư thoái thác. Thành thử một mình ông uống hal-bal, loáng cái ba vại liên tục. Đệ chịu không hiểu bọn mũi lõ làm thế nào mà tài thế, chúng ta sẽ vỡ bụng ngay nếu trút bấy nhiêu chất lỏng vào người. Ông uống ngon lành, rồi vui vẻ đưa tay chùi bọt bia đọng ở hàm râu. Đệ uống một ly vang. Nghĩa là đệ để mặc cho tửu bảo đặt một ly vang trước mặt đệ. Đệ chỉ nhấp chứ không uống hết. Nó đắng. Đệ có cảm tưởng móng tay móng chân rút hết vào cơ thể.

Trong quán rất ồn. Một ban nhạc chơi rất to, có vài người hát nữa, nhưng không hay. Để bớt phải ngửi phần nào mùi nồng nặc, bọn đệ châm mỗi người một điếu Da-ving-do. Hút xong, bọn đệ rời khỏi quán.

Lúc ở trong quán Duy-Lân tử lại nói tới nghệ thuật trồng rừng, nghề của ông. Thật không dễ dàng, ông thở dài và hỏi ở Trung Quốc chúng ta có gặp những khó khăn này không? Dĩ nhiên ông cho rằng đệ là một du khách từ nước Trung Hoa ngày nay. Làm sao khác được. Đôi ba lần ông vô tư hỏi đệ làm gì, tại sao đến Min-chen và ở bao lâu. Đệ đánh trống lảng. Nhiều lần ông cũng hỏi về tình hình trồng rừng ở Trung Quốc mà ông rất quan tâm. Đã

có lần ông được mời qua đây, song không đi được vì nhiều lý do khiến ông rất tiếc. Tất nhiên rất tiếc đệ không thể thông tin cho ông về trình hình trồng rừng ở Trung Quốc hiện nay, nên cũng lại đánh trống lảng. Đệ dần dà cảm thấy thật khó xử, nên rất ngần ngại khi muốn hỏi ông về vấn đề gì đấy.

Ông trở lại chuyện này trong quán thứ hai. “Ông từ đâu đến?” – “Từ Trung Quốc” – “Biết rồi, nhưng tôi muốn hỏi từ thành phố nào cơ?” Đệ trả lời sát với sự thật – có thể hơi thiếu cân nhắc – “Từ phủ Khai Phong”. Ông rút trong túi một quyển sổ con, lật ra rồi hỏi: “Ông có biết một bậc thầy về trồng rừng tên Trương Thiệu Vũ dạy Đại học Bắc Kinh không? Ông này được coi là chuyên gia xuất sắc nhất về ngành trồng rừng ở Trung Quốc và trước đây đã mời tôi đấy”. Dĩ nhiên đệ đâu biết gã Trương Thiệu Vũ, cháu chắt xa bao đời, sinh sau một nghìn năm này. (Còn Yên Kinh mà bọn mũi lõ gọi là Bắc Kinh thì bây giờ lại thuộc về Trung Quốc rồi, như trước thời chúng ta; ít nhất đó cũng là một mặt đáng mừng của tương lai. Nay nó là kinh đô của vương quốc ta đấy)^[103]. Đệ đáp: “Có chứ. Tuy tại hạ không vinh dự quen biết cá nhân ông ta, nhưng danh tiếng lẫy lừng không tưởng tượng nổi của ông ta dĩ nhiên cũng lan tới đôi tai bần thủ của tại hạ chứ”.

Huynh và đệ cũng như mọi người ở nước ta đều không khó khăn gì để hiểu qua một câu trả lời như thế này nghĩa là tôi chẳng biết ông ấy là ai cả. Bọn mũi lõ không thể. Chúng bám từng chữ một. Ta thận trọng mấy cũng không đủ.

Nghe thế, Duy-Lân tử liền reo lên, vỗ đôi bàn tay to tướng lên vai đệ và nói lớn: “Tuyệt quá. Thế thì mai chúng ta sẽ gọi ông ấy”.

Ở đây người ta không hiểu “gọi” là một hành động cúng bái, như kiểu gọi hồn, mà là nhắc chiếc máy te-lei-fong củ cải mà đệ đã kể cho huynh và trò chuyện với một người ở xa.

“Gọi ông Trương Thiệu Vũ ư?” đệ sừng sốt kêu. “Gọi đi Bắc Kinh? Được à?”

“Sao lại không?” Duy-Lân tử nói. “Có thể phải chờ lâu hơn mới nổi được đường dây, nhưng dứt khoát được. Từ khi tới đây, ông chưa từng gọi về Bắc

Kinh à?”

Đệ trấn tĩnh thật nhanh. “À, có chứ”, đệ đáp, “đầu óc tại hạ vẫn vơ đâu thế nhỉ. Dĩ nhiên tại hạ gọi về nhà rồi chứ”.

“Đây”, Duy-Lân tử nói. “Thành ra chúng ta cũng có thể gọi được cho ông Trương Thiệu Vũ”.

“Nhưng tại hạ đâu quen biết con người này, dù tại hạ hoàn toàn không hoài nghi về kiến thức chuyên môn khiến thế giới phải ngạc nhiên của ông ta!”

“Không sao, không sao”, ông nói, “ông ấy là một đồng nghiệp của tôi và ông chỉ cần nêu tên tôi là ông ấy biết ngay.”

“Được”, đệ nói, “mai vậy”. Đệ hy vọng có thể đến mai ông sẽ quên chuyện này.

Bọn đệ rời khỏi quán thứ hai. Đã khuya rồi và đệ hy vọng bọn đệ sẽ cất bước về hướng khách sạn. Mới đầu bọn đệ đi về hướng đó thật, nhưng rồi Duy-Lân tử nắm nhẹ cánh tay đệ, cúi xuống khiến hàm râu cứng tròn trịa của ông cạ vào má đệ: “Bây giờ mình tới “Thiên Đường!”

Đó là một quán khác mang cái tên hoàn toàn không tương xứng này.

Quán tối om, bọn đệ bước vào trong qua một tấm màn nặng chịch màu nhung đỏ được một tửu bảo mặc đồ đen nhanh nhẹn kéo qua một bên. Ở đây có nhiều chiếc ghế con màu vàng kim trông mảnh dẻ bên những chiếc bàn ọp ẹp, có mùi long não lẫn mùi chanh. Quán có vẻ ít khách vắng lai nên đệ bảo ngay với Duy-Lân tử: “Nói thế này là vừa không khiêm tốn vừa ngu dốt, song tại hạ nghĩ mình được phép lưu ý tức hạ rằng dường như chúng ta là những người khách duy nhất và tuy kém nhạy bén với mọi chuyện khác, song như tại hạ biết loại tửu bảo của những nhà hàng kiểu này, đặc biệt là các chủ quán, sẽ không ngần ngại trút lên đầu chúng ta những khoản mà chúng không hề thực hiện”.

Duy-Lân tử bảo đối với ông chuyện này là “một cái ruột bò nhồi thịt băm” (lối nói này của bọn mũi lõ có nghĩa: chẳng đáng quan tâm), vì hôm qua ông nhận được khoản thù lao cao không ngờ cho bài thuyết trình của ông và ông đã kiên quyết hôm nay cùng đệ ăn mừng.

Song quán vẫn có những khách khác nữa, tất nhiên rất ít, tối đa một chục và toàn đàn ông mà vì tối quá nên thoát tiên đệ không nhận ra. Họ ngồi lọt thỏm trong những cái hốc bọc nhưng, nhìn lơ đãng. Vài người phụ nữ ngồi uể oải trên chiếc trường kỷ đặt trong một góc; rõ ràng họ không phải là khách, mà thuộc vào loại ta biết ngay họ hành nghề gì, cho dù ta xa lạ với thế giới này. Thấy bọn đệ vào quán, một nàng trong đám ấy đứng dậy, vươn vai định lại với bọn đệ. Tửu bảo hỏi: “Quý vị cần người bồi tiếp không ạ?” Duy-Lân tử từ chối: “Lát nữa hẵng hay”, tửu bảo liền quay qua ra hiệu và nàng phụng phịu ngồi xuống.

Trong quán này cũng có một ban nhạc gồm ba người. Phúc đức sao họ chơi không ồn ào, nhưng rõ ràng không hứng thú. Tửu bảo dẫn bọn đệ tới một trong những cái hốc bọc nhưng và Duy-Lân tử gọi một chai Mo-te Shang-dong.

Đột nhiên quán trở nên tối hơn. Ban nhạc ngừng chơi. Một tấm màn nhung được kéo qua bên và một gã trông như con ếch chào bọn đệ – nghĩa là chào mọi khách đang ngồi hơi khuất trong những hốc – và xun xoe giới thiệu, theo đệ hiểu là một màn trình diễn nhào lộn. Ngay sau đó ban nhạc chơi tiếp và một nàng mặc áo đầm màu bạc bước ra sân khấu, cất giọng hát dù không mấy hay ho. Lát sau nàng cởi bỏ áo quần hết mảnh này đến mảnh khác (vẫn không ngừng hát) và ném những mảnh này vào những hang hốc khách ngồi. Chúng óng ánh như bạc, nhưng khách không được giữ; sau màn trình diễn tửu bảo sẽ đi thu lại. Nàng kia vẫn tiếp tục hát dù đã hoàn toàn thoát y, chỉ giữ bằng tay một bông hồng to màu bạc trước khoảng vườn hình tam giác của nàng. Khi bài hát (mà đệ không hiểu ca từ) kết thúc, nàng cũng tung hê luôn bông hồng, rồi nhún nhảy đi vào trong.

Duy-Lân tử và các khách khác vỗ tay thích thú. Đệ hỏi màn vừa rồi làm ông thích thật ư. Ông bảo: cũng được.

Sau phút nghỉ giải lao còn nhiều màn trình diễn như thế nữa, chẳng màn nào nhào lộn thật. Nàng nào cũng thoát y – hoặc vừa hát hoặc không. Một nàng thật đầy đà, được một con chó cũng rất mập giúp cởi bỏ quần áo. (Dĩ nhiên đệ hiểu người ta không thết một con chó như thế này, vì hiển nhiên phải tốn bao công phu mới huấn luyện được nó cởi quần áo cho người). Nàng rúc rích như chuột kêu mỗi khi con chó dùng mõm kéo một mảnh áo quần của nàng rồi chạy ra ngoài, còn con chó chẳng sửa gì. Khi đã hoàn toàn trần truồng rồi, nàng nằm lên một chiếc tràng kỷ, kéo con chó vào giữa hai đùi, rồi rên rỉ. Khi đệ bật cười thì người đàn ông ở hốc bên cạnh liền suy!

Màn trình diễn duy nhất đáng gọi là nhào lộn là của một gã mặc quần lót màu cam thắm; gã thọc một ngón tay vào chiếc chai đặt trên sàn, rồi chĩa hai chân lên trời giữ thăng bằng chỉ nhờ ngón tay này. Gã đã phải rất vất vả để cởi bỏ áo quần của ba cô nàng nhảy múa xung quanh với bàn tay còn lại.

Một nàng khác trần truồng bước lên bục, nuốt những quả bóng nhỏ màu trắng rồi không hiểu bằng cách nào lại đẩy chúng ra ở chỗ khác, hiển nhiên đó là một thủ thuật đánh lừa. Một nàng nữa thoát y trong lúc không ngớt vặn vẹo thân thể, xòe tay bưng một chiếc khay với năm cái ly. Một cái ly rơi xuống, khiến một nàng thoát y tiếp sau chạm phải mảnh vụn, hông chảy máu nên đã giận dữ không trình diễn tiếp. Đệ thích màn này nhất, song không nghĩ rằng nó có trong chương trình.

Trong lúc ấy đệ thấy Duy-Lân tử không ngớt ngó sang hốc bên cạnh. Ông nhìn chằm chằm người đàn ông đã “suyt” đệ, rồi huých đệ và khẽ nói: “Ông nhìn kìa – một trong những viên thượng thư uy quyền nhất đấy nhé. Hắn tên là Chi, một kẻ mọi rợ phía Nam, được coi là đã khai man trước tòa”^[104].

Đệ buột miệng: “Chuyện này tại hạ không lạ. Nước tại hạ cũng có thượng thư khai man mà...” Lúc ấy đệ nghĩ đến viên quan Tịnh Ngụy, giàu sụ nhờ cung cấp chiến xa cho đám tướng mạn Bắc^[105].

“Đúng, đúng”, Duy-Lân tử nói, “tôi có nghe nói”. Hiển nhiên ông quy điều đệ vừa nói vào nước Trung Hoa ngày nay, dường như vẫn chẳng khác xưa.

Viên thượng thư khai man Chi, một gã Nam man, phụ trách về vấn đề bồ hóng trong không khí nhưng mới gần đây thôi, Duy-Lân tử giải thích. Viên thượng thư trước tên là Mu, tuy không can tội khai man (hoặc không nghe nói tới) nhưng bất tài, ông nói thêm, thành ra phải giới hạn việc đánh giá với từng thượng thư.

“Thế”, đệ hỏi, “ngài thượng thư khai man đáng kính định sẽ làm gì chống lại bồ hóng trong không khí?”

“Ông ta đã ra một chỉ thị khẩn khe”, Duy-Lân tử nói. Qua nét mặt đệ thấy ông không thật nghĩ như thế.

“Một chỉ thị chống bồ hóng trong không khí? Bồ hóng sẽ tuân theo ư?”

Duy-Lân tử cười. “Câu hỏi chí lý lắm”, ông nói. “Bồ hóng sẽ không tuân theo, nhất là những người tạo ra bồ hóng”.

Đệ dõng lại: “Có những kẻ tạo ra bồ hóng và thải ra ngoài không khí à? Họ cố tình ư? Không ngăn chặn họ được sao?”

“Ông hỏi cứ như thế ông từ cung trắng rơi xuống vậy!” Duy-Lân tử đáp.

Đệ làm như không nghe thấy câu nói bấy này. “Thế nào là cố tình? Đúng, ít nhiều cố tình. Nhưng vấn đề này ở Trung Quốc cũng có vậy, tuy có lẽ ở mức ít hơn bên chúng tôi”.

Đệ hiểu rõ rằng muốn có thêm kiến thức từ vốn hiểu biết đặc biệt của Duy-Lân tử, đệ phải tìm ra một lời giải thích nào đấy cho sự hoàn toàn ngu dốt của đệ. Cách đơn giản nhất dĩ nhiên là nói thẳng cho ông biết lai lịch của đệ. Tuy vậy đệ ngần ngại – bây giờ vẫn thế – vì ông sẽ không tin. Ông khác nàng Pao-leng và ông Shi-shmi, những người đệ tin cậy được. Không phải Duy-Lân tử không đáng tin cậy, nhưng ông thuộc loại người chỉ tin những gì sờ mó được. Không sao, đệ có thể thuyết phục bằng cách cho ông xem chiếc

la bàn và dẫn ông tới điểm liên lạc để ông chứng kiến cái bao dùng liên lạc biến mất cùng với bức thư. Lúc ấy ông sẽ tin đệ; nhưng, như đệ nhận định về ông, ông sẽ treo ngay chuyện này vào chiếc chuông to (một cách nói của bọn mũi lõ, đại khái nghĩa là kể lể cùng khắp) và còn nghĩ làm thế là giúp đệ nữa chứ.

Thành ra đệ mới dông dài, cung kính bảo rằng đệ là một triết gia, nghiên cứu tư tưởng của đức thánh Khổng. (Duy-Lân tử có biết về bậc hiền giả đời hạnh này). Đệ còn nói thêm là những năm qua đệ chỉ chiêm nghiệm nghệ thuật thâm trầm cùng những nghiên cứu không còn được lưu hành về cổ thư. Những chuyện xảy ra trên thế giới đệ không quan tâm, đệ không khác gì một ẩn sĩ.

Duy-Lân tử hoài nghi nhìn đệ, nhưng không hỏi nữa. “Túc hạ cứ cho rằng tại hạ sống ở cung trăng cũng không sao mà”, đệ nói.

“Thế thì tôi chịu không biết nên bắt đầu từ đâu để giải thích tất cả những chuyện này cho ông”, Duy-Lân tử nói, “mình nói đến chỗ nào rồi nhỉ?”

“Tại hạ cảm thấy thú vị khi nghe túc hạ bảo rằng có những người ít nhiều cố tình thải bỏ hóng vào không khí”.

Những gì ông nói tiếp đệ không thể thuật lại bằng ngôn ngữ của chúng ta. Đó là những từ không dịch được, trong ngôn ngữ của chúng ta không có lấy một từ tương đương, vì chúng ta – đội ơn trời – không có đối tượng thuộc khái niệm ấy. “Khí thải”, “Seveso”^[106], “Fa-wiq”^[107]. Duy nhất đệ có thể tạm dịch là khái niệm mưa-giảm^[108]. Đệ rất sửng sốt khi Duy-Lân tử bảo ở đây có mưa-giảm. Đệ bảo tuy đã thấy nhiều thứ bẩn thỉu và hại sức khỏe ở thế giới này nhưng mưa giảm thì chưa hề, dù rằng theo tình trạng ở đây hiện nay thì điều này sẽ không khiến đệ ngạc nhiên.

Có đấy, ông nói. Mưa-giảm tồn tại, nhưng người ta không biết đấy thôi. Phải gọi đó là giảm rất loãng vì lẫn nước mưa khiến con người không nhận thấy, nhưng nó hại cây cối. Mưa-giảm khiến cây khô héo, cụ thể là loại cây lá kim mà ông vừa mới kể cho đệ. Nếu đệ muốn, ông có thể chỉ cho đệ thấy – ngay gần Min-chen này thôi, những cánh rừng không còn là rừng nữa mà

chỉ còn là những bộ xương của rừng. Ở đây chỉ còn những lõi cây khô héo và chút ít cỏ dại trên nền đất. Đúng là hình phạt của trời theo nghĩa đen, vì mưa-giảm rơi xuống từ trời. Chẳng bao lâu nữa những nơi trước đây là rừng sẽ đều như thế cả. Nhưng tất nhiên đó không phải là trời trừng phạt mà đúng hơn chính là con người, loài sâu bọ này đã gây ra mưa-giảm. Còn hần, hần chỉ biết ban bố chỉ thị! Duy-Lân tử dứ dứ nắm đấm về phía viên thượng thư khai man Chi vẫn đang ngồi, nhưng không biết gì về cái nắm đấm, vì đang nhìn như bị hớp hồn một cô nàng đang giao cấu với mỗ một con vẹt.

Như đã nói, đệ không thể dịch những điều này sang ngôn ngữ của chúng ta được. Fa-wiq là gì? Đệ không biết. Hần thế giới này còn nhiều thứ đệ chưa thấy, có thể đó lại là những thứ quan trọng. Đệ chỉ có thể diễn nghĩa lại thôi – giống như Duy-Lân tử thử diễn tả vòng vo cho đệ hiểu theo kiểu hơi sống sượng và hơi hợt nhưng tượng hình của ông: cơ thể con người phải thải ra những thể dịch thừa thãi, gây khó chịu và hơi lẫn phân, chúng đều hôi hám cả, thì xã hội cũng thải ra những khí, những dịch và mùi hôi độc hại. Con người chọn nơi kín đáo để trút những thứ rác rưởi này, còn xã hội (đệ nói thêm là của bọn mũi lõ) nói chung làm việc này hoàn toàn công khai và vô liêm sỉ.

“Giống như chúng ta – xin lỗi vì lỗi diễn đạt này – cả năm trời ị ra phòng khách rồi ngạc nhiên sao nó hôi hám, không ở nổi. Xã hội của chúng tôi hiện đang ở tình trạng này đấy”, Duy-Lân tử nói.

“Có phải đã quá muộn để chống lại chẳng?”

“Đôi khi tôi e như thế thật”, ông nói.

Bọn đệ rời quán thoát y sau khi Duy-Lân tử trả một số tiền không nhỏ. Lúc ấy khuya rồi, quá nửa đêm đã lâu. Bọn đệ lặng lẽ và trầm ngâm đi về khách sạn. Trời lắc rắc mưa, đệ xòe tay và quan sát những giọt mưa trên lưng bàn tay.

“Chà, chà...”, Duy-Lân tử nói.

“Giảm chẳng?” đệ hỏi.

“Trước kia”, Duy-Lân tử nói, “tôi lạc quan và thỉnh thoảng mới sợ rằng đã quá muộn. Còn nay? Nay hiếm có những giây phút tôi không sợ”. Bọn đệ chia tay trong đại sảnh khách sạn.

Những gì đệ thấy trong thế giới này chưa đủ ư? Chẳng phải đệ đã biết rằng nó mục nát, suy đồi và tiến tới sự diệt vong không cưỡng lại được ư? Tuy còn nhiều thứ đệ chưa thấy, nhưng thật ra đệ có thể quay về cố hương được rồi... dĩ nhiên không thể không thăm nàng Pao-leng lần nữa. Nàng và thầy Ve-to-feng là niềm vui trong chuỗi ngày dài buồn tẻ. Nhưng những niềm vui này giúp được gì khi ta bị đẩy tới vực thẳm. Đệ cảm thấy như vậy đấy. Đệ muốn trốn chạy, nhưng chiếc la bàn mà chúng ta thiết kế không cho phép. Đệ phải chờ đến thời điểm đã tính toán và rất tiếc còn phải chờ lâu nữa.

Cho đến lúc ấy đệ sẽ sống thoải mái như có thể. Ba ngày nữa đệ sẽ lại tới thăm ông Shi-shmi, lúc ấy bộ tứ lại chơi ở nhà ông. Đệ mong được nghe lắm. Mai nàng Pao-leng sẽ dẫn đệ tới một ông chế gọng mắt. Ông ta sẽ đo cho đệ một cái để đệ có thể đọc tốt hơn và không phải cầm giấy thật xa mỗi khi viết và đọc, nàng nói vậy.

Đệ ôm huynh, người bạn trung hậu và yêu quý nhất. Đệ mong chờ ngày trở về.

Cao Đài

Thư thứ hai mươi

(Chủ nhật, 20 tháng Mười)

Di Ngô bằng hữu thân mến,

Rốt cuộc mùa thu đã đến rồi. Cây lá đã thay màu. Hôm nay là ngày thu đầu tiên có trăng, song chẳng tên mũi lõ nào quan tâm đến chuyện này. Nghe đệ nói, nàng Paoleng chỉ đáp vắn tắt: “Thế à?” Bọn mũi lõ không những đã đánh mất mối quan hệ với sự vật, mà thậm chí chúng mất luôn cả ý nghĩa về sự cần thiết của mối quan hệ, cho nên chúng không cảm thấy sự mất trật tự của chúng là mất trật tự.

Thế thì ta có thể tự hỏi (nếu ta suy nghĩ theo kiểu của bọn mũi lõ chuyên lật tới lật lui vấn đề, hết như chúng luôn chạy tới chạy lui) chẳng phải là tốt ư, nếu ít nhất chúng không cảm thấy sự mất trật tự là mất trật tự, khi chẳng nào chúng cũng sống trong sự mất trật tự rồi? Phải chăng mất trật tự, một khi ta không cảm thấy, chính là trật tự?

Một tay mũi lõ nếu nghĩ được tới đó, sẽ không chần chừ xác nhận câu hỏi này ngay. Sở dĩ thế là vì chúng đã mất đi mối quan hệ với sự vật và đã thay ý thức về mối quan hệ này bằng sự quan trọng hóa cá nhân chúng mà chúng cho là lớn lao. Chúng ta, bạn thân mến ạ, nhờ giáo huấn của Khổng phu tử và các môn sinh của ngài, có được một kiến thức vững vàng về trời tròn và đất vuông, tối và sáng, năm phương trời, bốn mùa và ngũ cốc. Sự hình thành thế giới của chúng ta là hoàn hảo (như bộ xà nhà chính cống được lắp ghép), dẫu vào đây một khi chúng ta tuân thủ những điều kiện sẵn có. Và khi muốn biết thế nào là chân lý, chúng ta chỉ cần tìm hiểu kỹ trong các kinh thư “Luận Ngữ” hoặc “Lễ Kí” bất tử.

Tất nhiên thế giới của chúng ta không phải lúc nào cũng tốt cả. Chúng ta biết rất rõ, vì thế hệ chúng ta đủ lớn để từng trải những tội ác khủng khiếp, kinh tởm của chiến tranh thời Ngũ Đại, và phải chờ đến khi được đức Thái tổ tôn kính (chẳng may sớm băng hà), người đã sáng lập nên triều Tống của chúng ta giải thoát. Nhưng những tội ác khủng khiếp này, những nội chiến này từ đâu mà ra? Từ sự mất trật tự. Từ việc phong tục tập quán xưa không được tuân thủ khiến người ta không còn xem lời giáo huấn của nhân dân là quan trọng nữa, khiến em không tuân phục anh, con cái không kính cha sợ mẹ, các vương hầu không chọn người xứng đáng làm tể tướng, thượng khanh mà lại cất nhắc bọn khua môi múa mỏ.

Rõ ràng trong những hoàn cảnh như thế, khi sự vận hành giữa trời và đất bị lơi lỏng thì không thể không có hậu quả: lũ lụt, mất mùa, bạo cạp cắn trề thơ, cuối cùng là các cuộc nội chiến thời Ngũ Đại. Và cũng rõ ràng chỉ cần tái lập sự vận hành giữa trời và đất là có lại trật tự ngay.

Bọn mũi lõ không nhận ra được sự vận hành này nữa. Chúng vô cảm trước sự vô trật tự, chúng bị thương tổn do hiếu động – dễ thấy rất rõ điều này qua nàng Pao-leng – nhưng không chịu nhìn nhận những khuôn vàng thước ngọc. Chúng luôn nghĩ sự vật phải hướng theo chúng mà quên rằng chúng phải hướng theo sự vật.

Bọn chúng có cả một ngành khoa học khẳng định đã nghiên cứu tâm hồn con người. Ngành tự thị khoa học này là điển hình cho bọn mũi lõ. Thay vì phải tuân thủ rồi hướng theo những quan hệ giữa đất và trời, chúng lại lắng nghe tâm hồn khốn khổ của chúng, cố tìm hiểu xem con sâu nào đang co giật trong đó. Và chúng không quy mọi bất hạnh vào sự mất trật tự hình thành do mất kiến thức về mối tương quan của sự vật, mà vào những thứ khôի hài nào đấy đã tác động vào tâm hồn chúng thời thơ ấu hoặc thậm chí lúc còn trong bụng mẹ, hoặc do chúng được nuôi bằng cháo kê không đúng loại hoặc phải tắm quá nóng hay quá lạnh.

Khi bọn mũi lõ nghiên cứu tâm hồn chúng, chúng liền cảm thấy chúng bệnh hoạn – tất nhiên rồi, làm sao khác được, thật là khôи hài. Một khi khám

bệnh quá nhiều, ta sẽ cảm thấy mình đau ốm. Khi bọn mũi lõ cảm thấy tâm hồn chúng bệnh hoạn, chúng sẽ bất mãn và bồn chồn không yên. Khi bất mãn và bồn chồn không yên, chúng sẽ uống những viên thuốc nhỏ màu trắng hoặc hồng hoặc vàng (những màu này không phải theo mùa như mới đầu đệ tử, mà tùy tiện) rồi vì thế mà co thắt bao tử. Ở nàng Pao-leng đệ cũng thấy thế – rất tiếc. Nàng thà bị co thắt bao tử hơn là cố gắng nhận ra mối liên quan của sự vật. Đệ khuyên nàng đọc quyển “Lễ Kí” đáng kính đã được dịch sang ngôn ngữ của bọn mũi lõ. Đệ đã vào một trong những thư quán khổng lồ ở đây và hỏi về nó – dò hỏi thôi và chuẩn bị sẵn tinh thần rằng sẽ bị chế giễu. Trong thư quán có một bà phân phát sách cho khách. Đệ hỏi và quả thật bà không những chỉ mang ra quyển “Lễ Kí”, mà còn “Luận Ngữ” và “Kinh Dịch”, cả “Đạo Đức Kinh” nữa, tất cả đã dịch sang ngôn ngữ của bọn mũi lõ. Đệ mua quyển “Lễ Kí”. Bây giờ đệ đọc tiếng của bọn mũi lõ đã khá thông thạo để biết bản dịch có chuyển đúng ý tác phẩm đáng kính này không. Nó chuyển đúng. Cho nên đệ đã khom lưng tặng cho nàng Pao-leng, yêu cầu nàng đọc. Cho tới nay nàng chưa đọc, nàng bảo hiện không có thì giờ. Song đệ đoán thật ra nàng sợ trước sự nhận thức và thà uống những viên thuốc nhỏ kia hơn.

Qua nàng Pao-leng mà đệ biết những chuyện của môn gọi là khoa học về tinh thần. Một ngày nọ, lâu rồi, nàng bảo rằng một bà bạn muốn làm quen đệ. Đệ không phản đối, ngược lại đệ còn muốn thu thập thêm nhiều kinh nghiệm nên đồng ý, đâu ngờ sẽ gặp phải chuyện gì. Mấy ngày trước, không lâu sau khi đệ viết xong bức thư cuối, nàng Pao-leng bảo rằng bọn đệ, nàng và đệ, được bà bạn kia mời đến ăn tối.

Huynh chớ suy diễn từ những điều đệ vừa viết, dường như có vẻ trách móc về nàng Pao-leng, rằng tình cảm của đệ với nàng đã thay đổi hoặc sau khi đã biết rõ nàng, đệ coi nàng là thứ gà mái điên rồ. Không! Trước sau đệ vẫn rất mến nàng và đối với đệ thì những hoan lạc ái ân được nàng dành cho đúng là suối nguồn sáng khoái. Điều đệ trách móc không phải là sự suy nhược của nàng mà của bọn mũi lõ nói chung, của môi trường nàng đang sống và dĩ nhiên không thoát ra nổi, trừ khi nàng dứt khoát đọc “Lễ Kí”. Đệ

rất xúc động trước việc nàng Pao-leng luôn chăm sóc đệ, gọi đệ là “chàng người Hoa bé nhỏ” của nàng và làm nhiều điều để đệ được thoải mái trong những ngày ở đây. Chẳng hạn nàng đã mua một chiếc áo lưới màu gỉ nâu... nhưng đệ không muốn viết về chuyện này. Nàng rất chu đáo nên đã bảo ngay bà bạn đừng nấu món gì có sữa bò, cũng như mua sẵn và để lạnh rượu Mo-te Shang-dong. Tối đến, bọn đệ leo lên chiếc ô-tô con của nàng Pao-leng, chạy qua nhiều đường phố ra tới một vùng ngoại ô có cây cối. Giữa những cây này cũng có những ngôi nhà, có cái lớn như trong trung tâm thành phố. Bà bạn ở một trong những ngôi nhà này. Bà tên Đạt-ma^[109] và không cao lớn hơn đệ mấy.

Đệ được biết bà Đạt-ma tuy có chồng nhưng ông này hiện sống ở xa và ra lệnh cho bà qua te-lei-fong. Bà Đạt-ma không có con cái. Đây cũng là một vấn đề phức tạp mà đệ đã dò hỏi. Huynh biết tính đệ không thích loan truyền những chuyện riêng tư của người khác, nhưng vì chuyện này thuộc về thế giới của bọn mũi lõ, nên đệ sẽ viết. Sau một thời gian ân ái với nàng Pao-leng, người bạn gái xinh đẹp của đệ, và vì đệ chưa hề tiết chế trong việc trao hết tinh lực đàn ông của đệ vào trong lòng nàng, đệ đã ngẫm nghĩ nếu nàng Pao-leng cho ra đời một đứa nhỏ – theo đệ tính toán hẳn không lâu sau khi đệ rời khỏi đây – thì sẽ thế nào. Nếu là con trai, đệ nghĩ, nên đặt tên nó là Cao Lương.

Một ngày nọ đệ cũng đã nói chuyện này với nàng Pao-leng, vì đệ muốn để lại cho nàng số dự trữ mà đệ kiên quyết không động tới: những chiếc ly vàng, để nuôi dạy đứa con trai. Nàng cười bảo đệ không cần phải lo. Sao lại lo? đệ hỏi. Con cái chỉ gây lo lắng khi chúng không tiếp thu nghiêm chỉnh việc giáo dục và không thừa nhận lễ thói xã hội. Tại sao một đứa con trai lại là mối lo được? Dù đệ có – trong quá khứ xa xăm – bốn con trai với chính thất, tám con trai với các hầu thiếp, ngoài ra còn khoảng ba mươi con gái, tuy vậy mỗi lần có con đệ đều vui mừng, nhất là con trai. Tất nhiên lần này có hơi kỳ lạ, vì đứa bé được sinh ra bởi hạt giống tạm gọi là đã nghìn năm tuổi, một sự kiện làm đảo lộn ghê gớm cái trật tự vốn đậm nét về các thế hệ.

Nhưng nếu trời cao không sập vì sự vô trật tự mà đệ thấy trong thế giới của bọn mũi lõ, nó cũng sẽ không vì đứa nhỏ kỳ lạ này mà sập, đệ nghĩ thế.

Không, không phải thế, nàng Pao-leng nói, mà nàng không thể có con. Sao, nàng vô sinh ư? đệ hỏi. Không, nàng nói, mà vì lúc ấy nàng cũng uống thuốc.

Thế đấy. Bọn mũi lõ không chỉ uống thuốc để chống lại sự co thắt trong tâm hồn, mà còn để không có con. Tất nhiên đệ đã yêu cầu nàng cho xem thứ thuốc ngừa có con ấy. Nó nhỏ xíu, màu trắng và người phụ nữ không thu nhận nó ở chỗ mà huynh có thể phỏng đoán qua mối liên hệ này, mà ở miệng.

Việc sinh nở con cái khiến người phụ nữ phải hứng chịu một số phiền toái nào đấy là hiển nhiên, như đệ được biết. Với viên thuốc tí tẹo này bọn phụ nữ mũi lõ có thể dễ dàng tránh sinh nở và có thể ta cho rằng sẽ chẳng mục nào sinh con nữa. Dường như không phải thế vì đệ vẫn thấy trẻ con chạy loăng quăng. Đệ cũng đã hỏi nàng Paoleng chuyện này. Nàng trả lời rằng vấn đề này đã thay đổi trên hai phương diện. Những người phụ nữ thượng lưu, có hiểu biết và những người khôn ngoan muốn giữ độc lập (một ý tưởng mà chúng ta khó hiểu nổi) hoặc những nàng hầu, những nữ nghệ sĩ thoát y cũng như những vũ nữ và những kẻ tương tự không có con hoặc chỉ có rất ít và thường bởi họ quên không uống viên thuốc nhỏ xíu màu trắng đó. Phụ nữ tầng lớp dưới nhiều con hơn. Dĩ nhiên cũng có ngoại lệ; nàng bảo có biết một ông rất trí thức với bà vợ rất thông minh và họ có nhiều con, bảy hay chín đứa gì đấy. Nàng chưa từng hỏi nhưng cho rằng đơn giản chỉ vì ông ta, một học giả cao cấp đã có nhiều công lao bất tử trong âm nhạc, rất thích được làm cha. Có ngoại lệ đấy, nhưng không thường. Ngoài ra vấn đề này còn có lý do tôn giáo nữa, nàng giải thích, nhưng nếu kể ra ở đây sẽ thành đi quá xa.

Nói chung, nàng Pao-leng nói tiếp, ở Ba Yan này và những xứ xung quanh càng ngày càng ít trẻ con ra đời, vì dân chúng ở đây giàu có, có ánh sáng từ đây^[110] và nhiều trò tiêu khiển. Nơi đâu không có những thứ này –

nàng Pao-leng gọi những vùng ấy bằng cái tên thoát tiên khó hiểu: “thế giới thứ ba” – trẻ con ra đời rất nhiều, quá nhiều, khiến gần như không còn chỗ ở nữa, nhất là vì ở những vùng đó không có gì để ăn.

“Trung Quốc, mà nàng gọi là Chi-na ấy, có thuộc vào những vùng gọi là thế giới thứ ba này không?” đệ hỏi. “Có và không”, nàng đáp. Vấn đề này thật khó trả lời.

“Thôi được”, đệ nói. “Nhưng nếu ở những vùng ấy người ta sinh sôi nhiều đến mức giẫm đạp lên chân nhau” (chân bọn mũi lõ to lắm, đệ chỉ nghĩ chứ không nói ra, vì phải công nhận rằng theo quan niệm của chúng ta – mình biết riêng với nhau thôi nhé – chân nàng Pao-leng quá lớn) “và nếu ở đó bọn chúng bắt đầu ăn thịt lẫn nhau – điều này sẽ tạo nên một sự quân bình nào đấy đối với sự sinh sôi ngoài ý muốn, song cuối cùng cũng không phải là giải pháp – tại sao người dân ở đó không đến đây, nơi có đủ chỗ ở và thừa thức ăn?”

“Vì lý do đơn giản”, nàng Pao-leng nói, “người dân ở đó không biết điều này”.

“Còn dân xứ nàng không kể cho họ biết?” đệ hỏi.

“Đúng thế”, nàng nói.

Nhưng có lẽ không hẳn như thế. Đệ sẽ tìm hiểu cặn kẽ chuyện này. Có thể đệ sẽ hỏi Duy-Lân tử.

Dẫu sao bà Đạt-ma cũng không có con cái. Bà thuộc loại phụ nữ có học, muốn giữ sự độc lập, dù không rõ họ hiểu thế nào là độc lập. Bà tiếp bọn đệ rất niềm nở. Bữa ăn tạm được, Mo-te Shang-dong lạnh đúng mức. Bọn đệ chuyện trò đủ thứ và đệ thấy thoải mái, tuy rằng vài pho tượng nho nhỏ, một tấm thảm và vài vật khác bày quanh đấy khiến đệ khó chịu nhớ tới những biểu tượng Phật giáo.

Ăn xong được một lúc, bà Đạt-ma đề nghị mọi người xuống phòng làm toát mồ hôi dưới hầm. Đệ chẳng hiểu ắt giáp gì, còn nàng Pao-leng đồng ý

ngay, bảo đệ cứ việc đi cùng rồi sẽ biết, để nàng khỏi phải giải thích dài dòng. Nàng bảo nó sẽ làm cho ta tỉnh táo và phấn chấn.

Đệ không muốn kể chi tiết mọi chuyện ở đây. Nói tóm tắt thì phòng làm toát mồ hôi này gọi là “*Sao-na*” – tắm xông hơi, mới phổ biến gần đây thôi. Ai phát minh ra nó và đầu óc người đó nghĩ gì khi nảy ra ý tưởng này thì với đệ vẫn là điều nan giải. Nói chung hẳn nó liên quan đến bệnh đăm mê không bao giờ thỏa mãn là làm ướt thân thể. Về chuyện này thỉnh thoảng đệ sẽ kể để huynh rõ. Từ lâu đệ ngờ rằng bọn mũi lõ có ham thích lạ lùng là làm ướt thân thể. Từ khi có hiện tượng này, nhiều nhà đã xây phòng làm toát mồ hôi. (Trong khách sạn cũng có một cái, đệ mới biết đây, nhưng tất nhiên đệ không xuống đó). Căn phòng này rất chật, ốp gỗ và nóng đến ngộp thở. Người ta cũng xịt nước lên người, tuy không xịt thì cũng vẫn nhể nhại mồ hôi như con heo sữa, kinh hoàng, người ta dùng những bó cành cây khô nhỏ đập nhẹ lên lưng nhau. Thỉnh thoảng phải trằm người trong nước lạnh – cái này khó chịu nhất, có thể nói chẳng gì so sánh được kể từ khi cột sắt nung đỏ không được dùng làm dụng cụ tra tấn nữa.

Điều thú vị là – nhờ chịu sự dọa dầy khác lạ nói trên mà đệ có thêm nhận thức mới – hai nàng không chút ngại ngùng cởi bỏ hết áo quần trước mặt đệ. Đệ muốn nói cả bà Đạt-ma cũng không ngần ngại. Tuy phản đối kịch liệt, đệ cũng phải làm theo. Nàng Pao-leng rít lên rằng đệ chớ nên điệu bộ như thế. Trong một phòng làm toát mồ hôi *Sao-na*, chuyện này bình thường và nếu đệ – đệ hết lòng năn nỉ – muốn giữ lại quần, nữ chủ nhân sẽ coi đó là vô cùng bất lịch sự.

Thành ra bọn đệ ngồi đó và toát mồ hôi: nàng Pao-leng, bà Đạt-ma và đệ. Sau một lúc, đệ bạo dạn liếc nhìn bà chủ nhà. Bà thon thả, gần như một thiếu niên, toàn thân nâu sạm như một nô lệ sau khi xong việc đồng áng và bộ ngực đồ sộ như quả núi. Điều này đệ đã nhận thấy ở những vũ nữ thoát y trong quán mà đệ với Duy-Lân tử đã vào, và do đó đệ phải xét lại hình ảnh về nàng Pao-leng mà đệ đã tả lúc đầu.

Đệ lại phải dài dòng để huynh hiểu: mới đầu, điều này đệ đã viết cho huynh, đệ không phân biệt nổi đàn ông với đàn bà trong thế giới ở đây, chẳng khác chúng ta không thể phân biệt được từng con một trong đám lưỡng cư ướt át nằm trong hang đá. (Không phải ngẫu nhiên mà đệ chọn lối so sánh kinh tởm này, như huynh có thể hiểu được nếu huynh chăm chú đọc các thư của đệ – mà điều này thì đệ không hoài nghi). Với thời gian, đệ học phân biệt được khuôn mặt của bọn mũi lõ, nhưng mãi đệ vẫn không nhận ra nổi đó là đàn ông hay đàn bà, trừ khi có bộ râu, mà điều này không thường lắm. Bọn mũi lõ nữ đều có bàn chân rất to (theo quan niệm của chúng ta) và không khác bàn chân đàn ông. Trong thời gian rất lâu đệ nghĩ tất cả bọn mũi lõ đệ thấy trên đường phố đều là nam giới. Vì theo phong tục của chúng ta thì người phụ nữ chẳng có việc gì để phải ra khỏi ngôi nhà của mình; nên khi quan sát, đệ nghĩ phong tục ở đây cũng thế. Song như huynh đã biết, điều này không đúng. Rồi trong một thời gian dài đệ nghĩ có thể phân biệt đàn ông với phụ nữ mũi lõ qua màu sắc chiếc dù của họ. Như đệ tìm hiểu thì điều này chỉ đúng rất giới hạn và dấu hiệu để phân biệt này dĩ nhiên chỉ dùng được khi trời mưa, vì bọn mũi lõ chỉ biết đi mưa chứ không biết ô che nắng. Tuy mưa thường, nhưng không phải luôn luôn.

Rồi về sau đệ nhận ra bộ ngực vĩ đại của bọn mũi lõ nữ. Ở ta, ngực các bà già và vú nuôi cũng to, nhưng chúng ta coi đó là hiện tượng kỳ quái. Hiếm khi một mũi lõ nữ có bộ ngực bình thường theo quan niệm của chúng ta. Áo quần của họ cũng phải thế nào để ngực họ gồ lên rõ rệt. Bộ ngực đầu tiên đệ thấy không che đậy là của nàng Pao-leng – nhìn nghiêng qua nách chiếc áo dợn sóng. Do đó huynh dĩ nhiên phải thấy rằng theo đệ thì bộ ngực này quá vĩ đại, dù phải công nhận nó đẹp và tươi màu đào non. Đến nay đệ đã có dịp quan sát bọn mũi lõ nằm lỏa lồ trên bãi cỏ vào mùa hè, rồi lại được cùng Duy-Lân tử khảo sát các vũ nữ thoát y tại cái quán đệ đã nói, bây giờ lại được ngắm nhìn thật gần ngực bà Đạt-ma. Có thể tóm lại thế này: tuy cố tránh có con và nếu có thì không cho bú (đệ biết điều này qua trò chuyện với Duy-Lân tử về bộ ngực đặc biệt gây chú ý của một trong những nữ nghệ sĩ thoát y), bọn đàn bà mũi lõ có bộ ngực phát triển ghê gớm, nhưng không bó chân. Theo quan niệm của chúng ta thì nàng Pao-leng có bộ ngực vĩ đại và

hai bàn chân to. Theo quan niệm ở đây thì ngực nàng khá nhỏ, bàn chân cũng thế.

Bậc hiền giả tôn kính nơi đôi hạnh dạy rằng: người quân tử đến nước lạ không tìm cách đưa phong tục của mình vào, mà sống theo tập quán ở đấy, miễn nó không trái lương tâm. Vậy nên đệ chiều theo phong tục của bọn mũi lõ ở điểm này và coi ngực phụ nữ to là đẹp. Có thể nói nó cũng có những mặt thú vị. Tính đệ không ưa nói nhiều về những chuyện liên quan tới vấn đề này, thành ra đến đây đủ rồi.

Sau khi hai nàng thấy đã toát mồ hôi đủ rồi, bọn đệ mặc quần áo rồi trở lên căn hộ của bà Đạt-ma. Cơ thể đệ mất quá nhiều nước khiến đệ cảm giác nó như trái cây sấy khô và đệ đã uống một hơi, đệ tin thế, hết chai Mo-te Shang-dong.

Trò chuyện tiếp đệ mới biết bà Đạt-ma làm trong ngành khoa học nghiên cứu tâm hồn nọ. Nàng Pao-leng, bạn gái của đệ, chỉ nói với bà Đạt-ma rằng đệ là người Trung Quốc và vừa mới tới Min-chen để nghiên cứu. Dường như bà Đạt-ma thích thú lắm. Bà liền nói về sự khác biệt giữa tâm hồn “Viễn Đông” và “phương Tây” (nghĩa là của bà và bọn mũi lõ khác), hóa ra bà chẳng biết gì về thuyết của Khổng phu tử và bà đã đánh đồng “tâm hồn Viễn Đông” với mê tín của đạo Phật. Đệ thấy không tiện giảng giải cho bà, hơn nữa đệ phải thú nhận Mo-te Shang-dong đã có phần nào tác dụng khiến đệ lâng lâng trong trạng thái vô vi. Đệ không ngớt gật gù nói: hảo, hảo.

Khi chia tay, bà Đạt-ma cảm ơn đệ về buổi trò chuyện thú vị (tuy đệ không nói gì khác hơn “hảo, hảo”) và bảo rằng qua tâm hồn hết sức thú vị của đệ mà môn khoa học về tâm hồn của bà đã tăng tiến vượt bậc. Đệ khom lưng đáp: xin cảm ơn về bữa ăn tuyệt vời mà bà đã phung phí cho một kẻ tiểu nhân không xứng đáng như đệ, về buổi toát mồ hôi tuyệt vời không kém cũng như được ngắm nhìn bộ ngực lớn vượt mức của bà khiến đệ nhớ đến hình dáng ngọn Thái Sơn linh thiêng và sẽ luôn ghi nhớ như báu vật trân quý nhất.

Lẽ ra đệ không nên nói thế, vì bà Đạt-ma hơi sững sốt lùi lại một bước. Sau đó trên đường về nàng Pao-leng bảo rằng nói huých toẹt về ngực một người phụ nữ là hết sức khiếm nhã. Đệ chịu không hiểu nổi, một khi bà đã hào phóng cho xem. Nhưng tùy, ai muốn hiểu sao cũng được, đệ chỉ quan sát và ghi lại thôi. Trong quyển thứ tư của bộ “Luận Ngữ”, Đức Khổng phu tử vĩ đại dạy rằng: “Biết đạo lý không bằng thích nó; thích nó không bằng vui làm theo nó”.

Phải chăng giữa ngực to của bọn phụ nữ mũi lõ và việc họ thích sữa bò có liên quan? Ai biết được.

Ít hôm sau nàng Pao-leng chuyển đến đệ lời chào của bà Đạt-ma. Đệ hỏi bà có tha thứ cho sự khiếm nhã vô tình của đệ chăng? Có, nàng Pao-leng đáp, bà Đạt-ma đã suy nghĩ lại và tìm đọc trong những sách về khoa học tâm hồn. Bà bảo việc đệ khen ngực bà có thể là do hồi còn thơ đệ bị bà vú nuôi bắt cai sữa rất sớm. Có chuyện gì mà bà ta không biết nhỉ, đệ nghĩ. Ngoài ra bà Đạt-ma nhờ nàng Pao-leng nhắn với đệ rằng bà thấy tâm hồn đệ thật đáng quan tâm, nên sẵn sàng khám đệ miễn phí, đệ nên gặp bà sớm. Chuyện này, đệ nghĩ, mình chớ nên đụng tới.

Thân ái chào huynh.

Lão bằng hữu Cao Đài

Thư thứ hai mươi mốt

(Thứ Hai, 28 tháng Mười)

Huynh vô cùng quý mến,

Cám ơn huynh đã viết cho đệ một bức thư hay ho và vui vẻ. Huynh đã công phu chép cho đệ cả chín mươi hai bài thơ lên tờ giấy vượt thời gian khiến đệ rất xúc động, nhưng thật không cần thiết. Vả lại loại giấy vượt thời gian rất đắt và hiếm, huynh nên để dành gửi cho đệ những tin tức quan trọng hơn là chép thơ của các thành viên đáng kính của Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích”. Chín mươi hai bài thơ! Chỉ riêng lão Quang Ngụy Phổ đã mười chín bài! Trước khi đi đệ đã quyết định mỗi thành viên đáng kính chỉ được nộp tối đa hai bài cho kỳ thi thơ mùa Thu thôi mà. Lão Quang Ngụy Phổ này nghĩ gì mới được chứ? Mười chín bài! Bài nào cũng lê thê. Mà đệ phải đọc hết... Lão Quang Ngụy Phổ này đúng là tay thi sĩ gây phiền toái nhất đệ từng gặp. Nếu không cho lão nộp nhiều bài hơn mọi người và được gí mũi vào mọi chuyện của Thi nhân hội thì lão sẽ khiến không ai chịu nổi. Trong khi đó, như đệ thấy, lần này lão Cù Khoa Thương đại lãn cũng lại chẳng nộp bài nào. Hẳn lão làm không xong. Càng tốt, vì đệ khỏi phải đọc những lời thở than lải nhải, nhưng dấu sao hành động của lão vẫn rất không nghiêm túc. Đệ đã làm gì nên tội mà Thiên tử tin cậy trao cho trách nhiệm [uuu](#) đầy vinh dự làm Hội trưởng Thi nhân hội đáng kính này chứ? Đệ thà giám sát việc nuôi chó Bắc Kinh của hoàng gia hoặc bón phân cho các công điền còn hơn. Khi tới dịp đệ sẽ báo huynh biết quyết định của đệ về giải thưởng cho bài thơ hay nhất. Còn sớm mà.

Đệ rất mừng khi lão phó tể tướng tốt cuộc đã nhượng bộ để quý tử của lão kết duyên cùng tề nữ. Chuyện này cần phải tiến hành nhanh chóng. Đệ mong sang năm khi trở về mạnh khỏe và bình an (đệ hy vọng thế) sẽ có

thằng cháu đầu lòng chuẩn bị chào đời. Huynh hãy tế nhị nói thế với lão. Bằng không sang năm đệ sẽ không thêm mời lão dự lễ gia tiên hoặc sẽ xếp cho lão một chỗ ngồi rất bất xứng. Huynh chọn đưa con gái nào của đệ? Đệ chẳng biết đưa nào tên Cao Pha. Phải con bé tai to không? Nó giống mẹ nó đấy. Trong dòng họ đệ chẳng ai tai to như nó.

Xin đừng gửi bài thơ nào cho đệ nữa. Nếu lão Cù Khoa Thương đại lãn vẫn nộ, huynh hãy gửi trả lại với lời ghi chú rằng đã hết hạn. Chín mươi hai bài thơ! Trời ạ, có quá nhiều người làm thơ. Huynh nên biết mới đây đệ lại có một buổi trò chuyện dài rất thú vị với ông Shi-shmi. Theo cái nhìn của bọn mũi lõ ở đây thì chúng có cảm tưởng rằng thời đại chúng ta chẳng có chuyện gì khác hơn là làm hết bài thơ này đến bài phú khác. Hậu thế nhìn chúng ta như vậy đấy!

Buổi trò chuyện giữa đệ với ông Shi-shmi diễn ra mấy ngày trước vì một nguyên do khác. Ông đến đón đệ tại khách sạn vào lúc sáng sớm, đưa đệ tới dự một phiên tòa để đệ làm quen với việc thi hành công lý ở xứ này, dầu sao đó cũng là một bộ phận quan trọng trong đời sống công cộng.

Bọn đệ ăn sáng ở khách sạn rồi lên đường. Tòa án không xa mấy. Tòa án không phải tòa nhà mà đệ đã buộc phải ngủ đêm đầu tiên khi tới đây. Đó là tòa án của bọn sai nha, còn đây là tòa án của thành phố Min-chen.

Viên phán quan (bạn của ông Shi-shmi, người ngay lúc đầu đã giao đệ cho ông, chỉ làm việc ở tòa án của bọn sai nha thôi) đã thân ái giới thiệu bọn đệ với ông Me-lon^[112], một đồng nghiệp tại tòa án thành phố và bọn đệ đã xin gặp ông này. Bọn đệ được phán quan Me-lon đáng kính thân mật đón tiếp, chứ ấn tượng đệ có được tại tòa án này thật đáng kinh ngạc. Từ đó đến nay, vì đã quá rành phong tục tập quán ở đây nên đệ chờ đợi sẽ thấy một tòa nhà với những trụ cột sơn phết thẩm mỹ khiến ta kính nể. Nhưng đệ đã kinh hoàng. Tòa nhà tuy lớn nhưng không toát ra chút uy nghi nào cũng như chẳng có gì biểu hiện trật tự và kỷ cương, những thứ tòa án phải tái lập khi chúng suy tàn.

Trước hết đệ nhận thấy bên dưới tòa nhà có hàng quán. Đúng vậy! Huynh không đọc nhầm đâu: hàng quán. Trong khi mức độ công lý do trời trao được chính đốn ở những tầng trên, thì ở bên dưới bọn chủ các cửa hàng tạp phẩm thân nhiên bán áo quần, gối chăn, hoa, đồ lót chân bằng da và đĩa ăn có nhạc^[113] (đệ sẽ phải kể với huynh về đĩa ăn có nhạc này, nhưng vào một lần khác).

Văn phòng của phán quan Me-lon còn tồi tàn hơn mức thảm hại, nó hôi hám, bàn ghế mòn vẹt. Căn phòng nhỏ như chuồng chó thế mà có tới hai phán quan, không thể tránh khỏi đạp lên chân nhau. Đường như phán quan ở thế giới này không được cả dân chúng lẫn chính quyền trọng thị – dù đúng ra họ là cơ quan duy trì trật tự của chính quyền. Ông Me-lon rầu rĩ xác nhận ngay với đệ điều này và bảo rằng những hàng quán dưới kia lớn và đẹp hơn văn phòng của các phán quan.

Ông Me-lon có một nhiệm vụ đặc biệt tại tòa án Min-chen. Ngay từ đầu đệ đã kể với huynh rằng những chiếc ô-tô chạy tới chạy lui hỗn loạn và những tòa nhà sắt di động cùng mọi thứ qua lại trên những con đường trải đá của thành phố này không đụng phải nhau thì quả là một phép lạ. Nay đệ biết rằng phép lạ này chẳng ghê gớm gì lắm, vì ô-tô có đụng nhau chứ và không phải ít. Xe móp méo, còn người lái bị thương tật. Có khi xe hư hại hoàn toàn còn người lái không hồi phục nổi, phải chết. Nếu những người lái sống sót, họ sẽ tranh cãi ai có lỗi trong vụ đụng xe, nghĩa là ai phải trả tiền cho việc tu sửa xe của người kia.

Ở tòa đại hình thành phố có tới sáu phán quan với nhiệm vụ duy nhất: liên tục xử những vụ kiện cáo này. Ông Melon là một trong những phán quan ấy. Sau khi giải thích cho đệ chuyện này chuyện nọ, ông Me-lon đứng lên bảo phải chuẩn bị ra xử án (viên phán quan kia vắng mặt, tuy cũng có bàn ghế trong căn phòng này). Ông thắt quanh cổ một món trang sức màu trắng, giống kiểu con bướm phụ nữ đời Đường thường cài trên mái tóc, và mặc một chiếc áo thụng đen.

Tuy đã quen với sự vô trật tự cùng tập quán suy đồi ở đây, đệ vẫn chờ đợi thế giới này của bọn mũi lõ còn giữ được chút ít kính trọng trước phong tục xưa. Vì đệ hiểu biết chưa đủ cho nên cứ luôn bị thất vọng. Có lẽ một người như đệ với nguồn cội ở tận thời trước rất xa xôi không thể không thất vọng thường xuyên. Ông Me-lon chỉ cho ông Shi-shmi cách đi tới sảnh đường sẽ diễn ra phiên tòa – và bọn đệ đi xuống trước, qua một hành lang chật hẹp, tăm tối. Gọi là sảnh đường nhưng chẳng xứng tí nào, nó chỉ là một căn phòng tương đối lớn thôi. So với nó thì căn phòng phụ bé nhất của khách sạn “Bốn Mùa” là cả một dinh thự. Không chút đường bệ và lộng lẫy, hoàn toàn thiếu những biểu tượng khiến ta phải kính sợ. Bọn đệ ngồi ở chiếc ghế dài tít phía sau, nó kéo kẹt như thể phản ánh tâm trạng của đệ khi chứng kiến sự thiếu oai nghiêm. Một đám người – có cả phụ nữ – đứng túm tụm, tán gẫu bằng giọng ồm ồm thô lỗ hoặc sột soạt giở giấy đọc. Đệ cố ngẫm nghĩ xem cái gì đã khiến căn phòng thiếu oai nghiêm. Cái ghế dài kéo kẹt? Những chiếc ghế mòn phía trước? (Một chiếc long ra, nằm lăn lóc ở một góc). Những bức tường hơi ám khói? Bọn mũi lõ tán gẫu tỉnh bơ như ngoài chợ? Đúng, những cái ấy đều có, nhưng trước hết là vì căn phòng quá thấp – đệ rõ được điều này lúc cùng ông Shi-shmi ngồi xuống chiếc ghế dài. Bọn mũi lõ nói chung đều cao lớn (cả phụ nữ; chẳng hạn nàng Pao-leng cao hơn đệ ít nhất cũng một cái đầu) nhưng lại sống và thích làm việc trong những căn phòng thấp tè, chỉ đủ cao để chúng đứng thẳng thôi. Sao vậy? Điều này chẳng ai giải thích nổi cho đệ. Đền đài của chúng ta cao, sảnh đường các dinh thự ở ta có trần cao vợi vợi, ngay cả nhà riêng chúng ta cũng chú ý xây mái cao để khỏi cảm thấy ngột ngạt. Còn ở đây bọn mũi lõ hầu như không đứng thẳng nổi trong phòng của chúng. Khi rõ như thế, đệ liền nêu vấn đề với ông Shi-shmi. Ông tròn mắt nhìn đệ và dường như mới đầu không hiểu đệ hỏi gì. Rồi ông đáp: Tại sao? Ta đâu cần nhiều không gian bên trên đầu, thế là phí phạm. Như vậy với cùng một chiều cao ngôi nhà người ta có thể xây được nhiều tầng hơn. Ông Shi-shmi, đáng gọi là bậc thông tuệ trong thế giới của ông, đã quan niệm thế đấy.

Đệ không nói ra song nghĩ rằng bọn mũi lõ sở dĩ xây phòng thấp vì chúng rất sợ sự oai nghiêm. Không gian phía trên đầu đồng nghĩa với oai nghiêm.

Sao chúng lại sợ oai nghiêm? Vì oai nghiêm tất yếu xứng đáng với từng cá nhân – người quân tử, bậc hiền giả, phán quan – chúng thà khước từ hoàn toàn oai nghiêm chứ không muốn những cá nhân này được như thế. Thành ra ở đây lòng ganh tị của bọn hạ đẳng thống trị và bọn chúng gọi như thế là “sự làm chủ của nhân dân”. Trong khi đó một số bọn mũi lõ, chẳng hạn ông Shi-shmi và Duy-Lân tử, biết rất rõ rằng chỉ oai nghiêm mới bảo đảm được trật tự, nhưng họ không dám nói lớn điều này.

Phán quan Me-lon bước vào phòng ngay giữa đám người đang cười nói huyền thuyên. Một người phụ nữ – sau này đệ mới biết chỉ là một kiểu thừa phát lại – đã khiến bọn mũi lõ huyền thuyên kia phải kính nể phần nào khi đồng dục nói: “Yêu cầu mọi người đứng dậy, phiên tòa nhóm họp!” Dĩ nhiên đệ đứng ngay dậy, cả mọi kẻ đang ngồi nữa, nhưng nếu huynh chờ đợi rằng đúng lẽ thì mọi người phải quỳ mọp xuống đất, chờ phán quan ngồi xuống và cho phép họ ngẩng đầu thì huynh nhầm to, chẳng ai quỳ mọp cả. Với lại sàn nhà khá bẩn thỉu vì ngoài trời mưa, chân ai cũng dính bùn. Sau khi được phán quan ra hiệu cho phép ngồi, đệ khẽ hỏi ông Shi-shmi những người này là ai? Đó là những thầy cãi chuyên nghiệp. Hóa ra ở đây không ai tự đến tòa cả, có một đẳng cấp đặc biệt đại diện các bên trước tòa. Tại sao những kẻ liên quan lại không ra hầu tòa? Nhất định không phải vì họ sợ, mà vì họ không hiểu công lý. Sau phiên xử, khi ông Me-lon tôn kính đã cởi bỏ áo thụng và món trang sức màu trắng ở cổ, đệ đã trò chuyện khá lâu với ông trong một phạm điểm gần tòa án (đệ đánh bạo mời ông dùng bữa ở đó và ông đã nhận lời) và hỏi ông nhiều chuyện.

Đúng thế, ông nói, trong vương quốc của bọn mũi lõ cũng có công lý chứ, chỉ có điều công lý này tạm gọi là đã bị chia cắt thành vô số mảnh vụn tiềm ẩn trong vô số điều luật thành văn (vô số ngay cả với chính ông và các đồng nghiệp). Việc nhận ra công lý đã trở thành một ngành khoa học chuyên biệt. Người thường không hiểu nổi nữa, cho nên mới có những thầy cãi chuyên nghiệp.

Ai quy định việc thảo ra những đạo luật này? đệ hỏi. Nhà nước, ông Me-lon đáp.

Di Ngô quý mến ơi, đệ biết nói gì nữa bây giờ? Nghĩ là ở đây không có thứ công lý cổ truyền được xác định qua quan sát trật tự của trời đất và quy định Nhà nước cùng các viên chức phải làm gì một cách công bằng, mà ngược lại, Nhà nước và đám viên chức quy định cái gì là công bằng, cái gì không (đám viên chức tự coi mình là ông chủ, như viên thượng thư khai man Chi người Nam man mà đem nợ đệ đã gặp trong dạ điểm có các nữ nghệ sĩ khoa thân). Chính nó khiến đời sống công cộng không có trật tự, đệ có thể hiểu rõ điều này.

Nhưng hãy quay trở lại phiên xử. Mọi người đều ngồi xuống, kể cả phán quan, cạnh ông là một bà mặt mũi cau có. Ai vậy nhỉ? đệ hỏi. Đó là một phụ tá cấp thấp của phán quan, bà có thể viết rất nhanh và ghi chép những điều quan trọng nhất khi phán quan và thầy cãi phát biểu.

Dĩ nhiên đệ hiểu rất ít về vụ xử. Phán quan nhiều lần cảnh cáo các thầy cãi hãy yên lặng. Đệ thán phục sự nhẫn nại của phán quan trong chuyện này. Đường như kiên trì là đức tính quan trọng nhất của phán quan ở đây.

Nhiều vụ kiện tụng được xử nối nhau thật nhanh. Thỉnh thoảng phán quan lại phê phán điều thầy cãi trình bày là vớ vẩn. Đó cũng là một trong những bất lợi của hệ thống tư pháp ở đây: vì trong trường hợp này viên thầy cãi giơ hai tay, ngoẹo đầu nói chính ông ta cũng biết thế là vớ vẩn, nhưng thân chủ của ông ta đã ra lệnh phải làm thế, muốn làm khác cũng không được.

Có một vụ xử tương đối lâu. Chuyện hằm xảy ra lâu rồi, vào mùa đông vừa qua hoặc trước nữa: một chiếc ô-tô trượt trên tuyết, nhưng không phải đụng một ô-tô khác mà vào góc một ngôi nhà. Viên thầy cãi của người lái ô-tô lì lợm lý luận, theo như đệ hiểu, rằng trong vụ này ngôi nhà có lỗi chứ không phải chiếc ô-tô. Một lần nữa phán quan lại vô cùng kiên nhẫn, cố làm cho viên thầy cãi thấy ông ta phi lý. Nhưng viên thầy cãi càng ngoan cố, mặt đỏ gay, gần như quát tháo. Đệ nín thở. Viên phán quan vẫn ngồi, kiên nhẫn nghe. Cuối cùng viên thầy cãi mặt mũi đỏ gay kia đứng bật dậy lớn tiếng: ông ta không chấp nhận phán quan này, mà muốn một người khác. Thật ra đệ không mong chờ, nhưng trong một khoảnh khắc quả có nghĩ rằng hằm

viên phán quan sẽ phát tay, lệnh cho ba bốn sai nha lực lưỡng lôi tay thầy cãi lảo xược này ra chém đầu lập tức.

Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Tất nhiên trong phòng có vài tiếng thì thào. Vài viên thầy cãi khác cố trấn tĩnh đồng nghiệp mặt đỏ, chủ yếu bảo ông ta đừng nói dai nói dài nữa, vì họ cũng muốn đến lượt. Một lúc sau mọi người bình tĩnh lại và phiên xử tiếp tục.

Chừng một giờ sau, trong phòng hôi nồng không chịu nổi khiến phán quan buộc phải cho nghỉ một lúc. Đệ với ông Shi-shmi cũng đi ra. Tới ngoài, phán quan Me-lon bảo bọn đệ hãy đi giải khát với ông. Ông cởi bỏ áo thụng đen nhưng cổ vẫn đeo món đồ trang sức trắng. Bọn đệ lại đi qua những hành lang dài, tới một căn phòng được gọi đùa là “Căn phòng nhỏ của những kẻ thề man” (hoặc dịch khác đi, nếu muốn: “Căn phòng của những kẻ thề man nhỏ con”), tiếng ồn ù cả tai. Tại một chiếc bàn có các thầy cãi; mặc dù mới lúc này còn cãi nhau dữ dội, giờ họ ngồi kể với nhau những mẫu giai thoại tình quái mà họ ưa thích, còn đệ thì không hiểu. Một vài phán quan cũng ngồi đấy, ông Me-lon giới thiệu bọn đệ, sau đó đệ khiêm tốn ngồi vào một góc. Trong phòng ồn ào hết mức vì mọi người thi nhau nói – như thường thấy ở bọn mũi lõ. Thứ “giải khát nhỏ” của các phán quan và thầy cãi là một cái ly có dáng hoa uất kim hương loại *hal-bal*, đệ được cho biết vài vị đã uống nhiều ly rồi mà chưa gục. Đệ khẽ hỏi ông Me-lon ở đây có Mo-te Shang-dong không. Ông bảo không. Đệ đành uống trà.

Tuy đệ được giới thiệu tên của vài thầy cãi và phán quan nhưng tất nhiên đệ không thể nhớ nổi. Một người có cái đầu tròn xoe, tóc cụt ngắn như lông nhím, rất được ưa thích vì kho tàng vô tận những mẫu giai thoại tình quái trong trí nhớ của ông. Ông kể đệ nghe vài chuyện, đệ chẳng hiểu gì nhưng bảo sẽ mãi ghi nhớ trong ký ức. Ông tỏ ra rất quan tâm đến món ăn Trung Quốc và bảo ông rất thích tự nấu, dĩ nhiên theo kiểu của chúng ta, thật đấy. Một người không phải hỏa đầu quân nhưng lại thích bếp núc. Đệ phải làm ông thất vọng vì không cho ông được thông tin hay cách nấu nào. Đệ chỉ biết món mình ăn có ngon không, chứ không biết cách nấu.

Một ông khá đầy đà, là phán quan đồng thời làm thêm nghề bán cá và văn phòng phẩm; một thầy cãi rất cao có bộ râu dê kiêm bán sách. Đệ không dám hỏi kỹ hơn. Tất cả khiến đệ hoang mang. Một thầy cãi khác vừa to vừa béo, đội mũ trụ như chiến binh thời Hán... đệ hoảng hồn định bỏ chạy, nhưng rồi vỡ lẽ ông này hoàn toàn vô hại và không có ý định gây hấn.

Đệ tình cờ ngồi cạnh một thầy cãi khác – đệ nhớ tên là Vi-li-ve-va – chỉ cao bằng đệ khiến đệ vô cùng thoải mái. Được một lúc, ông hỏi đệ điều gì đây nhưng đệ không hiểu tiếng nói của ông. Ông thầy cãi râu dê kiêm nghề bán sách cười to khi thấy đệ không hiểu và bảo điều này dễ hiểu thôi, vì bản quán của ông Vi-li-ve-va hơi xích về phía Tây, người dân ở đây rất tăn tiện^[114] và lười mọc ngược. Ông Vi-li-ve-va thân nhiên nhìn ông râu dê và nói – cố để mọi người hiểu: “Một lời nữa là tôi sẽ đổ cái ly này lên đầu anh đây”. Đệ lại định bỏ chạy thì ông Vi-li-ve-va quay qua đệ, lặp lại rõ ràng hơn câu hỏi hồi nãy, rằng tòa án ở Trung Quốc có vui nhộn thế này không? “Không”, đệ đáp và khom một phần ba người, “nhưng khi trở về, tại hạ sẽ không quên kể lại về phong tục tập quán vui nhộn ở thành phố Min-chen và tại hạ chắc chắn người ta sẽ bắt chước ngay.” Ông liền nâng ly, bật ra một tiếng kêu nghe như là “*Plo-sh-cht*”^[115] – cái này đệ biết rồi, có nghĩa ông uống chúc sức khỏe đệ.

Đệ khom lưng lần nữa, nhấp trà và rằng: “*Plo-sh-cht*, tại hạ cũng xin được phép uống trà này trong niềm hy vọng rằng ông Vi-li-ve-va đáng ca ngợi cũng như tổ tiên đáng kính của ông không ngừng được vinh quang và tôn kính”.

Đệ rất mừng khi đến lúc cùng mọi người rời căn phòng. Phần thứ hai buổi xử án tương đối ít ồn ào hơn. Không có nhiều thầy cãi nên cũng bớt lớn tiếng.

Những tập giấy dày cộm được đưa đến và đem đi. Chốc chốc phán quan lại lật lật một tập giấy như thế. Thình thoảng một thầy cãi lại đệ trình lên phán quan một tờ giấy – nhưng không khom người. Đệ hỏi ông Shi-shmi có phải đó là sự cam chịu mà thầy cãi dâng lên phán quan không. Không, ông

đáp, trong tờ giấy ấy thầy cãi trình bày quan điểm của mình về vấn đề. Đôi lúc phán quan cũng ném một tờ giấy xuống cho các thầy cãi, họ nhận nó mà chẳng hề tỏ vẻ cung kính.

Phiên xử kết thúc như thế đấy. Khi các thầy cãi đã rời khỏi phòng, phán quan cũng cho bà phụ tá ghi chép mặt mày cau có và bà phụ tá kia lui. Rồi, như đã nói, đệ mời ông và ông Shi-shmi dùng bữa.

Đệ hỏi ông nhiều chuyện. Chẳng hạn ông có phải đọc hết những gì các thầy cãi trình lên không. Không, vì nếu phải đọc hết thì chỉ sau bốn ngày ông sẽ hóa điên, ông đáp.

Ông tìm ra công lý như thế nào? đệ hỏi. Sau một lúc trầm ngâm ông bảo thời buổi này không thể tìm ra công lý được nữa. Có một ngạn ngữ về luật, bất thành văn, song dầu sao vẫn là quan trọng nhất, nội dung như sau: đừng chờ đợi công lý khi anh đến một phiên tòa, mà hãy mừng khi anh có được một bản án. Thật khó lòng phục vụ công bằng trong một thế giới gặp phải tình trạng vô trật tự thế này, ông Me-lon thở dài nói.

Theo đệ thấy thì phán quan Me-lon là người sâu sắc và đệ hy vọng sẽ gặp lại ông để hỏi những chuyện khác nữa. Bọn đệ chia tay và buổi viếng thăm lạ lùng của đệ kết thúc, buổi viếng thăm đã cho đệ thấy sâu sắc rằng trật tự Nhà nước này thiếu oai nghiêm.

Đệ chào huynh từ tương lai xa tít tắp nhưng vẫn là người bạn gần gũi của huynh.

Cao Đài

Thư thứ hai mươi hai

(Thứ Hai, 4 tháng Mười Một)

Huynh vô cùng quý mến,

Những bức thư của huynh đã khiến lòng đệ hân hoan trong cái thế giới mưa gió rả rích này. Từ khi được nàng Pao-leng đặt làm cho chiếc gọng mắt, bây giờ mắt đệ quả thật đã tốt hơn rồi và để đọc cho rõ đệ không cần phải duỗi tay giữ thư xa nữa. Huynh hỏi về mấy bài thơ à? Đệ chưa có dịp xem. Dầu sao kết quả cuộc thi thơ không được công bố trước dịp Rằm đầu tiên của mùa đông mà. “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” tôn kính nên nhẫn nại. Ngoài ra, có lẽ các bài thơ này đại khái giống của năm ngoái và những bài năm ngoái lại giống năm kia. Quá nhiều người làm thơ, ông Me-lon cũng nói thế. Đệ đã gặp ông hai lần và tuy nghề của ông là phán quan, song ông cũng rành văn học. Dĩ nhiên ông muốn nói: ở đây, ở thế giới này, ở Min-chen có quá nhiều người làm thơ. Dường như lúc nào và ở đâu cũng có quá nhiều người làm thơ, đó là một điểm bất di bất dịch trong lịch sử thế giới.

Duy-Lân tử mà huynh hỏi trong thư đã đi lâu rồi. Ông phải về nhà. Vì công việc. Nhưng muộn nhất tháng sau ông sẽ quay lại, lúc ấy bọn đệ muốn ăn mừng tái ngộ bằng chuyến đi xem các vũ nữ thoát y tại dạ điểm “Thiên Đường”. Sẽ có những nữ nghệ sĩ mới, luyện thuần thục những vũ điệu mới. Huynh muốn nói gì về chuyện những quả bóng nhỏ màu trắng? Đệ không hiểu ý huynh viết trong đoạn này.

Quả thật đây là một thế giới có phép thần thông, tuy thường hay mưa. Ở khách sạn “Bốn Mùa” tại Min-chen, đệ quay một cái te-lei-fong, tức thì ở Bắc Kinh xa xôi một chiếc máy tương tự trên bàn một đĩa châu chắt xa xôi nào đấy của chúng ta bật lên tiếng chuông reo. Duy-Lân tử cứ nhất định

muốn đệ thử chuyện này. Đệ không ngại dùng te-lei-fong, mà sợ không hiểu thứ ngôn ngữ thông dụng hiện nay lũ con cháu xa xôi của chúng ta đang dùng, rồi vì thế mà đâm ra buồn tủi. May thay, đệ phải nói thế, đứa cháu xa xôi ở Bắc Kinh không có nhà, chuông reo hoài công. Duy-Lân tử rất thất vọng, nhưng đành chịu. Chuyện này xảy ra trước khi ông đi một ngày, buổi tối hôm ấy bọn đệ còn cạn hết một chai Mo-te Shang-dong ở nhà nàng Pao-leng. Chiếc áo đầm dợn sóng lung linh mờ ảo không thích hợp vào mùa lạnh. Nàng Pao-leng mặc một chiếc áo đầm màu đỏ hơi gấp nếp quanh tấm thân có một không hai của nàng khiến Duy-Lân tử mê mết. Khi trò chuyện cả kê bọn đệ cũng nhắc tới chuyến phiêu lưu của đệ trong phòng làm toát mồ hôi dưới hầm. Duy-Lân tử rất ham toát mồ hôi – ông nói thế – và ngỏ lời ngay rằng nhất định muốn được một lần cùng nàng Pao-leng thăm căn phòng làm toát mồ hôi.

Đệ sẽ tìm cách ngăn cản chuyện này. Còn ngoài ra đệ rất vui khi ông lại tới thăm.

Hôm nay ngày Rằm. Đệ biết nhờ tính lại^[116] thôi chứ không nhìn thấy trăng, bầu trời đầy những đám mây nặng nề. Mưa và lạnh. Đệ nghĩ tới trăng, dù không thực hiện việc cúng trăng – đệ phải thú nhận vậy. Bốn tuần trăng đã qua từ ngày đệ tới đây mà không cúng Rằm. Đệ biết làm sao hơn? Có biết bao khó khăn không vượt nổi. Làm thế nào đệ đứng ở cầu thang hướng Đông ở nhà ông Shi-shmi được, khi ngôi nhà chỉ có một cầu thang duy nhất mà lại quay về hướng Tây? Ông Shi-shmi tuy có thể thông cảm với chuyện đệ cử hành lễ nghi, thậm chí có thể phụ giúp đệ nếu đệ yêu cầu, nhưng đệ không thể nào chịu đựng nổi tiếng cười ngu xuẩn của những người khác. Ngoài ra: ai là tổ tiên đệ khi đệ sống ở một thế giới xa tít về thời gian như thế này? Chẳng lẽ đệ lại là tổ tiên của chính mình, vì đúng ra đệ chết đã nghìn năm rồi? Có thể chấp nhận được không chuyện đệ tự cúng mình? Dễ hiểu là người ta không thể tìm thấy trong “Luận Ngữ” hoặc “Gia Ngữ”, trong “Kinh Dịch” tôn quý và sách “Xuân Thu” của Lã Bất Vi câu trả lời cho chuyện ấy. Bậc hiền giả ở đời hạnh im lặng trước câu hỏi này, ấy là chưa nói đến Lão tử cười trâu đen mà đệ dẫu sao cũng không đánh giá cao lắm.

Khi bắt đầu chuyến du hành đệ định sẽ tuân giữ những nghi thức và tập tục của thế giới mình, bất kể xảy ra chuyện gì, nhưng đệ quên rằng những thứ này sẽ thay đổi thế nào trong một nghìn năm (và cách vạ dậm mà ngày đó đệ đâu ngờ). Cho nên chỉ sau vài ngày lưu trú trên đất nước của bọn mũi lõ, đệ đã tạm hoãn những nghi thức này. Đệ dựa vào Khổng phu tử tôn kính, thầy luôn bảo rằng đến xứ lạ ta phải sống theo tập quán ở đấy và thật ngớ ngẩn khi muốn áp đặt cho người lạ phong tục tập quán của mình. Sách

“Lễ Kí”, chương “Lễ vận” có viết: khi đến một nhà lạ, hãy dò hỏi về những điều cần tránh trong lời ăn tiếng nói ở đấy. Tuy bậc hiền giả cũng dạy rằng người quân tử cần tác dụng âm thầm qua sự làm gương... nhưng theo huynh, Di Ngô quý mến, thì một mình đệ có thể làm được gì trong cái thế giới vô trật tự này, ngay cả nếu đệ đức hạnh gấp mười lần? Ông Shi-shmi có một bản dịch quyển “Kinh Dịch”, đệ không rõ ông đã đọc chưa. Đệ đã tặng nàng Pao-leng, như huynh biết, một bản dịch quyển “Lễ Kí”. Nàng bảo sau này sẽ đọc... Đệ có thể làm gì hơn nữa nào? “Phong tục muốn rằng người khác tìm đến ta, chứ không phải ta tìm đến người khác; phong tục muốn rằng người khác đến với ta để cầu học, còn ta đến với người khác để dạy bảo”. “Lễ Kí” cũng viết thế.

Thành ra tuy đệ cố giữ gìn phẩm hạnh nhưng đệ sống ở đây như kẻ man di, không tuân thủ lễ nghi, không tuân theo những phong tục đáng kính. “Nếu có ai – trong bọn mũi lõ, đệ thêm – vui khi gần ta, thì đó là tốt. Nếu không ai vui khi gần ta, thì ít nhất ta hãy tự vui” (Sách Tổng thư viết).

Nói với nàng Pao-leng về chuyện phong tục thì gần như vô nghĩa. Không phải nàng không đức hạnh – ở khía cạnh nào đấy – mà vì nàng chỉ cố sống sao cho toại nguyện, mà như thế tất nhiên, như đệ đã nói, sẽ dẫn tới điều bất lợi. Khi ta mất đi mối quan hệ với sự vật và thay vì nghiền ngẫm cùng tuân thủ trật tự vĩnh hằng giữa trời và đất, ta ép trật tự này phải tuân theo ý ta, chắc chắn ta sẽ không toại nguyện. Cũng chẳng sao – bù lại nàng là phụ nữ và rất đẹp. Duy-Lân tử hoàn toàn không thích hợp với những mạn đàm thế này. Tuy ông là một chuyên gia trên lĩnh vực trồng rừng và có nhiều ý tưởng sâu sắc liên quan đến Nhà nước này và trật tự của nó, nhưng ông không chấp

nhận phong tục cổ truyền. Ông chỉ biết có một tập quán thôi, ông nói, đó là ông được sung sướng. Chỉ mình ông Shi-shmi (có thể cả phán quan Me-lon, nhưng đệ chưa biết đủ về ông) thích hợp với những vấn đề này. Một ngày trước đệ lại tới nhà ông Shi-shmi vì nhóm tứ tấu hòa nhạc ở đấy. Đệ nghe không chán. Họ chơi hai tác phẩm của thầy Mo-tsa thần thánh. Ông Shi-shmi hứa sắp tới sẽ đưa đệ tới một buổi trình diễn âm nhạc công cộng để biết một ban nhạc chơi thế nào. Ngoài ra ông lại nhắc đến chuyện mượn chiếc la bàn-thời gian của đệ – đệ cứ hy vọng ông đã quên. Ông muốn thực hiện chuyến du hành ngay sau khi mẹ ông rời khỏi đây. Mẹ ông không được biết gì hết về chuyện này, kéo bà lại lo. Sau khi ba người bạn âm nhạc ra về, ông Shi-shmi và đệ còn ngồi lâu với nhau, đốt vài đồ cúng Da-ving-do và trò chuyện về tôn giáo.

Bọn đệ sở dĩ mạn đàm vấn đề này vì ngay từ đầu, đệ quan sát thấy một mặt bọn mũi lõ kỳ mớ tay vào món ăn và kinh sợ chuyện này chuyện nọ, mặt khác chúng lại không ngớt sờ mó lẫn nhau. Việc chào hỏi (ngay cả giữa đàn ông với phụ nữ, thậm chí giữa người địa vị cao hơn với người địa vị thấp kém hơn) diễn ra như sau: người này nắm bàn tay người kia, bóp và lắc nguyên cả cánh tay. Họ thường vỗ lên vai nhau và kỳ quái nhất là người này dùng miệng làm ướt mặt người kia – điều này không phải hiếm khi xảy ra. Ở nước ta, đệ bảo, thậm chí vợ chồng cũng không lấy gì hết từ tay người kia. Đó là lịch sự. Khi muốn cho nhau món gì thì đặt nó vào giỏ, người được cho nhận chiếc giỏ. Nếu không có giỏ thì đặt lên chiếu. Chỉ sau khi đã ngoài bảy mươi tuổi, vợ chồng mới thôi giữ áo quần trong hòm riêng.

Vì phong tục khác nhau thôi, ông Shi-shmi nói. Thế mới có cuộc đàm đạo. Đệ không muốn kể chi tiết, chỉ tóm tắt những ý nghĩ mà đệ rút ra từ đó.

Bọn mũi lõ không phải chỉ khác phong tục mà hoàn toàn không có phong tục. Đệ không bảo chúng vô đạo đức theo nghĩa phóng túng (đây lại là vấn đề khác); đệ muốn nói theo nghĩa chúng không có một tập quán, nghi lễ và phong tục vững chắc nào. Chỉ trong những chuyện không quan trọng chúng mới còn chút tập tục sơ sài. Những tập tục này cụ thể thế nào đệ thật không rõ. Trong ít ngày đệ quan sát bà quả phụ Shi-shmi và hỏi bà, đệ mới biết.

Chúng cho rằng sẽ gặp rủi ro nếu chui qua chiếc thang, để kéo mở, để mũ trên bàn hay giày dép trên giường. Ngày thứ mười ba trong tháng của bọn mũi lõ (độc lập với tuần trăng) là ngày xấu, ngày thứ Sáu của tuần lễ cũng xấu theo một nghĩa nào đấy. Nếu ngày thứ Sáu này trùng với ngày thứ mười ba của tháng thì nhiều bọn mũi lõ không ra khỏi nhà. Khi một người hắt hơi, những người kia nói “Chúc mừng!”, không ai giải thích được cho đệ tại sao; trên mộ tổ tiên chúng chỉ đặt hoa chứ không cúng kiếng thêm gì khác nữa. Mà chúng thường chỉ đặt hoa lên mộ cha mẹ thôi, vì chúng không biết mộ ông bà, còn cụ cố thì chúng không nhớ tên luôn.

Có lẽ đó chính là những phong tục cốt yếu làm chỗ dựa cho trật tự của xã hội này. Còn vài điều đệ chưa quan sát. Rõ ràng một thứ trật tự sâu rộng, tình yêu con cái, lòng kính nể, khoa học, các thưởng thư liêm khiết và sự thịnh vượng sẽ không thể duy trì được nếu không xảy ra chuyện gì khác hơn là kiêng để kéo mở. Và lại, không phải ai cũng kiêng: ở nhà nàng Pao-leng có lần đệ thấy nàng để kéo mở. Đệ đã nghiêm túc nhắc nhở nàng điều ấy. Nàng cười: dạ, dạ – mẹ nàng cũng đã dạy nàng thế rồi. Dường như chỉ những người lớn tuổi còn giữ những tập tục vốn đã ít ỏi này, còn ở giới trẻ chúng có nguy cơ bị suy đồi.

Việc các xe ô-tô ngừng ở giao lộ khi đèn giao thông bật đỏ và chỉ chạy tiếp khi đèn đổi sang màu xanh không phải là tập tục, mà là một luật lệ đặt ra tùy tiện, phán quan Me-lon đã giải thích cho đệ điều này. Những luật lệ tùy tiện này nhiều vô kể và càng tăng quá mức thì phong tục và tập quán càng suy đồi. Thành ra phong tục và luật lệ tách biệt nhau, nghĩa là luật lệ tách rời hoàn toàn khỏi mọi quan niệm đạo đức. Vì đối với bọn mũi lõ việc phạm luật không phải trái đạo đức, nên Nhà nước phải dùng đến biện pháp trừng phạt.

Giáo dục không hiệu quả nữa. Quan niệm đạo đức tuy vẫn còn, nhưng chỉ mang tính tôn giáo và không ràng buộc cho đời sống công cộng. Đạo đức và tôn giáo đại khái chỉ còn giá trị về mặt thơ văn. Người ta có thể thích và tuân giữ, nếu muốn, nhưng chúng không điều hòa cuộc sống nữa. Đệ dễ dàng

nhận thấy rằng một Nhà nước như thế sẽ trở thành vô trật tự và ở đấy yếu tố lý trí chỉ còn giá trị trang trí.

Nhân đây nói thêm là tôn giáo mới thật lạ lùng. Nó đậm nét mê tín và giống đạo Phật thế nào ấy. Bọn mũi lỗ tin rằng đã có lần (chúng xác định rõ: đại khái vào thời gian nhà Đông Hán thay thế nhà Tây Hán) một ông Chúa đã xuống thế gian. Ông Chúa này sống trên trái đất ba mươi ba năm, đã giảng đạo và để lại một số quy tắc đạo đức, rồi bị con người hành quyết. Một quan niệm kỳ quặc. Rồi ông Chúa này sống lại, bay lên trời, phân thân thành ba ông Chúa. Ông ta đưa bà mẹ cùng lên trời, nhưng để lại trên trái đất người đại diện giữ vai trò một đạo sĩ tối cao. Có lẽ đệ thuật lại không chính xác môn thần thoại này vì một mặt đệ không hiểu rõ lắm, mặt khác nó có nhiều biến thể phần nào kình chống nhau hoặc từng kình chống nhau một cách gay gắt.

Đệ đã hỏi về giáo lý của ông Chúa này. Nó vô cùng đáng quý trọng. Nó không dạy gì khác lời Khổng phu tử trong thiên XV sách “Luận Ngữ”: “Tử Cống hỏi: ‘Có một chữ nào suốt đời làm theo được không?’ Khổng Tử đáp: ‘Có lẽ là chữ “thứ” chăng? Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác’”^[117].

Từ thời điểm bây giờ ở đây mà tính thì triều đại Hán đã cách gần hai nghìn năm. Nghĩa là từ khi ông Chúa này tuyên giảng giáo lý của mình đến nay đã gần hai nghìn năm. Dường như quan niệm về đạo đức của bọn mũi lỗ từ đó đến nay không hề thay đổi, vì giáo lý về lòng nhân đức của chúng không kêu gọi lương tri và nhân tính, mà chỉ bám vào công và tội – cũng là mấu chốt của giáo lý này.

Đệ thấy tôn giáo này với đạo Phật có sự tương đồng. Cũng như các Phật tử, bọn mũi lỗ khiếp hãi khi nghĩ rằng một ngày nào đó chúng mất đi linh hồn còn con của chúng. Chúng tự cho mình là quan trọng, đến nỗi coi việc linh hồn không tiếp tục sống sau khi chúng chết là một thảm họa. Điều lạ lùng là chúng không thấy sợ về chuyện linh hồn chúng không sống trước khi chúng sinh ra. Chúng bảo linh hồn chúng là “vĩnh cửu”. Nhưng vĩnh cửu có

nghĩa là không có khởi đầu và kết thúc. Làm sao vĩnh cửu được khi nó có khởi đầu? (Ông Shi-shmi bảo ý tưởng này không lạ trong triết học của bọn mũi lỗ. Đại khái cùng thời với thầy Ve-to-feng có một bậc trí giả tên *Sho Peng-kao*^[118] đã đưa ra quan niệm này, nhưng không được tiếp nhận mấy). Dựa trên nỗi sợ hãi ấu trĩ này, theo đệ thấy không khác sợ ma quỷ là mấy, tôn giáo của bọn mũi lỗ đã dựng nên hệ thống của nó về công và tội. Vì người ta cần tuân giữ điều răn về lòng nhân đức không phải để trở thành người hoàn hảo, không phải để biết rõ chính mình, không phải để giữ xã hội của con người được cân bằng, mà để tích lũy “kho báu nơi thế giới bên kia”. Nghĩa là về cơ bản tôn giáo này kêu gọi lòng tham. Nó dạy rằng ai trên thế giới này tuân giữ giáo lý, khi chết linh hồn sẽ bay lên thiên đường, nơi sẵn có một cuộc sống đời đời vô ưu chờ đợi bên cạnh Chúa. Nghĩa là linh hồn phải giữ gìn được ký ức về cuộc sống trần thế, bằng không nó sẽ không được tưởng thưởng. Ngược lại: ai không tuân giữ điều răn về lòng nhân đức, khi chết sẽ xuống địa ngục kinh khủng, ngày đêm bị thiêu đốt.

Một ông Chúa lòng lành luôn canh cánh về lòng nhân đức lại có thể vô nhân đến thế ư? Nhất là một ông Chúa có thể nào quyết định chuyện họa hoặc phúc đời đời của con cái ông, nghĩa là của con người, dựa trên những tiền đề pháp lý như thế được không? Vì tôn giáo của bọn mũi lỗ khẳng định con người là con cái của ông Chúa đó mà. Tuy cũng có nói nhiều đến lòng khoan dung đấy, nhưng lòng khoan dung này của ông Chúa không thật là khoan dung, vì nó chỉ được ban phát cho những kẻ thật sự xứng đáng – dưới cái nhìn của tôn giáo này. Lòng khoan dung ấy chẳng qua cũng chỉ là ân thưởng kín đáo thôi. Bọn mũi lỗ có quan niệm hám lợi đối với ông Chúa của chúng. Điều này, đệ nghĩ, là một hậu quả tai hại của sự nhân cách hóa mê tín ông Chúa của chúng một cách quá đáng. Thậm chí chúng còn vẽ hình ông, một lão trượng đáng kính râu dài lốm đốm bạc. Nét mặt ông là nét mặt của bọn mũi lỗ. Nếu đúng thế thì bọn chúng ta, vẽ mặt khác hẳn, sẽ bất lợi ngay từ đầu. Thế mà đó là ông Chúa đầy khoan dung ư? Chỉ gọi là khoan dung thật sự khi kẻ không xứng đáng cũng được ban thưởng. Ông Chúa của bọn mũi lỗ, nếu khoan dung thật sự, phải chiếu cố kẻ nguyên rủa ông chứ.

Nhưng đệ cho rằng tất cả những điều này không phải lời dạy thật sự của ông Chúa đã giảng thế. Một ông Chúa thì xa xôi và vĩ đại, khiến không thể mặc khải những khái niệm của con người, chưa kể còn tự khép mình vào cái khung của những quy định pháp lý mà người ta trưng ra và diễn giải bằng trí óc của con người. Đệ đã tìm hiểu, ông Chúa này có thể chỉ là một hiền giả đáng kính có những nhận thức sâu sắc khôn lường về thánh thần – về ông Giê-su, chúng gọi ông như thế, không có lấy một dòng chữ từ chính tay ông ta. Tất cả những gì ông truyền lại đều do các môn đồ của đệ tử ông ghi chép lại. Chúng được ghi trong bốn quyển sách Thánh^[119], song cũng chỉ là những bản sao chép sau này thôi. (Thành thật mà nói, cũng giống như với Đức Khổng phu tử của chúng ta). Ông Shi-shmi tặng đệ mấy quyển sách Thánh ấy. Không dày gì lắm và đệ đã đọc với mỗi thiện cảm sâu sắc chỉ trong một đêm. Không chỗ nào gọi ông Giê-su đáng kính này, người mà đệ không ngần ngại tỏ lòng kính trọng hết mức, là Chúa. Ông tự nhận mình là con người và khẳng định mọi người là con cái của Chúa. Đệ cho rằng có lẽ giáo lý của ông đã bị biến cải nhiều. Ông Giê-su đáng kính này dạy về lòng nhân từ vì nó cần thiết, song các đệ tử của ông không hiểu ông nên đã thêm vào đó quan niệm lợi lộc nhỏ mọn về phần thưởng và trừng phạt.

Nhưng quan niệm ấy, ông Shi-shmi nói, cũng không mới lạ gì. Trong hai nghìn năm qua giáo lý này đã trải qua nhiều biến cải và vô số diễn giải; chúng không chỉ đưa tới những tranh luận về học thuật mà còn tranh chấp và chiến tranh nữa. Ông Shi-shmi kể đệ nghe một vài diễn giải. Một diễn giải của một trí giả tên Gê-go ở Na-tsia (sống vào thời Đông Tấn) đã khiến đệ sửng sò; theo ông này thì đại khái không thể hiểu nổi Chúa, nên không thể nghĩ bàn. Hoàn toàn không được phép nghĩ bàn về Chúa, mọi nghĩ bàn về Chúa đều là báng bổ.

Tất nhiên lời dạy của ngài Gê-go vĩ đại xứ Na-tsia cũng không toàn thắng trong thế giới này, nơi mà mọi cái mới trước hết luôn luôn được coi là hơn cái cũ, trong nghĩa tiến bộ và thường xuyên rời khỏi mình. Thiên IX quyển “Luận Ngữ” bất tử viết thế nào nhỉ? “Khổng Tử nói về Nhan Uyên: “Tiếc thay! Ta chỉ thấy anh ấy tiến mà chưa hề thấy ngừng”^[120].

Khi đệ nghe ông Shi-shmi kể, khi đệ đọc và trò chuyện với bè bạn về những điều này, đệ lơ mờ cảm thấy một mối quan hệ lạ thường giữa thế giới ở đây với quê hương mình. Huynh cũng lơ mờ cảm thấy chứ? Ở Trung Quốc chúng ta có một giáo phái sống tách biệt của những người tin vào một ông Chúa nơi phương Tây xa xôi. Đó chính là những người theo giáo lý của ông Giê-su nọ. Họ bị xua đuổi vì lý do tôn giáo, sống phân tán khắp nơi, rồi cuối cùng định cư ở đất nước ta, xa cách hẳn đồng đạo. Họ xưng là người theo Cảnh giáo. Khi trở về, đệ sẽ tìm cách liên hệ với họ. Xưa nay đệ vốn không quan tâm đến họ^[121].

Đó là tóm tắt của đệ về tôn giáo của bọn mũi lõ. Đệ không muốn tranh cãi. Không ai biết được chân lý là gì. Có tốt hơn chẳng nếu qua suy xét mà cố đạt tới việc tìm hiểu bản chất của trời xanh? (điều này dễ đưa đến suy đoán). Phải chăng phương pháp sai lạc cũng có tác dụng nâng cao kiến thức? Hay chúng ta chỉ nên hài lòng được là *người tốt*? Đệ không rõ. Đệ mượn câu nói ngắn gọn của vị thầy nơi đồi hạnh: “Đừng bận tâm với chuyện tiên đoán, nó là thế”.

Cuối bức thư dài này, có lẽ là quan trọng nhất cho đến nay, đệ xin chào huynh.

Người bạn Cao Đài xa xôi của huynh

Thư thứ hai mươi ba

(Thứ Hai, 11 tháng Mười Một)

Di Ngô quý mến,

Đệ càng tiếp xúc rộng rãi bao nhiêu, lai lịch của đệ càng dễ bị lộ bấy nhiêu. Tất nhiên thôi. Hồi còn ở nhà ông Shi-shmi và được ông bảo trợ thì đệ chẳng có gì phải lo ngại. Bây giờ đệ ở trong khách sạn này, kẻ ra người vào nườm nượp như chuồng bồ câu. Có hai người biết hoàn cảnh của đệ: nàng Pao-leng và ông Shi-shmi. Ông Shi-shmi coi chuyến du hành vượt thời gian của đệ và việc đệ chỉ là người khách tạm thời trong thế giới của ông là đầy ý nghĩa và ông hiểu việc giữ bí mật nghĩa là gì và quan trọng thế nào. Nếu ông sống trong thế giới của chúng ta thì ông là một người quân tử theo nghĩa Đức Khổng phu tử dạy. Nàng Pao-leng cũng là quân tử, nếu là đàn ông. Đó là điều quý báu nhất mà ta có thể nói về một phụ nữ – ngoài chuyện ca ngợi sắc đẹp của họ. Nhưng đệ không dám chắc nàng thật sự tin điều đệ tiết lộ về lai lịch của mình. Nàng chẳng bao giờ thắc mắc. Có thể nàng nghĩ đệ muốn qua câu chuyện thậm chí vô lý và không tin nổi này che giấu một câu chuyện khác tuy đáng tin hơn, nhưng bất hảo? Đệ đành chịu vậy.

Tại sao đệ lại sợ lai lịch mình bị phát hiện dù đệ không làm điều gì bị cấm đoán qua chuyến du hành vượt thời gian này? Có thể người ta sẽ nhìn đệ như một bóng ma, thật chẳng thú vị gì. Có thể họ sẽ không tin, như thế đệ càng thấy khó chịu hơn, vì lúc ấy đệ chỉ muốn đưa ra bằng chứng, điều đệ làm được. Nhưng khi đó đệ sẽ thành kỳ quan thế giới và không thể quan sát được nữa, vì ngay lập tức đệ sẽ trở thành đối tượng quan sát của nhiều người lạ. Không, tốt hơn, thậm chí bó buộc, đệ cứ âm thầm quan sát, còn chính mình hoàn toàn không lộ diện dù việc này khó khăn tới đâu, vì ngay cả ăn

mặc như bọn mũi lõ thì dung mạo đệ vẫn không mấy thích hợp với thế giới này.

Duy-Lân tử đã trở lại đây. Bây giờ ông ở một phòng khác, nhưng cũng vẫn trong khách sạn này. Ông rất hay hỏi, chính vì thế ông trở thành một mối nguy. Tiết lộ cho ông hết mọi điều về đệ như đã làm với ông Shi-shmi và nàng Pao-leng thì đệ thấy không nên. Cho nên đệ cứ luôn phải cảnh giác tìm câu trả lời thích hợp cho những câu hỏi rắc rối của ông. Ông lại nhắc tới buổi trò chuyện qua te-lei-fong với chuyên gia trồng rừng nọ ở Bắc Kinh, đúng là ông dai như đĩa. Lần trò chuyện không thành trước đây không làm ông nản chí. Duy-Lân tử đã khiến bà phụ trách tổng đài te-lei-fong trong khách sạn gần phát điên vì không ngớt phải nối đường dây với Bắc Kinh, mà thường là không thành công. Nối được rồi song thường lại đứt. (Hệ thống đường dây dường như chưa thật hoàn hảo, ít nhất ở tầm xa). Nhưng cuối cùng cũng nghe được tiếng viên chuyên gia, dù rất nhỏ, gần như không nghe thấy. May mà đệ không biết nên nói chuyện gì với y. Sau vài câu xã giao đệ chuyển lời chào của Duy-Lân tử. Viên chuyên gia ở Bắc Kinh, cháu chắt của chúng ta, chẳng còn nhớ được bao nhiêu lễ phép ngày xưa của chúng ta. Mới đầu y tưởng đệ là người Hoa ở Tân Cương nói thứ khẩu âm mà y không hiểu, thứ nữa y chẳng vấn an đệ cũng như hỏi thăm song thân đệ còn không. Y gửi lời chào Duy-Lân tử. Tất cả chỉ có thế nhưng Duy-Lân tử rất vui và đệ hy vọng vấn đề nghiêm trọng này đã được giải quyết.

Một chuyện khác hoàn toàn chưa giải quyết được, mà đúng ra chỉ mới bắt đầu. Nó làm đệ sợ thất ruột gan, mặt khác lại khiến đệ hết sức tò mò.

Chuyện xảy ra hôm qua: đệ vô tư xuống sảnh, nơi đệ hẹn với Duy-Lân tử uống Mo-te Shang-dong. Ông ngồi đấy – nhưng ai ngồi cạnh ông thế kia? Một cô nàng bằng xương bằng thịt từ Trung Quốc. Đệ khựng lại, nhưng rút lui thì đã quá trễ, vì họ đã thấy đệ. Đệ sững sốt đến quên cả lễ phép, nhưng – sau đó nhìn lại – vậy mà lại là hay. Một nàng Trung Quốc bằng xương bằng thịt, như đệ vậy, tất nhiên ăn mặc kiểu mũi lõ, tóc cắt kiểu phụ nữ mũi lõ, không bó chân, không mạng che mặt – nhưng rành rành từ Trung

Quốc. Duy-Lân tử đứng bật dậy, giới thiệu nàng, vẻ mặt ông cho thấy ông nghĩ rằng thấy nàng thì đệ sẽ vui khôn xiết.

Đệ xin kể ngắn gọn: may sao nàng gốc gác từ một hòn đảo ngoài khơi Phúc Kiến, nay có dân ta ở, nhưng là một Nhà nước độc lập^[122]. Nàng nói một thứ khẩu âm rất chướng tai, nhưng bọn đệ vẫn có thể hiểu nhau. Tên nàng là “*Tiểu phụ*”^[123] Chung. Bọn mũi lỗ dùng từ “tiểu phụ” để chỉ một người nữ chưa chồng, mặt khác dùng để gọi nữ tiểu nhị trong phạn điểm, dù có chồng hay chưa. Có lần đệ cùng Duy-Lân tử vào một trong những vườn bia xinh đẹp (khi trời đẹp người dân Min-chen hay vào đây, ngồi uống bia bằng cốc vai hoặc cốc nửa lít dưới tán cây dẻ); ra tiếp là một nàng mông bằng hai mông ngựa, hai bàn tay to đến mức khuôn được những mười lăm cốc vai một lúc, cao hơn đệ ít nhất bốn cái đầu. Đúng là một núi mỡ. Thế mà Duy-Lân tử gọi nàng bằng: “Tiểu phụ!”. Hôm ấy là một trong những ngày ấm áp cuối mùa thu. Nơi chiếc bàn xa xa có một ông đang ngồi, ông ấy khiến đệ chú ý ngay. Duy-Lân tử nói khẽ: một trong những thi sĩ nổi tiếng nhất Min-chen đấy! Ông tên Si-gi và – nếu đệ hiểu đúng lời Duy-Lân tử – chỉ làm thơ vào mùa hè. Thế là rất khôn ngoan. Đệ muốn “Nhị thập cửu đài tiền nham bích” của Thi nhân hội hoàng gia cũng chỉ làm thơ vào mùa hè thôi. Nhưng họ cứ làm thơ ngày này qua ngày khác, khiến xà nhà cũng phải oằn, dù nắng cháy hay mưa đá.

Thi sĩ Si-gi đã có tuổi, da ông trông như da thuộc. Thoạt nhìn, đệ tưởng ông là một mục tử. Duy-Lân tử nói khẽ: bình thường ông Si-gi ngồi ở đó cùng đông đảo bạn bè và tiếp những kẻ châu chực xin diện kiến. Được ông mời ngồi cùng bàn là một vinh dự to lớn, còn khó hơn được Thượng khanh của Ba Yan mời ăn tối. Hiếm khi ông Si-gi ngồi đó một mình.

Tuy Duy-Lân tử nói khẽ, nhưng cũng khiến thi sĩ Si-gi chú ý và nhìn qua bàn của bọn đệ. Trán ông nhăn tít rồi ông nói kiểu gọn lỏn thô kệch của người Min-chen: “Mấy người nói về tôi chẳng?”. Đệ đứng dậy, khom hai phần ba người và nói: “Quả thật tại hạ đã có hành động không thể tha thứ, đó là nói bằng giọng quang quác chói tai về con người cao quý đáng kính và không dễ được gần gũi như ngài. Nhưng tại hạ mới biết mình có may mắn

không đáng được hưởng như thế vừa được trông thấy cầu vồng mọc ở hướng Đông, đó là được hít thở trong sự hiện diện của nhà thơ danh tiếng nhất thành phố Min-chen vĩ đại. Dù kẻ tiểu nhân vô dụng này có phạm tội gì trong tương lai thì cuộc sống vô giá trị của tại hạ vẫn chói ngời nhờ được cùng một tia nắng rọi chiếu ít phút giây bên cạnh ông hoàng của mọi thi sĩ ở Min-chen, của Ba Yan và của toàn thế giới”.

“A, cứ tự nhiên” nhà thơ nói, “ngồi đây để mình trò chuyện một chút”.

Đệ định lễ phép từ chối, chờ được mời ba bốn lần đã. Nhưng Duy-Lân tử đã lẹ làng xốc quần áo, chuyển qua bàn của nhà thơ Si-gi; hẳn ông không muốn lỡ cơ hội hưởng niềm vinh dự vốn còn khó hơn được Thượng khanh mời gặp này. Cho nên đệ cũng chuyển qua bàn của ông Si-gi và không quên lễ phép tái tới tái lui xin lỗi rằng sự có mặt của đệ đã làm hoen ố diện mạo toàn hảo của nhà thơ vĩ đại.

“A, cứ tự nhiên”, nhà thơ khiêm tốn và lịch sự nói, “tôi có khác một người viết bình thường nào đâu, tôi chỉ đơn giản nguệch ngoạc những gì chợt nghĩ ra thôi mà”. Đệ mong một vài vị trong Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” cũng khiêm tốn được như thế.

Đệ liền đáp rằng sắp tới sẽ nhờ bạn bè mua giúp tác phẩm trắc việt vô song của thi sĩ Si-gi để nghiên ngẫm đến cuối đời, dù ánh mắt của đệ sẽ chỉ làm hoen ố những áng thơ cao quý như hoa huệ của ông.

“A, tự nhiên đi mà”, ông Si-gi cao quý lại nói.

“Ông từ Trung Quốc tới à?” ông hỏi. Vừa nói ông vừa xắt một loại củ màu trắng tên là *la-đi*^[124] thành lát mỏng tanh, theo kiểu người vùng này thích dùng với bia. Xắt xong, cứ giữa hai lát ông lại rắc chút muối rồi sắp lại như cũ. “Ở xứ tôi người ta bảo phải để *la-đi* khóc”, ông Si-gi hạ cố chỉ bảo. Ý ông là phải để muối hút nước từ củ cải.

“Ra thế, ra thế”, ông nói, “ông đến từ Trung Quốc. Ông biết Khổng phu tử chứ?” Đệ bối rối, mới đầu tưởng vợ vẫn rằng ông ám chỉ lai lịch xa vòi vọi của đệ. Đệ mới đáp vu vơ: “Không trực tiếp”.

Ông Si-gi cười ồ, nói đi nói lại rằng ông thích đệ. Duy-Lân tử tuy không được Si-gi tử bắt chuyện nhưng cũng hưởng nhờ ớn mưa móc. Hóa ra ông Si-gi đã nghe nói điều này điều nọ về Đức Khổng phu tử. Đệ kể ông nghe về học thuyết tuyệt trần của bậc hiền giả nơi đời hạnh. Ông Si-gi tỏ ra rất quan tâm và hỏi luôn mồm. Đệ kể về Mạnh Tử cùng lòng khinh ghét chiến tranh và quân sự của thầy khiến ông Si-gi rất thích thú và về thuyết “chính danh”^[125] mà ông nhiệt liệt tán thành. “Việc đính chính khái niệm”, ông nói, “ở nước tôi chưa thật ổn. Ông cũng nhận thấy rồi chứ?” Đệ xác nhận. “Nhà thương điên”, ông nói, “nay người ta gọi là Viện tâm thần, thay vì què người ta gọi là đi đứng khó khăn, người được đào tạo thay vì thợ học nghề... toàn những khái niệm giả trá. Ông biết từ đâu mà ra không? Vì chúng ta đang ở trong một kỷ nguyên giả trá nên mới thế. Việc đính chính khái niệm...” Ông gật gù. “Tiếng nước ông gọi là gì nhỉ?” – “Chính danh”, đệ đáp. “Chính danh... tôi phải ghi nhớ mới được. Khổng Tử của ông quả là *thứ dữ*”.

Huynh chớ giật mình, không phải ông mạ lỵ đâu, mà “*thứ dữ*” ở đây biểu thị sự coi trọng và khâm phục hết mức.

Ông với đệ trò chuyện rất lâu. Ông rất tán thành khi nghe đệ nói về thuyết của Tuân Huống^[126], rằng con người dễ bảo, nhưng thật ra là xấu. Ông gật đầu: “Đúng, đúng, xấu và ngu”. Ông ngược nhìn những chiếc lá cây dẻ cùng những tia nắng rọi qua rồi đọc một bài của nhà thơ ông yêu thích nhất, cũng là thầy ông, đã tạ thế. (Tên vị thầy này đệ đã yêu cầu ông Si-gi viết ra giấy. Dịch sang tiếng của chúng ta đại khái nghĩa là Khúc.) Bài thơ như sau:

“Phải, hỡi con người, hãy thảo ra kế hoạch đi Và tự cho mình là ngôi sao sáng. Cứ thảo thêm nhiều kế hoạch, Tất cả đều sẽ không thực hiện được”.

Rồi nhiều bạn bè của ông Si-gi lần lượt kéo đến. Không phải với ai đệ cũng thấy có cảm tình. Đệ liền bảo Duy-Lân tử đứng lên, còn đệ khom mình tỏ lòng kính trọng ông cùng các tác phẩm của ông rồi cáo từ. Nhà thơ lớn tiếng gọi theo: “Tôi là người theo Khổng học! Thật đấy!” Xin nói thêm là sau khi củ cải “khóc” rồi, ông lấy dao xiên nhiều lát mời đệ. Về đến khách

sạn lâu rồi mà đệ vẫn bị nó làm ợ hơi. Ngoài ra đệ hết sức ấn tượng về buổi gặp gỡ Si-gi tử, người chỉ làm thơ vào mùa hè.

Nhưng sao đệ lại kể về Si-gi tử nhỉ? A, phải rồi, nhân đệ kể về “tiểu phụ” to lớn đầy đà trong vườn dẻ nọ, về chuyện nước Ba Yan có tên gọi lạ lùng này và về “tiểu phụ” Chung mà đệ đột ngột ngồi đối diện trong tiền sảnh khách sạn.

Di Ngô thân mến, đệ đã nhiều lần kể với huynh rằng một trong những sự kiện khác thường nhất trong thế giới này là vai trò và thái độ của phụ nữ, rằng họ đi đứng như đàn ông và hầu như không lệ thuộc vào đàn ông. Có lẽ điều đệ không ngờ nhất là sau một nghìn năm sự việc lại đến nông nổi thế. Đệ đã trao đổi rất nghiêm túc với nàng Pao-leng về vấn đề này và đã cùng nàng lật đi lật lại nhiều ý tưởng. Bảo đó là sự suy đồi của tập tục và gấn bó gia đình thì không đúng. Pao-leng bảo đệ hãy thử áp dụng lòng khoan dung, cũng là một điểm cốt lõi trong thuyết của Đức Khổng phu tử, chẳng hạn đối với bọn man di và thương gia với phụ nữ xem. Chẳng nơi đâu trên bầu trời, nàng nói, bảo phụ nữ không thể là quân tử được. Một luận cứ khó phản bác.

Giống nàng Pao-leng – nay đệ đã khám phá ra nàng là cô giáo – tiểu phụ Chung cũng có nghề nghiệp: tiểu nhị bay.

Huynh sẽ hỏi: tiểu nhị bay là gì? Để giải thích đệ lại phải dông dài lần nữa. Thế giới của bọn mũi lõ xa lạ khôn xiết đối với thế giới chúng ta, thành ra hầu như không thể làm cho huynh rõ, dù chỉ về mức độ của sự xa lạ này, vì huynh chỉ biết qua thư của đệ thôi. Không chỉ những sự vật ở đây khác thường, mà cả những khái niệm và quá trình suy nghĩ cũng khác thường. Sự tương đồng giữa thế giới quen thuộc của chúng ta với thế giới này ít ỏi đến nỗi khi đệ muốn diễn tả điều gì đấy thì đệ thường thiếu điểm liên kết. Chẳng khác nào đệ muốn tả con lạc đà cho một con rùa mù. Cả hai con, rùa và lạc đà, đều có bốn chân, một đầu và một cái đuôi ngắn ngủn, đấy là tất cả những gì tương đồng, mà ngay cả chân, đầu, đuôi chúng cũng chẳng có gì giống nhau.

Cho đến nay đệ đã tả cho huynh trong các thư của đệ những hiện tượng khiến đệ chú ý, đã thử giải thích, phân tích tường tận như chính đệ hiểu. Nhưng về tổng thể nó vẫn khác xa hình ảnh thế giới này. Có những hiện tượng, những cách ứng xử, những kỳ lạ – mà đến nay đệ chưa hề nói đến – ảnh hưởng lên toàn bộ cuộc sống và chúng tất nhiên đã khiến đệ chú ý từ lâu và đệ hoặc giải thích được hoặc không. Tại sao thế? Vì đệ không thể cùng lúc mô tả tất cả. Huynh phải hình dung rằng đệ như đứng trước một tấm thảm treo tường khổng lồ với hàng nghìn hình ảnh cùng chủ đề. Mắt tuy nắm bắt – hời hợt thôi – thật nhanh và nhiều thứ cùng lúc, nhưng diễn tả thì khập khiễng.

Vậy nên đệ chưa từng kể chút gì về con rồng bay nhân tạo. Lần đầu tiên đệ thấy nó là khi ngồi ô-tô cùng nàng Paoleng làm một chuyến dã ngoại vùng xung quanh (một cái hồ yên ả ở một nơi có tên Tu-ching^[127] đầm ấm). Lúc đó còn là mùa hè, bọn đệ đi vòng một chuyến, thăm nhiều hồ ở phía Nam Min-chen rồi quay về trên một con đường lớn dành riêng cho ô-tô. Khi xe sắp vào ngoại vi thành phố (nay không còn cửa ô nữa; ở những chỗ ấy các đường ô-tô như nan quạt đổ vào vành đai khiến xe cộ thường xuyên dồn ứ lại – đệ được cho biết như thế), đệ thấy không cao lắm trên trời một con rồng sắt màu xám bay qua đầu bọn đệ. Nó bay bình thản và đường bệ, đầu vươn tới trước, cánh xòe ra; nó bay là là thì đúng hơn, cho nên không có vẻ gì đe dọa, vì nó chẳng hề quan tâm đến chiếc ô-tô nhỏ bé của bọn đệ chạy bên dưới, nó bay là là, hiển nhiên sắp đáp xuống rồi biến mất sau những ngôi nhà cao tầng gần đấy.

Giả thử đệ chứng kiến cảnh này ngay khi mới tới đây, hẳn đệ đã sợ đến chết. Nhưng vì đệ thấy con rồng xám hoặc xám bạc này bay sau khi đã có nhiều kinh nghiệm về những hiện tượng ở thế giới này nên đệ không thấy sợ nữa. Nàng Pao-leng cũng giải thích ngay cho đệ: nàng bảo gần đây có một bãi đất rất rộng được dựng nên để những con rồng sắt này có thể đáp xuống và bay lên. Ít ngày sau bọn đệ tới xem bãi đất ấy, đệ thấy những con rồng sắt này đứng ở đó, nhiều vô kể. Chúng bay ngang dọc trong bầu trời tới nhiều nơi và dễ dàng vượt những chặng đường dài. Thậm chí có cả những con bay

tới Trung Quốc rồi bay về. Cho chặng đường này chúng bay không đến hai mươi giờ.

Những con rồng sắt này dĩ nhiên không phải rồng thật, chúng là những chiếc máy. Giống như ở đây có những ngôi nhà sắt chở hành khách qua những con đường đá, thì cũng có những ngôi nhà sắt gắn cánh bay trong không khí. Tại bãi đất lớn cho rồng đệ thấy những chiếc máy này hạ xuống và bay lên. Lúc đó tiếng ồn nó gây ra thật khôn tả, át hẳn tiếng ồn mà bọn mũi lỗ cả ngày gây ra. Nó là tiếng sấm dội xuống, khiến ta có cảm tưởng mặt đất sẽ nứt ra. Nhưng nó không nứt. Quả đất (vẫn còn) chịu đựng nổi mọi thứ quả là chuyện lạ!

Một con rồng xám bạc như thế này có thể chở nổi cả trăm hành khách hoặc hơn. Nàng Pao-leng đề nghị mua cho đệ giấy phép đi một chuyến với rồng bay. Nàng bảo nàng thường bay với loại rồng này rồi, hoàn toàn không nguy hiểm. Nàng sẵn sàng bay cùng với đệ. Thú thật đệ cũng hơi muốn, nhưng mặt khác bậc hiền giả vĩ đại nơi đời hạnh dạy rằng kẻ có hiếu không nên khinh suất đem tấm thân được mẹ cha ban vào nơi nguy hiểm. Nên đệ bảo để đệ suy nghĩ đã, có thể sau này. Rồi nàng không nhắc chuyện ấy nữa.

Tất nhiên những hành khách của con rồng này phải được chăm sóc, vì họ thường bay nhiều tiếng đồng hồ. Đang bay trên trời thì họ đâu thể nào xuống đất nghỉ ngơi dễ dàng được. Vậy nên hành khách có đủ thứ để ăn và uống gần như trong một phạm điểm dưới mặt đất và do các nữ tiểu nhị phục vụ. Đó là một ngành riêng và tiểu phụ Chung là một nữ tiểu nhị bay như thế. Đó là nghề của nàng.

Để khỏi bị nàng hỏi, đệ đã hỏi nàng rất nhiều. Nàng kể nàng gần như thường xuyên bay trên con rồng sắt này, thành ra nàng không còn thấy có gì đặc biệt nữa. Chỉ cảm thấy nôn nao khi thỉnh thoảng con rồng trời lên hụp xuống trong không khí thôi. Lúc ấy hành khách phải bám cho chặt, nhiều người bị ói mửa. Việc dọn dẹp lau chùi sau đó tiếc thay cũng thuộc vào công việc của các nữ tiểu nhị bay. Nàng bay với rồng từ thành phố này sang thành

phố khác. Thỉnh thoảng rỗng nghỉ hai hoặc ba ngày, lúc ấy nàng đi tham quan thành phố. Khoảng mỗi tháng một lần nàng lại ghé Min-chen vài ngày.

Duy-Lân tử, tiểu phụ Chung và đệ ngồi với nhau suốt buổi chiều. Nàng không hỏi gì nữa. Người ta – không chỉ bọn mũi lõ đâu – thường thích nói về mình hơn là nghe người khác nói, nhờ thế mà đệ thoát nạn. Bọn đệ ăn trong một phạm điểm rất sang trọng, ốp toàn gỗ và khá yên tĩnh tên là “Hắc Lâm”. Duy-Lân tử là khách hàng quen thuộc ở đó. Ông cho mời bếp trưởng tới – đó là một người mặc đồ trắng – yêu cầu nấu cho đệ món nào không có sữa bò. Đệ đánh bạo hỏi y có món thịt chó hấp không, nhưng y bảo rất tiếc không. Nói chung món ăn rất ngon – họ dọn cho đệ món thịt nai – và thức uống làm tỉnh người. Bọn đệ không uống Mo-te Shang-dong mà là một loại cũng sủi bọt tên là Do-pe-nong⁽¹²⁸⁾ và như Duy-Lân tử cho đệ biết thì nó được người sành điệu chuộng hơn và đắt gấp ba Mo-te Shang-dong. Sau đó bọn đệ vào một tửu quán nhỏ nằm dưới mặt đất có tiếng nhạc ồn ào, đèn đỏ và khói thuốc. Quán này tương tự dạ điểm “Thiên Đường”, chỉ khác không có các nàng múa thoát y mà khách tự nhảy với nhau – dĩ nhiên đệ không tham gia. Duy-Lân tử cùng khiêu vũ với tiểu phụ Chung. Đệ không hiểu được cách thức nhảy. Theo đệ nghĩ thì các điệu nhảy của bọn mũi lõ khá thô thiển. Đúng ra chúng không làm gì khác hơn là từng cặp sờ mó nhau và nhún nhảy đôi chút. Khi Duy-Lân tử hỏi đệ có muốn nhảy cùng tiểu phụ Chung một lần không, đệ cúi đầu cáo lỗi, vì không rành nghệ thuật này.

Sau đó bọn đệ về lại khách sạn. Duy-Lân tử khá mệt nên rút về phòng. Tiểu phụ Chung cùng lên phòng đệ. Bọn đệ lại uống một chai Do-pe-nong nữa (hóa ra ở khách sạn cũng sẵn loại này), rồi tiểu phụ Chung cho đệ chung chăn gối. Nàng cũng cởi hết y như bọn mũi lõ. Tuy nàng không bó chân, nghĩa là chân nàng to, nhưng ngực nàng nhỏ như phụ nữ ở ta. Gò âm mao của nàng gợi đệ nhớ đến người thiếp Phương Mai của đệ và đệ lại nhớ nhà. Sau đó tiểu phụ Chung ngủ thiếp ngay. Đệ còn thức lâu, nằm ứa nước mắt nhớ đến ngôi nhà ở phủ Khai Phong, đến huynh, đến Phương Mai và con Tiểu Siêu nhỏ bé dễ thương. Có thể đó chỉ là một chút mềm lòng do uống quá nhiều Do-pe-nong. Sau đó đệ cũng thiếp đi và ngủ yên.

Đệ chào huynh, người bạn xa xôi thân quý.

Bạn già Cao Đài của huynh

Thư thứ hai mươi bốn

(Thứ Hai, 18 tháng Mười Một)

Di Ngô quý mến,

Huynh đừng nôn nóng. Không cần phải thư nào cũng nhắc đệ chuyện ấy, đệ nhớ mà. Hễ có dịp, đệ sẽ cố moi từ nàng vũ nữ thoát y cái trò tiểu xảo với ba quả bóng nhỏ màu trắng ấy như thế nào. Đệ chưa trở lại dạ điểm “Thiên Đường”. Đệ chỉ có thể nói với huynh thế này thôi: nàng vũ nữ ấy thoát y toàn bộ, rồi ngồi hơi dẹt chân, rồi tung hứng (không mấy khéo léo) với ba quả bóng cỡ quả trứng gà nhỏ, rồi lần lượt nuốt – nhìn có vẻ thế, rồi nhảy chồm chồm vài cái, thế là ở một chỗ bên dưới, vốn dành cho việc khác, mấy quả bóng lần lượt thòi ra – có vẻ thế. Lúc ấy cô nàng bật lên tiếng kêu khe khẽ. Đệ không thấy rõ mấy quả bóng ấy thòi ra như thế nào, điều này huynh có thể hình dung được. Có lẽ nàng vũ nữ thoát y này giấu mấy quả bóng trong bàn tay. Nàng không thể giấu chỗ nào khác, vì trên người nàng không một mảnh vải. À, có chứ: nếu đệ nhớ không nhầm thì nàng mang một dây đeo cổ to màu trắng đính những viên đá (chắc loại xoàng) óng ánh. Nhưng nó hẳn không liên quan gì đến trò tiểu xảo kia. Song nếu nàng vẫn còn diễn ở “Thiên Đường”, đệ sẽ tìm cách gạ chuyện, cho nàng chút tiền để moi thủ thuật nọ và hy vọng như thế có thể khiến huynh yên tâm.

Có thể huynh cũng quan tâm đến sự kiện mà Duy-Lân tử vừa cho đệ thấy cách đây mấy bữa. Tối trước đó đệ lại được tận hưởng âm nhạc do bộ tứ trình diễn ở nhà một người bạn của ông Shi-shmi. Giữa hai sự kiện này là cái thế giới mâu thuẫn của bọn mũi lõ.

Duy-Lân tử thuê một chiếc ô-tô rồi chở đệ đến một vùng đệ chưa hề tới. Thời tiết rất xấu, tuyết và mưa càng khiến những con đường đá và những

ngôi nhà bần thiêu thêm tiêu điều. Những ngôi nhà này rất cao, nhưng không đều. Chúng không phải xây bằng đá như thoát thấy mà được đúc sẵn. Duy-Lân tử giải thích thế này: từ đá nghiền, nước và những thành phần khác người ta trộn thành một thứ sền sệt, lúc khô sẽ rất cứng. Người ta đóng những khuôn gỗ rồi đổ chất sệt kia vào. Đợi một lúc cho khô rồi người ta gỡ khuôn, thế là thành ngôi nhà. Như đúc chuông ở ta vậy. Các kiến trúc sư của bọn mũi lõ đã đạt đến mức tinh xảo và nhanh chóng trong cách đúc nhà này. Bọn đệ lái xe qua một loạt những ngôi nhà đúc như thế. Đó là một khu phố toàn nhà đúc cùng một kiểu, hàng nghìn người sống trong đó. Duy-Lân tử bảo rằng nhiều kiến trúc sư ham học hỏi đã từ xa xôi đổ về tham quan khu phố đúc này. Nó được coi là rất đẹp và thành công. Đệ chịu không biết nó đẹp chỗ nào.

Gần đó có một ngọn tháp^[129] cao gần nửa lý – dù huynh tin hay không. Cả ngọn tháp này cũng được đúc hoàn toàn.

Chẳng ngôi nhà nào chúng ta biết, kể cả những đền đài to nhất, cao xấp xỉ mức ấy. Đứng dưới mà muốn nhìn lên đỉnh thì phải ngửa hết cổ ra sau. Ngọn tháp cũng rất giản dị và không có mục đích nào rõ rệt, ít nhất Duy-Lân tử đã không nêu ra được. Người ta có thể lên trên đấy bằng một loại ô-tô chạy thẳng đứng, nhưng đệ từ chối. Tuy Duy-Lân tử bảo từ trên đó ta có một cái nhìn độc đáo ra xa, nhưng đệ nghĩ thế giới của bọn mũi lõ nhìn từ mắt của lũ chim cũng chẳng đẹp dễ hơn nhìn từ mặt đất.

Không xa đấy có một tòa nhà đối với đệ là hoàn toàn bí hiểm, mà một người bình thường vốn không mê tín như Duy-Lân tử lại hết sức tự hào, như thể chính ông đã đúc ra nó. Tòa nhà này hầu như không có mái, chỉ che phủ phần nào bằng một thứ có màu dơ bẩn, trông hao hao một cái lều khổng lồ. Tòa nhà chẳng qua chỉ là một hình bầu dục to không tưởng tượng nổi, gồm nhiều bậc từ ngoài vào trong, gần vô số ghế cùng hướng vào giữa. Gần trăm nghìn người có thể ngồi cùng lúc trong cái hình bầu dục khổng lồ này. (Đệ có thể hình dung rõ rệt tiếng ồn và mùi hôi!) Chính giữa là một thảm cỏ to^[130], nhưng từ xa nhìn thì nhỏ. Duy-Lân tử tỏ vẻ ngạc nhiên vì đệ chưa từng nghe nói đến công trình này. Ông kể về những sự kiện – theo ông dường như

rung chuyển thế giới – đã diễn ra trong tòa nhà hình bầu dục ấy và còn diễn ra cách quãng đều đặn. Ông dùng những từ ngữ đệ hoàn toàn mù tịt, đệ đoán đó là những nghi lễ nào đấy tổ chức cho công chúng, chẳng hạn những cuộc xử trảm công khai.

Cả tòa nhà bầu dục khổng lồ này cũng đúc luôn. Thật ra thì việc đúc này tốt chứ, việc xây cất sẽ dễ dàng hơn. Nhưng chuyện làm cho công việc bớt nặng nhọc lại thường hay dẫn đến đủ thứ càn quấy, cho nên những thành tựu tuyệt vời lại đâm ra biến chất, cuối cùng có lẽ cứ làm theo cách cũ lại hay hơn. Nếu bọn mũi lõ phải vất vả dựng nhà từ đất nện và gạch nung, hẳn chúng sẽ phải cân nhắc ghê gớm có nên xây những tòa nhà vô nghĩa như ngọn tháp cao nửa lý và tòa nhà bầu dục này hay không!

Bọn đệ đi tiếp. Mục tiêu là một đại cơ xưởng, tạm gọi là một xưởng rèn khổng lồ. Trong một thư trước đệ đã nói sơ qua rằng Duy-Lân tử định sẽ cùng đệ tới thăm một nơi như thế. Người ta gọi những xưởng rèn này là *Fawiq*^[131], hẳn huynh còn nhớ có lần đệ đã kể về tên gọi này rồi. Duy-Lân tử quen ngài quản lý xưởng rèn hoặc đại cơ xưởng này; theo thứ bậc của bọn mũi lõ thì ông ta có địa vị cao và lắm thế lực hơn nhiều quan lại và thượng thư (hẳn do hối lộ, theo như đệ hiểu). Huynh chớ nên hình dung xưởng rèn này như xưởng rèn trong thời đại chúng ta. Nó không chỉ là một ngôi nhà hoặc một căn phòng mà gồm vô số ngôi nhà (tất cả đều đúc, dĩ nhiên), nằm rải rác trên một khu đất rộng ngút ngàn, bằng cả một thành phố, có tường bao quanh. Một vài ngôi nhà có những ống khói cao không tưởng tượng nổi, chẳng kém tòa tháp nọ. Chúng phun ra khói đen, vàng, trắng; hôi khôn tả. Bọn mũi lõ làm cách nào chịu đựng nổi lâu dài thì đệ chịu không hiểu. Hơn nữa – nói thêm thôi – khứu giác của chúng bị ảnh hưởng nặng nề rồi. Đã nhiều lần đệ thấy, chúng chỉ có thể phân biệt nổi những mùi rất thô thô, còn những mùi tinh tế chúng hoàn toàn không nhận ra. Hẳn vì mũi chúng bị ứ khí làm tê liệt ngay từ nhỏ.

Bọn đệ được đại diện của ngài quản lý tôn kính đón ở cổng, rồi dẫn qua một vài tòa nhà vào một ngôi nhà ít ồn ào hơn. Đi qua những ngôi nhà nọ đệ có cảm tưởng nghe tiếng nện của cả nghìn chiếc búa xuyên qua tường ra

ngoài. Ngôi nhà ít bị tiếng ồn tra tấn nhất là văn phòng của ngài quản lý tôn kính. Ông niềm nở chào Duy-Lân tử và thân mật chào đệ. Đệ khom nửa người đáp lễ, rồi bộn đệ được mời uống Mo-te Shang-dong. Người ông ta thơm phức. Ông ta có dưới trướng nhiều phụ nữ rất đẹp làm việc trong một dãy phòng với đủ thứ máy móc kỳ lạ. Sau vài câu chào hỏi vô thưởng vô phạt, Duy-Lân tử nói rằng bộn đệ đến đây vì đệ – một người khách từ một đất nước xa xôi – muốn được thăm xưởng rèn. Ngài quản lý tôn kính đáp ông rất hân hạnh, rồi bấm một cái nút, đệ nghe tiếng chuông reo rồi viên đại diện hồi nãy lại xuất hiện. Ông ta hướng dẫn bộn đệ đi qua xưởng rèn. Tuy bộn đệ chỉ tham quan một số – với đệ là quá đủ – ngôi nhà và những sản phẩm mông (và vô cùng bẩn thỉu) mà cũng mất đến hơn hai tiếng.

Đệ không có ý định – và cũng không làm nổi – thuật lại những sản phẩm và ngôi nhà này theo thứ tự đã tham quan, vì đệ không rõ mối quan hệ và những công đoạn thao tác. Tuy viên đại diện có giải thích điều này điều nọ, song chính Duy-Lân tử sau đó thú nhận cũng không hiểu hết. Với chuyên gia thì họa may.

Xưởng này rèn cái gì thì đệ hoàn toàn không nhận ra. Sau đó, qua trò chuyện với ngài quản lý tôn kính đệ mới biết việc này có liên quan thế nào đấy với việc chế tạo ô-tô. Một cái chuông bằng đồng thau, như ở ta gắn vào cương ngựa, được chế tạo trong chỉ một công đoạn duy nhất. Ta thấy người thợ đúc, thấy khuôn, thấy người thợ đúc đổ kim loại lỏng vào khuôn, thấy hơi bốc lên và nghe tiếng xèo xèo khi người thợ nhúng khuôn vào nước, sau đó thấy cái chuông. Đây là quy trình sản xuất giản đơn. Việc người thợ cả chế cơ bãm cho một cái nổ đã là phức tạp ghê gớm theo chúng ta nghĩ: phải gò, uốn những bộ phận nhỏ rồi khớp vào nhau. Nhưng ở đó ta vẫn thấy được nguyên liệu, quy trình và thành phẩm, còn ở xưởng rèn này thì không. Về mặt phức tạp thì việc sản xuất một cái ô-tô hoặc một con rồng sắt bay so với việc sản xuất cơ bãm cho chiếc nổ tương tự như việc sản xuất cơ bãm cho chiếc nổ so với cái chuông cho cương ngựa. Thế những người thợ làm ở đây, đệ hỏi viên đại diện, có biết họ sản xuất gì không? Ngần ngừ một lúc ông ta trả lời rằng không.

Đệ đoán trước mà.

Những cỗ máy lớn không tưởng tượng nổi gồm những bộ phận cực kỳ phức tạp với đầy dây nhợ xếp thành hàng dài cực kỳ rối rắm. Những tấm thép và những bộ phận kim loại nằm ngổn ngang. Tất cả đều bám dầu và muội khói. Những người thợ sử dụng những cỗ máy này, không, phải gọi là chế ngự chúng mới đúng – chúng không là gì khác hơn những dụng cụ cầm tay lớn như quý sứ. Những khối thép khổng lồ thay búa tạ từ trên cao nện xuống rầm rầm. Hơi nước xì ra từ những chiếc ống con. Lửa trắng sáng quắc tóe lên như ánh chớp. Tít trên cao, những chiếc máy to bằng cả ngôi nhà di chuyển qua lại như có ma điều khiển. Tất cả ám muội và bụi. Viên đại diện – được những người thợ khúm núm chào – đi lại rón rén để bộ an-tsu đẹp khỏi dính bẩn.

“Những người thợ này”, đệ hỏi, “làm việc ở đây ngày này qua ngày khác ư?”

“Phải”, viên đại diện đáp và tỏ vẻ ngạc nhiên về câu hỏi của đệ.

“Ngày này qua ngày khác?” đệ lặp lại.

“Mỗi ngày tám tiếng”, ông nói, “nhưng nghỉ hai ngày trong tuần (chu kỳ bảy ngày của bọn mũi lõ), ngoài ra còn thêm ba hoặc bốn tuần^[132] nghỉ trong một năm”.

“Suốt đời à?” đệ hỏi.

“Vâng”, viên đại diện nói, “suốt đời, ở đây hoặc ở một xưởng rèn nào khác. Nhưng họ được nhiều tiền. Theo họ là quá ít, nhưng quá nhiều theo ngài quản lý”.

Đệ còn hỏi nhiều nữa và được giải đáp nhiều. Nhưng sau hai tiếng trong đầu đệ cứ ong ong tiếng ồn. Sau đó bọn đệ lại trò chuyện thêm một tiếng nữa với ngài quản lý tôn kính. Đệ hỏi có phải xưởng rèn là của ông không. Ông cười đáp: xưởng rèn này quá lớn, không thể nào của chỉ một người được. Thế của ai? đệ hỏi. Điều này thật khó trả lời, ông nói. Nét mặt ông cho thấy ông nghĩ câu đệ hỏi thật là ngớ ngẩn.

Bọn đệ cáo từ. Lúc ấy đã gần xế chiều rồi. Trời vẫn mưa lẩn với tuyết và đã tối. Giờ làm việc trong xưởng rèn chấm dứt, thợ thuyền túa ra cổng. Bên kia là một bãi đất to với vô số ô-tô đang đậu. Mỗi nô lệ trong xưởng rèn mệt mỏi lạng lẽ đi tới ô-tô của mình rồi lái đi. Người nào cũng có một chiếc như thế, Duy-Lân tử nói. Một cảnh tượng chen lấn không tin nổi. Hai người đụng nhau và liền chửi bới nhau. Đệ nghĩ hẳn phán quan Me-lon sẽ lại có một màn xử kiện.

Những người này cả ngày chỉ thấy muội khói và sự bẩn thỉu, chiều lái xe về chen lấn giữa những ô-tô khác, rồi rúc vào những ngôi nhà đúc bằng đá, nơi có những người vợ mũi lõ chờ đợi, rồi uống sữa bò hoặc bia... có thể gọi đó là một cuộc sống không niềm vui chăng? Không có gì ngạc nhiên khi họ mất đi quan niệm về thẩm mỹ cũng như ý thức về mối tương quan giữa các sự vật. Còn lâu đệ mới theo thuyết của Mạnh Tử rằng ai cũng có thể tự nuôi sống bằng cách canh tác mảnh vườn của mình, ngoài ra thương yêu vạn vật. Đâu có được, điều này chúng ta biết từ lâu rồi, nhưng mà ở đây thì càng tệ hơn, những gì đệ thấy trong xưởng rèn này chỉ có thể đưa đến khủng hoảng đầu óc. Ấy thế mà theo lời Duy-Lân tử nói, xưởng rèn đệ tham quan hôm nay còn tương đối nhỏ đấy. Những xưởng rèn lớn nhất ở Min-chen vẫn không thấm vào đâu so với những cái trên vùng phía Bắc^[133], nơi cả một dải đất gần như là một xưởng rèn duy nhất hoặc ở nước Am-mei-ca nọ, với những thành phố toàn xưởng rèn san sát bên nhau, phun khói mù mịt không bao giờ dứt. Đã có thời kỳ, Duy-Lân tử nói, người ta tung hô những xưởng rèn này như thành tựu rực rỡ của sự tiến bộ. Nay người ta hoài nghi điều này, ông nói. Nhưng ông e thế là quá muộn.

Đệ có cảm tưởng hầu như đã thấy hết những gì cái thế giới vô trật tự này có được. Đệ sẽ quay về, không còn lâu nữa đâu. Đệ đã học hỏi được những gì? Không nhiều, cùng lắm là nhận thức được rằng không đáng biết về tương lai. Những tâm tình thổ lộ bằng thơ của Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích” đệ chưa đọc. Hãy tha cho đệ, đừng thúc giục chuyện này và huynh cũng đừng để các nhà thơ thúc giục. Đệ có nhiều việc phải làm ở đây khiến không có thì giờ đọc loại thơ giết người như thế:

huynh nên biết đệ đã vất vả nhường nào để nàng Pao-leng và tiểu phụ Chung khỏi chạm trán nhau. Đệ gửi lời chào đến các thi sĩ, họ nên kiên nhẫn. Nhưng trước hết gửi lời chào đến con Tiểu Siêu: đệ sẽ sớm quay về.

Cao Đài của huynh

Thư thứ hai mươi lăm

(Thứ Ba, 26 tháng Mười Một)

Lão bằng hữu Di Ngô quý mến,

Xin nói ngay để được yên thân: đệ đã đọc các bài thơ huynh gửi rồi. Đệ đã vượt một nghìn năm, để rồi đang ngồi đây trong căn phòng của một khách sạn, vào một buổi xế trưa tháng Mười Một gió mưa, ẩm ướt và tương lai thật là hỗn loạn. Lát nữa đệ sẽ bị ướt mất thôi khi phải hối hả chạy tới điểm hẹn để kịp gửi bức thư này; tất cả cũng chỉ vì tám mươi hoặc chẳng rõ bao nhiêu bài thơ không cần thiết của “Nhị thập cửu đài tiến nham bích”, những hội viên đáng kính của Thi nhân hội hoàng gia. Nhưng đệ đã đọc. Bài “Thời gian có trọng lượng không” của Lôi Thọ Sơn ít dở nhất: bằng cái cân cực nhạy, một người thử cân mới đầu là nước, rồi không khí, rồi ánh sáng và cuối cùng là thời gian, ý tưởng này thật thú vị và đạo lý của bài thơ rằng thời gian đè lên chúng ta nặng nhất khiến đệ đặc biệt xúc động trong hoàn cảnh hiện tại. Nghĩa là Lôi Thọ Sơn đoạt giải. Huynh vui lòng thông báo giúp đến Thi nhân hội nhé. Khi đệ trở về, sẽ tổ chức lễ trao giải.

Ngoài ra đệ xin kể hầu huynh một chuyện vui nho nhỏ về văn học. Trong một hiệu sách đệ tìm được một hợp tuyển thơ từ Trung Quốc dịch ra tiếng của người vùng Min-chen, gồm tác phẩm của nhiều nhà thơ đất nước ta. Đệ vô cùng hài lòng thấy không có bài nào của những cái đầu rồng tuếch ngạo mạn thuộc Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiến nham bích”, ngay cả của tay Lôi Thọ Sơn tương đối đặc sắc cũng không. Hầu hết những bài sáng tác thời chúng ta hoặc trước đó đệ đều biết cả. Hợp tuyển còn có bài thơ nổi tiếng mà chắc chắn huynh biết “Một làn sương mỏng bồng bềnh trên mặt đất...” từ chiếc bút của Thiên tử; đệ đã đứng bật ngay dậy và phủ phục liền xuống đất khi phát hiện ra nó. Hợp tuyển bắt đầu bằng những bài của

các nhà thơ khuyết danh thời Chu cho tới những thi sĩ hiện đang sống ở Trung Quốc – tính theo thời gian của bọn mũi lõ.

Qua hợp tuyển này đệ được biết hai mươi bốn năm sau ngày đệ trở về, một đứa bé tên Âu Dương Hưu sẽ chào đời và nổi tiếng thơ phú. Âu Dương Hưu thọ sáu mươi lăm tuổi; một bài thơ của y mở đầu như sau: “Thăm thăm, ánh hào quang thăm thăm, thăm thăm như nổi khát khao – Thăm thăm chừng nào? – Làn sương mờ nơi rặng liễu”. Đây là đệ dịch trở lại sang tiếng của ta. Khi Âu Dương Hưu chào đời chúng ta có thể biết, nhưng không thể nữa khi y lìa đời. Đệ sẽ dùng thư pháp viết thảo bài thơ này và để lại cùng với sách vở của đệ, sau khi đệ chết. Biết đâu mai sau Âu Dương Hưu tìm thấy nó... và chắc chắn y sẽ không thể lý giải được chuyện này.

Mấy ngày trước đệ cùng ông Shi-shmi – có cả nàng Paoleng nữa – dự một buổi trình diễn âm nhạc dành cho công chúng. Nó có những nét lễ nghi rõ rệt, chứ không như những buổi hòa nhạc ở ta.

Thiên hạ ăn mặc trang trọng. Khán giả tụ tập và ngồi tại những chiếc ghế được gắn chặt trong một đại sảnh sáng trưng. Khách mộ điệu nhận được một tập giấy mỏng chú thích về âm nhạc sẽ được trình diễn. Các nhạc công – toàn mặc đồ đen – ngồi trên một bục cao phía trước sảnh. Qua tập giấy đệ được biết sẽ có hai nhạc khúc, hai “Tiếng sắt tiếng vàng tuyệt diệu”. Ở đây nhạc khúc không sắp xếp theo loại hoặc theo dịp chúng được trình diễn, mà theo nhạc sĩ sáng tác. Lạ lùng là mỗi nhạc khúc người ta đều biết của nhạc sĩ nào. Có lẽ vì họ luôn luôn chỉ trình diễn loại nhạc hoàn toàn mới, nên tên tác giả chưa rơi vào lãng quên. Đệ từng viết cho huynh: thầy Ve-to-feng mà đệ rất khâm phục (khi trở về, đệ sẽ thấy thiếu âm nhạc của ông) sống cách đây gần hai trăm năm. Hầu như nhạc của ông là loại cổ nhất còn được trình diễn. Hiếm khi ta nghe được một tác phẩm cổ hơn ba trăm năm. Nhạc khúc thứ nhất “Tiếng sắt tiếng vàng tuyệt diệu” là của thầy Shu-ve mà nhạc khúc “Ngũ tấu siêu phàm, cá hương” đệ đã biết, còn nhạc khúc thứ hai là của một nhạc sĩ qua đời cách đây không lâu, tên Sho-ta-ko-vi^[134].

Mọi người an tọa. Ban nhạc thật là đông, ước chừng sáu mươi người. Nhiều vi-lo-lin, có cả va-tsche và cheng-lo, sáo, kèn trompet và trống. Ông Shi-shmi bảo ban nhạc do một nhạc trưởng điều khiển, nhưng tạm thời đệ chưa thấy, mãi một lúc sau ông mới bước ra sân khấu. Tiếng ồn khôn tả lại khiến đệ ngạc nhiên lần nữa. Đệ ngỡ đã quen với tính thích ồn ào của bọn mũi lõ từ lâu rồi, nhưng hóa ra chúng vẫn khiến đệ ngạc nhiên qua sự biểu lộ ồn ào vào lúc thật không ngờ. Ấy là khi nhạc trưởng – tên Hải Tĩnh^[135], nhưng không phải người Trung Quốc ta đâu – ra sân khấu, bước lên một bục con, bọn mũi lõ vỗ tay điên cuồng. Vì nàng Pao-leng lẫn ông Shi-shmi cũng vỗ tay, nên đệ cũng vỗ theo. Thế gọi là hoan hô. Nhạc trưởng Hải Tĩnh lịch thiệp cúi đầu chào, nhưng rồi đã rất vô lễ quay lưng về phía khán giả và giơ que răn đe các nhạc công. Họ mặc ông răn đe và bắt đầu chơi. Dường như các nhạc công quá vô kỷ luật nên nhạc trưởng cứ phải giơ que đe dọa suốt buổi, thậm chí đôi lúc điên cuồng vung tát, kéo họ ngừng chơi. Sau nhạc khúc thứ nhất (gồm hai phần) là giờ giải lao, bọn đệ cùng mọi người đi đi lại lại trong tiền sảnh chật ních, uống một ly Mo-te Shang-dong bán ở quầy. Nhạc khúc sau giải lao gồm bốn phần. Sau đó lại vỗ tay. Các nhạc công đứng lên, nhạc trưởng Hải Tĩnh khom người nhiều lần rồi ai về nhà nấy.

Đệ thích thứ âm nhạc do ông Shi-shmi và các bạn của ông trình tấu trong khuôn khổ nhỏ hơn. Thứ của dàn nhạc đệ cho là rất mũi lõ, nghĩa là chủ yếu ồn ào, nhất là nhạc khúc sau giờ giải lao. Ông Shi-shmi nói nhạc sĩ mới qua đời Sho-ta-ko-vi sáng tác được hơn chục bài “Tiếng sắt tiếng vàng” thế này. Bản nhạc đệ vừa nghe là Khúc thứ năm. Đệ nghe bản này có vẻ rất hiệu chiến, chỉ phần thứ ba mới khá êm dịu và từ tốn. Nhạc khúc trước giờ giải lao của thầy Shu-ve nghe êm ái hơn – dù ông mất năm mới ba mươi một tuổi, song cũng đã sáng tác nhiều bài “Tiếng sắt tiếng vàng”. Nhạc khúc hôm nay là khúc thứ tám dở dang của ông, chính vì thế thiếu mất hai trong bốn khúc phải có như quy định.

Đệ thử công bằng với nhạc khúc này, tuy khó, khó hơn với loại âm nhạc “tứ tấu” gần gũi, vì ở đây bao thứ âm thanh của những nhạc cụ khác nhau vang lên cùng lúc khiến đệ rối trí. Ông Shi-shmi hết sức trân trọng tác phẩm

này. Đệ chịu không nhận ra được sự hài hòa trong những âm thanh hỗn độn ấy, tuy đệ tin mình có thể học được. Có lẽ điều duy nhất đệ lấy làm tiếc khi rời khỏi thế giới của bọn mũi lõ là không kịp học để nhận ra sự hài hòa này được nữa. Không còn thời gian.

Nhạc khúc “Tiếng sắt tiếng vàng” số tám của thầy Shu-ve gồm một phần tương đối xúc động và một phần khá chậm rãi. Việc âm thanh nảy sinh trong trái tim con người, như viết trong Kinh Lễ, biểu hiện rõ ràng trong phần chậm rãi. Ở một vài đoạn đệ cảm thấy như mình hợp nhất với tình cảm của thầy Shu-ve, dù ông sinh sau đệ rất lâu nhưng lại qua đời trước đệ. Điều bí ẩn nằm trong những âm thanh của ông, khác hẳn trong những âm thanh của thầy Ve-to-feng vô song. Người ta phải kính trọng thầy Ve-to-feng, còn thầy Shu-ve người ta có thể quý mến. Giả thử biết trước điều này, có lẽ đệ đã chinh chiếc la bàn-thời gian để đến với thế giới của thầy Shu-ve. Có thể đệ được gặp ông. Có thể ông cũng sẽ quý mến đệ. Còn thầy Ve-to-feng thì đệ xin kính nhi viễn chi, dù vô cùng hâm mộ.

Thôi đệ không nói về âm nhạc nữa; có lẽ huynh không quan tâm lắm, vì huynh không hề thắc mắc, mà chỉ hỏi về thế giới này cùng chính thể của nó. Và huynh có lý, vì đó chính là mục đích chuyến đi của đệ, nếu không thì thật là vô trách nhiệm trước lời giáo huấn của Khổng phu tử vĩ đại.

Đệ thú nhận thỉnh thoảng, ấy là khi nghe nhạc, đã quên rằng mình là một phụ mẫu chi dân Trung Quốc. Nhưng rồi từ thế giới âm thanh ấy đệ thức tỉnh ngay và biết rằng dù bọn mũi lõ có Ve-to-feng và Shu-ve, nhưng không có được một Đức Khổng phu tử.

Tạm biệt, hảo bằng hữu, đệ gửi lời chào đến Lôi Thọ Sơn. Bài thơ của hãn quả thật không tệ. Có lẽ nó không có trong hợp tuyển chỉ vì bị thất lạc trong vòng một nghìn năm qua. (Dĩ nhiên huynh không thể cho hãn biết điều này được). Đệ không quên chuyện mấy quả bóng màu trắng huynh hỏi đâu.

Đệ ôm huynh.

Cao Đài

Thư thứ hai mươi sáu

(Thứ Tư, 4 tháng Mười Hai)

Di Ngô quý mến,

Trước khi Duy-Lân tử đi khỏi – với đệ là vĩnh viễn, vì sang năm ông mới quay lại Min-chen, mà lúc ấy đệ không còn ở đây nữa – bọn đệ còn có một buổi trò chuyện lâu tại tiền sảnh khách sạn. Tuy ông đã kéo đệ vào những địa điểm thiếu đường dẫn, tuy tính ông đồng bóng, tuy khi quá chén ông thường nói ra những lời ngớ ngẩn, nhưng ông là một người hiểu biết sâu sắc. Đệ phải nói vậy và bây giờ được phép nói ra điều này, vì đệ đã vĩnh viễn từ biệt ông – còn ông cứ tin và mong chờ ngày bọn đệ gặp lại nhau; đệ rất đau lòng khiến ông thất vọng. Tuy chỉ là một nhà thông thái về trồng rừng, nhưng ông suy nghĩ nhiều và đúng đắn về tình trạng thế giới ông đang sống, thế giới của bọn mũi lõ.

Thế giới của bọn mũi lõ đang từng bước suy tàn – đó không chỉ là kết luận rút ra từ buổi trò chuyện với ông, dĩ nhiên nó tiếp nối những ấn tượng đệ có trong lần tham quan xưởng rèn lớn nọ, mà còn rút ra từ những gì đệ quan sát được cho đến nay. Thể chế chính trị thì rối ren, kích thích tính ích kỷ của đám chính trị gia. Hệ thống xã hội thì lộn xộn vì thiếu mọi quyền uy tự nhiên. Gia đình dường như không còn là nền móng nữa. Tôn giáo chỉ là mê tín. Cuối cùng hoạt động kinh doanh quyết định sự vận hành mọi chuyện ở đây.

Duy-Lân tử đã kể cho đệ câu chuyện mang ý nghĩa ngụ ngôn thế này: ông xuất thân từ một gia đình nông dân. Cha ông có một nông trại ở vùng đồng bằng trải dài đến tận biển Bắc. Một năm nọ, bán được vụ mùa bội thu, người cha quá cố của ông quyết định sắm giường tử mới. Nói là làm. Có điều

những giường tủ cũ được đóng bằng gỗ tốt với nhiều chạm trổ từ thời ông bà nội của cha ông. (Người như chúng ta hẳn sẽ tiếp tục dùng những đồ đạc này, bọn mũi lõ thì không, chúng luôn luôn phải có gì mới. Nhưng điều mà đệ thường nhắc tới trong các bức thư không liên quan đến câu chuyện này của Duy-Lân tử). Do lòng hiếu kính, dầu sao đó cũng là một cử chỉ đẹp, những giường tủ này không bị chẻ làm củ đốt lò sưởi, mà được cất giữ trong một căn phòng không dùng đến trên gác và từ đó không ai đặt chân vào đấy nữa. Những giường tủ này đã bị mối đục. Duy-Lân tử bảo không ngờ nhiệt độ và độ ẩm trong căn phòng quá thích hợp cho mối. Chúng sinh sôi và tìm thấy nơi giường tủ cả một kho dự trữ thức ăn khổng lồ. Chúng to béo và sinh sản nhanh hơn bình thường. Càng lớn, càng béo chúng càng tham ăn và đã gặm sạch giường tủ, cho tới khi mọi thứ rã thành bụi, chẳng còn gì nữa thì lũ mối to béo này lăn đùng ra chết. Bọn mũi lõ đang ở trong hoàn cảnh như thế đấy, không lâu trước khi hệ thống của chúng sụp đổ.

Hoạt động kinh doanh, như đệ vừa nói, cuối cùng quyết định sự vận hành mọi chuyện trong thế giới của bọn mũi lõ. Hoạt động kinh doanh của chúng – cùng với nó là hệ thống tiền tệ, thuế má, thể chế, cuộc sống chung của bọn mũi lõ – chỉ phát đạt khi thường xuyên có thứ mới được tung ra, dù người dân thật sự cần hay không. Duy-Lân tử nói chính xác thế này: hệ thống kinh tế chỉ hoạt động bao lâu mỗi công nhân có một chiếc ô-tô to, dù anh ta không có đủ khả năng sắm. Bọn mũi lõ sống dựa trên sự vay mượn tương lai và chúng sẽ tiêu hết sạch tương lai trước khi nó đến.

Đệ đã nói rằng tôn giáo của bọn mũi lõ là một thứ mê tín chưa nhĩ? Nếu đệ nói thế, thì đệ đã không hoàn toàn công bằng. Tôn giáo của chúng sẽ là cao quý nếu chúng tuân thủ.

Nó tương tự như đạo Lão vậy. Thuyết của Lão tử sẽ là hay đẹp nếu con người ta được sinh ra sao để có thể tuân theo nó. Đạo Khổng không cao quý bằng nhưng trong thực tiễn cao quý hơn, vì người ta theo nó được. Tôn giáo của bọn mũi lõ cao quý, nhưng chúng chỉ tuân theo những điều răn bề ngoài, mà cũng chỉ hời hợt thôi. Tôn giáo không phải là mê tín, nhưng bọn mũi lõ thực hành nó như một thứ mê tín. Những giáo lý chúng thật sự theo là học

thuyết Tây và học thuyết Đông mà đệ từng kể với huynh. Tây và Đông ở đây không theo nghĩa như chúng ta hiểu, vì tiêu biểu là ở giữa hai đối cực này không có điểm trung tâm.

Thuyết Tây quan niệm hạnh phúc sinh ra từ sự giàu có; nó còn bảo rằng người nào cũng có bốn phận càng hạnh phúc càng tốt. Thuyết Tây cho lợi nhuận giữ vị trí cao nhất trong các thành quả và bắt nó chỉ phục tùng – về lý thuyết – những tương quan đạo đức nào đấy mà thôi. Những tương quan đạo đức này có thể mang tính tôn giáo mê tín hay luân lý nói chung, nhưng sự phục tùng chỉ thuần lý thuyết thôi. Ngay khi lợi nhuận bị đe dọa, những tương quan đạo đức hoặc sẽ được uốn nắn sao cho không cản trở nó hoặc – đơn giản hơn – không cần đếm xỉa tới. Chẳng hạn người ta biết rằng những làn khói mù mịt, những hơi nước độc hại do các xưởng rèn (cái mà bọn đệ tham quan thuộc loại nhỏ đấy) thải ra từ nhiều năm, từ hàng chục năm, thậm chí nhiều trăm năm, rằng những nước cốt độc hình thành trong các cơ xưởng đã được đổ ra sông rạch, những thứ này đã tạo ra mưa giấm, phá hoại rừng – Duy-Lân tử nói, ông là chuyên gia trong lĩnh vực này. Người ta biết và có thể nêu tên các thủ phạm. Nhưng khi không được phép phun khói độc, các xưởng rèn không thể tiếp tục hoạt động; khi chúng không thể tiếp tục hoạt động, lợi nhuận chung (không chỉ riêng của ngài quản lý tôn kính và những người sở hữu bí ẩn, mà trước hết của các công nhân) sẽ giảm; khi lợi nhuận giảm, họ sẽ mất hạnh phúc – họ nghĩ thế. Thế là tương quan đạo đức trong trường hợp này sẽ được uốn nắn sao cho hầu như không ai dấn động tới nữa. Ngài thượng thư Chi (tay Nam man quỷ quái nọ) đứng ra bảo: chẳng có gì nghiêm trọng; ai dám phản bác sẽ bị trừng trị hoặc ít nhất cũng bị tẩy chay.

Điều đặc biệt là mọi thượng thư đều ở trong số những người sở hữu bí ẩn của các xưởng rèn, Duy-Lân tử nói. Kết quả thật dễ hình dung.

Vậy ta có thể nghĩ rằng dân chúng sẽ nổi dậy nếu không khí càng ngày càng nhiễm độc. Nhầm to. Công nhân các xưởng rèn này hợp nhất trong những phường hội khổng lồ. Những phường hội này (tên viết tắt của chúng có nghĩa là “*Cho một lần*”^[136]; đúng là nhạo báng, lẽ ra phải có nghĩa “*Lấy vạ lần*”) không quan tâm đến gì khác hơn là làm tăng lợi nhuận cho các hội

viên, nghĩa là về cơ bản có cùng mục đích như những người sở hữu bí mật nọ và viên thượng thư khai man trước tòa kia, dù họ không thừa nhận. Ngoài ra, Duy-Lân tử nói, những quan lại thế lực nhất và sung túc nhất của các phường hội lại ở trong số những người sở hữu bí mật của những xưởng rèn lớn, phải, chính những phường hội này – với tư cách chủ nhân – đã điều hành một số xưởng rèn... Đó là sơ lược về thuyết Tây chủ trương đề cao lợi nhuận.

Thuyết Đông khác, nhưng không hay ho gì hơn. Nó bảo lịch sử tuân theo một quy luật bất di bất dịch – có lẽ đây là một trong những điều ngớ ngẩn nhất đệ từng gặp phải. Trong khi đó ai sáng suốt quan sát lịch sử đều biết rằng tuy lịch sử tuân theo những quy luật nào đấy, nhưng nó chủ yếu là sản phẩm của sự ngẫu nhiên. Nó như một dòng sông phải chảy về thung lũng theo quy luật. Nhưng chảy như thế nào, nó vòng bên phải tảng đá nọ và bên trái tảng đá kia hay ngược lại, điều này thường tùy vào một viên sỏi ngẫu nhiên chặn trên đường của giọt nước đầu tiên tạo ra dòng sông ấy.

Nhưng thuyết Đông đi từ nhận định rằng lịch sử tuân theo quy luật và người lập nên thuyết này thậm chí đã dám tính toán ra quy luật ấy. Điều này khiến đệ nhớ đến tính ngông cuồng của khoa chiêm tinh.

Thành ra hai thuyết Tây và Đông đối nghịch nhau là chuyện đương nhiên – hai phe không tranh luận trong tư tưởng như hai trường phái triết học (được thế đã tốt), mà ngược lại hằn: lính tráng hai phe trang bị đến tận răng gươm gờ nhau. Sở dĩ cho đến nay chúng chưa đánh nhau công khai, Duy-Lân tử nói, chỉ vì không bên nào nắm chắc phần thắng. Thỉnh thoảng cũng có đụng độ đâu đó bên lề và bên này đá vào chân cẳng bên kia vài cái. Hơn nữa thì chúng không dám. Duy-Lân tử gọi đó là sự cân bằng của nỗi sợ. Rõ ràng đó không phải là cơ sở cho một thế giới trật tự, trong đó cuộc sống đậm chồi nảy lộc. Nhưng điều này đệ cũng đã nói nhân một chuyện khác rồi.

Thuyết Tây có một ưu điểm nhất định: coi lợi nhuận riêng chính là hạnh phúc để khiến từng cá nhân sáng tỏ hơn là bị cưỡng bách tìm hạnh phúc xa vời. Thuyết Đông có ưu điểm là dễ vận dụng hơn. Nhưng sẽ chẳng ai sống

sốt, điều này không phải Duy-Lân tử nói mà là đệ. Tất cả đều đang như những con mối trong những giường tủ đã bị đục gần hết.

Đệ cũng đã trao đổi với phán quan Me-lon về điểm này. Ông bảo đệ nên công bố một quyển sách ghi lại tất cả những điều này rồi cho bọn mũi lõ xem. Trong hoàn cảnh hiện nay chỉ người ngoài cuộc mới có thể khiến bọn mũi lõ mù quáng, dù theo thuyết Tây hay Đông, mở mắt ra. (Phán quan Me-lon nào biết đệ “ngoài cuộc” đến đâu). Ông đưa đệ một quyển sách của một tác giả mũi lõ viết gần ba trăm năm trước. Đệ đọc và thấy xúc động lạ thường. Ông ta tên là *Mo-te-kwjö*^[137], dòng dõi quý tộc ở một đất nước phía Tây xứ này. Trong quyển ấy, ông ta đóng vai một hoàng tử từ một đất nước xa xôi viết với cái nhìn thận trọng, sâu sắc và phê phán về tình trạng trong vương quốc của bọn mũi lõ thời bấy giờ. Đất nước xa lạ giả tưởng của ông hoàng họ cũng ở phương Đông... Huynh có thể hình dung được đệ đã xúc động mãnh liệt nhường nào lúc đọc nó. Thật dễ hiểu là khi đưa trả quyển sách, đệ không thể nói hết với ông Me-lon nỗi xúc động của mình, mà chỉ hỏi: quyển sách của ông Mo-te-kwjö đáng kính này có tác dụng gì chẳng? Ông Me-lon bảo có, nhưng phải thú nhận không nhiều.

Cho nên đệ sẽ chẳng phí thì giờ viết một quyển sách cho bọn mũi lõ, mà tuân theo lời dạy của bậc hiền giả đời hạnh: “Tử nói: phê bình những học thuyết lạ là nguy hại”.

Chào huynh.

Cao Đài

Thư thứ hai mươi bảy

(Chủ nhật, 8 tháng Mười Hai)

Di Ngô quý mến,

Sắp cuối năm của bọn mũi lõ rồi, thời gian đệ ở lại thế giới của chúng cũng sắp chấm dứt. Tuyết rơi và lạnh. Nàng Paoleng và tiểu phụ Chung đã cãi nhau kịch liệt. Đệ không hiểu nổi. Có lẽ sự kiện này liên quan đến chuyện phụ nữ trong thế giới ở đây đã quen sống như đàn ông, cho nên dường như họ muốn giành tình cảm của người đàn ông cho riêng mình thôi. Một tư tưởng theo đệ là hết sức lạ lùng. Ngoài ra đệ cho thế là có hại và ảnh hưởng xấu đến tiến triển của cuộc sống chung. Chẳng lẽ đệ không tiếp nhận hoan lạc tình yêu từ nàng Pao-leng lẫn tiểu phụ Chung với thiện cảm và lòng biết ơn như nhau ư? Chẳng lẽ đệ không hiến tặng đồng đều và vô điều kiện tinh lực đàn ông của đệ cho mỗi nàng, người nào lúc nấy ư?

Ông bạn Duy-Lân tử – nay đã ra đi – biết cả hai nàng này và đã cảnh báo đệ rồi. Ông bảo nay các nàng đã giành được quyền ghen tuông rồi. Ghen là gì mới được chứ? Chẳng gì khác hơn một dạng của đố kỵ. Đây cũng là một điều lạ trong thế giới của bọn mũi lõ: đố kỵ bị coi là xấu xa, trừ khi xuất hiện dưới dạng ghen. Duy-Lân tử bảo rằng có một thứ văn học về ghen tuông rộng khắp; phải, có thể nói hầu như toàn bộ văn học của bọn mũi lõ đều không bàn chuyện gì khác hơn là ghen tuông.

Coi trọng lời cảnh báo của Duy-Lân tử nên đệ đã cố hết sức giữ hai nàng cách xa nhau và không hề kể với nàng này về nàng nọ. Đến nay sở dĩ chuyện không vỡ lở, vì tiểu phụ Chung luôn chỉ ghé Min-chen hai hoặc ba ngày thôi, mà nàng Pao-leng thường ít có thì giờ, lại còn bận rộn với đủ loại chuyện, những thứ mà đệ không quan tâm.

Nhưng hôm kia đã xảy ra tình cảnh tai hại: tiểu phụ Chung bất ngờ đến thăm đệ, trong lúc đệ đang hoan lạc với nàng Pao-leng. Đệ luôn miệng nói: im nào, im nào – khuya rồi, hàng xóm đã ngủ. Đệ không muốn kể chi tiết với huynh những màn chẳng chút hay ho. Lệ tuôn như suối là còn ít đấy. Đệ phải nghe những lời đay nghiến, cuối cùng hai nàng bỏ đi hết. Nghĩa là họ muốn bỏ đi, nhưng lại ngại phải dùng chung cầu thang. Thành thử trong khi người này chờ cho người kia đi ra trước, họ cùng lúc sỉ vả đệ; nàng này trong ngôn ngữ Min-chen, nàng kia trong ngôn ngữ của chúng ta. Chỉ sau khi đệ làm bộ sẽ ra khỏi phòng, hai nàng mới bèn ào ra ngoài và dọa sẽ không bao giờ gặp lại đệ nữa.

Đệ khóa cửa, khui một chai Mo-te Shang-dong. Di Ngô quý mến, thật tiếc đệ không thể mang thứ rượu này về cho huynh nếm được. Cái túi du hành của đệ không được quá nặng, kéo đệ bị kẹt lại đâu đó giữa đường. Tiếc quá, nhất định huynh sẽ thích Mo-te Shang-dong.

Hôn giúp đệ con Tiểu Siêu chung thủy và không biết ghen tuông. Hãy an ủi nó rằng đệ sắp quay về. Nó hiểu đấy, đệ chắc chắn.

Cao Đài

Thư thứ hai mươi tám

(Thứ Năm, 12 tháng Mười Hai)

Di Ngô quý mến,

Hôm nay là ngày trăng thượng tuần cuối cùng trong năm ở đây. Như mọi khi, bọn mũi lõ chẳng hề quan tâm đến chuyện này. (Nói thêm: tiểu phụ Chung cũng đã quên sạch phong tục xưa của ta rồi, nàng sống theo tập tục của bọn mũi lõ). Trong khi đó phố xá lại tấp nập hơn bình thường. Đối với bọn mũi lõ thì đây là tháng đặc biệt, vì chúng tin rằng ông Chúa mà chúng tôn thờ đã sinh ra vào một ngày cuối tháng này – không lâu trước Tết của chúng. Ông Shi-shmi (đệ mới đến thăm ông ít ngày trước, vì bộ tứ tấu chơi nhạc ở đây) giải thích cho đệ rằng: thời gian trước lễ kỷ niệm ngày ông Chúa của họ ra đời gọi là “Giáng Sinh” dùng để tập trung tư tưởng mà đủ loại người trong máy-viên-vọng gọi là “thời gian tĩnh lặng”. Thật là phi báng, vì suốt năm không bao giờ phố xá lại ồn ào náo động như chính bây giờ. (À, đệ đã kể với huynh về cái máy-viên-vọng chưa nhỉ? Đệ tin rằng chưa. Đệ không còn nhớ những gì đã kể, những gì chưa. Máy-viên-vọng là một trong những vật dụng quan trọng nhất của bọn mũi lõ. Thật là sơ sót lớn khi đệ chưa kể về nó. Để sau vậy).

Thông thường, ông Shi-shmi nói, nhân mừng sinh nhật của ông Chúa, còn gọi là “Đêm Thánh”, người ta tặng quà cho thân nhân và bè bạn. Không phải muốn thì mới tặng, mà bắt buộc. Con cái biếu quà cha mẹ, cha mẹ tặng quà con cái, anh em tặng nhau, chú bác, cô dì, anh chị em rể và anh chị em họ, kể cả hàng xóm, đồng nghiệp và đối tác trong làm ăn, cấp dưới biếu cấp trên, mọi người đều tặng, dù ưa nhau hoặc không. Chỉ nghĩ đến chuyện kịp mua đủ quà tặng đã khiến ông Shi-shmi rên lên rồi. Ngay từ đầu tháng bọn mũi lõ đã bắt đầu một cuộc chạy đua tìm những quà đặc biệt để tặng lẫn

nhau. Dĩ nhiên bọn con buôn xoa tay thích chí. Ông Shi-shmi nói nếu mọi người giữ lấy những thứ họ định làm quà tặng thì sẽ không có chuyện lộn xộn như thế này, mà còn lợi ở chỗ biết mình có sẵn những gì, vì bình thường người ta được tặng những thứ không cần thiết, thừa, không đẹp mà không được phép vứt đi – làm ngược lại là xúc phạm người tặng – và phải rất thận trọng, sau vài năm mới được dùng những thứ ấy làm quà tặng người khác. Quà được đồng loạt tặng vào tối ngày 24 tháng này. Điều khó xử nhất có thể xảy ra với một người là được tặng quà mà không có gì để tặng lại – hoặc do thấy không cần thiết hoặc quên. Vì quà được đồng loạt tặng nên thiếu sót vừa nói là không chuộc được và kẻ lãng quên hoặc tắc trách sẽ phải co đầu rụt cổ tránh mặt người đã tặng quà suốt một năm.

Do đó bọn mũi lõ cố nặn óc để khỏi quên một ông dượng nào đấy, dù là họ hàng xa tít mù tắp. Và đệ thấy những tay đàn ông, những mẹ đàn bà thờ hớn hên như bị quỷ dữ vung roi đánh đuổi trên phố xá nhóp nhép tuyết và đóng băng, gói lớn gói nhỏ tới cỡ, lễ mễ khuân từ các cửa hàng – nơi họ nợ ngập đầu – về nhà, gom góp ở đấy để đến ngày thứ 24 đem ra trao đổi. Họ thường bị trượt trên băng tuyết. Đệ thích ngắm nhìn cảnh tượng này từ cửa sổ phòng khách sạn trông ra con đường có nhiều hàng quán. Họ ngã chống vó, gói quà văng trúng đầu người khác. Có gói văng xuống đường, bị ô-tô cán bẹp. Đám mũi lõ khác, cũng bị quỷ săn đuổi, dừng dừng bước qua những kẻ bị ngã, trong khi họ tuyệt vọng cố gom lại những gói quà.

Thế mà bọn mũi lõ gọi đó là “thời gian tĩnh lặng” đấy! Chúng đón mừng Chúa của chúng như thế đấy! Ông ấy hẳn sẽ vui lắm! Tuy đứng ngoài cuộc, song đệ e rằng cũng sẽ bị kéo vào vòng xoáy của sự trao đổi quà tặng này mất thôi. Nếu đệ đoán không lầm những lời bóng gió của ông Shi-shmi, thì ông đang âm thầm chuẩn bị quà cho đệ. Như thế đệ không tránh khỏi phải tặng lại ông món gì đấy.

Nhưng tất cả những chuyện kia không phải là điều đệ định viết trong thư này. Bọn mũi lõ không chỉ treo hoặc trưng bày những ngôi sao và đủ thứ biểu tượng khác (cành thông, những đứa bé nằm trong những cái nôi lạ kỳ, và luôn luôn có một cặp bò với lừa) liên quan đến lễ của chúng trên đường

phổ mà cả trên các tường nhà và trong cửa sổ của các cửa hàng rực rỡ. Đặc biệt trong máy-viễn-vọng người ta không ngớt nói về “Đêm Thánh” sắp tới và trịnh trọng gọi đó là “Lễ của hòa bình”. Đệ đã tìm hiểu: quả thật có hòa bình từ trưa ngày thứ 24 tháng này cho đến sáng sớm ngày thứ 27 cùng tháng. Song chỉ vì đó là những ngày lễ mà các cửa hàng và công sở đóng cửa, các xưởng rèn cũng ngưng hoạt động. Người ta bận mở quà ra, ngắm nghía và bức bối vì sự vô dụng của chúng. Quả thật trong thời gian này các vụ xử án cũng đình chỉ, song chỉ vì phán quan không tới nhiệm sở. Thế chiến tranh có khả năng ngừng không? đệ hỏi ông Shi-shmi. Không, ông đáp, chưa hề có viên tướng chỉ huy nào tạm ngưng hành quân vì “Lễ của hòa bình” này. Trong cuộc chiến tranh cuối cùng, chưa lâu gì lắm và ông Shi-shmi đã chứng kiến hồi nhỏ, người ta đã gọi một cách vô lý đó là “Lễ chiến tranh của hòa bình”. Ai muốn hiểu thế nào về bọn mũi lõ thì hiểu. Không thể tận diệt sự rối loạn về khái niệm ở bọn chúng.

Trong những ngày “Lễ của hòa bình” lại xảy ra nhiều vụ tự sát nhất, chồng đánh đập vợ (hoặc đôi khi ngược lại), trẻ con bị bỏ rơi, người già chết đói. Ông Shi-shmi bảo sở dĩ thế vì các căn hộ quá nhỏ. Người ta chịu không nổi ba ngày liền phải sống ép như cá hộp trong những căn hộ nhỏ và thấp. Họ chịu không nổi nên thường cãi nhau. Chính ông Shi-shmi cũng không nhớ được cha mẹ ông đã bao giờ có nhiều vụ cãi nhau như vẫn luôn xảy ra trong những ngày “Lễ của hòa bình”. Có lần cha ông bỏ nhà một thời gian vì bị mẹ ông ném nguyên một con ngỗng quay lên đầu sau khi cha ông suốt nhiều giờ không nói gì khác ngoài chuyện bà quay con ngỗng quá cay.

Thông thường, hẳn vì nhàm chán, người ta ăn rất nhiều trong những ngày “Lễ của hòa bình”. Được ưa chuộng là món ngỗng “Lễ của hòa bình” và cá chép “Lễ của hòa bình”. Ngay bây giờ đệ đã thấy chúng được bày bán tại các cửa hàng rồi. Có lẽ họ uống cũng không ít. Và khi bọn mũi lõ không cãi nhau, đệ nghĩ rằng chúng sẽ làm điều mà chúng thích nhất, hơn cả ăn uống, hơn cả ngủ, hơn cả ái ân: chúng xem máy-viễn-vọng. Nhà nào, căn hộ nào và hầu như căn phòng nào (cả phòng của đệ trong khách sạn) cũng có những máy-viễn-vọng này. Chúng thường rất đắt và hay hỏng. Tuy nhiên bọn mũi

lỗ thà không có ô-tô, thà ăn uống đạm bạc, thà không có giường hoặc bếp lò, hơn là không có máy-viễn-vọng. Ngay bọn mũi lỗ nghèo nhất cũng có, chúng thà cầm cổ vợ con, chạy lỗ lỗ trong giá rét, thậm chí bán cả linh hồn nếu cần, miễn giữ được máy-viễn-vọng.

(Tuy nhiên những người đệ thấy vào mùa hè nằm lỗ lỗ trước mắt thiên hạ trên bãi cỏ công viên không phải là những kẻ đã hy sinh manh áo cuối cùng để khỏi phải bán đi máy-viễn-vọng. Không phải thế. Họ nằm lỗ lỗ vì vô liêm sỉ và vì đường như có lợi cho sức khỏe).

Máy-viễn-vọng^[138] là một cái hòm lớn vừa phải, mặt trước trông như cửa sổ. Ở đâu đó có một ủy ban có khả năng phóng hình ảnh, hình ảnh sống nhé, vào không trung. Cơ cấu của máy-viễn-vọng sẽ thu nhận những hình ảnh này và chiếu ra lại, miễn là người ta bấm nút và lúc ấy máy không hỏng. Đó không phải trò ảo thuật, dù thoát nhìn có vẻ thế. Cơ cấu này không phức tạp hơn tính toán của chúng ta cho cuộc du hành vượt thời gian của đệ. Đệ đã yêu cầu ông Shi-shmi giải thích, nhưng đệ nghĩ rằng huynh không quan tâm đến chi tiết.

Thế này nhé: huynh ngồi trước máy-viễn-vọng và nhìn người khác như thể nhìn qua cửa sổ. (Những người khác này tuy nhiên không thể nhìn thấy huynh đang ngồi trước máy. Để yên tâm, đệ đã yêu cầu được cam kết về điều này). Phần lớn những gì huynh thấy qua chiếc cửa sổ viễn vọng này là thừa, tuy phải thừa nhận lúc đầu đệ cũng vô cùng thích. Hãy hình dung huynh có khả năng nhìn người khác trong phòng họ mà họ không thể thấy huynh; nhưng rồi sẽ nhàm chán. Những người khác làm gì? Chẳng có gì mà huynh không hình dung được. Họ ăn, uống, yêu nhau, đánh đấm nhau, cười ngửa hoặc lái ô-tô... toàn những thứ chán ngắt, chẳng có gì mà người ta không biết.

Ít lôi cuốn hơn khi có ai đấy hát qua máy-viễn-vọng, bài ca này phần lớn không liên quan gì đến thứ âm nhạc quý phái của thầy Ve-to-feng và những thầy khác. Tuy nhiên khi các ông các bà hát trong máy-viễn-vọng nhắm mắt thì cũng khôi hài, khiến thỉnh thoảng đệ cũng được tiêu khiển. Song cửa-sổ-

viễn-vọng thường chiếu những vật dụng mà người ta khuyên nên nhanh chóng mua tại các cửa hàng. Nhưng như đệ đã tìm hiểu, không bó buộc phải theo.

Vào những lúc nhất định một nữ mũi lõ xuất hiện tại cửa-sổ-viễn-vọng, đọc từ những tờ giấy màu vàng những tai họa nào đã xảy ra trên thế giới trong những giờ qua, sau đó luôn luôn có một người thông báo rằng thời tiết xấu đi. Nhưng những điều này không phải là điều tệ hại nhất liên quan đến máy-viễn-vọng. Đã nhiều lần đệ yêu cầu được giải thích về những quan hệ này, vì viễn vọng là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong đời sống của bọn mũi lõ. Những hình ảnh sống động, màu mè lừa bịp kia thật đến độ người xem ngỡ là có thật ngoài đời. Nhưng không phải tất cả đều thật. Tuy người nữ mũi lõ đọc từ tờ giấy màu vàng tin một chiếc tàu bị đắm hoặc người nữ mũi lõ thông báo mai sẽ mưa nhiều hơn hôm nay là thật, cả đám mũi lõ tự cho là biết hát cũng thật. Nhưng đám mũi lõ sau đó xuất hiện, xông vào nhau, chửi bới nhau, chém giết nhau suốt hai tiếng là không thật – mới đầu đệ cũng tưởng là thật nên hoảng vía – chúng diễn trò thế thôi. Đôi khi đệ phải công nhận đó là một vở diễn dàn dựng rất tài tình. Đệ (tuy đến từ nơi xa xôi – song có thể chính vì thế) thấy rõ điều này, còn phần lớn bọn mũi lõ vô cảm ngó đắm đắm vào máy-viễn-vọng và tin những gì chúng thấy đều là thật. Thành thử phần lớn bọn mũi lõ không còn nhận biết thực tế nữa và thay nhận thức này bằng những gì chúng biết được từ máy-viễn-vọng.

Đệ được biết phần lớn bọn mũi lõ rảnh phút nào là ngồi trước máy-viễn-vọng phút ấy.

Đệ thấy chuyện này logic thôi. Sau khi chúng nhận thấy ý nghĩa cuộc sống và lịch sử của chúng liên tục tiến khỏi chính mình thì hiển nhiên chúng không thích làm gì khác hơn là nhìn khỏi chính mình^[139].

Trong một trong những bức thư cuối đệ hứa sẽ kể về đĩa nhạc^[140]. Sở dĩ có đĩa nhạc là vì bọn mũi lõ nghiện sao chép thành nhiều bản; về cơ bản điều này cũng đã tạo nên viễn-vọng; ở viễn-vọng một hình ảnh được sao chép thành vô số – dù hình ảnh ấy bi thảm đến đâu – thì ở đĩa nhạc một khúc nhạc

được sao chép thành vô số. Huynh hãy hình dung một cái đĩa rất phẳng, mỏng, màu đen, huynh thận trọng đặt nó vào một cái máy dành riêng để quay đĩa (không khó sử dụng đâu), bấm vài cái nút – bọn mũi lõ coi trọng việc bấm nút hơn chuyện sinh con đẻ cái – thế là từ chiếc máy vang lên thứ âm nhạc tuyệt vời, không nhanh cũng không chậm hơn các nhạc công chơi ngay trong phòng, nếu họ có mặt ở đó. Dù kỳ quặc và tiêu biểu cho thế giới của bọn mũi lõ thế nào, nó vẫn có mặt tốt, vì huynh có thể nghe được mọi thứ âm nhạc huynh thích mà không phải tốn tiền thuê ban nhạc. Đệ đã sắm một cái máy này (đệ thấy nó lần đầu tiên ở nhà ông Shi-shmi) và để trong phòng ở khách sạn sau khi đi nghe buổi hòa nhạc cho công chúng mới đây. Đệ thường nghe đi nghe lại hai nhạc khúc được trình diễn lần đó và cố thử hiểu ý nghĩa của chúng. Đệ cũng thích nghe những nhạc khúc của thầy Ve-to-feng.

Mấy hôm trước đệ đi dự buổi biểu diễn một loại âm nhạc khác hẳn (cũng do ông Shi-shmi dẫn theo). Ông Shi-shmi đến khách sạn đón đệ và bảo đó sẽ là một ngạc nhiên lớn dành cho đệ.

Bọn đệ vào trong một ngôi nhà lớn có nhiều cột trụ cao ở mặt tiền. Nhiều tay mũi lõ đi loanh quanh trong đó. Ngôi nhà này khác hẳn khách sạn, đệ cho đó là một ngôi đền và khi đệ nói với ông Shi-shmi thì ông cười rằng quả thật đôi khi nó được gọi là: “Đền của các nữ thần nghệ thuật”. Loanh quanh một chút nơi các lối đi và cầu thang, bọn đệ nghe vang lên một âm thanh chói chói như tiếng kim loại, liền đi tới chỗ mà theo đệ là trung tâm ngôi nhà. Nó gọi đệ nhớ đến sảnh đường, nơi đã diễn ra buổi đại hòa nhạc cho công chúng; quả thật phía dưới kia (lần này hơi khuất) nhiều nhạc công đang ngồi chỉnh nhạc cụ, âm thanh thật khó nghe. Dưới đó có hàng trăm ghế và năm hoặc sáu ban công phía trên còn nhiều ghế hơn nữa, nếu đệ đếm đúng (chúng không ở bên ngoài như các ban công nhà, mà quanh tường bên trong). Người ta ít nhiều gấp gáp ngồi vào chỗ. Mọi người nhìn về một hướng – ghế được xếp như thế mà. Bọn đệ ngồi trên ban công thứ nhất, tính từ dưới lên.

Đèn mờ dần rồi tắt hẳn. Người ta vỗ tay. Khi đệ yêu cầu ông Shi-shmi giải thích, ông cười bảo đệ sẽ thấy ngay thôi. Nhưng mới đầu đệ chẳng thấy gì cả. Các nhạc công chơi một đoạn khúc mà đệ chẳng hiểu mấy – họ chơi hầu như hoàn toàn trong bóng tối. Rồi một tấm màn khổng lồ cuộn lên, lộ ra một căn phòng sáng trưng, ở đó lần lượt lần lượt... – đệ không biết phải nói thế nào – những hình ảnh khác nhau được dựng nên. Nói ngắn gọn: đó là một buổi ca vũ nhạc sống do người thật (phụ nữ lẫn đàn ông) thực hiện; đệ nghe nói họ được đào tạo riêng cho nghề này và được trả công. Họ là diễn viên và kiểu biểu diễn của họ chỉ hơi giống kiểu diễn kịch ở ta.

Kiểu biểu diễn của họ không có tính nghi lễ hoặc biểu tượng, mà tạm gọi là minh họa. Không như các ca sĩ và vũ công ở ta bóng gió qua âm thanh, nét mặt và cử chỉ mà mọi người đều hiểu, ở đây họ diễn hoàn toàn trực tiếp để khơi dậy ảo ảnh của cuộc sống thật. Thật là kỳ quặc, vì những người trong căn phòng sáng trưng kia làm như không biết có cả nghìn mũi lỗ ngò trong bóng tối chăm chú xem. Khi ở đấy có người nói: trắng sáng, quả thật vàng trắng xuất hiện và mọi thứ chìm trong ánh trắng, khiến mới đầu ta tưởng đang nhìn qua một ô cửa sổ lớn vào một vùng khác; khi có người nói bây giờ anh ta đi vào nhà là có ngay ngôi nhà giả. Giữa những lúc ấy họ thành linh hát, lúc đơn ca, lúc đồng ca, luôn luôn có ban nhạc đệm theo.

Tất cả nhằm trình diễn thật tự nhiên một truyện thơ, nhưng đệ chỉ hiểu khi được ông Shi-shmi giải thích. Có lẽ vì đệ hầu như không hiểu ca từ nên không nắm được ý nghĩa truyện. Dường như nó nói về một người phụ nữ đến một đất nước xa xôi, lấy ở đấy một nhân vật quan trọng, nhưng rồi lại bỏ ông (hoặc ngược lại). Giữa các màn có pha trò và bọn mũi lỗ cười ồ; nhưng các diễn viên vẫn làm như không nhận thấy.

Sau khoảng hai tiếng, màn hạ và người ta lại vỗ tay. Phòng lại sáng và điều kỳ lạ nhất là người phụ nữ nọ cùng nhân vật quan trọng kia và mọi người trước đó đều lách qua màn, tiến ra phía trước, cúi chào nhiều lần, nghĩa là họ biết rõ này giờ có bọn mũi lỗ ngò xem.

Trang phục của những người này khác hẳn áo quần thông thường của bọn mũi lõ. Đệ ngạc nhiên vì chưa gặp ai ăn mặc như thế trên đường phố; ông Shi-shmi cười bảo đó chỉ là quần áo hóa trang. Sau đó các bà, các ông ấy đi vào hậu trường, cởi bỏ lớp áo sắc sỡ, mặc vào y phục thường ngày rồi về nhà.

Bọn đệ cũng thế – nghĩa là trước hết vào một phạn điểm để ăn. Ông Shi-shmi hỏi đệ, qua nét mặt và giọng nói đã rõ ngay ông muốn biết đệ có thích không. À thì, đệ nói, rất thú vị. Đệ không nhận thấy gì ư? Nhận thấy nhiều thứ chứ, đệ đáp... Không, ông nói, đệ không thấy gì đặc biệt ư? Đệ không thấy gì quen thuộc sao? Không, đệ đáp.

Ông Shi-shmi cười. Cả truyện thơ vừa diễn người ta cũng biết tên tác giả. Ông tên Le-ha^[141] và mất khoảng bốn mươi năm trước. Truyện thơ này có tựa đề: “Vở ba-lát diễn ở một đất nước nơi người dân luôn mỉm cười”. Âm chỉ Trung Quốc đấy! Và đệ đã cười. Đệ cứ nghĩ đó là chuyện dứt khoát mũi lõ, thế mà lại là câu chuyện ở nước ta, ở Trung Quốc! Bọn mũi lõ hình dung cuộc sống ở nước ta như thế đấy! Ta thấy chúng, đặc biệt ông Le-ha này, chẳng biết gì hết về cuộc sống ở nước ta. Đệ cười không ngớt. Đệ yêu cầu ông Shi-shmi ngay ngày mai lại tới ngôi đền xem trình diễn lần nữa. Nhưng không được, vì có nhiều ba-lát và không phải tối nào cũng diễn vở “đất nước nơi người dân luôn mỉm cười”. (Những ba-lát kia không viết về Trung Quốc). Ông Shi-shmi xem lại trong một tập nhỏ, thấy tháng sau mới lại diễn vở này. Đệ nhất định sẽ lại đi xem. Nhưng tạm thời phải kiên nhẫn.

Ngày qua đi như thế. Tuyết vẫn rơi. Đệ đã mua một cái măng-tô dày màu xanh theo kiểu mũi lõ. Phải chi huynh thấy được đệ! Đôi khi đệ tự cảm thấy mình trông thật kỳ quặc. Vừa rồi đệ lại ghé dạ điểm “Thiên Đường” lần nữa. Nàng vũ nữ thoát y với những quả banh trắng không còn diễn ở đó nữa, đệ rất tiếc không thể giúp được huynh. Nàng đã đi khỏi đây, tới diễn ở một thành phố xa xôi khác. Hy vọng huynh không chờ đợi đệ chạy theo nàng vì chuyện này, dù đệ rất quý huynh.

Đệ gửi lời chào đến thi sĩ Lôi Thợ Sơn. Hãy bảo hấn rằng vinh quang không dài lâu đâu, cho dù năm nay hấn đoạt giải thơ. Nhưng đừng tiết lộ từ đâu đệ biết nhé.

Chào và ôm huynh thăm thiết.

Người bạn xa xôi của huynh, Cao Đài

Thư thứ hai mươi chín

(Thứ Hai, 23 tháng Mười Hai)

Di Ngô quý mến,

Huynh nhầm rồi; nếu muốn chơi, hoặc đúng hơn là nghe nhiều nhạc khúc khác nhau, cần phải có nhiều đĩa nhạc tương ứng. Trên mỗi đĩa nhạc luôn chỉ có một nhạc khúc nhất định thôi, nghĩa là một bản dài hoặc nhiều bản ngắn. Vì thế máy quay đĩa không phải là nhạc cụ. Trong một nhạc cụ luôn ngầm chứa đựng mọi nhạc khúc, nên khi được gảy, kéo hoặc thổi, khúc nhạc mong muốn sẽ từ nhạc cụ ấy vang ra. Ta không làm thế được với máy quay đĩa. Có thể nói rằng nhạc cụ chứa đựng linh hồn của mọi nhạc khúc và người chơi giỏi có thể nêu bật một trong những linh hồn này tùy theo ý muốn và biểu hiện nó qua âm thanh. Máy quay đĩa luôn luôn chỉ chơi được nhạc khúc nào mà chiếc đĩa nhạc màu đen cho phép. Như vậy máy quay đĩa là khí cụ vô hồn hay nói đúng hơn: nó chỉ khiến bóng của linh hồn xuất hiện thôi. Tuy nhiên đệ vẫn thấy nó hữu ích, vì qua nghe một nhạc khúc – bao nhiêu lần cũng được – ta có thể thấu hiểu được cốt lõi và ý nghĩa của nó.

Nhưng bao giờ cũng vậy, như đệ đã kể trong chuyện nhà đúc, dễ dàng quá sẽ đưa đến hư đốn. Bọn mũi lỗ được tạo điều kiện nghe nhạc dễ dàng quá nên chúng nghe không ngừng, cả những nhạc khúc vớ vẩn. Theo đệ thấy, mọi sáng tạo để đời sống dễ dàng hơn đều khiến những vật dụng hoạt động vô bổ tăng theo. Công bằng mà nói thì điều này không phải chờ đến bọn mũi lỗ mới có. Huynh nghĩ kỹ mà xem: ở ta lại khác ư? Huynh phải đồng ý rằng không khác. Từ khi phát minh ra xe cùng bánh xe và từ khi nuôi được ngựa, người ta rong xe chạy khắp nơi, dù không bắt buộc. Từ đó đã có bao nhiêu chuyến đi không cần thiết rồi? Vô số. Người ta làm gì ở những nơi đã chạy xe đến ấy? Chẳng có gì khác hơn những chuyện có thể làm ở nhà. Không

phải đệ chống lại chuyện du lịch, du lịch cũng có thể hữu ích chứ (tuy bậc hiền giả đời hạnh đã có một số ý kiến phản bác chuyện đi chỉ để mà đi). Đệ cho rằng chuyến đi của đệ tới nơi này là hữu ích – kể cả khi nhiều điều đệ nhận thức được chỉ có huynh và đệ biết với nhau. Nhưng vì việc du lịch quá dễ dàng nên ý nghĩa và nghệ thuật của du hành đã mất đi nhiều. Người ta không du lịch nữa, mà chỉ chạy rong.

Không cần phải nói thêm rằng, đối với bọn mũi lõ có thể đi lại khắp thế giới bằng ô-tô dễ dàng hơn với xe ngựa thì chuyện này lại càng đúng. Song có một điểm đệ phải nói: có lẽ thế giới của chúng ta không hoàn toàn vô can về những chuyện vô nghĩa đang diễn ra ở đây (mà đối với chúng ta là trong tương lai).

Các triết gia lớn ngày trước của chúng ta đã suy nghĩ biết bao về sự hình thành của văn hóa, rằng về bản tính con người là tốt như Mạnh Tử nói, hay xấu như Tuân Tử mặc nhận? rằng các minh quân đã đưa văn hóa vào hay nó tự hình thành như một đám rêu trên đá? Những câu hỏi này sẽ không bao giờ được giải đáp, trừ khi một ngày nào đấy đệ quyết định dùng la bàn-thời gian du hành về quá khứ hai hoặc ba nghìn năm, tới thời các hoàng đế Nghiêu Thuấn. Nhưng đệ tin rằng mai đây, sau khi trở về vào mùa xuân, đệ sẽ cảm thấy du hành vượt thời gian như thế đủ rồi. Và lại ai biết được nếu du hành về quá khứ đệ sẽ thất vọng nhiều hơn nữa và không chừng sẽ phải xác nhận rằng Nghiêu Thuấn – vạn đời sau kính cẩn tưởng nhớ hai ngài – chẳng là gì khác hơn những kẻ què kệch. Nhưng ý đệ không phải thế, mà đệ nghĩ rằng các bậc hiền giả của chúng ta, từ Đức Khổng phu tử vĩ đại đến Công Tôn Long ngụy biện, đã ngẫm nghĩ biết bao mà vẫn không đạt được kết quả thống nhất. Song tùy ai muốn nghĩ thế nào cũng được, còn đệ dường như đã rõ rằng kể từ khi đám rêu văn hóa đầu tiên xuất hiện trên tảng đá của con người thì quá trình tiếp theo đó là không ngăn chặn nổi. Tại sao quá trình ấy không đảo ngược được? Điều này không ai biết. Có thể nó đơn giản phải thế, như sông chảy xuôi từ núi xuống biển chứ không ngược lại. Nó như thế và không ai biết lý do. Bọn mũi lõ cũng không biết luôn; đệ đã hỏi Duy-Lân tử, ông bảo người ta biết trong thế giới của mình quá nhiều nên bốc lên rằng

biết nhiều hơn mọi thế giới và thời đại trước, nhưng lực nào khiến viên đá rơi xuống mặt đất thì chưa ai nghiên cứu được.

Thành ra dường như quá trình đã đưa loài người (ở đây đệ không chỉ nói tới dân tộc Trung Hoa) từ thời kỳ nguyên thủy chân chất tới sự lệ thuộc vào những điều hoàn toàn vô lý là không thể ngăn cản và đảo ngược được – bọn mũi lõ ở đây đã đạt gần tới điều đó. Có thể bản tính con người không ác và xấu như Tuân Tử nghĩ, song con người có xu hướng truyền bá sự ngu xuẩn tiềm tàng của mình, gây chuyện càn quấy giống như cái cây thúc đẩy lá của nó đâm chồi.

Mọi chuyện đều không rõ rệt, càng nghĩ đệ càng thấy dường như nó tối tăm hơn đối với đệ. Cuộc sống của con người trên thế giới hình cầu này có ý nghĩa gì không chứ? Phán quan Me-lon (đệ thích trao đổi với ông về những chuyện này) bảo rằng người ta càng ngày càng ngại suy nghĩ về những điều ấy. Bọn mũi lõ nghiên cứu đủ mọi thứ và suy nghĩ về những chuyện không ngờ và chuyện gì cũng có chuyên gia được Nhà nước công nhận. Nhưng chúng không dám vượt ra khỏi những tiểu tiết. Thế giới của bọn mũi lõ là thế giới của tiểu tiết.

Thư lần này cũng lại ngắn thôi. Đẳng nào đệ cũng sẽ không viết dài cho huynh nữa. Chẳng bao lâu đệ sẽ trở về và sẽ kể cho huynh mọi chuyện, tốt hơn và sống động hơn. Đệ mong chờ tới lúc chúng ta có nhiều buổi chiều đẹp ngồi với nhau trong vườn nhà huynh hoặc vườn nhà đệ, y phục thoải mái, nhắm nháp món cầy tơ nhồi thịt nấu như trộn giấm và kể huynh nghe về cái thế giới kỳ lạ này, với con Tiểu Siêu hiền lành nằm gọn trong lòng đệ. Đệ xin kết thúc bức thư. Sắp tới huynh đừng chờ thư. Phải mười hoặc mười lăm ngày nữa đệ mới viết được vì đệ đi du lịch với nàng Pao-leng. Tuy đang là mùa đông, bọn đệ sẽ đi bằng ô-tô của nàng tới vùng núi rất xa điểm liên lạc. Huynh cũng đừng gửi thư cho đệ, vì nó sẽ nằm lẫn lóc ở điểm liên lạc và có thể bị mất cắp.

Về trò tiểu xảo với những quả banh trắng đệ thật tình không thể giúp huynh được nữa. Đệ khuyên huynh giải thích cho một gã làm trò ảo thuật

điều huynh muốn – ở vùng ngoại ô Đà có một gã ảo thuật bậc thầy. Huynh cứ bảo đó là phát kiến của huynh, rồi dẫn nàng thiếp nào huynh thấy thích hợp nhất tới chỗ gã. Gã ảo thuật gia này sẽ suy nghĩ và tìm ra trò tiểu xảo mới (đúng ra là cũ). Được huynh hứa hẹn thù lao, gã sẽ suy nghĩ chu đáo và có kết quả. Rồi gã chỉ dẫn trò này cho nàng thiếp của huynh. Vào một buổi chiều xuân, khi chúng ta ngồi trong vườn nhâm nhi thịt cầy và nghe những chiếc chuông nhỏ rung trong gió, khi huynh đã nghe chán chuyện đệ kể, nàng thiếp kia có thể đến, thoát y và biểu diễn với mấy quả banh để chúng ta khuây khỏa. Đệ khuyên huynh thế đấy.

Đệ rất kiên định.

Người bạn chung thủy của huynh, Cao Đài

Thư thứ ba mươi

(Thứ Năm, 9 tháng Giêng)

Di Ngô huynh quý mến,

Đệ đã trở về Min-chen và lại đang ngồi trong phòng ở khách sạn. Ngoài trời đầy tuyết và rất không thoải mái. Mới đây viên quản lý (hắn giữ đúng mọi thể thức giao tiếp và lịch sự) hỏi đệ dự định sẽ còn đem lại hân hạnh cho khách sạn bao lâu nữa – qua sự hiện diện của đệ. Đệ trả lời rằng sau ngày Rằm cuối cùng của mùa đông ít hôm đệ sẽ rời khỏi đây. (Đúng ra đệ không nói ít hôm sau ngày Rằm cuối cùng của mùa đông, vì chẳng gã mũi lõ nào biết Rằm hay không Rằm, hoặc bao giờ sẽ là ngày Rằm sắp tới. Đệ nói với hắn theo lịch ở đây mà đệ đã quen dùng từ lâu rồi). Tại sao viên quản lý lại muốn biết? Huynh sẽ không hiểu đâu. Điều đó không có nghĩa như ta tức thì đoán, rằng khách sạn “Bốn Mùa” không muốn đệ là khách nữa. Không, viên quản lý biết rõ đệ có nhiều tiền, đệ là một người khách không gây ồn ào, tiêu thụ nhiều Mo-te Shang-dong, hiếm khi phàn nàn về những thói xấu của nhân viên, nhận nhin khi những khách khác say rượu cười nói oang oang, tóm gọn đệ là một người khách đem lợi nhuận cho khách sạn. Viên quản lý cũng nhiều lần quả quyết đệ có thể ở bao lâu đệ muốn (và tất nhiên trả tiền, nhưng hắn không nói ra). Thế thì tại sao hắn muốn biết khi nào đệ rời khỏi đây? Để hắn ghi vào sổ khi nào hắn có thể cho người khác dùng căn phòng của đệ. Bọn mũi lõ không bao giờ ngừng lên kế hoạch, không ngừng thăm dò tương lai, không ngừng suy nghĩ xem khi nào, và được không, có thể sử dụng cái này cái nọ cho việc gì khác hoặc ai khác. Chúng không thể cứ giương mắt nhìn và chờ chuyện sẽ tới. Đó cũng là do bệnh nghiện “tiến khỏi chính mình” của chúng mà ra. Chúng sống trong tương lai nhiều hơn trong hiện tại và vì thế chúng bỏ lỡ hiện tại của chúng. Rồi chúng than thở

rằng những kế hoạch của chúng không thành công, rằng mọi sự xảy ra khác mong đợi, giống bài thơ mà thi sĩ chỉ sáng tác vào mùa hè Si-gi đã trích dẫn. Chúng không hiểu rằng sẽ không có vấn đề này nếu không nghĩ về tương lai. Mùa xuân vẫn cứ đến dù người ta có lên kế hoạch hay không. Ở Min-chen này mùa xuân đến muộn, viên quản lý tiện thể nói thế. Hẳn e rằng sẽ còn tuyết và lạnh cho đến ngày đệ rời khỏi đây.

Tuy thời tiết xấu – không, đúng ra phải nói chính vì thời tiết xấu – mà bọn đệ, nghĩa là nàng Pao-leng và đệ, đã đi tới vùng núi. Rặng núi đó nằm về phía Nam của Min-chen và nhiều tuyết hơn ở đây như ai cũng có thể hình dung được. Chạy bằng ô-tô mất hai giờ, theo đệ tính với xe ngựa sẽ mất khoảng hai ngày. Bọn đệ tới một nơi tên là *Ki-tsi-bu*^[142] rất đáng chán. Nơi đây hầu như chỉ toàn khách sạn. Theo đệ thấy hầu như không có dân cư, chỉ toàn khách vắng lai. Họ ăn mặc màu mè rất kỳ dị, họ chen lấn nhau trên đường phố và luôn gào rất to. Mặt họ phơi ra dưới ánh nắng mùa đông nên đỏ lựng. Thoạt tiên đệ không rõ bọn mũi lõ (ở đây gọi là *bọn mũi đỏ* thì đúng hơn) làm gì ở Ki-tsi-bü và tại sao lại ham đến đó nhằm đúng mùa khắc nghiệt nhất trong năm, khi mọi người có lý trí đều tránh xa.

Không dễ có câu trả lời. Huynh còn nhớ chuyện đệ kể về bà Đạt-ma, bạn của nàng Pao-leng và căn hầm làm toát mồ hôi chứ? Huynh còn nhớ chuyện đệ kể về cái Shao-bo bí hiểm chứ? Chúng liên quan với nhau và liên quan tới sở thích đặc trưng kỳ quái của bọn mũi lõ: chúng thích được ướt át. Vâng: chúng ta cũng tắm tấp chứ và người quân tử lẫn bậc trí giả phải giữ mình sạch sẽ, thơm tho. Nhưng điều này hoàn toàn không so sánh được với sở thích nọ mà theo đệ là một chứng nghiện ngập. Những người có học che đậy chuyện họ mê tín bằng lời giải thích ra chiều hợp lý: việc này tốt cho sức khỏe.

Đệ không tin, vì bọn mũi lõ tắm ít hơn chúng ta. Duy-Lân tử bảo có lần ông đã đọc rằng hai phần ba bọn mũi lõ hoàn toàn không tắm rửa. Đệ tin lắm, vì đệ căn cứ vào thứ mùi hắt vào cái mũi nhạy của đệ khi bước vào trong nhà họ. Trong khi vào mùa ấm áp chúng nhảy xuống vùng vẫy bơi trong đủ mọi loại sông hồ, dù nước tù đọng hay không. Và khi trời lạnh,

chúng tới những hồ nhỏ nhân tạo có mái che, nước được sưởi ấm để bơi lội. Hoặc chúng phơi mình lỏa thể trong khí nóng của căn hầm làm toát mồ hôi cho đến khi mồ hôi nhễ nhại. Vào mùa hè, khi không muốn bơi, chúng bơm cái Shao-bo – một loại xuồng nhỏ bằng vật liệu đặc biệt rồi chèo lảng quăng. Dù thời tiết xấu hay tốt, huynh vẫn có thể thấy bọn mũi lõ chạy một cách kỳ quái trong công viên, trông rất chướng mắt. Bọn này cũng muốn toát mồ hôi. Có những bãi đất màu đỏ giăng lưới^[143], ở đây bọn mũi lõ đánh qua đánh lại một cách buồn tẻ những quả banh màu trắng (nhỉnh hơn những quả banh của nàng nọ – huynh hiểu đệ muốn nói gì mà), hoặc trên một bãi cỏ^[144], hai tá người chạy theo một quả bóng to hơn và tìm cách đập lên chân nhau. Bọn chúng cũng vã mồ hôi. Hoặc khi chúng đã có tuổi, không cố sức có những hoạt động khiến vã mồ hôi được, chúng bèn đến những nơi có hào nước. Chúng xắn quần, bì bõm đi lại loanh quanh trong đó. Có lần đệ thấy máy-viên-vọng chiếu cảnh này. Đó là cảnh tượng khôi hài nhất đệ từng thấy, có lẽ ngoại trừ màn ca vũ nhạc “Đất nước nơi người dân luôn mỉm cười”.

Thế là trong mùa đông, khi nước quá lạnh hoặc thậm chí đóng băng, bọn chúng di chuyển trong tuyết để được ướt át. Đúng vậy, thật không tin nổi: chúng tự lái ô-tô hai tiếng đồng hồ đến một vùng nhiều dốc. Ở đây chúng đi lên đỉnh núi bằng những chiếc ô-tô treo, rồi nhảy xuống tuyết và lăn xuống. Để đỡ nguy hiểm và tránh lăn xuống quá nhanh, chúng gắn vào chân những tấm ván dài và dùng hai chiếc gậy. Khi có nguy cơ trượt quá nhanh, chúng sẽ dạn những tấm ván này ra. Tuy vậy trong dịp này bọn mũi lõ thường gãy chân tay hoặc cổ, sao có thể khác được khi chúng từ một dốc đá ngã xuống, đụng phải cây hoặc va vào một tay mũi lõ khác cũng đang di chuyển. Bị thương như thế này không phải chuyện xấu hổ mà ngược lại.

Nàng Pao-leng xúi giục đệ học trượt tuyết. Vào mùa hè và thu nàng đã luôn muốn thúc đẩy đệ cùng nàng bơi lội trong hồ. Đệ luôn thoái thác. Nhưng lúc này, ở Ki-tsi-bü, đệ khó lòng từ chối; không phải vì đệ tin lời nàng rằng trượt tuyết sẽ khiến đệ rất thích thú, mà thật đệ bị cắn rứt vì chuyện với tiểu phụ Chung nên đệ đã mềm lòng. Nàng Pao-leng đăng ký cho đệ học với một ông thầy về trượt tuyết. Đệ được phát một bộ quần áo kỳ

quắc, đại khái giống thứ mà những bộ tộc vùng thảo nguyên phía Bắc nước ta vẫn dùng để địu con nhỏ, cùng hai tấm ván dài (gọi là tử thi^[145]) và gậy. Đệ cung kính lại gần vị thầy sẽ dạy đệ về nghệ thuật trượt tuyết; hóa ra hăn chỉ là một gã trẻ măng, cung cách lỗ măng, tóc vừa dài vừa nhờn, lại hôi miệng nữa chứ. Hăn gào nghe rất đáng sợ và bọn đệ – nghĩa là đệ với khoảng mười người tha thiết muốn học trượt tuyết – phải lên trên cao nữa, đứng ngay gần nơi con dốc. Muốn tỏ ra xuất sắc, đệ lao thật đẹp xuống dốc, tới thẳng chỗ ông thầy và chẳng may hất hăn ngã chổng gọng. Bị một tấm ván của đệ va trúng đầu, hăn giật dữ và càng bất lịch sự hơn. Đệ vẫn trầm tĩnh, đứng dậy, cố khom lưng tuy chân vướng tấm ván và nói: “Thưa sư phụ dạy trượt tuyết kính mến, đệ tử tội đáng muôn thác vì đã làm cái đầu xinh đẹp đáng ngưỡng mộ của sư phụ bị thương tổn, đồng thời rất lấy làm tiếc không thông thạo cách bày tỏ tình tế niềm ân hận của mình”. Hăn ôm đầu gào to hơn nữa. Đệ không hiểu hăn gào gì, tay hăn vung loạn xạ. Khi đệ dợm leo lên dốc lần nữa, hăn nói không thành tiếng và qua những âm thanh ú ớ của hăn đệ đoán rằng hăn rất tiếc không thể tiếp tục hướng dẫn đệ vào những bí quyết trong nghệ thuật trượt tuyết của hăn.

Vậy nên đệ đã rời khỏi nơi đó. Vì không thể tự tháo cái cơ cấu phức tạp gắn hai tấm ván cồng kềnh ở chân mình, đệ đành cứ thế bước lạch bạch về khách sạn. Đệ nghe nhiều lời không đẹp của những bộ hành khác. Khi đệ dợm bước qua đường, một chiếc ô-tô sơ ý cán lên những tấm ván sát chân đệ. Ván bị cụt, nhờ thế từ lúc ấy đệ bước đi dễ dàng hơn đôi chút. Một tiểu nhị ở khách sạn đã giúp đệ gỡ những tấm ván. Đệ nằm lên giường, mồ hôi đầm đìa. Thế là mục đích toát mồ hôi đã đạt được.

Nàng Pao-leng rất thích trượt tuyết. Ngày nào nàng cũng say mê trượt. Thân thể nàng đầy vết bầm chằng đẹp dễ tí nào.

Bọn đệ ở Ki-tsi-bü hơn mười ngày. Sau khi bị ông thầy dạy trượt tuyết loại ra, đệ ở lại trong tiền sảnh khách sạn và đọc đủ thứ sách, ban ngày ở đó hầu như chỉ có một mình đệ. Thịnh thoảng đệ thử trò chuyện với một trong những tiểu nhị, song rất khó, vì Ki-tsi-bü thuộc về nước *Ti-long*^[146] mà người ngoài hầu như không hiểu nổi ngôn ngữ của người dân xứ này, như thế họ

vừa nói vừa ợ. Đệ cũng thấy dường như thông minh không phải là đặc điểm hàng đầu của người dân đất nước này. Khi bọn đệ rời khỏi nơi đây, đệ rất mừng. Đệ đề nghị với nàng Pao-leng đi đến bất cứ nơi nào không có tuyết, dù phải chạy xe hai mươi giờ thay vì hai. Nhưng tiếc thay nàng không có thì giờ vì nàng là giáo viên. Nàng dạy lũ trẻ và cả thanh niên (lạ lùng là cả nam thanh niên nữa!) về cách sử dụng ngôn ngữ. Nàng phải về nhận chỉ thị mới. Mãi khoảng ba tháng nữa nàng mới lại được phép nghỉ trong thời gian dài. Nhưng lúc ấy đệ đã rời khỏi thế giới này của nàng từ lâu.

Huynh hỏi, trong bức thư đệ tìm thấy ở điểm liên lạc khi trở về, rằng sao đệ vẫn đi nghỉ với nàng Pao-leng dù có bất hòa. Ấy, rắc rối thế đấy. Đệ xin thưa thế này:

Hôm đó sau khi hai nàng bỏ đi, mới đầu đệ thấy nhẹ cả người. Hôm sau đệ ân hận vì đã mất phương tiện giải trí. Đệ liền đặt mua một bó hoa gồm toàn những bông to, một chiếc vòng tay bằng ngọc trai và một chiếc nhẫn cần đá lấp lánh mà với bọn mũi lõ là rất quý (riêng chiếc nhẫn đã đáng giá hai thoi bạc) và sai một tiểu nhị của khách sạn mang đến cho nàng Pao-leng. Ít ngày sau đệ đến nhà nàng, nhét dưới khe cửa mấy dòng chữ viết sẵn mà đệ định sẽ ngỏ lời, nhưng đệ chưa kịp nói thì nàng đã ôm chầm cổ đệ, áp môi vào môi đệ và dùng lưỡi làm môi đệ ướt át (với bọn mũi lõ thì cử chỉ này được xem là dấu hiệu đặc biệt của tình yêu) và thì thầm nhiều lần rằng đệ là “người yêu bé nhỏ của nàng từ Trung Quốc”.

Nàng bảo nàng rất giận và tim nàng đầy ắp buồn phiền. (Tuy đệ không hiểu: đã có lần duy nhất nào vì tiểu phụ Chung mà đệ đem lại cho nàng ít hoan lạc hơn, hoặc chỉ ít âu yếm hơn chưa? Và đệ cũng chưa hề nhầm lẫn hai nàng với nhau mà. Ai hiểu được thì hiểu. Còn đệ dĩ nhiên không hó hê). Lúc đầu nàng từ chối món quà, vì theo nàng, những vết thương lòng như thế không thể chữa lành bằng những vật vô nghĩa như thế. Nhưng rồi nàng nhìn chăm chú hơn chiếc nhẫn và cuối cùng đã nhận nó với chiếc vòng tay. Còn hoa thì nàng đã cắm vào bình trước đó rồi.

Còn tiểu phụ Chung thì từ đó đệ không gặp lại nữa. Lần tới nếu nàng lại đáp xuống Min-chen cùng với con rồng sắt, nàng cũng sẽ nhận được nhẫn, vòng tay và hoa. Trong tương lai đệ sẽ phải cẩn trọng.

Lần đi Ki-tsi-bü đã khiến đệ bị ốm. Thế cũng hay, vì đệ được làm quen với nghề chữa bệnh của bọn mũi lỗ mà đến nay đệ chưa từng có dịp. Ngay buổi tối từ Ki-tsi-bü về đệ đã bị sốt, răng đánh lập cập. Đệ nằm dài trên giường, nhờ tiểu nhị mời giúp thầy lang. Thầy lang – ở đây gọi là bác sĩ – đến và lạnh lùng bắt mạch đệ. Ông ta hỏi mà đệ không hiểu. Câu hỏi ấy thế này: “Công hay tư?” – “Cao Đài”, đệ đáp, “tại hạ là người từ Trung Quốc xa xôi và tại hạ lấy làm may mắn rằng qua thứ bệnh có lẽ hoàn toàn vô hại này mà được biết đến tài y thuật sáng chói hơn mặt trời lúc chính ngọ của thầy...” Ông ta chán chường lăm lăm ngắt lời đệ: “Ông từ đâu tới chẳng liên quan gì đến tôi, tôi chỉ muốn biết: công hay tư?”.

Đệ liền hiểu câu hỏi này là một nghi thức phải làm sáng tỏ trước khi điều trị và thầy lang không sẵn sàng trị bệnh trước đó. Đệ biết làm sao đây? Đầu đệ nhức như búa bổ, mắt đệ hoa lên, thế mà ông ta đòi phải làm sáng tỏ nghi thức.

“Một vĩ nhân của y học như thầy muốn thế nào hơn? Với lại công khác tư thế nào?”

“Ông sống trên cung trăng thì phải (đã bao lần đệ nghe cách diễn đạt thế này rồi?), công là công, tư là tư. Dĩ nhiên tôi muốn tư hơn. Ở công thì ông chỉ được cho *as-pi-lin* (hẳn là một loại thuốc), còn ở tư thì tôi sẽ khám ông thực sự”.

“Tư”, đệ thì thào.

“Sao không nói ngay từ đầu”, ông ta gắt. Rồi ông ta nhìn cổ đệ, gõ đầu gối đệ, dùng một cái máy bằng sắt nghe ngực đệ rồi nói: “Cúm”. Ông ta nguyệt ngoạc gì đấy trên một mảnh giấy, đưa cho đệ, đóng cặp lại rồi đứng lên.

“Thầy đi à?” đệ hỏi.

“Dĩ nhiên”, ông ta đáp, “còn gì nữa?”

“Thầy không ở đây cho đến khi tại hạ khỏi bệnh ư?”

Ông ta cười hực lên khiến đệ sợ rằng nhà sẽ sập. Mắt đệ tối sầm và khi đệ nhìn lại được thì thầy lang đã đi khỏi. Những gì ông ta viết trên mảnh giấy đệ vẫn giữ trong tay, đệ không đọc được. Một câu bùa chú chẳng? Đệ không rõ. Đệ nhét nó dưới gối và bảo tiểu nhị đem cho đệ một ly nước chanh nóng. Sau hai ngày đệ khỏi.

Từ đó đệ rút ra được một bài học: ở đây không đau ốm vẫn tốt hơn. Và về mặt điều trị bệnh nhân được chọn một trong hai cách khám: giá công và giá tư. Dường như khám theo giá tư thì người bệnh được điều trị kỹ lưỡng hơn.

Mai đệ sẽ lại cùng ông Shi-shmi đi xem vở ca vũ nhạc “Đất nước nơi người dân luôn mỉm cười”. Ông Shi-shmi muốn thuyết phục đệ xem một vở ca vũ nhạc khác, nhưng đệ rất muốn xem lại vở này, dù phải cười nôn ruột.

Đệ chào huynh, Di Ngô thân mến và dù cười đùa song vẫn là người bạn rất buồn của huynh.

Cao Đài

Thư thứ ba mươi mốt

(Thứ Tư, 15 tháng Giêng)

Lão bằng hữu Di Ngô quý mến,

Trong thời gian ở nơi Ki-tsi-bü kinh tởm dĩ nhiên đệ không thể dự những tối hòa nhạc của ông Shi-shmi. Lúc ấy, như ông cho biết, mọi người cũng tạm nghỉ một số buổi. Vì theo tục lệ của bọn mũi lõ, ông chơi wa-tsche và cậu con trai chơi cheng-lo cũng đi tới vùng núi non để trượt tuyết. Tuy đệ không hiểu nổi sao một người có học như ông Techo gảy đàn wa-tsche và cậu con đầy năng khiếu lại chạy theo một tập tục khôì hài như trượt tuyết, nhưng thật thế, ngay người có học cũng không thoát ra khỏi chiếc lưới tập quán. Khi tập quán đã bám rễ rồi thì nó có thể ảnh hưởng đến đầu óc ta, khiến ta chấp nhận nó là tất yếu và không thể vượt ra được. Ở Trung Quốc cũng thế thôi. Chúng ta cũng tin rằng không cúng vào mùa xuân và mùa thu sẽ khiến thế giới đảo lộn, dù muộn nhất kể từ thời Trang Tử chúng ta biết rằng những chuyện này chẳng có ý nghĩa gì. Nhưng vấn đề là thế: con người ta chỉ sống được trong mạng lưới của những tập tục, tập quán, nếu không muốn cảm thấy cuộc sống lạnh lẽo và cô đơn; cho dù anh không hoặc không luôn luôn tuân theo những tập tục này. Kỳ lạ thật. Nó khiến đệ nghĩ tới mùi lũ cừu toát ra, rằng thiếu nó thì chúng không quây quần thành đàn được.

Nhiều tay mũi lõ – tí nữa thì đệ viết thành bọn mũi tuyết – theo tập tục trượt tuyết này... Cả ông Shi-shmi cũng say mê, chỉ bà mẹ của ông ở nhà thôi, nghĩa là ở trong căn hộ của ông. Bà cũng sắp về rồi. Lúc ấy ông Shi-shmi sẽ mượn chiếc la bàn-thời gian của đệ. Đệ thờ dài. Không có cách nào thoát thác được.

Đặc biệt lần này buổi hợp tấu của họ (buổi đầu tiên sau khi mọi người trượt tuyết về) không diễn ra vào ngày thứ tư, mà ngày thứ ba theo cách chia lịch của bọn mũi lõ. Lần này nhóm tứ tấu được bổ sung một bà tên Lo-hoven. Bà không chơi đàn, mà thổi một cái ống tương tự ống tiêu với âm thanh nghe ngọt ngào và êm tai. Khúc nhạc ngũ tấu này là của thầy Mo-tsa chết trẻ mà đệ đã có lần kể với huynh. Đệ không muốn tán tụng, vì không thể nào diễn tả được sự tuyệt vời của khúc nhạc. Trong khúc nhạc này, bốn nhạc cụ kia giữ vai trò đệm theo tiếng tiêu lướt từ những nốt trầm ảm đạm đến nốt cao xanh ngát của vòng đời. Ấn tượng đầu tiên là mãnh liệt nhất khi được làm quen với thế giới âm nhạc của bọn mũi lõ, giống như đệ ở buổi tối nọ mấy tháng trước. Nếu tiếp tục đào sâu, như đệ đã làm, thì tuy nó hấp dẫn ta hơn, ta hiểu biết nhiều hơn và nhìn vấn đề từ nhiều mặt khác nhau, nhưng cái gọi là ấn tượng hồn nhiên về sự dữ dội ban đầu không còn nữa. Đệ ao ước được một lần trong đời nghe lại khúc tứ tấu tuyệt vời của thầy Ve-to-feng như đã nghe lần đầu tiên, nhưng không bao giờ còn được nữa. Khúc ngũ tấu của thầy Mo-tsa đến với đệ khi đệ đã có kiến thức về âm nhạc của bọn mũi lõ, thế lại hay, bằng ngược lại, có lẽ đệ sẽ không hiểu nó ngay như đã hiểu nhạc khúc của thầy Ve-to-feng, hoặc giả đệ sẽ chết vì xúc động. Như đã nói: đệ không muốn tán dương. Chỉ thế này thôi: thầy Mo-tsa hẳn phải là thần thánh nhất trong các bậc thầy từng đặt chân lên trái đất này. Đệ không ngại dùng từ “thần thánh” mà bình thường đệ vẫn tránh. Và đệ sẽ mãi nhớ những lớp âm thanh trong khúc ngũ tấu của ông khi trở về với thế giới của chúng ta và đệ không giấu giếm rằng điều này sẽ mãi khiến đệ được hạnh phúc.

Như mọi khi, bọn đệ lại ngồi cùng nhau hàn huyên sau buổi hòa nhạc. Hôm kia tình cờ đệ ngồi cạnh ông Te-cho và chuyện vãn với ông. Tuy thân thể ông to lớn đầy đà nhưng đầu óc ông linh hoạt. Trò chuyện qua lại, bọn đệ bàn tới hội họa. Ông Te-cho nhận thấy đệ chẳng biết gì về hội họa của thế giới ông, nên ân cần muốn hôm sau – nghĩa là hôm qua – chỉ cho đệ xem đôi chút, vì hôm ấy ông rảnh.

Mới đầu đệ ngữ ông sẽ dẫn đệ vào cung điện của ông và có lẽ ông có một bộ sưu tập về tác phẩm nghệ thuật. Nhưng không phải, ông Te-cho không có dinh thự lẫn bộ sưu tập nào. Bọn đệ vào một tòa nhà lớn, phải nói là khổng lồ, ở đó Nhà nước trưng bày nhiều tranh, tượng và nhiều đồ mỹ nghệ khác cho công chúng vào xem. Đệ thấy điều này không dở và ta phải cân nhắc nghiêm túc có nên đưa vào đất nước chúng ta – dưới một hình thức thay đổi cho thích hợp – vì giá trị của việc nâng cao dân trí có thể có ý nghĩa.

Tuy nhiên ở bọn mũi lõ luôn có một nhược điểm, đó là chúng hầu như không đến xem. Ông Te-cho bảo thế và chính đệ cũng thấy, vì dường như trong tòa nhà chỉ có hai người bọn đệ thôi. Ông Te-cho bảo ở Min-chen có nhiều tòa nhà trưng bày nghệ thuật lớn hơn và nhỏ hơn. Người dân Min-chen không vào đó vì họ không bị ép phải xem và không phải tuân theo luật lệ hay tập tục nào. Người dân Min-chen chỉ vào xem những công trình nghệ thuật ở thành phố khác, còn người dân nơi khác khi tới Min-chen lại vào xem những công trình nghệ thuật này. Thật là kỳ quái.

Đệ không muốn mất thì giờ (của huynh và của đệ) kể chi tiết về tòa nhà và thế giới nghệ thuật mở ra với đệ. Đệ chỉ tóm tắt những ấn tượng có được.

Không thể chối cãi rằng bọn mũi lõ có một truyền thống nhất định, thậm chí đáng kể về nghệ thuật tạo hình. Tuy nhiên không thể so sánh với ấn tượng âm nhạc của chúng đã gây cho đệ. Tranh của chúng thô, sặc sỡ và luôn chi tiết đến tận chóp lá. Đệ tin đã nhận rõ điều này: không phải chúng bủn xỉn tiếc không gian bỏ trống, mà vì chúng nghiện nắm bắt hết mọi thứ. Chúng nhất định phải nắm bắt hết mọi thứ. Về mặt này thì hội họa chính là hình ảnh phản ánh cuộc sống của chúng. Ngay cả chúng ta, ít nhất là những kẻ có học cũng muốn nắm bắt, có thể là tất cả, tuy ở ta ai cũng biết là không thể. Nhưng bọn mũi lõ không tin như vậy, chúng mù quáng cho rằng ngày nào đấy người ta có thể nắm bắt tất cả. “Tất cả?” đệ hỏi Duy-Lân tử. “Tất cả là gì?” ông lúng túng. Đệ lý sự rằng không bao giờ có tất cả được, ông liền dùng vài phép tính rất ấn tượng chỉ để khiến đệ thấy rằng bộ môn khoa học mà bọn mũi lõ cho là chính xác này gần thế nào với ước đoán. Theo đệ thì thế giới quan của chúng giống của một người đứng trên đầu tấm ván. Bao

lâu cuối tấm ván nặng hơn thì nó còn đứng vững. Thậm chí nếu liều lĩnh, anh ta còn có thể bước vài bước tới trước. Nhưng chỉ quá một bước nữa, tấm ván cùng anh ta sẽ rơi xuống dưới. Nhà toán học cho rằng mình táo bạo, họ dần bước tới trước. Một ngày nào đấy họ sẽ rơi xuống đáy vực của sự ước đoán và rồi toán học của họ đột nhiên lại trở thành mê tín.

Cả chúng ta cũng muốn nắm bắt – không phải tất cả, nhưng những điều hàm súc nhất. Tuy vậy chúng ta biết rằng cái hàm súc không phải là nắm bắt được qua sơn phết tới tận rìa. Chúng ta biết rằng nhiều sự vật (trong hội họa và những bộ môn khác) chỉ có thể nhận thức được khi ta không lý tới nó, không diễn tả mà tránh né. Bọn mũi lõ không biết tránh né. Khi mọi âm cung được đồng thời chơi liên tục thì nó không thành một bài hát, tuy những âm cung của bài hát nằm trong những nốt được chơi. Nhưng bọn mũi lõ là như thế: chúng chơi mọi âm cung rồi mặc nhận đã nghe một ca khúc.

Không thể phủ nhận một số bức họa đã khiến đệ rất ấn tượng. Chúng trình bày không biết chán về tích ông Chúa của chúng bị hành hạ. Rất đáng chú ý. Có cả trăm kiểu khác nhau vẽ ông bị đóng đinh và treo trên giá gỗ. (Đặc biệt những tai họa, chạy loạn, động đất, giông bão và mọi cảnh không đẹp mắt lại là đề tài ưa chuộng của các họa sĩ mũi lõ). Phải chấp nhận chứ không bàn cãi. Có một bức (phần lớn tranh vẽ bằng sơn dầu trên gỗ hoặc trên vải được căng ra) của thầy Ti-tsi-tsa^[147], bức này rất lớn, diễn tả cảnh ông Chúa tội nghiệp nọ bị bọn đao phủ chụp mũ gai lên đầu giả làm vương miện. Trừ đề tài không vui ra, đệ rất ấn tượng về bức tranh này, vì theo đệ thì dường như thầy Ti-tsi-tsa (còn một người nữa mà tên của ông đệ chịu không phát âm nổi) đã hiểu rằng cái không thể hiểu được chỉ có thể diễn tả bằng cách không đề cập tới. Đệ ngồi rất lâu trước bức tranh này và ngắm nhìn. Thầy Ti-tsi-tsa thọ chín mươi chín tuổi (Thầy sống cách đây khoảng bốn trăm năm). Thầy vẽ bức tranh ông Chúa phải đội vương miện nhạo báng này vào những năm cuối đời. Hẳn thầy đã phải cần bấy nhiêu năm mới hiểu được nguyên lý đơn giản nọ. Dầu sao đây là điều đáng ghi nhận và qua bức tranh đệ cảm thấy thầy xuất hiện như một người lạ trong thế giới của bọn mũi lõ.

Điều này cũng đúng với một họa sĩ khác, tuy ông không phải không ưa vẽ cảnh tượng tai họa, thêm vào đấy là những hình người phần lớn rất xấu, chủ yếu vẽ chính ông, nhưng ông đã tìm ra một cách độc đáo để tránh việc phải vẽ tất cả: ông thể hiện những cảnh tượng trong bóng tối. Đêm tối kinh hoàng luôn ngự trị trên tranh của ông và con người từ đó nhìn ra như những bóng ma khiếp sợ. Ông thầy này sống cách đây ba trăm năm ở một nước phía Bắc và đệ tin chắc rằng ông đã khiếp hãi thế giới này của bọn mũi lõ.

Một đề tài khác rất được ưa chuộng của các họa sĩ mũi lõ là vẽ khóa thân. Ông Te-cho đã hướng dẫn và giải thích cho đệ các bức tranh này, bảo rằng đó là những “vị thần cổ xưa”. Đệ không hiểu rõ lắm. Đường như xưa kia, nhiều trăm năm hoặc thậm chí nghìn năm trước, bọn mũi lõ tin vào các thần thánh lửa thể. Vào khoảng bắt đầu nhà Đông Hán ở nước ta, ông Chúa – luôn gần như lửa thể – bị đóng đinh trên giá gỗ đã tống cổ những thần thánh xưa ấy. Song các bức họa về những thần thánh lửa thể lại toàn được vẽ sau này; đệ chịu không giải thích nổi sao lại có chuyện như thế. Nhiều bức tranh vẽ các nữ thần lửa thể thậm chí được ưa thích. Những bức tranh này nói chung rất đẹp và một vài nữ thần gọi đệ nghĩ đến nàng Pao-leng, vì thỉnh thoảng đệ cũng đã được điểm phúc chiêm ngưỡng nàng như thế. Hiếm khi họ vẽ hoa, nếu có thì chúng được cố ý sắp xếp nằm vương vãi.

Tuy vậy đệ rất biết ơn ông Te-cho đã giới thiệu và giải thích cho đệ. Sau khi rời khỏi tòa nhà nghệ thuật bọn đệ dùng bữa trong một phạn điểm rồi đệ khom lưng một lần rưỡi từ biệt ông.

Bọn mũi lõ còn có một cách khác để vẽ tranh, thông qua một cơ chế phức tạp trong một hộp con màu đen. Ta nhấn vào các nút (lại nút!) rồi đem hộp đến một cửa hiệu đặc biệt, ít lâu sau ta nhận lại được hộp và những tấm hình nho nhỏ bóng láng trên giấy và ngạc nhiên sao khi thấy đó là những cảnh tượng trước đây, khi ta bấm nút. Sử dụng cái hộp nhỏ này chẳng khó khăn gì. Nàng Pao-leng có một cái và chính đệ đã bấm nút khi nàng mặc bộ áo rực rỡ dọn sóng đứng ngoài hiên. Quả thật sau đó là hình nàng Pao-leng mặc bộ áo dọn sóng, tuy nàng đã thay áo khác từ lâu. Có cả hình chụp đệ nữa và nhiều lần đệ đã chụp nàng Pao-leng lửa thể, đệ nghĩ sẽ đem theo mấy hình

này về cho huynh xem. Việc sử dụng hộp con để có hình rất đơn giản nên người hậu đậu nhất cũng làm được. Song cũng lại thế: sau khi nó không còn là nghệ thuật nữa, người ta đã chụp những tấm hình hết sức vớ vẩn. Chẳng hạn nàng Pao-leng có một tấm – tình cờ đệ thấy – chụp người chồng cũ khuấy soong với chiếc muống gỗ. Ai thêm quan tâm đến loại hình như thế này chứ?

Trong tòa nhà nghệ thuật, đệ cũng được xem một bức tranh vẽ một người bị chặt đầu. Nhân đấy đệ liền hỏi ông Te-cho về các hình phạt thông thường ở thế giới này. Qua đó đệ biết nhiều chuyện độc đáo. Gần đây, hình phạt xử trảm và nói chung thắt cổ, treo cổ và đại loại thế đã bãi bỏ ở Ba Yan và nhiều nước khác. Cũng không còn chặt chân tay hoặc phạt trượng kẻ phạm tội. Kẻ phạm tội hoàn toàn không bị trừng phạt nữa ư? đệ hỏi. Có chứ, ông Techo đáp. Nhưng ở Ba Yan và những nước tương tự chỉ còn hai hình phạt thô: tội nhẹ thì kẻ phạm pháp bị phạt tiền, tội nặng thì bị tống vào ngục, ở đây y được nuôi ăn chứ chẳng bị gì khác.

Đây quả là một quan điểm cao thượng và nhân đạo của bọn mũi lõ mà đệ không ngờ. Như huynh biết, từ lâu đệ đã cho rằng khổ hình không diệt được bọn tội phạm, khác với quan niệm của những người theo phái pháp gia. Qua khổ hình – cũng giống như qua sự giáo dục hào hiệp – con người ta không bao giờ tốt hơn được. Đệ hỏi ông Te-cho rằng cách cư xử nhân đạo này có đạt kết quả tốt không hay chính vì quá khoan hồng mà bọn tội phạm cảm thấy được khuyến khích tiếp tục càn quấy? Ông Te-cho bảo rằng cả hai mặt đều không. Theo ông thấy thì mọi chuyện vẫn như cũ, chẳng có gì thay đổi. Thú thật đệ hơi buồn, không phải vì đệ mất đi một luận cứ chống lại khổ hình, mà vì đệ một lần nữa phải thấy rằng không cải tạo được con người, dù đó là bọn mũi lõ ở đây hay là dân Trung Quốc ở ta. Ngoài ra phần thưởng cho hành vi tốt đã bãi bỏ hoàn toàn. Chỉ hình phạt là vẫn còn. Tại sao thế? Ông Te-cho ngạc nhiên về câu hỏi của đệ và rằng ông chưa hề nghe hoặc đọc thấy Nhà nước nào không chỉ trừng phạt kẻ phạm pháp mà còn tưởng thưởng người có hành vi tốt. Dường như ông thấy đây là điều hoàn toàn mới lạ và nhà cầm quyền hẳn sẽ coi đó là vô lý.

Vừa rồi đệ nhận được một bức thư của một trong những thầy cãi chuyên nghiệp mà đệ từng kể với huynh. Nó đi vòng vo mãi tận đâu rồi mới tới tay đệ. Cả bức thư này – mới đầu nó làm đệ lo lắng – cũng khiến đệ suy ngẫm về tương thưởng và trừng phạt. Huynh còn nhớ đệ đã kể vụ đụng độ không vui đầu tiên với một chiếc ô-tô ngay khi đệ vừa mới tới đây không? Nay đệ có thể giải thích vụ này đúng đắn hơn hồi đó. Lúc ấy đệ tình bơ bước qua đường. Đệ sẽ bị nó cán ngay nếu như nó không cố tránh đệ. Nhưng để tránh thì nó phải tông vào cái cây và bị hư hại. Người lái chiếc ô-tô này, như nay đệ được biết, bị thương khá nặng ở đầu và phải đến bác sĩ điều trị. Còn chiếc ô-tô không dùng được nữa.

Qua nhiều dò hỏi và vất vả tìm kiếm, người lái chiếc ô-tô này biết được tên đệ và hiện đệ đang ở trong khách sạn này. Ông ta đòi đệ bồi thường chiếc xe mới. Viên thầy cãi chuyên nghiệp đã nhân danh ông ta viết thư cho đệ. Đúng ra thì đòi hỏi này không phải là đắt, vì một là đệ quả thật có lỗi trong chuyện ô-tô của ông ta hư hại, hơn nữa ông đã không cán lên đệ mà tông vào cái cây, nghĩa là đã cứu mạng đệ. Nhưng bức thư tay thầy cãi chuyên nghiệp này viết rất bất lịch sự, ngay cả theo quan điểm mà đệ đã quen dần của bọn mũi lõ. Viên thầy cãi chuyên nghiệp đòi không dưới giá trị của mười thoi bạc. Hẳn tên là Kao. Như một người đột nhiên bị kiện ra tòa, đệ vô cùng hốt hoảng. Nhưng bây giờ đệ đã bình tĩnh lại và nghĩ rằng nếu kéo dài được vụ này ít lâu nữa thì đệ tếch mất rồi và ông ta cũng như tay thầy cãi Kao sẽ tha hồ giương mắt chờ tiền.

Nhưng đệ phải thú nhận như thế là không đạo đức, vì quả thật đệ đã gây thiệt hại cho ông ta. Song đệ tự nhủ: ít đi một ô-tô là thêm một điều phước cho bọn mũi lõ, thành ra đệ không trả gì hết. Đó là lời biện hộ của đệ về mặt đạo đức; những thoi bạc còn lại và năm chiếc cốc vàng chạm trổ tuyệt đẹp (phần dự trữ vững chắc của đệ) đệ thà để lại cho ông Shi-shmi. Nhưng vụ này đệ sẽ trao đổi với phán quan Me-lon, đây là nghề của ông mà.

Đệ chào huynh, người bạn xa xôi; mỗi ngày giờ khắc chúng ta gặp nhau lại mỗi gần hơn.

Cao Đài của huynh

Thư thứ ba mươi hai

(Thứ Tư, 22 tháng Giêng)

Di Ngô quý mến,

Cám ơn huynh đã có bức thư dài và tỉ mỉ cho đệ. Đệ không đi vào hết thấy những điều huynh viết, vì chẳng bao lâu nữa đệ sẽ lại có mặt ở nhà rồi. Huynh không cần phải cố gắng lo chuyện của đệ nữa, vì huynh có thể nói với mọi người rằng chỉ một thời gian ngắn sau Rằm cuối cùng của mùa đông đệ sẽ quay về. Chẳng có gì cấp bách đến độ không thể chờ được đến ngày đó.

Vừa rồi tiểu phụ Chung lại ghé Min-chen. Lạ lắm cơ: khi đệ bước vào tiền sảnh khách sạn (thật may chỉ một mình, không có Pao-leng), nàng mới đầu sừng cồ chẳng khác một con kỳ nhông hung dữ, nhưng sau đó ngồi gù gù như con mèo con. Đệ không cần phải mua nhẫn, vòng đeo tay hoặc hoa. Đệ không bủn xỉn, như huynh biết, song nếu không phải chi tiêu cho những món này thì vẫn tốt hơn, vì số thoi bạc dự trữ của đệ đã vơi nhiều và cho tới ngày cuối cùng ở đây đệ không đành lòng phải nhìn món tế vật Da-ving-do cùng rượu Mo-te Shang-dong ướp lạnh tuyệt ngon. Huynh nên biết Mo-te Shang-dong không phải thứ bọn mũi lõ thường uống, không có đâu, chỉ người giàu thôi. Và nhờ những thoi bạc mang theo này mà đệ có thể sống ở đây như một phú gia. Ngược lại hẳn đệ sẽ kém hứng thú nhiều. Người nghèo hoặc người bình thường không uống Mo-te Shang-dong hoặc chỉ họa hoằn thôi. Nhưng thật khó phân biệt trong thế giới mũi lõ này ai giàu ai nghèo. Không nhận ra được điều này qua y phục, vì chúng hầu như không có phù hiệu hay phẩm hàm. Ngay cả các thượng thư – đệ mới gặp một viên thượng thư khác – bề ngoài chẳng khác gì phu khuân vác (lúc ấy ông ta đang gân cổ gào – dường như không ai ngạc nhiên – trước một số ít ỏi, ít đến tội nghiệp

cử tri ở một nơi công cộng. Vì sắp có tuyển chọn mà, nhưng đệ sẽ kể sau). Hẳn đó là do sự ganh tị và mặt trái của ganh tị: vì sợ bị buộc tội ganh tị nên bọn mũi lõ ăn mặc hầu như giống nhau. Hoàn toàn không có y trang rực rỡ, áo khoác thêu rồng phượng hoặc mũ dát vàng. Áo quần như nhau: xám, xanh nhạt (loại y phục này gọi là Tschinx^[148]), nâu, xanh lá cây hoặc được ưa chuộng nhất là trộn các màu xám, nâu và xanh lá cây này thành màu cháo lòng. Phụ nữ mặc màu hơi tươi hơn, nếu họ dám. Màu mè quá sẽ bị coi là trân tráo. Chỉ phụ nữ mới đeo tư trang và thường cũng không nhiều.

Bọn mũi lõ không hay tỏ ra mình giàu dù phố xá ở đây rất an toàn – kể cả những con đường tăm tối và vắng vẻ. Không như ở ta, ở đây ít có cướp. Nhưng cứ như thế bọn mũi lõ xấu hổ vì giàu hoặc nghèo vậy, trong khi chúng chẳng biết xấu hổ là gì, như đệ đã nhiều lần kể cho huynh. Chỉ có ô-tô được dùng như đồ trang sức. Huynh cười. Với bọn mũi lõ, nhất là đàn ông, ô-tô không phải phương tiện di chuyển mà là một phẩm hàm. Càng to, càng nhanh, càng lòe loẹt, nhất là càng ồn bao nhiêu thì chủ nhân của nó càng có thể giá bấy nhiêu so với người khác. Dĩ nhiên ô-tô càng to và tiếng nổ càng lớn thì càng đắt tiền. Đệ đã quan sát rõ ràng sự khác biệt phẩm hàm này: chiếc ô-tô nổ nhỏ phải nhường chỗ cho chiếc nổ to hơn. Điều kỳ quái – và với chúng ta là khó hiểu – là lẽ ra cấp bậc ô-tô phải tương ứng phẩm trật chủ nhân của nó, nhưng không, ở đây ai cũng có thể mua ô-tô nổ to theo ý muốn hoặc có khả năng. Nghĩa là phần đông người ta mua xe quá to và nổ lớn dù không trả nổi và mang nợ nhiều năm, chỉ để vênh vang trên đường phố đối với những kẻ không hề quen biết, ông Shi-shmi bảo thế (ông là một trong số ít mũi lõ tự ý không mua ô-tô, dù đủ khả năng). Ông Shi-shmi bảo ta có thể nghĩ rằng những người ngồi trong ô-tô máy nổ to thật ra mặc quần rách bởi họ nợ đũa, nhưng vì ta không nhìn xuyên qua ô-tô được nên không thấy thôi. Ai cũng biết thế, ông Shi-shmi nói, nhưng người ta vẫn không ngớt kính trọng chủ nhân chiếc ô-tô có tiếng máy nổ to. Ai muốn hiểu bọn mũi lõ thế nào thì hiểu.

Cho nên trong cuộc sống thường nhật chúng cố tránh khoa trương phẩm hàm và chỉ khoe khoang khi ngồi trong ô-tô diễu phố. Hẳn vì lúc ấy chúng

mới yên tâm không bị người khác hỏi dò.

Nhưng đệ đang muốn kể cho huynh về chuyện bầu bán. Thật ra chuyện này có vẻ rất hay, nhưng vào tay bọn mũi lõ nó trở thành xấu xa. Đệ đã kể trước đây rất lâu rằng ở đây không còn vua chúa, hoàng đế và triều đại nào nữa. Chức vụ không được thế tập, mà phải qua chọn lựa. Ông Shi-shmi giải thích như sau: trong một khoảng thời gian nhất định (thường là bốn hoặc năm năm) dân chúng gồm cả đàn ông và phụ nữ, được phát một miếng giấy trên đó có tên những cá nhân tự cho là xứng đáng làm thượng thư hoặc tể tướng hoặc quan chức thành phố. Vào những ngày nhất định người ta nộp miếng giấy này ở một nơi nào đó, sau khi đã gạch chéo vào ứng viên mình ưa chuộng. Những miếng giấy này được gom lại và đếm. Ai được nhiều phiếu nhất sẽ là tể tướng hoặc thượng quan trong bốn hoặc năm năm tới. Tương tự, một ủy ban – kiểu như đại hội đồng – cũng được bầu, có nhiệm vụ thông qua các đạo luật.

Không tệ, đệ nghĩ. “Nhưng sẽ rất khó tìm được những người đủ vô liêm sỉ tự cho là xứng đáng có tên trong danh sách bầu chọn”, đệ nói.

“Ngược lại”, ông Shi-shmi nói, “họ tranh nhau để được có tên ấy chứ”.

Huynh hiểu nổi không? Những người này mặt dày mày dạn công khai đứng nơi bãi chợ, gào lên kể lể họ có những phẩm chất tuyệt vời nào và kêu gọi người ta nên gạch chéo vào tên của họ trong danh sách. Huynh đã từng nghe chuyện vô sỉ như vậy bao giờ chưa: tự khoe công trạng và cái gọi là phẩm chất tốt, khác nào một gã lớn miệng rao hàng trong chợ phiên? “Điều này chỉ một kẻ làm nổi”, đệ nói, “đó chính là kẻ không xứng đáng trở thành thượng khanh”.

“Tôi e rằng đúng như thế đấy”, ông Shi-shmi thở dài. Và đệ nghĩ đó chính là cạm bẫy trong chế độ thật ra đáng khen ngợi này.

Không thể chờ đợi gì khác hơn là những kẻ đang làm thượng thư hoặc tương tự cố sống cố chết chống lại chuyện bị xuống chức, ở ta cũng thế mà. Vậy nên càng gần tới ngày tuyển chọn việc cai trị càng lợi lòng, những kẻ quyền cao chức trọng lo chạy điên cuồng khắp nước như lợn sữa bị bọ chét

cắn, lớn tiếng gào thét rằng đừng gạch chéo vào tên ai khác mà chỉ gạch vào tên của họ thôi. Các bức tường đều treo hình màu mè sặc sỡ của những ứng cử viên này nhe răng (hẳn để chứng tỏ họ can đảm và có sức đề kháng) hoặc ôm hôn trẻ nhỏ. Tại sao họ cố sống cố chết tiếp tục bám vào chức tước của mình (ông Shi-shmi bảo thuật ngữ gọi đó là “tham quyền cố vị”), đệ không thật rõ. Ta cứ tưởng đối với họ thì càng ngày gánh nặng trách nhiệm càng tăng và tài sản của họ teo đi. Không, một là, ông Shi-shmi nói, ngay khi vừa được bầu, những người mang phẩm tước này liền chẳng làm chuyện gì đáng kể nữa. Ở đây có câu ngạn ngữ chỉ rõ hoạt động của họ, đại khái nghĩa là: “Quan gánh trách nhiệm, còn thủ hạ vác khung giường sắt nặng”. Hai là: những người mang phẩm tước còn được trả tiền vì đảm nhận công việc. Qua đó chính trị gia trở thành một nghề, thậm chí nhiều lợi lộc vì ngoài lương bổng ra còn có tiền hối lộ nữa. Nhất là nghề này không phải qua thi cử, sát hạch gì hết, chỉ cần tự tin rằng mình thích hợp. Thế thì chính thể “dân làm chủ” – đúng ra đáng khen ngợi – suy đồi là chuyện đương nhiên.

Hôm qua đệ được nghe một ông đương kim thượng thư đăng đàn hô hào ở bãi chợ chính, bằng mọi giá ông không muốn bị mất chức và bổng lộc. Dường như ông ta nói bằng thứ giọng nghi thức được quy định cho các quan. Giọng của bọn mũi lõ, như đệ đã nhiều lần kể với huynh, ồm ồm và cấm cản. Chỉ trước công chúng các quan mới nói giọng the thé (khi họ phát biểu trên máy-viên-vọng cũng thế). Ông quan này the thé suốt hai tiếng đồng hồ, rằng gánh trách nhiệm nặng hơn gánh khung giường sắt biết bao. Qua những gì nghe được từ cử tri thì đệ cho rằng chẳng ai tin lời ông.

Thân chào huynh.

Cao Đài

Thư thứ ba mươi ba

(Thứ Ba, 28 tháng Giêng)

Di Ngô quý mến,

Đã tới Rằm kế chót của mùa đông, nhưng vẫn còn đầy tuyết. Thời tiết thật chán vô cùng.

Hôm qua đệ tới thăm ngôi trường nàng Pao-leng dạy. Đây là một tòa nhà lớn tọa lạc giữa thành phố, đường sá ồn ào đến nỗi không ai nghe ra tiếng nói của chính mình. Đệ rất muốn dự một tiết học, nhưng một là người ta không thích có một người lạ già nua ngồi chung với học sinh, hai là Pao-leng bảo rằng nàng sẽ lúng túng và thiếu tự tin khi đệ ngồi cuối lớp, chăm chú nhìn nàng. Đệ cũng có cảm giác khi nàng bước vào trường – nói thêm là nó rất xấu xí và bẩn thỉu – nàng đã biến đổi từ một người phụ nữ thành một cô giáo. Nàng bước vào một thế giới khác. Như thế nàng đột nhiên được chiếu sáng bằng một ngọn đèn khác màu. Ngay cả ngôn ngữ nàng trò chuyện với đệ cũng khác. Đệ đứng im tại một góc hành lang quan sát nàng. Đám học sinh trai gái ồn ào xung quanh đệ. Chỗ này nàng Pao-leng nói với một cậu học trò, nơi khác nàng trò chuyện với một nam đồng nghiệp. Cứ như thế giữa bọn đệ có một hào sâu ngăn cách. Nàng Pao-leng đứng đó, lạnh lùng, khó gần gũi, toát ra uy quyền và trong đầu óc đệ hiện lên một hình ảnh cũng của chính nàng, nằm yếu ớt trong vòng tay đệ lúc ngất ngây hạnh phúc... và mọi người đang đứng quanh nàng ở đây chẳng hề biết lúc ấy nàng Pao-leng trông như thế nào... Hình ảnh nào mới thật của nàng? Hẳn cả hai.

Pao-leng giới thiệu đệ với ông hiệu trưởng bằng cái cách quen thuộc: đệ từ Trung Quốc tới Min-chen để nghiên cứu, vân vân, rồi nàng đi khỏi cùng với một đám học sinh. Ông hiệu trưởng rất thích thú, thân mật mời đệ vào

văn phòng. Ông kể nhiều về hệ thống trường học của bọn mũi lõ mà đặc điểm, theo đệ hiểu, chủ yếu là thay đổi liên tục. Trẻ em sáu tuổi (không có ngoại lệ) bắt đầu đi học đến năm mười bốn, có khi đến mười tám tuổi, một số em lâu hơn nếu tận tụy theo đuổi một ngành khoa học. Cấp thấp nhất gọi là “Trường phổ thông”, cấp cao nhất là “Đại học”. Ở giữa có nhiều cấp và nhiều nhánh.

Khó khăn chính mà hệ thống trường học và hệ thống giáo dục nói chung phải đương đầu không phải là với sự tinh nghịch, tật không đúng giờ và sự chệnh mảng của học sinh, mà với sự kiện các trường học do một viên thượng thư và các quan chức của ông ta giám sát, những người công phu soạn ra nhiều quy định, nhưng chẳng hiểu gì về ngành giáo dục, ông hiệu trưởng nói. Nhiệm vụ chính của thầy và cô giáo là tìm ra một giải pháp dung hòa tạm gọi là hợp pháp giữa thói xấu của học sinh và những quy định trâng tráo của bộ.

Tuy ông hiệu trưởng không nói, song từ nhiều điều được ông cho biết, đệ rút ra kết luận rằng sở dĩ hệ thống giáo dục có khó khăn nghiêm trọng là do thói suy nghĩ kỳ quái khác thường của bọn mũi lõ. Chẳng hạn ở đây học sinh có thể nói rằng một thầy giáo xấu xược, lẻo mép, lười biếng, luộm thuộm – nhưng thầy giáo *không* được phép bảo học sinh ngu dốt hoặc không có năng khiếu. Đệ hiểu là điều này khiến thầy giáo khó ăn khó nói với phụ huynh học sinh, vì việc dạy dỗ không thành công hiếm khi do thầy cô xấu xược hoặc luộm thuộm, mà do học sinh ngu dốt và thiếu năng khiếu, nhưng thầy giáo lại không được phép nêu lên *chính* điều này. Có một điều lệ bất thành văn về mặt chính trị rằng mọi người đều có năng khiếu như nhau. Sao lại thế? Đó là do quan niệm cao thượng của bọn mũi lõ rằng mọi người đều bình đẳng. Điều này đã được ghi rõ trong hiến pháp, luôn được nhấn mạnh ở mọi nơi và ai lớn tiếng rêu rao chắc chắn sẽ được hoan hô. Đệ đã nói chuyện này với ông Me-lon; là phán quan ông phải chú trọng đối xử bình đẳng với mọi người. Mới đầu ông không mấy thích thú về câu hỏi và quan điểm của đệ, nhưng rồi đã tán thành. Đối xử bình đẳng là tốt; quả là một nguyên tắc đáng kính phục khi kẻ nghèo và người giàu, quý tộc và tiện dân, da đen và

da trắng được đối xử bình đẳng, nhưng họ có như nhau không? Họ nặng bằng nhau, tâm hồn họ nặng bằng nhau, nhưng họ không như nhau. Về nhân tính thì một ngu phu cũng bằng một hiền giả và phải tránh gây thiệt hại cùng bất công cho y như cho bậc hiền giả, nhưng không phải vì thế mà họ như nhau. Đó chính là lẫn lộn về khái niệm giữa trọng lượng và phẩm chất.

Từ lâu bọn mũi lõ đeo đuổi một triết lý lừa phỉnh. Từ sự giống nhau, từ tâm hồn như nhau của con người chúng rút ra sự đồng nhất về quyền lợi trong cuộc sống, đến mức ngày nay chúng phủ nhận có khác biệt về năng khiếu. Không được phép quan niệm có người kém năng khiếu, chỉ được phép quan niệm mọi người hoàn toàn như nhau. Dĩ nhiên chỉ cần quan sát thôi cũng đủ thấy quan niệm này không ổn; bọn mũi lõ bèn phát minh ra ngành khoa học về tâm hồn, dùng nó triệt hạ khái niệm kém năng khiếu, theo nghĩa nó phát hiện rằng người kém năng khiếu không phải vì thiếu năng, mà do bị ảnh hưởng xấu bởi những biến cố tai hại khi còn nằm trong bụng mẹ hoặc thời niên thiếu hoặc tương tự.

Chính vì lẫn lộn giữa giống nhau và nặng như nhau, nên người ta ngại nói toạc ra – thật ngạc nhiên và khó hiểu. Không được gọi ai là nghèo, ngu dốt, tật nguyền, dù đúng như vậy. Bọn mũi lõ sợ dùng những tên gọi này sẽ vi phạm quyền lợi của đối tượng (chúng chỉ nói lén). Bọn mũi lõ sợ nhìn thẳng vấn đề chẳng? Lịch sử triết học của bọn mũi lõ trong hai trăm năm vừa qua là cự tuyệt nhìn vào thực tế. Triết học của bọn mũi lõ không suy nghĩ con người và xã hội như thế nào, mà luôn chỉ lo đề nghị con người và xã hội nên như thế nào. Nhưng dĩ nhiên vì có cả trăm ý kiến, nên triết học không thể nào có kết luận thống nhất được, song hiện nay ý kiến chủ đạo dường như là con người về cơ bản tốt và khôn ngoan; nếu y sa đọa hoặc trở thành sa đọa thì luôn luôn tại người khác. Đệ đã trò chuyện và tìm hiểu ý kiến của nhiều người mũi lõ có học thức, như ông Shi-shmi, Duy-Lân tử, phán quan Me-lon và nàng Pao-leng. Về cơ bản họ đều cho rằng chỉ cần nghĩ tốt về con người thì con người sẽ tốt.

Qua đó đệ có cảm tưởng chỉ cần giật lấy chiếc nặng thiếu thắm mỹ của một người cụt chân là người ấy lại có thể đi đứng bình thường.

Buổi học ở đây không kết thúc bằng một hồi trống như ở ta, mà bằng tiếng chuông chát chúa. Đệ đứng lên, khom lưng ba phần tư cám ơn ông hiệu trưởng. Nàng Pao-leng chờ đệ ngoài kia và bọn đệ đi ô-tô về nhà. Giờ đây đệ tận hưởng sự đi lại bằng ô-tô như đã học thưởng thức những tiện nghi nơi thế giới của bọn mũi lõ. Nhưng đệ không quên cái giá chúng phải trả, cho nên đệ sẽ không tiếc nuối những tiện nghi này. Khi nghĩ đến sự vô trật tự và không chính danh, cái giá của những tiện nghi này, đệ chẳng thấy khó khăn gì để lại thích nghi với thế giới của chúng ta, nơi không phải chỉ bấm một cái nút là có ngay được ánh đèn.

Nhưng đệ sẽ thấy thiếu rượu Mo-te Shang-dong.

Thân ái chào huynh. Người bạn sắp lại ở cạnh huynh.

Cao Đài

Thư thứ ba mươi tư

(Thứ Ba, 4 tháng Hai)

Di Ngô quý mến,

Huynh có lý khi trách đệ – dẫu sao cũng là Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiền nham bích” – đã không có được một lời nào về tình hình văn học trong thế giới của bọn mũi lõ. Lý do không phải vì đệ đột nhiên không còn quan tâm đến văn học nữa, mà chính vì bọn mũi lõ ngày nay không còn văn học nữa. Chúng chỉ còn sách thôi.

Từ khi đệ nắm khá vững ngôn ngữ của bọn mũi lõ và từ khi đọc được chữ viết của chúng, đệ cũng đã cố làm quen với văn học của chúng đấy chứ. Đệ đã đọc, thấy thích một số, một số không thích, nhiều tác phẩm đệ không hiểu. Không có một thứ văn học chung của bọn mũi lõ, giống như đệ tình cờ biết rằng chúng không có ngôn ngữ chung. Nghĩa là khi đệ bảo rằng đệ nói và hiểu tạm tạm ngôn ngữ của bọn mũi lõ thì nghiêm khắc mà nói là sai. Đệ nói tiếng của người vùng Ba Yan, thứ tiếng ở đây và vài vùng núi cho tới vùng biển phía Bắc. Nàng Pao-leng, ngoài thứ tiếng của người vùng Ba Yan, còn nói thứ tiếng của cư dân trên hòn đảo lớn phía Tây^[149]. Nàng dạy học sinh cách dùng thứ ngôn ngữ này. Ngoài ra nàng còn nghiên cứu văn học của cả hai ngôn ngữ. Nhờ trò chuyện với nàng mà đệ có thể trình bày sơ lược với huynh về văn học của ngôn ngữ Ba Yan (cũng được gọi là “ngôn ngữ Đức”^[150]).

Những cứ liệu cổ nhất về nền văn học này không quá xưa so với thời đại chúng ta đang sống – nghĩa là thời đại huynh đang sống, còn đệ sắp trở về. Nhiều ba-lát khá tàn bạo của thời đại này được truyền lại, nhưng chẳng ai hiểu nổi vì ngôn ngữ quá thay đổi – khác với ở chúng ta. Có lần nàng Pao-

leng bảo nếu một tay mũi lõ của thời những bài hát tàn bạo kia sống lại, hẳn mới đầu nàng cũng không thể hiểu hẳn hơn đệ.

Vài thế kỷ sau người ta coi việc làm thơ bằng thứ ngôn ngữ La-tinh – hồi đó đã chết dần mòn – mới là giỏi và có học thức. Dĩ nhiên ngày nay chẳng ai hiểu được loại thơ ấy nữa. Ít lâu sau, vào khoảng thời xảy ra cuộc chiến tranh kéo dài ba mươi năm^[151], người ta nhớ lại “ngôn ngữ Đức”, nhưng nàng Pao-leng nói các thi phẩm thời bấy giờ quá cầu kỳ hoa mỹ, khiến không thường thức nổi. Mãi khoảng hai trăm năm trước đây mới có một vị thầy tên là Le-sing quen thuộc với chúng ta (với biệt danh là: “được Chúa ưu ái”^[152]) mà nàng Pao-leng đánh giá cao và bây giờ vẫn có những tác phẩm đọc được. Theo một nghĩa nào đấy tiếp nối ông Le-sing được Chúa ưu ái này là hai nhà thơ mà bọn mũi lõ (bọn mũi lõ ở Ba Yan, đệ phải giới hạn) ca tụng là hai vì sao và đỉnh cao văn học của chúng. Một người được gọi là “Từ trên xuống”, người kia là “Tiến lên trên”^[153]. Đệ đã đọc thơ của họ và rất có ấn tượng. Sau đó, nàng Pao-leng nói, văn học không còn đi vào chiều sâu nữa. Nhiều nhà văn, nhà thơ chỉ làm công việc bình luận ngài “Từ trên xuống”. Song đột nhiên xuất hiện một khuynh hướng mới trong văn học, coi tất cả từ trước đến nay là vô giá trị và chủ trương diễn tả thế giới đúng với bản chất của nó. Chuyện này không thể được (đây không phải ý kiến của nàng Pao-leng, mà của đệ), vì bọn mũi lõ hoàn toàn không có khả năng nhận xét thế giới như nó vốn tồn tại (như đệ đã viết trong bức thư cuối). Một trong những nhà văn nổi bật – nàng Pao-leng nói – là “thuyền trưởng vĩ đại” mà người ta hay nhầm với ngài “Từ trên xuống”, khiến “thuyền trưởng vĩ đại” rất lấy làm thú vị.

Văn học của một trăm năm gần đây hoàn toàn không rõ ràng. Có thể nói theo lời nàng Pao-leng là ai muốn viết gì cứ viết. Càng không tuân theo quy luật, càng nổi tiếng. Vì không phải theo quy luật nên ai cũng có thể sáng tác được – rõ ràng là thế. Vì làm thơ và viết văn thoải mái hơn, ít vất vả hơn, sạch sẽ hơn nhiều công việc khác, nhất là lại danh giá hơn, nên hầu như cứ hai người là có một người cầm bút. Ấu đây cũng là hậu quả gián tiếp của sự kiện hầu như thuở bé ai cũng bắt buộc phải tập đọc và viết. Thành ra phải

nói rằng việc giáo dục phổ thông đúng ra là tốt, nhưng lại nảy sinh mặt tiêu cực: vì ai cũng viết, nên vinh quang cũng ngán ngùi. Rõ ràng thế.

Nàng Pao-leng thỉnh thoảng lại đưa đệ vài quyển để đệ đọc. Nàng bảo đó là những quyển nàng thích; nàng không dám cho rằng qua đó đệ sẽ có ấn tượng toàn diện về văn học của bọn mũi lõ; ngược lại, nó phiến diện thì đúng hơn. Nhưng dù có ở đây một trăm năm, đệ cũng không thể nào đọc tất cả.

Đệ đọc một quyển rất dày của một tác giả sống cách đây một trăm năm. Tên quyển sách là: “Mùa hè muộn”, rất chân thật và bình dị. Đệ không nhớ tên tác giả. Ông ưa chuộng hoa hồng – ít nhất là trong tác phẩm này. Nói chung quyển sách hoàn hảo và nhẹ nhàng. Sau đó đệ đọc một tác giả hiện đại hơn. Quyển sách có tên “Vụ án”^[154], u ám và tàn nhẫn, tả một người bị những thế lực vô danh truy bức mà không chống cự nổi – như thể đi lại nhọc nhằn trong giấc mơ. Quyển thứ ba có tên “Lầm lẫn và lúng túng” đệ hầu như không hiểu, viết về những vấn đề mà đệ hoàn toàn không rõ. Đệ nói với nàng Pao-leng và nàng thất vọng, vì nàng đánh giá cao tác giả là một người viết tiếng Đức vừa hết sức tao nhã vừa vô cùng mộc mạc. Nàng bảo có lẽ vì đệ không biết bối cảnh và thời điểm của câu chuyện. Có thể. Lẽ ra nàng không nên đưa nó cho đệ đọc.

Sau đó đệ đọc một quyển thật dày mà tác giả lạ lùng sao lại chỉ được gọi là “Người đàn ông”^[155]. Đây là một câu chuyện tỉ mỉ và phần nào hài hước về một gia đình càng ngày càng gặp khó khăn. Đệ thích quá, nên muốn đọc thêm một quyển khác của “Người đàn ông”, nhưng rồi thất vọng. Quyển này còn dày hơn quyển trước, gọi là “Ngọn núi phù thủy” chỉ nói về những người bị bệnh phổi. Quyển thứ ba “Học giả nắm chặt bàn tay” cũng của tác giả này, nhưng chỉ sau vài trang đệ không đọc nữa.

Nhìn chung thì tình hình văn học của bọn mũi lõ khác hẳn ở ta và hết sức kỳ lạ. Như huynh có thể thấy qua phần tóm lược của nàng Pao-leng mà đệ thuật lại ở trên thì văn học cổ điển hầu như không được đọc. Vấn đề này liên quan đến chuyện ngôn ngữ của chúng thay đổi nhiều. Người ta hầu như

không còn biết tên các tác giả cổ điển. Điều này, theo đệ nghĩ, do bọn mũi lõ thiếu lòng tôn kính. Chúng coi thường cái cũ và nhắm mắt coi cái mới là tốt hơn. Đệ nhớ đã có lần dùng ví dụ này: một cái trục xe ngựa cũ mòn, chấp vá dĩ nhiên không tốt bằng một cái mới. Điều này cũng đúng với nhiều chuyện trong cuộc sống hằng ngày. Một tấm thảm mới dùng thích hơn một tấm cũ đã sờn, một chiếc đèn dầu mới dùng hơn một cái cũ đã nứt, một chiếc áo mùa đông mới bằng lông mặc ấm hơn một cái cũ đã sờn và sút chỉ. Bọn mũi lõ mở rộng quan điểm này tới mọi cái cũ, kể cả triết học và văn học. Thiếu lòng tôn kính là như thế: chúng cho rằng triết học mới và văn học mới đương nhiên hay hơn những thứ cũ. Chúng áp dụng chuẩn mực dành cho cái trục xe ngựa, tất nhiên là hoàn toàn vớ vẩn, vì chuẩn mực này chỉ đúng ở những vật bị hao mòn qua sử dụng. Có bao giờ một bài thơ bị hao mòn vì được đọc thường? Bọn mũi lõ quan niệm thế đấy. Có lẽ chúng không thể khác được, vì về cơ bản chúng nhìn mọi vật dưới quan điểm hữu dụng cho nên chúng chuộng loại văn học đem lại hữu dụng – một quan niệm lệch lạc. Chúng gọi đó là văn học kết hợp, tức là loại văn học bàn về chính trị và xã hội, trong đó tác giả đấu tranh quyết liệt cho sự hữu dụng. Quan điểm chính trị của tác giả quan trọng hơn văn phong. Hợp lý thôi, vì quan điểm chính trị quả thật cũng hư hao như trục xe ngựa. Thành thử bọn mũi lõ phải luôn luôn trưng ra cái mới.

Như huynh biết, mới đầu đệ hoàn toàn không chắc rằng chuyến du hành này, mà thú thật đệ thực hiện chỉ vì tò mò, có hữu ích cho đệ và tâm hồn đệ đã rất mệt mỏi nơi thế giới xa xôi và lạ lẫm này. Nay đệ hiểu rằng mình đã tiến một bước quan trọng. Mãi bây giờ, luống tuổi rồi, đệ mới nghĩ rằng chuyện phát triển của mình đã kết thúc – không phải vì đệ đã được làm quen với những tiện nghi ở đây, không phải vì đệ đã biết thế giới xa lạ này như thế nào, mà vì đệ rõ được sự khác biệt giữa ý định quan sát con người như họ vốn có và sự cố gắng suy nghĩ họ nên như thế nào. Đệ đã trò chuyện với nhiều người về vấn đề này. Bọn mũi lõ chỉ suy nghĩ xem con người nên như thế nào. Sao lại thế? đệ luôn hỏi họ. Vì chúng tôi muốn thúc đẩy con người trở thành những người mà họ nên trở thành, họ trả lời. Quá ư phi lý, đệ nghĩ chứ không nói ra. Chưa kể có hàng trăm quan niệm khác nhau, thậm chí trái

ngược nhau rằng con người nên như thế nào, cho nên con người thế nào thì sẽ vẫn thế ấy. Tựa như mèo săn chuột, con người tìm lợi thế cho mình và xưa nay con người mạo hiểm để được lợi hơn người khác, vậy nên lao tâm khổ tứ mà làm gì. Nhưng bọn mũi lõ không mệt mỏi suy nghĩ, mong có được một thế giới công bằng và hạnh phúc. Người cho rằng điều này có thể thực hiện được khi các bậc hiền giả được trao quyền lãnh đạo quốc gia, kẻ khác cho rằng có thể được khi ai cũng có được nhiều hơn cần thiết, người thứ ba quan niệm rằng chỉ cần phân chia của cải công bằng... vớ vẩn hết. Đó chính là bước tiến của đệ: nhận thức ra được rằng nơi bọn mũi lõ không có bước tiến nào cả.

Từ ba nghìn năm nay – theo cách tính của bọn mũi lõ – các bậc hiền giả đã xác định không thể có thiên đường thật sự. Họ chưa từng thống nhất ý kiến với nhau ở một điểm nào khác. Nhưng bọn mũi lõ không muốn chấp nhận. Chúng tự lừa mị rằng qua tiến bộ sẽ đạt được thiên đường, cho nên thế giới này băng hoại. Tuy nó không liên quan trực tiếp đến một trong những hiện tượng đầu tiên mà đệ nhận thấy ở đây, đó là mùi hôi thối, song ngẫm lại đệ thấy nó không khác gì một dấu hiệu rõ rệt.

Do đó không thể chờ đợi khác hơn rằng bọn mũi lõ chuộng văn học mới hơn văn học cũ, cho rằng chúng hay hơn văn học cũ. Hầu như tất cả những gì được trước tác bằng ngôn ngữ Đức ở Min-chen và Ba Yan đều bàn về tình huống kỳ lạ mà vương quốc của cựu hoàng đế Đức đã gặp phải. Đế huynh hiểu, đệ lại phải đông dài. Đệ nhớ đã kể huynh nghe về hoàng đế cuối cùng của Đức quốc rồi: ông Shi-shmi bảo ông này ngu đần và là người thứ hai mang đế hiệu Wi-li^[156]. Khoảng bảy mươi năm trước tính từ bây giờ, Wi-li ngu đần này đã gây ra chiến tranh và thua trận. Ông bị truất phế và rút về ở một lâu đài, từ đó chỉ lo cửa gỗ. Một tay vốn là thợ sơn nhà^[157] đã lợi dụng tình hình rối ren sau vụ phế truất để trở thành nhà độc tài. Nhà độc tài này dĩ nhiên cũng mừng tượng con người nên như thế nào. Điều mừng tượng của hãn cũng đơn giản: hãn tuyên bố thiên đường trên trái đất sẽ đạt được khi nào thế giới chỉ còn toàn người tóc vàng. (Đệ đã xem hình tay sơn nhà này rồi: chính hãn tóc lại không vàng. Thật khó hiểu). Tay soán quyền này

cũng đã gây ra một cuộc chiến tranh và bị đánh tơi tả. Nghĩa là không phải chính hãn bị đánh, mà quân đội của hãn thôi.

Sau khi kẻ soán quyền bị lật đổ, đất nước này bị chia đôi. Một nửa theo thuyết Tây, nửa kia theo thuyết Đông (Đệ đã kể về hai thuyết này rồi). Dù thuyết nào đúng đi nữa, cũng có thể cả hai, thì việc một đất nước bị chia cắt vẫn là một diễn biến đầy kích động. Nước Trung Hoa tôn kính của chúng ta đã bao lần bị chia cắt thành nhiều tiểu quốc, rồi lại hợp nhất. Lý trí và đạo đức có phương hại gì đến sự hợp nhất ấy không? Tất nhiên sẽ là tốt nếu trong một vương quốc rộng lớn người cai trị có phương tiện đồng nhất hóa một số điều thực tiễn: chiều dài trục xe ngựa, tiền tệ, đơn vị đo lường^[158], điều này không ảnh hưởng gì đến đầu óc con người. Một minh quân làm được nhiều điều tốt trong một đất nước rộng lớn hơn là ở một nước nhỏ – một hôn quân cũng gây nhiều chuyện càn quấy hơn. Vì minh quân ít hơn hôn quân nên đệ luôn luôn hoài nghi đối với những vương quốc lớn. Há chẳng phải nhị vị hiền giả tôn kính nhất của chúng ta, Khổng phu tử và Lão tử, đã từng sống và dạy học ở những tiểu quốc ư?

Bọn mũi lõ lại không nghĩ như thế. Chúng cho là đại họa không tưởng tượng nổi khi lãnh thổ của chúng bị xâm phạm. Hãn đám chính trị gia mũi lõ chỉ suy nghĩ trên cơ sở bản đồ. Tiền mất giá, dân chúng di cư ra nước ngoài, thương mại giảm sút, văn học trì trệ và lụi tàn, sao cũng được, miễn lãnh thổ không suy suyển. Chúng coi đất nước như một vật hữu cơ cố định, thành thử khi bị mất đi một tỉnh hay một làng, chúng kêu gào như bị chặt mất một bàn chân. Từ khi lãnh thổ của chúng bị chia thành hai Nhà nước, bọn mũi lõ của nước Đức có cảm tưởng thân thể chúng bị phân đôi.

Khoan – ở đây đệ phải sòng phẳng nói tới quan niệm của phán quan Me-lon, trùng hợp với suy nghĩ của ông Shi-shmi ở điểm này: không phải người dân cảm thấy bị phân đôi, mà đám chính trị gia xoén xoét bảo người dân cần phải cảm thấy như vậy. Sự thật là đám mũi lõ – ít nhất ở phía Tây nước Đức – hoàn toàn chẳng quan tâm đến việc này. Bên phía Đông có khác, phán quan Me-lon nói, nhưng cũng chỉ vì người dân ở đấy khổ hơn bên này, bằng không thì họ cũng thờ ơ thôi.

Tuy nhiên ở bên này, việc chia cắt đã trở thành một luận thuyết tầm vóc Nhà nước mà ai cũng phải hòa theo nếu muốn thăng tiến trong cuộc đời công chức. Điều này cũng đúng với văn học – và đệ trở lại khởi điểm. Chỉ những thơ văn than khóc về chuyện chia cắt này và mong muốn thống nhất là được coi trọng. Nàng Pao-leng bảo chỉ những tác giả từ vùng theo thuyết Đông chạy sang bên này và ở lại là gặp may thôi. Họ được coi là thật sự chân thành và đầy uy tín. Đệ đã đọc vài tác phẩm của họ. Hẳn huynh hiểu đệ đã chẳng hơi đâu nhớ tên của họ làm gì.

Di Ngô trung hậu ới, chỉ vài ngày nữa ta sẽ gặp lại nhau. Ngay từ bây giờ đệ cảm ơn huynh đã lo mọi chuyện trong thời gian đệ vắng nhà.

Chào huynh và mãi là bạn của huynh.

Cao Đài

Thư thứ ba mươi lăm

(Chủ nhật, 16 tháng Hai)

Di Ngô quý mến,

Đệ nhẹ lòng gấp đôi, cho dù đệ thú nhận cũng hơi buồn trong những ngày còn lại ở đây vì sắp phải chia tay nàng Pao-leng. Đệ nhẹ lòng gấp đôi vì ông Shi-shmi cuối cùng đã thực hiện cuộc du hành mong muốn và nhất là đã trở về an toàn. Lần trước, khi mang thư tới điểm liên lạc nơi cây cầu bắc qua con kênh mà lúc đầu đệ ngỡ là “Kênh Chuông Xanh”, nó ở rất gần nhà ông Shi-shmi, đệ đã ghé thăm ông và tìm đủ mọi lý lẽ thuyết phục ông từ bỏ ý định du hành. Nhưng ông một mực khẳng khẳng cho nên đệ không làm sao khác hơn được là giữ lời hứa. Hôm sau đệ mang đến cho ông chiếc la bàn-thời gian, hướng dẫn ông cách sử dụng và ở điểm liên lạc nhìn ông biến vào tương lai. Trước đó ông còn hứa sẽ hết sức thận trọng và không đi quá xa.

Trên đường về khách sạn lòng dạ đệ rối như tơ vò thế nào hãn huynh có thể hình dung được. Buổi tối đệ cùng Pao-leng (nàng đang rất buồn bực) đi xem vở ca vũ nhạc “Đất nước nơi người dân luôn mỉm cười”, nhưng lần này đệ không cảm thấy nó trào lộng mấy. Sau đó bọn đệ trò chuyện thật lâu. Pao-leng bảo rằng nàng rất ích kỷ, nên mong ông Shi-shmi không quay về nữa và đệ sẽ phải ở đây mãi mãi. Nàng khóc.

Đệ không nói gì, chỉ đứng nhìn bức tường. Mọi điều cần nói với nàng đệ đã nói cả rồi. Đệ muốn trở về quê hương nghìn năm xa cách, vì đã định thế rồi. Bằng không trật tự của đệ, nền móng giúp đệ đứng vững vàng sẽ đảo lộn.

Ít ngày sau chuông chiếc máy te-lei-fong củ cải trong phòng đệ ở khách sạn reo, đệ nhẹ cả lòng khi nghe tiếng ông Shi-shmi. Giọng ông khàn khàn.

Ông chỉ nói cảm ơn và ít giờ nữa sẽ đem chiếc la bàn-thời gian trong túi du hành tới trả lại đệ.

Đệ chờ ông trong tiền sảnh khách sạn. Ông bước vào, nắm tay đệ lắc theo kiểu của bọn mũi lõ, đặt túi xuống cạnh đệ và uống một ly Mo-te Shang-dong. Rồi bọn đệ mỗi người châm một món hiến tế Da-wing-do to màu nâu; sau một lúc im lặng đệ hỏi chuyển đi của ông ra sao?

Ông Shi-shmi kể mới đầu ông chỉ đi một quãng ngắn, chừng hai mươi năm vào tương lai, rồi thêm khoảng gấp đôi nữa – tổng cộng không quá một trăm năm. Rồi ông lại im lặng. Thế, đệ nói, người bạn quân tử và học giả Shi-shmi thấy sao? Nhưng ông chỉ lắc đầu, thở dốc và đưa tay lau mắt. Lắc đầu ở bọn mũi lõ có nghĩa là phủ nhận, song ở đây đệ nhận thấy đó là dấu hiệu của sự bất lực, hoặc nói đúng hơn nó diễn tả rằng chuyển đi tệ hơn ông chờ đợi. Đệ không thỏa mãn, mà ác độc tò mò muốn biết điều đệ chờ đợi về tương lai của bọn mũi lõ có đúng không. Nhưng ông Shi-shmi từ chối không nói, chỉ một mực lắc đầu. Khi nhìn kỹ, đệ thấy một nét sợ hãi không diễn tả nổi trong đôi mắt ông. Đệ thấy bất nhẫn nên thôi không thúc giục và cũng không hỏi nữa. Về cơ bản đệ biết rồi... Bọn đệ ngồi một lúc như thế nữa, rồi ông Shi-shmi bảo ông tha thiết được cùng đệ du hành về quá khứ. Nhưng ông biết chiếc la bàn-thời gian chỉ chuyển nổi một người thôi. Ông ôm đệ và bảo nhớ ghé thăm ông trước khi đệ trở về, rồi đi ra.

Ít bữa nữa những người bạn âm nhạc sẽ lại gặp nhau ở nhà ông Shi-shmi, đó sẽ là lần cuối cùng đệ được dự. Sợi dây gắn bó đệ với thế giới này lỏng dần, đệ cũng sẽ thấy thiếu loại âm nhạc ấy. Nhưng thà trật tự trong buồn rầu hơn là vui vẻ mà thiếu trật tự nếu không thể có được cả hai, mà ta biết rằng trường hợp này hết sức hiếm.

Thư đệ đã ngăn hơn rồi. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ ngồi đón nắng xuân dưới rặng thông tại mái Tây nhà thủy tạ Đồng tước trong vườn của huynh và đệ sẽ kể hết cho huynh những gì đệ không viết. Đệ rất muốn mang về tặng huynh một cái gọng đeo mắt để huynh đọc sách dễ dàng hơn, nhưng không được. Khi đệ hỏi riêng người đàn ông kiến văn quảng bác đã làm cho

đệ cái gọng, ông ta bảo chỉ có thể làm cho người bạn ở xa, nếu biết chính xác thị lực của huynh. Bọn mũi lỗ có thể đo được hết sức tinh tế sự khác biệt. Mang cầu may về là vô nghĩa, vì có thể huynh sẽ nhìn mờ hơn là không có nó. Nhưng đệ sẽ mang về thứ khác mà huynh sẽ thích.

Rồi huynh sẽ thấy. Chào huynh.

Cao Đài

Thư thứ ba mươi sáu

(Chủ nhật, 23 tháng Hai)

Di Ngô quý mến,

Đây sẽ là một trong những bức thư cuối, cũng có thể chính là bức thư cuối mà đệ viết cho huynh từ thế giới này. Phải thú nhận đệ hơi rầu rĩ khi đi đi lại lại trong tiền sảnh của khách sạn “Bốn Mùa”. Khách sạn này, thành phố Minchen này là quê hương của đệ trong gần một năm qua. Dù ở đâu, dù thích hay không và dẫu chỉ một thời gian ngắn, lòng người vẫn luôn vương vấn. Chỉ khoảnh khắc mới là thực tại. Cái sắp đến chỉ trở thành thực tại khi thời gian của nó – tức là khoảnh khắc của nó tới. Quá khứ chìm trở vào viễn vông, nhưng cô đặc lại trong ký ức. Ký ức cũng không bền lâu, nó hóa lỏng, rồi thành khói, cuối cùng tan biến. Tuy nhiên ký ức là cái duy nhất còn sót lại của thực tại đã trôi qua; những gì chẳng còn ai nhớ tới nữa coi như không hề có. Con người cũng thế. Nếu ta chẳng còn nhớ đến tổ tiên, khác nào không có tổ tiên, mối dây liên hệ giữa ta với trời cao bị cắt đứt và từ đấy nảy sinh hỗn độn.

Bọn mũi lõ không ưa trật tự. Trật tự là một từ thóa mạ, ít nhất nó là điểm tranh cãi, phần lớn giữa giới trẻ và người lớn tuổi (sự phân biệt này chỉ tương đối, vì đệ đã thấy có cả người già nhưng trẻ trung lẫn người trẻ nhưng già khú). Giới trẻ hiểu trật tự là không tự do, là cấm đoán chúng làm điều chúng chọt nghĩ ra, là lũ sai nha. Người già hiểu trật tự là kỷ luật, là đi bên phải trên đường phố và không suy nghĩ quá trớn. Nhưng bọn mũi lõ đã đánh mất ý nghĩa thật sự của trật tự rồi. Với tình hình như thế này thì chúng sẽ không có lại trật tự được nữa. Giới trẻ bảo rằng trật tự mà người già muốn giống như sự yên lặng ở nghĩa trang, người già cho rằng vô trật tự của giới trẻ là sự hỗn loạn. Bọn mũi lõ đã đánh mất ý nghĩa thật sự của trật tự rồi. Sở

đĩ như thế, chủ yếu vì chúng dành thì giờ nghe ngóng trong thâm tâm xem chúng hứng thú hoặc không hứng thú làm gì. Khi thấy hoàn toàn không hứng thú làm gì, chúng nhìn trời và gọi đó là “tự phát”. Chúng đã đánh mất ý nghĩa thật sự của trật tự rồi. Trật tự thật sự là thích ứng có cân nhắc vào sự hòa hợp của thực tại. Bọn mũi lõ sẽ cãi rằng thực tại không hòa hợp. Chúng cho rằng luận cứ này là không thể phản bác. Nhưng người cố sùý bảo rằng thực tại hòa hợp lắm chứ, khi người ta nhìn nhận nó, khi người ta không thường xuyên muốn tiến xa khỏi chính mình. Nhưng bọn mũi lõ không muốn chấp nhận. Chúng lẫn lộn thực tại với những khái niệm chúng tùy tiện đặt ra. Chúng đã mất đi mối quan hệ với trật tự thật sự. Chúng đã *tiến xa khỏi* trật tự thật sự.

Một số người cũng đã cảm thấy như vậy. Trong một quyển sách của tác giả Ma-fa Bi-la^[159] đệ đọc được một câu đáng chú ý: ai liên tục tiến bộ, sẽ không vững vàng hết nửa cuộc đời. Đệ không ngớt trích dẫn câu này trong nhiều buổi trò chuyện với bọn mũi lõ. Ai cũng mỉm cười tán thành, nhưng rồi tấm màn của sự không muốn chấp nhận lại bằng bạc phủ trên vàng trán họ. Đành chịu vậy. Đệ trở về thôi.

Tuy nhiên đệ thấy rầu rĩ. Một phần thực tại đệ đã sống sẽ biến thành hồi ức về thế giới lạ lùng này và sẽ ở lại trong thế giới này, nơi một thời gian dài từng là quê hương của đệ; đệ phải vĩnh biệt nó thôi. Đệ cũng phải thu xếp ổn thỏa chuyện của mình. Đệ không muốn cẩu thả để lại dấu vết sự hiện diện của mình nơi thế giới này. Đệ đi chào từ biệt. Một buổi từ biệt trân trọng đã diễn ra bốn ngày trước: ông Shi-shmi và các bạn đã khiến đệ vui thích khi biểu diễn khúc nhạc tứ tấu cung “vũ” của thầy Ve-to-feng, khúc nhạc đã từng mở ra cánh cửa để đệ hiểu bọn mũi lõ. Rồi ông Shi-shmi mời rượu Mo-te Shang-dong và mọi người cùng nâng ly. Ông Shi-shmi nói mấy lời ngắn ngủi rằng đệ, bạn Cao Đài của ông, sắp trở về quê hương và mọi người uống chúc đệ thượng lộ bình an trong chuyến đi dài. Ông Te-cho tặng đệ một bức tranh vẽ thầy Ve-to-feng; ngoài ra họ còn tặng đệ một bức hình cả bốn người cầm nhạc cụ.

Rồi đệ đến thăm vợ chồng phán quan Me-lon; bà vợ đã thết đãi đệ nhiều món ngon. Bọn đệ trò chuyện về sự trật tự thật sự, phán quan Me-lon hứa sẽ đọc quyển “Luận Ngữ” mà đệ tặng ông làm món quà chia tay. Ngoài ra đệ còn tặng ông một tờ giấy đệ nắn nót viết hai chữ “chính danh” và tên của Tuân Huống.

Đệ gửi tới thành phố xa xôi, nơi Duy-Lân tử sống, một bức thư cảm ơn ông về nhiều buổi trò chuyện. Đệ thanh toán tiền khách sạn và hơi giật mình vì cao quá. Tuy nhiên đệ chưa tiêu hết nửa số thoi bạc đã mang theo. Khi đệ trả tiền, viên quản lý mời chủ khách sạn tới. Chủ khách sạn, ông Mo quả quyết khách sạn rất hân hạnh được đón tiếp một người khách như đệ và lắc tay đệ thật mạnh. Đệ khen ngợi sự bài trí trong khách sạn và nói dối rằng sẽ trở lại. Có những điều dối trá không ảnh hưởng gì đến sự hòa hợp của thực tại. Điều này đệ đọc được ở một tác giả mà đệ quên không nhắc tới khi kể về tình trạng văn học ở đây. Ông tên là Chei-mi-to^[160] và qua đời đã hai mươi năm – tính từ “bây giờ”. Trong một quyển sách của ông đệ đọc được như sau: chỉ những điều dối trá mà chính ta tin mới nguy hiểm; khi nói dối mà biết đó là nói dối – thầy Chei-mi-to gọi thế là “nói dối nghịch ngợm” – thì không nguy hiểm. Sự “không muốn nhìn nhận” của bọn mũi lõ là một điều dối trá lớn mà chính bọn chúng tin, nên nguy hiểm. Huynh thấy đấy: một số bọn mũi lõ biết vấn đề và thậm chí đã nói ra, nhưng không ai làm theo. Chúng mỉm cười tán thành, song lơ đi rồi tức khắc chụp tấm màn của sự dối trá lên trên trán.

Nói thêm là phán quan Me-lon đã giúp đệ dàn xếp vụ chiếc ô-tô. Ông Me-lon đi cùng đệ đến gặp thầy cãi chuyên nghiệp Kao, ông ta có vẻ biết điều hơn lời lẽ viết trong thư. Tính toán ra thì người chủ chiếc xe này đã chạy quá nhanh so với tốc độ được phép. Ông Kao bảo rằng thân chủ của ông đứng ra phải thấy điều này. Nếu thân chủ ông không phóng quá nhanh thì đã chẳng xảy ra chuyện gì, hoặc ít ra xe cũng không hư hại nặng khi tông vào cây. Vì đệ không muốn biến khỏi thế giới này khi còn thiếu nợ ai đấy, nên đệ đã bồi thường cho chủ xe một nửa số tiền đòi hỏi ban đầu, nghĩa là trị giá của năm

thoi bạc và đền công cho thầy cãi Kao trị giá của một thoi bạc. Ông Kao lắc tay đệ thật mạnh và cam kết rằng thế là vụ này đã giải quyết xong.

Mấy ngày còn lại đệ ở luôn nhà nàng Pao-leng, sau khi đã trả phòng ở khách sạn. Nàng sẽ giữ những bức thư huynh đã gửi cho đệ. Cho việc này, đệ đã mua tặng nàng một hộp sơn mài rất xinh xắn, nếu muốn cũng có thể coi đó là sản phẩm của Trung Quốc. Bọn đệ không dă động đến chuyện chia tay nữa. Khi đi xem lại lần nữa vở ca vũ nhạc “Đất nước nơi người dân luôn mỉm cười”, cả hai cùng cười vui vẻ. Đệ sẽ để lại cho nàng Pao-leng số thoi bạc còn lại và những chiếc ly vàng. Cách đây ít lâu nàng đã mua ở một đất nước xa xôi phía Nam (đệ đã được xem hình) một ngôi nhà nhỏ dưới đám cây trên một ngọn đồi, từ đây nhìn được ra đồng cỏ và những thửa ruộng xa xa. Nhưng ngôi nhà không còn mái vì nó cũ rồi. Nàng sẽ dùng những thoi bạc và ly vàng để lấy tiền thuê thợ lợp lại mái. Không nói ra song bọn đệ đều nghĩ, và biết mình đã nghĩ: khi ở đây, nàng sẽ sống dưới mái nhà – nghĩa là dưới sự chở che của đệ.

Ngoài ra đệ sẽ tặng nàng một vòng đeo tay bằng men trắng, trị giá chẳng bao nhiêu, nhưng màu của nó khiến nàng nhớ tới đệ: màu của con rồng. Đó cũng là màu của tình cảm.

Mới đầu đệ định khi lên đường, nàng Pao-leng và ông Shi-shmi sẽ đi cùng đệ tới điểm liên lạc, cùng uống một ly Mo-te Shang-dong trên chiếc cầu nhỏ bắc qua kênh, rồi hai người lùi lại vài bước... nhưng đệ thấy không nên. Tốt nhất đệ ra đó một mình rồi một mình lên đường rời khỏi thế giới này giống như lúc đệ tới. Đệ sẽ làm như vậy. Phía bên kia, nếu có thể nói thế được, chờ đón đệ sẽ có huynh ôm con Tiểu Siêu yêu quý của đệ và đệ sẽ kể nó nghe về con Mỹ tử.

Tạm biệt, bạn trung thành. Vài ngày nữa mình sẽ tái ngộ.

Cao Đài

Thư thứ ba mươi bảy và cuối cùng

(Thứ Hai, 24 tháng Hai)

Di Ngô quý mến,

Đệ viết cho huynh thêm một thư ngắn nữa. Thư cuối cùng của huynh đệ vẫn còn kịp nhận. Đệ cho huynh biết chính xác ngày và giờ đệ về tới nơi.

Hôm nay là Rằm. Bảy ngày nữa là tới lúc, huynh nhớ kỹ nhé. Trời lạnh, nhưng có nắng. Bọn mũi lõ tính toán đủ mọi thứ trong tương lai, kể cả những chuyện tầm phào, thậm chí thử tiên đoán cả thời tiết. Lúc này, chúng bảo thời tiết trong mấy ngày tới sẽ vẫn như vậy. Chưa thấy dấu hiệu nào của mùa xuân, nhưng giờ đây đệ chẳng quan tâm nữa, vì huynh kể rằng trong vườn huynh hoa mộc lan đã nở, thành ra đệ sẽ trở về với mùa xuân quê hương. Bảy ngày nữa, đúng vào đầu giờ Ngọ^[161]. Khi đã hoàn thành sự nghiệp, hãy lui về ở ẩn, đó là đạo trời. Đệ đã bí mật hoàn thành mọi việc, tuy không phải dễ dàng. Bọn mũi lõ không ngờ rằng chúng bị đệ quan sát. Đệ sẽ không tiết lộ nhận thức của mình cho những kẻ cùng thời. Tại sao? điều này đệ đã viết cho huynh rồi.

Ông Shi-shmi đã thúc bách, phải nói là khẩn thiết yêu cầu đệ hãy viết ra những nhận thức của đệ về thế giới này, thế giới của bọn mũi lõ ở Min-chen và Ba Yan, hãy dùng những ngày cuối cùng ở đây để tóm tắt những ấn tượng của đệ. Ông sẽ lo chuyện công bố sau này. Ông bảo những nhận thức của đệ, có thể nói là không định kiến, có giá trị khôn lường cho bọn mũi lõ.

Đệ khước từ. Đệ không hoài nghi giá trị những nhận thức của mình đối với bọn mũi lõ (dù nó chẳng đáng kể gì cho những kẻ cùng thời của hai ta), cũng chẳng khó khăn gì nếu đệ dùng những ngày còn lại để viết ra giấy – có khi bằng chính ngôn ngữ của chúng để chúng đỡ phải dịch – dưới dạng tóm

tất và sắp xếp lớp lang những ấn tượng của đệ, nghĩa là tất cả những gì đã viết trong các bức thư cho huynh. Đệ biết điều gì sẽ đến với tập sách nhỏ ấy, với những điều lão Cao Đài bí ẩn viết ra ấy: bọn mũi lõ sẽ đọc; nếu chột hiểu ra, chúng sẽ chăm chú đọc. Chúng sẽ gật gù tán thành, rồi sẽ quay về điều mà chúng cho là quan trọng. Chẳng có gì chống lại được điều quan trọng này của đời chúng.

Đệ kể cho ông Shi-shmi câu chuyện người gác cổng thành đất Nam Hoa trong thiên XXII của Trang Tử: vua Yên đến thăm đất Nam Hoa, người gác cổng thành muốn nói với vua về Đạo và Đức, nhưng vua không hiểu. Người gác cổng thành nổi giận và đệ nhớ mãi câu kết này: “Nói xong, người gác cổng thành để mặc vua đứng đó. Vua Yên chạy theo nói: “Quả nhân có được phép hỏi...?”, người gác cổng thành đáp: “Quên rồi””.

Đệ không dám kiêu ngạo so sánh với người gác cổng thành hoặc thậm chí với Trang Tử tôn kính. Song thế này: Cao Đài nói với bọn mũi lõ: quên rồi.

Đây là lời cuối cùng đệ viết từ thế giới của bọn mũi lõ, tất nhiên không kể lời chào đệ gửi đến huynh, người mà đệ sắp lại được ôm trong vòng tay.

Cao Đài của huynh

Quan tứ phẩm kiêm Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia

“Nhị thập cửu đài tiến nham bích” tại phủ Khai Phong, Trung Quốc.

HẾT

Lời cảm tạ

Chân thành cảm ơn giáo sư Tiến sĩ Herbert Franke, Viện trưởng Viện Hàn lâm Khoa học bang Bayern, đã có nhiều chỉ dẫn vô cùng quý báu cũng như đã nhẫn nại góp ý về những vấn đề liên quan đến lịch sử và cổ sử văn hóa Trung Quốc.

Cám ơn ông Hans W. Stoermer về những chỉ dẫn quan trọng trong ngành ẩm thực và thói quen ăn uống của người Trung Hoa.

Về tài liệu tham khảo tôi chủ yếu đã sử dụng quyển “*Das Chinesische Kaiserreich - Đế chế Trung Hoa*” của Herbert Franke và Rolf Trauzettel, quyển “*China im Altertum - Trung Quốc thời cổ đại*” của A.F.P. Hulsewé và “*China bis 960 - Trung Quốc cho tới năm 960*” của Hans H. Frankel, quyển nhập môn vào “*Klassische chinesische Philosophie - Triết học cổ điển Trung Hoa*” của Hubert Schleichert và bài “*Chinesische Musik – Âm nhạc Trung Hoa*” trong quyển “*Musik in Geschichte und Gegenwart – Âm nhạc trong lịch sử và hiện tại*”, tập 2, của Kenneth Robinson và Hans Eckardt.

Đặc biệt quan trọng là các nguồn: Kinh Dịch, Luận Ngữ của Khổng phu tử, Xuân Thu của Lã Bất Vi, Nam Hoa kinh của Trang Tử và Lễ Kí – tất cả đều là bản dịch của Richard Wilhelm, bậc thầy của Đức về Trung Hoa học.

• Chú thích •

^[1] Thời Bắc Tống (960 – 1126), Khai Phong là kinh đô Trung Quốc. Sau khi nửa phía Bắc bị quân Kim chiếm đóng, nhà Nam Tống (1126 – 1279) phải thiên đô về Hàng Châu. (Ngoài những chú thích được ghi rõ của tác giả, mọi chú thích khác là của người dịch – LCC.)

^[2] Lý: khoảng 600 m.

^[3] Schmidt (*smit*).

^[4] “Hai mươi chín bức tường đá rêu phong”.

^[5] Gabel (*ga-bần*): cái nĩa.

^[6] Sheng (có lẽ là “*thăng*”, dụng cụ để lường ngày xưa) – theo chú thích của tác giả thì bằng khoảng 2 lít.

^[7] Indonesia (chú thích của tác giả).

^[8] Anzug (*an-xúc*): bộ com-lê.

^[9] Hemd (*hem*): áo sơ-mi.

^[10] Thật ra phụ nữ Âu châu cũng có một đeo ca-vát vào những thập niên 70, 80 thế kỷ trước.

^[11] Còn gọi là nhà Ân, khoảng 1700 – 1066 trước Công nguyên (chú thích của tác giả).

^[12] Herr: ông (đọc là “he” với âm “r” nhẹ; song phần lớn người Trung Quốc phát âm sai “r” thành “l”, nên Paris mới biến thành Ba-Lê, Rumanie thành Lỗ Ma Ní, Roma thành La Mã...)

^[13] Scheisswetter (*sai-vet-tơ*): thời tiết như c...

^[14] Kravatte: ca-vat.

^[15] Liter (*li-tơ*): lít.

^[16] München (*Muyn-sần* hay *Muyn-chần*) hay Munich là thủ phủ bang Bayern (hay Bavaria) ở Đông Nam nước Đức.

^[17] Lift: thang máy.

^[18] Stuyvesant (*stoi-vê-dan*): một nhãn hiệu thuốc lá của Đức.

^[19] Cao Đài dùng lối nói trại của Trung Quốc: “thay y phục” (Chú thích của tác giả).

^[20] Thật ra chỉ là bà quản gia có nhiệm vụ lau chùi dọn dẹp trong chung cư.

^[21] Gồm các vua Ludwig (*Lút-vích*) I, II và III.

^[22] Maximilian (*Mắc-xi-mi-li-an*).

^[23] Ludwig II (1845 – 1886) rất đam mê xây lâu đài – nên được gọi là “ông vua cổ tích” (Märchenkönig) - trong đó có lâu đài Neuschwanstein nổi tiếng, thu hút du khách khắp nơi trên thế giới. Ông chết tại hồ Starnberg, không rõ vì chết đuối hay tự sát.

^[24] Ngũ Đại (907 – 960): một thời kỳ loạn lạc, tranh bá đồ vương ở Trung Quốc, từ lúc nhà Đường diệt vong đến khi hình thành triều đại Tống.

^[25] Đồng Mark (*mác*): tiền của Đức trước khi thay bằng đồng Euro vào năm 2002.

^[26] Tram hoặc Trambahn: tàu điện.

^[27] Nguyên văn “sich selbstständig machen”: tự đứng ra hành nghề, tự lập doanh nghiệp riêng.

^[28] Schlauchboot (*slau-bốt*): xuồng hơi.

^[29] Ý nói đạo học của Khổng Tử (tương truyền ngài dạy học dưới giàn hạnh).

^[30] Dòng họ Wittelsbacher (*vít-tân-bắc-khơ*)

^[31] Sông Danuble, tiếng Đức là Donau (*Đô-nao*).

^[32] Biển Đen.

^[33] Isar (*I-da*).

^[34] Marx và Moritz.

^[35] Wilhem Busch (*vin-hèm bút*), 1832 – 1908, nhà thơ kiêm họa sĩ tranh trào phúng nổi tiếng của Đức, tác giả nhiều tập thơ mang nội dung giáo dục thiếu niên do chính ông minh họa.

^[36] Schuhe (*su hờ*): giày.

^[37] Bayern (*Bay-ờn*) tức là bang Bavaria ở Đông Nam nước Đức – song ở đây đôi khi tác giả ám chỉ nước Đức nói chung.

^[38] Davidoff (*đa-vi-đốp*) tên một loại xì gà nổi tiếng.

^[39] Quá chậm mới đúng: mỗi ngày trái đất chỉ quay được một vòng quanh trục của chính nó.

^[40] Cao Đài “chiết tự” từ Fortschritt (tiến bộ) thành hai từ “Fort: rời xa, đi khỏi” và “Schritt: bước chân”. Từ đây về sau, từ “*tiến bộ*” được hiểu theo nghĩa quên thực trạng, xa rời thực tại.

^[41] Friedrich von Schelling (1775 – 1854): triết gia Đức.

^[42] Immanuel Kant (1724 – 1804): triết gia Đức.

^[43] Gottfried Wilhelm Leibnitz (1646-1716): Triết gia, nhà toán học Đức.

^[44] Augustin (354 – 430): một vị thánh của Giáo hội Thiên Chúa.

^[45] Marx, Engels và Lenin.

^[46] Schopenhauer (*Số-p-pân-hao-ơ*), 1788 – 1860, và Nietzsche (*Nít-sơ*), 1844 – 1900, hai triết gia Đức.

^[47] Paulane (*pau-lan-nơ*).

^[48] Englischer Garten (vườn Anh quốc): rộng 375 hecta, một trong những công viên lớn nhất thế giới, được xây dựng bên bờ sông Isar ở Munich vào cuối thế kỷ 18. Vào những ngày hè nóng nực, không ít người – đàn ông lẫn phụ nữ – thoải mái lỏa thể phơi nắng.

^[49] Butter (*but-tơ*): bơ; Käse (*kê-dơ*): pho-mát.

^[50] Yoghurt hay Joghurt (*dốc-huộc*): sữa chua đặc.

^[51] Dao khóa răng cưa.

^[52] Gỏi là món đệm, vì món chính phải là thịt hoặc cá.

^[53] Đây là củ khoai tây, gốc gác ở châu Mỹ. Châu Âu chỉ biết nó sau khi Christoph Columbus “khám phá” ra châu Mỹ vào gần cuối thế kỷ 15.

^[54] Venedig (Venise).

^[55] Marco Polo (1254 – 1324), người Venise (bấy giờ là một nước Cộng hòa độc lập). Theo lời kể của ông được ghi chép lại, năm 1271 đã cùng cha và chú (là những thương gia) đến Trung Quốc, gặp Hốt Tất Liệt, được vua Nguyên sủng ái, phong quan tước. Năm 1291 ông trở về cố hương.

^[56] Nhà Kim xâm chiếm một nửa giang sơn nhà Tống. Sau đó Hốt Tất Liệt diệt cả Kim lẫn Nam Tống, dựng nên triều đại Nguyên.

^[57] Cà phê.

^[58] Ở Bayern có nhiều quán gọi là “Biergarten” (Vườn bia), bày bàn ngoài vườn khi trời nắng đẹp.

^[59] Mass (*ma-xơ*): ly cối 1 lít; Halbe (*han-bơ*): ly 0,5 lít.

^[60] Coca cola.

^[61] Moët & Chandon: một nhãn hiệu sâm banh nổi tiếng.

^[62] Chúa Giê-su Ki-tô.

^[63] Rặng Alp.

^[64] Augustus (63 trước CN – 14 sau CN): hoàng đế đầu tiên của đế quốc La Mã, đã chinh phục nhiều nước Tây và Nam Âu cũng như Bắc Phi.

^[65] Rom: như đã chú thích ở *thư thứ sáu*: phần lớn người Trung Quốc phát âm chữ “r” thành “l”, nên Rom mới thành “Lôm” và Roma thành “Lôma”.

^[66] Zwischenhoch (*suyt-sân-hóc*): vùng áp suất cao tạm thời – cho nên thời tiết đẹp.

^[67] Wilhelm II (*gọi tắt là Vi-li II*): 1859 – 1941, hoàng đế Đức cuối cùng, buộc phải thoái vị năm 1918 sau khi Đức thua trong Thế chiến I (1914 – 1918).

^[68] Năm 395, đế quốc La Mã phân thành hai: đế quốc Tây và Đông La Mã (Byzantine).

^[69] Năm 1453 bộ tộc Thổ từ Trung Á đã diệt đế quốc Byzantine, thành lập vương quốc Osmann (tiền thân của nước Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay).

^[70] Các vương quốc Đức, Pháp, Anh.

^[71] Christoph Columbus, người đã “khám phá” ra châu Mỹ vào cuối thế kỷ 15.

^[72] Thế chiến I (1914 – 1918).

^[73] Ám chỉ Hitler và Thế chiến II (1939 – 1945).

^[74] Russe: người Nga.

^[75] Tức là đầu thập niên 1950 (quyển này xuất bản năm 1983).

^[76] Ám chỉ hai quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Hiroshima và Nagasaki của Nhật cuối Thế chiến II.

^[77] Bức tường ngăn cách Tây và Đông Berlin do phía Đông Đức dựng lên năm 1961, sụp đổ năm 1989.

^[78] Vô vi: không làm, không can thiệp; quan niệm chủ đạo của Lão Tử (Đạo Đức Kinh).

^[79] Máy điện thoại loại xưa.

^[80] Chú thích của tác giả: “tử” ở đây có nghĩa là “thầy”.

^[81] Giấc mơ trắng về vầng trăng khuyết dần tròn đầy.

^[82] Geiger (*gai-gờ*): vĩ cầm (violin).

^[83] Bratsche (*brát-sơ*): đại vĩ cầm hay viola.

^[84] Cello.

^[85] Beethoven (*Bét-hô-phân*), 1770 – 1827, nhạc sĩ Đức.

^[86] Một trong “*ngũ âm*” của âm nhạc phương Đông: cung, thương,ốc (giốc), chủ, vũ.

^[87] Johann Sebastian Bach (*Yô-han Xê-bat-xtian Bắ*c), 1685 – 1750, nhạc sĩ Đức.

^[88] Tác giả chú thích: ở Trung Quốc ngày xưa các nhạc sĩ đều mù.

^[89] Mozart (*Mô-xác*), 1756 – 1791, nhạc sĩ Áo.

^[90] Franz Schubert (*Phran Su-bớt*), 1797 – 1827, nhạc sĩ Đức.

^[91] Johannes Brahms (*Yo-ha-net Bram*), 1833 – 1897, nhạc sĩ Đức.

^[92] Koffer (*cốp phơ*): va li.

^[93] Tác giả ám chỉ “Lễ hội tháng Mười” (Oktoberfest), lễ hội lớn nhất thế giới, diễn ra lần đầu tiên năm 1810 ở Munich và hàng năm được tổ chức trong hai tuần, từ cuối tháng Chín sang đầu tháng Mười. Gần đây mỗi năm có khoảng 6 triệu lượt khách (năm 2012: 6,4 triệu) - nhiều người đến từ Mỹ, Canada, Úc, Nhật... chỉ để tham dự lễ hội này - tiêu thụ 6 triệu lít bia, 500.000 gà quay, chưa kể bò, heo, xúc xích... doanh thu gần 500 triệu Euro!

^[94] Y phục truyền thống của đàn ông bang Ba Yan (Bavaria) là áo da, quần cụt bằng da hoặc áo quần màu xanh lá cây, mũ gắn một chùm lông; của phụ nữ là váy màu sắc sặc sỡ, đeo tạp dề.

^[95] Một khối lượng khổng lồ, vì mỗi vại sành bia (dung tích một lít) nặng khoảng 2 kg!

^[96] Khẩu âm vùng Bavaria (một, hai, dzô!)

^[97] Rượu mùi Campari.

^[98] Tức là tên họ.

^[99] Johanna (*yô-ha-na*).

^[100] Agatha.

^[101] Jürgen (*duêc-găn*).

^[102] Không học xếp thương gia vào hạng cuối cùng trong bốn tầng lớp xã hội: sĩ, nông, công, thương.

^[103] Thời Tống, Bắc Kinh [thời Chiến quốc là “Yên Kinh” - kinh đô nước Yên – LCC] mất về tay nhà Kim, phải dời đô về phủ Khai Phong phía Nam, tỉnh Hồ Nam ngày nay (chú thích của tác giả).

^[104] Có lẽ tác giả ám chỉ Friedrich Zimmermann (1925 – 2012), người bang Bavaria, năm 1960 bị tòa kết tội khai man về một vụ án liên quan đến “sòng bạc” ở Munich. Tuy nhiên, vì là người của đảng CSU (đảng “Liên minh xã hội Thiên Chúa giáo”), ông ta vẫn trở thành bộ trưởng nội vụ liên bang từ 1982 đến 1989.

^[105] Có lẽ ám chỉ nước Liêu.

^[106] Seveso: tháng 7 năm 1976 tại một nhà máy hóa chất ở gần Milan (Ý) đã xảy ra một tai nạn liên quan đến Dioxin (chất độc màu da cam quân đội Mỹ đã rải xuống rừng rậm miền Nam nước ta để “khai quang” trong thời chiến tranh), khiến đất đai Seveso và mấy vùng phụ cận bị nhiễm độc nặng.

^[107] Fabrik: xưởng.

^[108] Thuật ngữ hiện nay: mưa axít.

^[109] Dagmar (*Đắc-ma*).

[110] Âm chỉ đèn điện.

[111] Trong *thư thứ mười hai* Cao Đài kể rằng chức Hội trưởng Thi nhân hội hoàng gia “Nhị thập cửu đài tiền nham bích” được bầu, song ở đây lại do “Thiên tử chỉ định” – nghĩa là bầu theo sự chỉ đạo.

[112] Müller (*muy – lơ*).

[113] Từ “*đĩa hát*” nhất định xa lạ với một người thời Tống, nên Cao Đài đã dịch thành “*đĩa ăn có nhạc*” (Musikteller – Teller: đĩa để ăn, để đựng!).

[114] Đây là vùng Württemberg (bang Baden- Württemberg, giáp Pháp và Thụy Sĩ) mà người dân nổi tiếng cần kiệm ở một nước Đức tăn tiện.

[115] Prost: có nghĩa “nâng ly” hoặc “dzô”!

[116] Cao Đài tính nhầm; ngày 28 tháng Mười đã Rằm rồi (chú thích của tác giả).

[117] Nguyễn Hiến Lê, “Luận Ngữ”, NXB Văn học, 1995.

[118] Arthur Schopenhauer (*Sốp-pân-hao-ơ*), 1788 – 1860, triết gia Đức.

[119] Bốn quyển Phúc âm trong Tân ước.

[120] Nguyễn Hiến Lê, sđd.

[121] Cao Đài không nhầm. Quả thật vào thế kỷ 4 và 5, tín đồ Cảnh giáo (Nestorianer) đã qua ngã Ba Tư và Ấn Độ đến Trung Quốc, nơi họ có thể sống theo tín ngưỡng của mình (chú thích của tác giả).

[122] Ý nói Đài Loan.

[123] Cao Đài “chiết tự” từ “Fräulein” (cô) thành “Frau: đàn bà” và “lein: nhỏ”, rồi dịch là “Tiểu phụ”

[124] Radi (*ra-đi*): củ cải trắng.

[125] Chính danh: một khái niệm cốt lõi của học thuyết Khổng Tử (chú thích của tác giả).

[126] Tuân Tử.

[127] Hồ Starnberg ở Tutzing (phía Nam Bayern)

[128] Dom Perignon (một loại sâm banh ngon!)

[129] Tháp truyền hình ở Munich.

[130] Sân vận động Olympia ở Munich.

[131] Fabrik (*Pha-brich*): xưởng.

[132] Thật ra khi tác phẩm này xuất bản (năm 1983), mỗi năm công nhân viên chức ở Tây Đức được nghỉ phép 30 ngày làm việc (tức 6 tuần).

[133] Vùng Ruhr (gần Bỉ và Hà Lan) nơi tập trung công nghiệp nặng của Đức.

[134] Shostakovich (1906 – 1975): nhạc sĩ Nga.

[135] Bernard Haitink: nhạc trưởng người Hà Lan.

[136] Ý nói các công đoàn (Industriegewerkschaft) viết tắt: IG. [Tác giả chú thích: trong tiếng Hoa *I-gei* nghĩa là “Cho một lần”].

[137] Nam tước Montesquieu (1689 – 1755): nhà văn, triết gia, nhà tư tưởng chính trị Pháp, người đã đề xướng thuyết “*Tam quyền phân lập*”: ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp của Nhà nước nhất thiết phải phân quyền và độc lập. (Gần một nghìn năm sau, cháu chắt của Cao Đài đã “Hán hóa” Montesquieu qua cái tên *Mạnh-Đức-Tư-Cửu*.)

[138] Ngôn ngữ hiện đại là máy truyền hình (hoặc TV).

[139] Tác giả chơi chữ: nếu “tiến bộ” là tiến xa, là rời khỏi chính mình (xem chú thích ở *thư thứ mười*), thì “viễn vọng” là nhìn khỏi chính mình, nghĩa là quên thực tại, đeo đuổi chuyện viễn vông.

[140] Đúng ra phải dịch: đĩa ăn có nhạc.

[141] Franz Lehár (1870 – 1948), nhạc sĩ Áo-Hung.

[142] Kitzbühel (*kit-buy-hần*): một địa điểm trượt tuyết nổi tiếng ở Đông Nam Áo, với khoảng 9000 dân.

[143] Sân quần vợt.

[144] Sân bóng đá.

[145] Ski (si): tấm ván để trượt tuyết - đồng âm với tiếng Hán “Shi” [tiếng Hán -Việt: (từ) thi]

[146] Tirol (*Ti-rôn* - Cao Đài vẫn không phát âm được chữ “r”!), một vùng phía Tây Nam nước Áo và Bắc nước Ý.

[147] Tizian (*Ti-xi-an*) hoặc Tiziano (1477 – 1576), họa sĩ Ý. Bức tranh được nói đến tên là “Đăng quang với vương miện gai” vẽ năm 1570 – 1571.

[148] Jeans

[149] Tiếng Anh.

[150] Tác giả chú thích (dịch theo ý): sở dĩ có tên nước “Đức” chính vì Trung Quốc trọng thị người dân nước này có nhiều “đức *tính*”.

[151] Cuộc chiến tranh 30 năm: từ 1618 đến 1648 giữa một số nước Tây, Trung và Bắc Âu giành quyền bá chủ - dựa trên chiêu bài tranh chấp tôn giáo.

[152] Gotthold Lessing (*Lét-xing*), 1729 –1781, nhà thơ Đức.

[153] Tác giả chú thích: có lẽ Cao Đài muốn nói đến Goethe (1749 – 1832) và Schiller (1759 – 1805), hai nhà thơ cổ điển lớn nhất của Đức.

[154] Tiểu thuyết “Der Prozess” của Franz Kafka (1883 – 1924), nhà văn Tiệp gốc Do Thái, viết tiếng Đức.

[155] Tác giả ám chỉ Thomas Mann (*Mann*: người đàn ông), 1875 – 1955, giải Nobel văn học năm 1929. Ba tác phẩm được Cao Đài nói tới là “*Die Buddenbrocks* – Gia đình Buddenbrock”, “*Der Zauberberg* - Núi thần” và “*Dr. Faustus* - Tiến sĩ Faustus”.

^[156] Wilhem II (gọi tắt là *Vi-li*), 1859 – 1941, hoàng đế cuối cùng của Đức. Năm 1918, sau khi thua Thế chiến I, ông buộc phải thoái vị và sống lưu vong ở Hà Lan cho đến cuối đời.

^[157] Đúng ra Hitler không phải thợ sơn nhà, mà là họa sĩ không chuyên và thi trượt vào trường mỹ thuật Vienna (Áo), có thời phải bán ký họa tự vẽ để kiếm sống.

^[158] Tác giả ám chỉ Tần Thủy Hoàng đã thực hiện những thống nhất này, cả trong chữ viết.

^[159] Manfred Bieler (1931-2002): nhà văn (Đông) Đức.

^[160] Heimito von Doderer (1896-1966): nhà văn Áo.

^[161] Tác giả chú thích: giờ Ngọ từ 11 giờ đến 1 giờ trưa. Cao Đài thông báo sẽ về đến nơi lúc 11 giờ ngày 3 tháng Ba.